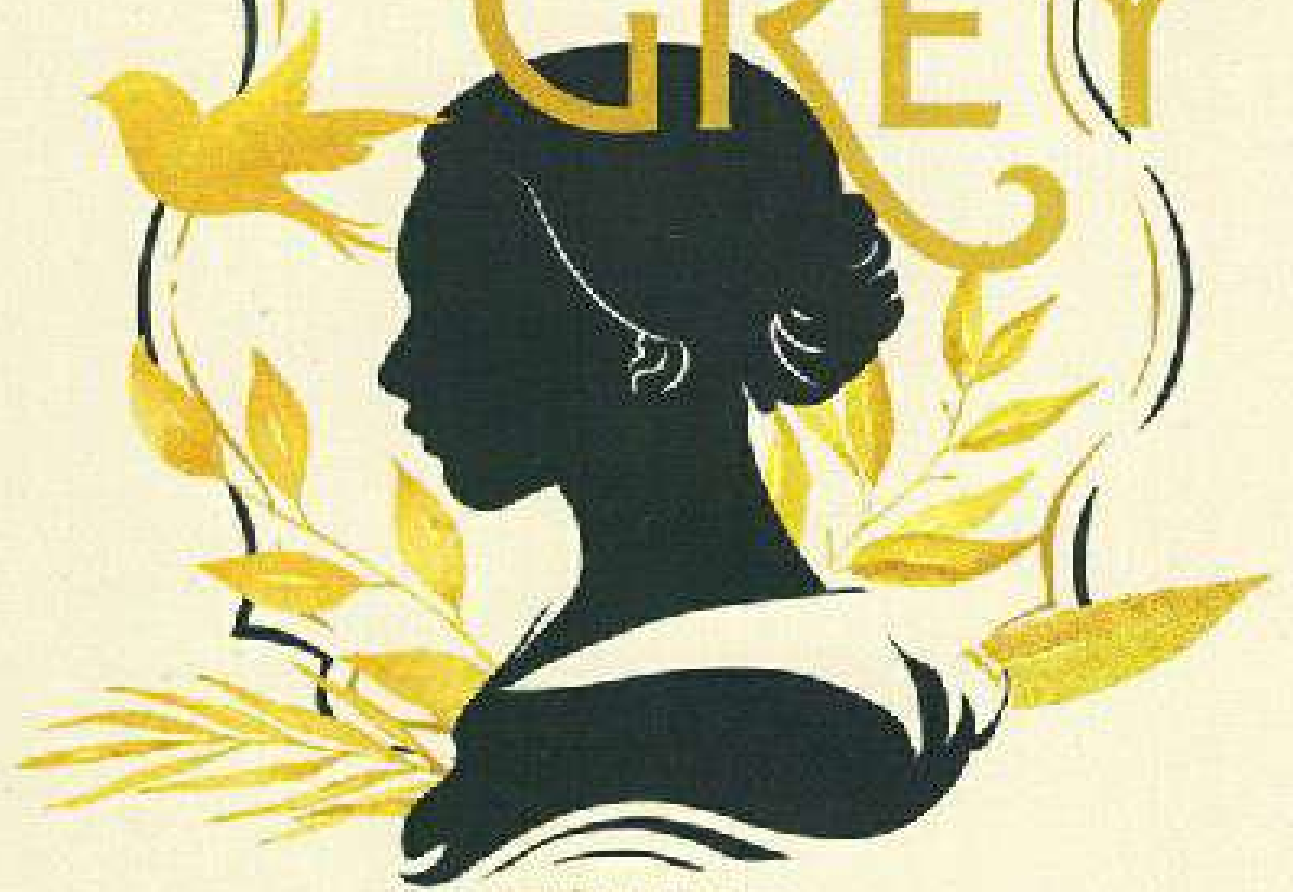


AGNES NGƯỜI *Giáo sư* GREY



NGUYỄN BÍCH LAM (DỊCH)

ANNE BRONTË

THƯ VIỆN EBOOK (TVE-4U)

Tác phẩm

**Người Gia Sư -
Agnes Grey**

Tác giả

Anne Brontë

Người dịch

Nguyễn Bích Lan

Tủ sách

Văn học nước ngoài

Thể loại

Kinh điển phương
Tây

Phát hành

LimBooks

NXB

NXB Hà Nội
08/2017



EBOOK©VCTVEGROUP

20-05-2019

Chương I

Nhà xứ

Lịch sử đích thực chứa đựng những bài học tựa như những kho báu, mặc dù, trong một số trường hợp, kho báu không dễ phát hiện, và khi được tìm ra lại chẳng đáng kể về số lượng, đã cạn kiệt, phần cốt lõi đã teo tóp và hầu như chẳng bỏ công cày cục tìm tòi. Điều đó có đúng với lịch sử của tôi hay không, tôi không giỏi đánh giá cho lắm. Đôi khi tôi nghĩ có thể câu chuyện của mình có ích cho ai đó, có thể đem lại sự thú vị cho người khác, nhưng người đời có sự đánh giá của riêng mình. Được ít người biết đến, sau nhiều năm trôi qua, và với việc sử dụng một vài cái tên giả, tôi không sợ mạo hiểm, và tôi sẽ tiết lộ với các bạn những gì tôi thậm chí không tâm sự với ngay cả người bạn thân nhất của mình.

Cha tôi là một mục sư ở miền Bắc nước Anh, người đáng được tất cả những ai biết đến kính nể. Thời trai trẻ, ông sống khá thoải mái bằng thu nhập từ công việc của mình và chút sản nghiệp riêng. Mẹ tôi, người phụ nữ kết hôn với ông bất chấp sự phản đối của gia đình, là con gái của một địa chủ, và là một người ngoan đạo. Chẳng ích gì khi nói với bà rằng nếu trở thành vợ của một mục sư thì bà sẽ phải từ bỏ cỗ xe ngựa, cô hầu phòng, và tất cả những thứ xa xỉ, thanh nhã của sự giàu sang, điều mà đối với bà ít quan trọng hơn nhiều so với những thứ thiết yếu trong cuộc sống. Một cỗ xe ngựa và một cô người hầu tiện lợi thật đấy, nhưng, ơn Trời, bà có đôi chân để tự bước đi, có đôi tay để tự làm được những việc cần thiết của cá nhân. Một ngôi nhà đẹp và những mẫu đất không phải là những thứ chẳng đáng giá một xu, nhưng bà thích sống dưới mái nhà tranh cùng với Richard Grey hơn là sống trong một cung điện với bất cứ người đàn ông nào khác trên đời này.

Biết rằng tranh cãi, phản đối chẳng ích gì, cha của bà sau một thời gian dài, đã nói với đôi uyên ương rằng nếu thích thì họ cứ việc lấy nhau, nhưng, nếu như vậy, thì con gái của ông sẽ không được hưởng một mẫu của nả nào từ gia đình. Ông cụ hy vọng tuyên bố đó có thể dập tắt ngọn lửa tình yêu nồng nàn trong trái tim đôi trẻ, nhưng ông đã nhầm. Cha tôi biết quá rõ rằng giá trị vượt trội không dễ nhận thấy của mẹ tôi chính là kho báu ở trong con người bà và nếu bà ưng thuận về xây đắp tổ ấm của ông thì ông sẽ hân hoan đón nhận bà với bất cứ điều kiện nào. Trong khi đó, mẹ tôi thích lao động bằng đôi bàn tay của mình hơn là phải chia tay người đàn ông mà bà đã đem lòng yêu, người mà bà tình nguyện đem lại hạnh phúc, khi mà cả trái tim và tâm hồn của hai người đã hòa làm một. Vậy là tài sản thừa kế của bà đã làm căng cái ví của người chị gái khôn ngoan hơn, người đã kết hôn với một vị quan thái thú, còn bà đi chôn vùi bản thân trong ngôi nhà đơn sơ của vị mục sư giữa những ngọn đồi trong sự ngạc nhiên và thương hại của tất cả những người quen biết. Bất chấp tất cả những chuyện đã xảy ra, dù tính cách mạnh mẽ của mẹ tôi và những ý thích nhất thời của cha tôi, tôi tin rằng bạn tìm khắp cả nước Anh này cũng chẳng thể tìm nổi một đôi vợ chồng nào hạnh phúc hơn cha mẹ tôi.

Trong sáu đứa con của cha mẹ tôi, chỉ có chị Mary và tôi sống sót qua những trận đau ốm của thời sơ sinh và tuổi ấu thơ. Ít hơn chị của mình gần sáu tuổi, tôi luôn được coi là bé con, là cục cưng của cả nhà: cha mẹ, chị gái, tất cả hợp lại làm tôi hư – không phải bởi sự yêu thích mù quáng, khiến tôi trở nên cứng đầu và bất trị, mà bằng sự ân cần vô bờ bến khiến tôi trở nên quá yếu ớt và phụ thuộc – không thích nghi được với sự xô đẩy và những biến động của cuộc đời.

Mary và tôi được nuôi nấng trong sự ầm dật của gia đình. Là một người mau chóng thạo việc nội trợ, hiểu biết, yêu lao động, mẹ tôi đích thân đảm nhiệm toàn bộ việc dạy dỗ chúng tôi, trừ môn tiếng Latin – môn học mà cha dạy chúng tôi – để chúng tôi thậm chí không khi nào phải đến trường. Không giao du với hàng xóm láng giềng nên

sự giao thiệp xã hội duy nhất của chúng tôi với thế giới đều gói gọn trong một bữa tiệc trà trang trọng năm thì mười họa được tổ chức với các chủ trang trại và các thương gia của vùng lân cận (để tránh bị mang tiếng là quá kiêu, không giao du với hàng xóm), và một chuyến thăm hằng năm tới nhà ông nội của tôi, nơi chúng tôi chỉ gặp ông tôi, bà tôi, một bà cô chưa chồng, và hai hoặc ba ông bà cao tuổi. Thịnh thoảng mẹ giúp chị em tôi giải trí bằng cách kể những câu chuyện và những giai thoại ngày thơ ấu của mẹ, những câu chuyện trong khi khiến chúng tôi vui cười một cách đáng ngạc nhiên, lại thường đánh thức – chí ít, trong tôi – một ao ước thầm kín muốn được thấy thế giới nhiều hơn nữa.

Tôi nghĩ hồi bé mẹ mình chắc hẳn rất hạnh phúc, nhưng mẹ dường như chưa bao giờ tỏ ra luyến tiếc quá khứ. Tuy nhiên, cha tôi, người có tính khí trầm lặng hơn hoặc bản chất không phải là người vui nhộn, thường bận suy nghĩ một cách thái quá về sự hy sinh mà người vợ yêu quý dành cho ông, và thường tự làm mình đau đầu bởi những kế hoạch quay như chong chóng, không bao giờ kết thúc nhằm làm tăng thêm chút tài sản khiêm tốn của mình, vì vợ con. Mẹ tôi cố gắng hết sức quả quyết với ông rằng bà hoàn toàn hài lòng về cuộc sống của mình và rằng, nếu ông dành dụm được chút ít cho các con thì cả gia đình chúng tôi thừa sức sống thoải mái ở hiện tại và trong tương lai. Nhưng tiết kiệm không phải là sở trường của cha tôi. Ông không rơi vào cảnh nợ nần (chí ít mẹ tôi cũng lưu tâm để ông không rơi vào cảnh đó), nhưng một khi cha tôi có tiền, ông phải tiêu. Ông thích thấy ngôi nhà của mình đầy đủ tiện nghi, muốn thấy vợ con được mặc đẹp, được chú ý. Ngoài ra, ông sẵn sàng bố thí cho người nghèo, trong khả năng hoặc vượt quá cả khả năng của mình.

Thế rồi một người bạn tốt của cha tôi gợi ý cách để tăng gấp đôi tài sản của ông chỉ bằng một động thái, và từ đó làm cho nó tăng thêm nữa, đến mức vô kể. Người bạn đó là một thương gia, một người đàn ông có tài kinh doanh bị hạn chế vì thiếu vốn. Ông ta nói sẽ chia cho

cha tôi một phần lợi nhuận không nhỏ, nếu như cha giao cho ông mảnh đất mà cha được thừa kế và chưa dùng đến, và ông hứa chắc như đinh đóng cột rằng dù sau này ông thu lời được bao nhiêu thì số tiền lời đó cũng được chia đều cho cha tôi, không thiếu một xu. Chút tài sản thừa kế nhỏ nhoi được bán đi một cách nhanh chóng, và toàn bộ khoản tiền được giao cho người bạn là thương gia ấy. Chẳng bao lâu sau ông ấy chất hàng lên tàu, chuẩn bị cho chuyến hải hành của mình.

Cha tôi vui mừng trước viễn cảnh tươi sáng của gia đình, và mẹ con tôi cũng vậy. Lúc bấy giờ, quả thực chúng tôi chỉ sống dựa vào khoản thu nhập từ chức mục sư của cha tôi, nhưng cha dường như nghĩ rằng không cần thiết phải tằn tiện trong chi tiêu đến mức ấy, vậy nên với một tấm phiếu mua hàng trả sau của tiệm nhà Jackson, một cái khác của hãng Smith, và cái thứ ba của hiệu Hobson, chúng tôi thậm chí sống thoải mái hơn trước. Mặc dù mẹ tôi quả quyết rằng chúng tôi nên chi tiêu trong giới hạn cho phép, bởi vì suy cho cùng các viễn cảnh về sự giàu có không thật chắc chắn, và rằng, nếu cha tôi tin tưởng vào tài xoay xở của mẹ thì ông không bao giờ cảm thấy mình phải gắng sức, nhưng ông không sửa mình được.

Chị Mary và tôi đã trải qua những giờ phút thật hạnh phúc khi chúng tôi ngồi thêu bên lò sưởi, hoặc dạo chơi trên những ngọn đồi phủ đầy cây thạch nam, hoặc nằm dài dưới tán cây bạch dương (trong vườn nhà chúng tôi chỉ có cây bạch dương đó là đáng kể), nói về hạnh phúc tương lai của chị em tôi và của cha mẹ, về những gì chúng tôi sẽ làm, những nơi chúng tôi sẽ tham quan, những thứ chúng tôi sẽ sở hữu: không có nền tảng nào cho công trình tương lai vững chắc hơn sự giàu có mà chúng tôi mong đợi sẽ đến với mình qua sự thành công từ chuyện buôn bán của người thương gia kia. Cha của chúng tôi chẳng khác gì chúng tôi, chỉ có điều ông làm ra vẻ không sốt sắng đến thế: ông bộc lộ niềm hy vọng phơi phới, đầy lạc quan của mình trong những câu đùa và những cuộc dạo chơi vui vẻ khiến tôi luôn cảm thấy ông hóm hỉnh và khôi hài quá chừng. Mẹ tôi cười thật vui khi thấy ông

sống hạnh phúc và tràn trề hy vọng như thế, nhưng bà vẫn sợ rằng ông quá hy vọng vào chuyện đó và có lần tôi nghe thấy mẹ thì thầm khi mẹ rời khỏi phòng: “Cầu xin Đức Chúa Trời đừng để nhà con thất vọng! Con không biết anh ấy có chịu đựng nổi sự thất vọng hay không!”

Cha tôi không chỉ thất vọng, mà thất vọng cay đắng. Cái tin chiếc tàu buôn mang theo toàn bộ gia sản của chúng tôi đã bị đắm, chìm xuống đáy biển sâu cùng toàn bộ hàng hóa trên tàu và vài thủy thủ cũng như vị thương gia xấu số đó ập đến với chúng tôi như sét đánh ngang tai. Tôi tiếc thương người thương gia ấy, tiếc cho sự sụp đổ của những lâu đài tưởng tượng mà chúng tôi đã xây nên, nhưng với sự vô tư của con trẻ, chẳng bao lâu sau tôi đã phục hồi tinh thần sau cú sốc.

Dẫu sự giàu có luôn có sức hấp dẫn, sự nghèo khổ lại không gây ra những nỗi kinh hoàng đối với một cô gái chưa trải nghiệm nhiều như tôi. Thật lòng mà nói, có gì đó khiến tôi hồ hởi trong ý nghĩ bị đẩy vào hoàn cảnh khó khăn, và phải tự xoay xở lấy. Tôi chỉ ước cha mẹ và chị Mary cũng có tâm trạng như tôi: thay vì than vãn vì tai ương trong quá khứ, tất cả chúng tôi có thể bắt tay vào khắc phục khó khăn và thử thách, sự túng thiếu hiện thời của chúng tôi càng gay gắt, thì niềm vui vượt qua khó khăn mà sau này chúng tôi được hưởng càng lớn, và tinh thần vượt khó của chúng tôi càng được nâng cao.

Chị Mary không than vãn, nhưng chị ủ rũ triền miên, và chìm vào trạng thái chán nản mà tôi, dù cố gắng đến mức nào, cũng không vực chị dậy được. Tôi không thể khiến chị hướng tới mặt tích cực của vấn đề, và thực sự tôi sợ phải chịu trách nhiệm về sự bông bột trẻ con, hoặc sự ngốc nghếch đến nỗi tôi thậm trọng giữ hầu hết những ý nghĩ và ý tưởng lạc quan cho riêng mình, bởi tôi e rằng chúng có thể không được đánh giá đúng.

Mẹ tôi chỉ nghĩ đến việc an ủi cha tôi, lo trả các khoản nợ, tiết kiệm chi tiêu bằng mọi cách có thể, nhưng cha tôi thì hoàn toàn bị tai ương kia đánh gục: sức khỏe, sức mạnh, và tinh thần của ông đều sa sút sau tai họa đó, và ông không bao giờ có thể phục hồi hoàn toàn

như trước. Mẹ tôi cố gắng đến tuyệt vọng làm cha vui bằng cách kêu gọi lòng mộ đạo, lòng dũng cảm, tình yêu dành cho vợ con nơi ông. Tình yêu dành cho vợ con cũng chính là nỗi đau khổ giày vò lớn nhất của ông: vì mẹ và chị em tôi mà ông tha thiết mong muốn gia tăng tài sản của mình – chính lợi ích của chúng tôi đã mang đến cho niềm hy vọng của ông sự tươi sáng chứa chan, và gây ra cho nỗi đau khổ của ông niềm cay đắng tràn trề. Giờ đây ông tự dẫn vật bản thân trong sự hối tiếc vì đã không nghe lời khuyên của vợ, lời khuyên mà chí ít cũng đã có thể tránh cho ông khỏi gánh nặng nợ nần chồng chất – ông tự trách mình một cách vô ích vì đã lôi mẹ tôi ra khỏi cuộc sống danh gia vọng tộc, nhàn hạ và giàu sang để rồi phải lao động cực nhọc cùng ông trong cảnh nghèo khó. Thật cay đắng và khổ sở cho tâm hồn khi ông phải chứng kiến người phụ nữ hiểu biết, xinh đẹp từng một thời được nhiều người theo đuổi và ngưỡng mộ ấy đã trở thành một bà nội trợ bận rộn, đầu tắt mặt tối, bị nỗi lo cơm áo gạo tiền và những việc không tên làm cho cả đôi tay lẫn đầu óc bận liên miên không lúc nào ngơi. Thái độ tự nguyện của bà trong việc thực hiện mọi bổn phận, sự vui vẻ mà bà thể hiện khi bà chịu đựng những tai ương, và sự tử tế mà bà cho thấy khi bà kìm nén không hề trách cứ ông dù chỉ một lời bóng gió nhẹ nhất, tất cả những điều đó bị trạng thái tự dẫn vật bản thân của ông biến thành những yếu tố bổ sung cho sự đau khổ, sầu não. Tinh thần ủ dột làm tổn hại thể chất, và làm rối loạn hệ thần kinh, và kết quả làm trầm trọng thêm chính những vấn đề của tinh thần, cho đến khi sức khỏe của ông suy yếu nghiêm trọng và không ai trong chúng tôi có thể thuyết phục ông rằng hoàn cảnh của chúng tôi không u ám bằng nửa những gì ông nghĩ, không hoàn toàn tuyệt vọng như ông tưởng.

Chiếc xe ngựa bốn bánh của gia đình bị đem bán, cùng với bộ yên cương và chú ngựa béo tốt, dai sức – chú ngựa cương mà chúng tôi đã từng quả quyết rằng sẽ nuôi nó đến ngày cuối cùng trong yên bình chứ không trao cho ai hết. Nhà để xe ngựa và chuồng ngựa bị bỏ lại

trống trơn. Cậu nhỏ giữ ngựa, một người rất biết việc (và được trả công cao hơn những người làm công khác) và là một trong hai người làm công của gia đình, được cho nghỉ việc. Thay vì mua sắm quần áo mới, chúng tôi vá và sửa chữa những bộ đồ đang có sao cho chúng trông lịch sự hết mức có thể. Thức ăn của chúng tôi, luôn đơn giản, giờ đây được đơn giản hóa đến mức chưa từng thấy – trừ những món yêu thích của cha tôi. Than và nến được tiết kiệm một cách triệt để – hai cây nến giảm xuống còn một, và được dùng hết sức dè xẻn. Than được dùng tiết kiệm trong một vỉ lò sưởi để trống một nửa: nhất là khi cha tôi vắng nhà đi làm nhiệm vụ của một mục sư, hoặc nằm trên giường khi bị ốm – khi đó chúng tôi ngồi để chân trên vỉ lò, vun những mẩu than hồng lại với nhau, thỉnh thoảng mới thêm vào vài vụn than cám để giữ cho chúng khỏi tàn. Với những tấm thảm cũng vậy, theo thời gian chúng bị sờn rách, và chúng tôi phải vá, mạng chúng nhiều hơn vá quần áo của mình. Để tiết kiệm khoản tiền thuê người làm vườn, chị em tôi tự làm lấy. Mẹ và chị gái tôi tự lo toàn bộ việc nấu nướng và nội trợ mà một chị hầu gái cũng không dễ dàng lo liệu được. Bản thân tôi đôi khi cũng giúp được chút ít: chỉ một chút thôi bởi vì mặc dù tôi tự đánh giá mình là một phụ nữ thực thụ, trong mắt cha mẹ và chị gái, tôi vẫn là một đứa trẻ, và mẹ tôi, giống như những phụ nữ tháo vát đảm đang nhất, không được trời ban cho những cô con gái nhanh nhẹn, bởi vì bản thân là một người tháo vát và nhanh nhẹn, bà không bao giờ đủ tin tưởng để giao phó việc của bà cho người được ủy quyền của mình, mà ngược lại, sẵn sàng hành động và suy nghĩ thay cho những người khác, và hễ có bất cứ việc gì cần phải làm là y như rằng mẹ có xu hướng nghĩ rằng không ai có thể làm việc đó tốt như mình. Vậy nên bất cứ khi nào ngó ý muốn giúp, tôi đều nhận được câu trả lời là: “Không, con yêu, con thực sự không thể làm được đâu – không có gì ở đây con có thể làm được hết. Hãy đi giúp chị của con đi, hoặc rủ chị con đi dạo – hãy nói với chị rằng nó không được ngồi nhiều và ở lì trong nhà như vậy – cứ như vậy nó sẽ bị suy nhược đấy.”

“Mary, mẹ bảo em đến giúp chị, hoặc rủ chị đi dạo. Mẹ bảo nếu chị cứ ngồi lì trong nhà như vậy, thì chị sẽ bị suy nhược đấy.”

“Agnes, em không giúp chị được đâu, và chị không thể đi dạo cùng em được – chị còn nhiều việc phải làm.”

“Vậy thì hãy để em giúp chị.”

“Em thực sự không thể giúp chị được đâu, bé con ạ. Hãy đi tập đàn đi, hoặc ra chơi với con mèo con đi.”

Luôn luôn có đầy việc khâu vá cần phải làm, nhưng tôi không được dạy cắt một tấm áo hay một chiếc quần, chỉ được giao cho việc khâu viền và khâu nối đơn giản. Ngay cả trong khâu vá tôi cũng có rất ít việc để làm bởi vì mẹ và chị tôi quả quyết rằng họ tự làm dễ hơn nhiều so với việc chuẩn bị các thứ cho tôi làm, ngoài ra, họ muốn tôi theo đuổi việc học hoặc giải trí – đã đến lúc tôi phải ngồi cắm cúi vào bài vở như một mệnh phụ trang nghiêm khi con mèo cưng của tôi đã trở thành một con mèo già đằm tĩnh. Trong hoàn cảnh đó, dù tôi không được việc hơn một cô gái ồng ẹo, sự lười biếng của tôi không phải là hoàn toàn không có căn cứ.

Qua tất cả những khó khăn của gia đình mình, chỉ một lần duy nhất tôi thấy mẹ phàn nàn về sự thiếu thốn tiền bạc. Mùa hè đến, mẹ bảo tôi và chị Mary: “Thật đáng ao ước một chuyến đi nghỉ mát ở biển cho cha các con. Mẹ tin rằng không khí biển và sự thay đổi cảnh quan sẽ có lợi vô kể cho ông ấy. Nhưng các con thấy đấy, chúng ta không có tiền”, mẹ nói thêm và thở dài. Cả hai chị em tôi đều vô cùng mong muốn chuyến đi đó được thực hiện, và rất tiếc khi biết đó là điều bất khả thi. “Ôi chao”, mẹ nói, “phàn nàn cũng chẳng ích gì. Mẹ con mình phải làm việc gì đó để thực hiện được kế hoạch ấy chứ. Mary, con vẽ đẹp đấy. Con nghĩ sao về việc vẽ vài bức tranh đẹp bằng màu nước như con đã vẽ rồi đóng khung chúng và thử gửi chúng tới một nhà bán tranh hào hiệp có thể đánh giá đúng chất lượng của chúng?”

“Mẹ, con sẽ rất vui nếu mẹ nghĩ chúng *có thể* bán được.”

“Dù sao cũng đáng để thử con ạ. Hãy cứ thử vẽ đi, và mẹ sẽ cố gắng tìm người mua.”

“Con ước mình có thể làm được việc gì đó”, tôi nói.

“Agnes! Ai mà biết được chứ? Con cũng vẽ giỏi mà. Nếu con chọn một đối tượng đơn giản thì mẹ dám nói rằng con có thể tạo ra một bức vẽ mà tất cả chúng ta sẽ tự hào để trưng bày.”

“Nhưng con có dự định khác trong đầu rồi mẹ ạ, và con đã ấp ủ nó từ lâu rồi, con chỉ không thích nói ra mà thôi.”

“Thật ư! Nói cho mẹ biết dự định của con là gì đi.”

“Con muốn làm gia sư.”

Mẹ tôi “ồ” một tiếng đầy ngạc nhiên, và cười. Dừng việc đang làm dở vì ngạc nhiên, chị tôi kêu lên. “Agnes, em làm gia sư! Em đang mơ gì vậy hả?”

“Ồ, con chẳng thấy việc đó có gì ghê gớm, to tát cả. Con không dám nói mình có thể làm gia sư cho những cô gái đã lớn, nhưng con chắc chắn có thể dạy những bé gái nhỏ tuổi và con thích làm việc đó lắm. Con rất thích trẻ con. Hãy để con thực hiện dự định của mình, mẹ ạ!”

“Nhưng, con yêu, con còn chưa biết tự chăm sóc mình nữa là. Và việc coi sóc những đứa trẻ nhỏ tuổi cần nhiều khả năng suy xét và trải nghiệm hơn đấy.”

“Nhưng mẹ ơi, con đã hơn mười tám tuổi rồi, con hoàn toàn có thể tự chăm sóc bản thân, và cũng có thể chăm sóc người khác. Mẹ mới chỉ biết đến một nửa trí khôn và sự cẩn thận mà con có thôi, bởi vì con chưa bao giờ cố thể hiện.”

“Hãy tưởng tượng xem em sẽ làm gì ở một ngôi nhà toàn những người lạ mà không có mẹ và chị ở đó nói và làm thay em – với một bầy trẻ con phải để mắt tới, và không có ai ở đó để cho em lời khuyên? Em thậm chí sẽ không biết phải mặc gì”, chị Mary nói.

“Bởi vì em luôn làm những gì chị sai bảo nên chị nghĩ em không có khả năng suy xét của riêng mình, nhưng chị cứ thử mà xem – đó là tất cả những gì em yêu cầu – chị sẽ thấy em có thể làm được những gì.”

Đúng lúc đó cha tôi bước vào và chủ đề mà chúng tôi đang bàn tới được giải thích cho ông nghe.

“Gì cơ, Agnes bé bỏng của tôi đi làm gia sư ư!” Ông kêu lên và dù thất vọng, ông bật cười trước ý tưởng đó.

“Đúng vậy, cha ạ, cha đừng phản đối nhé. Con thích làm việc đó lắm và con chắc chắn mình có thể làm một cách vui vẻ.”

“Nhưng, con ạ, chúng ta cần con.” Và mắt ông ngấn lệ khi ông nói thêm: “Không, không! Chúng ta gặp khó khăn nhưng chắc chắn chưa đến mức phải làm như thế đâu.”

“Đúng vậy!” Mẹ tôi nói. “Chưa đến mức phải làm như vậy đâu. Đó chỉ là ý thích nhất thời của con bé thôi. Vậy nên con phải cẩn thận khi nói năng, con gái bướng bỉnh của mẹ ạ, bởi vì dù con đã sẵn sàng rời xa chúng ta, thì con cũng biết rõ chúng ta không thể xa con.”

Ngày hôm đó tôi im lặng, và những ngày sau đó cũng vậy, nhưng tôi không từ bỏ ý định của mình. Chị Mary đã vẽ được một vài bức tranh, và chị làm việc rất tập trung. Tôi cũng có những bức vẽ của mình, nhưng trong khi vẽ, tôi nghĩ đến những chuyện khác. Vui biết nhường nào nếu tôi được làm gia sư! Được đi ra thế giới, bước vào một cuộc sống mới, được sống tự lập, được sử dụng những khả năng chưa được dùng đến, được thử những nguồn sức mạnh chưa được biết đến của mình, tự kiếm sống, làm điều gì đó để an ủi và giúp đỡ cha mẹ cùng chị gái, ngoài việc miễn cho họ việc lo cơm ăn áo mặc cho tôi để cha tôi thấy Agnes bé bỏng của ông có thể làm được những gì, để thuyết phục mẹ và chị tôi rằng tôi không hoàn toàn vô dụng, thiếu óc suy xét như họ nghĩ. Được tin tưởng giao cho việc chăm sóc và dạy dỗ các em bé thật thú vị biết chừng nào! Dù người khác nói gì thì nói, tôi vẫn cảm thấy mình có đủ khả năng cho việc đó: ký ức rõ ràng về suy

nghĩ của tôi trong thời thơ ấu sẽ là sự dẫn đường chắc chắn hơn cả những chỉ dẫn của người cố vấn chín chắn nhất. Tôi đặt mình vào vị trí của những đứa trẻ ở tuổi của chúng, và tôi sẽ biết cách mau chóng chiếm được tình cảm và sự tin cậy của chúng, cách đánh thức sự ăn năn khi mắc lỗi, cách khích lệ những đứa trẻ nhút nhát và an ủi những đứa trẻ gặp chuyện buồn, cách làm cho đức hạnh được thực hành, kiến thức được khao khát, và tôn giáo trở nên thú vị và dễ hiểu.

Một công việc thú vị!

Dạy những ý tưởng cách đam chồi, nảy nở!

Uốn những nhánh cây non, và theo dõi những chồi mới nhú lên từng ngày!

Chịu ảnh hưởng bởi nhiều sự thúc đẩy, tôi quyết tâm giữ ý định của mình. Mặc dù nỗi sợ làm mẹ giận, làm cha buồn đã ngăn tôi gọi lại chủ đề ấy trong vài ngày sau đó. Cuối cùng tôi lại nói chuyện riêng với mẹ, và với ít nhiều khó khăn, tôi đã khiến mẹ hứa sẽ ủng hộ tôi. Sau đó tôi giành được sự đồng ý miễn cưỡng của cha, và mặc dù chị Mary của tôi vẫn thờ dãi tỏ ý không tán thành, người mẹ tốt bụng của tôi đã bắt đầu tìm kiếm một chỗ để tôi đến làm gia sư. Bà viết thư cho họ hàng của cha tôi, tham khảo các tin quảng cáo trên báo – dò hỏi những người họ hàng đăng nhà để mà lâu rồi bà không liên lạc: vài bức thư xã giao là tất cả những gì bà nhận được kể từ khi bà lấy chồng, và bà không hề gặp lại những người thân của mình lần nào. Nhưng sự tách biệt với thế giới của cha mẹ tôi toàn diện và kéo dài đến mức nhiều tuần trôi qua chúng tôi mới tìm được một trường hợp có nhu cầu tìm gia sư. Cuối cùng, tôi mừng quýnh khi biết tin mình được thuê làm gia sư cho những đứa con của một bà Bloomfield nào đó, người mà bà cô Grey nghiêm nghị và tốt bụng của tôi đã quen biết từ hồi còn trẻ, và được nhận xét là một người phụ nữ rất tử tế. Chồng của bà Bloomfield là một thương gia đã kết thúc sự nghiệp kinh doanh sau khi tích lũy một khối tài sản lớn, nhưng không thể bị thuyết phục để chi ra một khoản tiền công vượt quá hai mươi lăm đô la cho sự giáo

dục dành cho các con mình. Tuy nhiên, tôi vui vẻ chấp nhận mức lương đó hơn là từ chối làm việc cho nhà ấy – trong khi cha mẹ tôi tính đến việc tìm một chỗ khác khả dĩ hơn.

Nhưng phải mất vài tuần để tôi chuẩn bị cho việc đi làm gia sư. Những tuần ấy đối với tôi sao mà dài thế! Tuy nhiên đó là những tuần hạnh phúc – tràn ngập niềm hy vọng tươi sáng và những mong đợi mãnh liệt. Với sự hào hứng đặc biệt, tôi phụ giúp việc may quần áo mới cho mình, và sắp xếp tư trang cho những chiếc rương để mang theo! Nhưng cũng có một nỗi buồn len lỏi vào sự chuẩn bị bận rộn đó, và khi việc đó được hoàn thành – khi tất cả đã sẵn sàng để tôi lên đường vào ngày hôm sau, khi đêm cuối cùng tôi ở nhà đã đến – cảm giác đau khổ dường như dâng lên trong tim tôi. Những người thân yêu nhất của tôi trông thật buồn rầu, và ai cũng nói những lời thật ân cần khiến mắt tôi rớm lệ: nhưng tôi vẫn giả vờ vui vẻ. Tôi đi dạo với chị Mary lần cuối trên cánh đồng hoang, đi dạo lần cuối trong vườn, và quanh nhà. Tôi cùng chị cho những con chim bồ câu ăn lần cuối – những con vật xinh xắn đã trở nên thân quen với chúng tôi tới mức đến mỗi thức ăn ngay trên tay chúng tôi. Tôi vuốt ve những tấm lưng mềm mượt của chúng thay cho lời tạm biệt khi chúng sà vào lòng tôi. Tôi hôn triu mến đôi bồ câu đuôi quạt mà tôi đặc biệt yêu thích. Tôi chơi bản nhạc cuối cùng trên cây đàn piano cũ kỹ quen thuộc, hát bài hát cuối cùng cho cha tôi nghe. Tôi hy vọng đó không phải là bài ca cuối cùng mà là bài ca cuối cùng sau một thời gian dài đối với tôi. Và có lẽ, khi tôi trở về làm những điều đó một lần nữa, cảm giác của tôi sẽ khác. Hoàn cảnh có thể sẽ thay đổi, và ngôi nhà có thể sẽ chẳng còn như xưa nữa. Người bạn nhỏ của tôi, chú mèo cưng chắc chắn sẽ thay đổi. Nó đang lớn, chẳng bao lâu nữa sẽ chẳng còn là một con mèo con và khi tôi trở về, thậm chí trong chuyến thăm vội vã vào dịp Giáng sinh, nó có thể đã quên cả người bạn chơi của mình lẫn những trò tinh nghịch vui vẻ. Tôi nô đùa với nó lần cuối, và khi tôi vuốt ve bộ lông mềm mượt của nó, trong khi nó nằm cuộn tròn trong lòng tôi, nó

dường như cảm nhận được nỗi buồn mà tôi không dễ gì che giấu được. Sau đó vào giờ đi ngủ, khi tôi cùng chị Mary lui về căn buồng nhỏ yên tĩnh của chúng tôi, nơi những chiếc ngăn kéo tủ của tôi đã trống không, và các ngăn giá sách của tôi cũng trống không – nơi, mà sau đó, chị sẽ phải ngủ một mình, trong sự cô đơn buồn bã, như chị diễn tả – lòng tôi buồn hơn bao giờ hết. Tôi cảm thấy như thể mình thật ích kỷ và đã sai lầm khi khăng khăng bỏ chị mà đi, và khi tôi quỳ một lần nữa bên chiếc giường nhỏ của chị em tôi, tôi cầu nguyện cho chị và cha mẹ một cách tha thiết hơn bao giờ hết. Để che giấu cảm xúc của mình, tôi lấy tay bưng mặt và cả hai bàn tay đều đầm đìa nước mắt. Lúc đứng dậy, tôi thấy chị mình cũng khóc, nhưng không ai trong chúng tôi nói gì, và trong im lặng chúng tôi chìm vào giấc ngủ, cùng nhau tiến gần hơn đến ý thức rằng chẳng bao lâu nữa chị em tôi sẽ phải xa nhau.

Nhưng buổi sáng cũng khiến cho niềm hy vọng và sự hứng khởi thức dậy. Tôi sẽ khởi hành sớm, để xe chở tôi đi (một chiếc xe độc mã, mà chúng tôi thuê của ông Smith, một người buôn vải, trà và tạp phẩm ở trong làng) có thể quay về ngay trong ngày. Tôi thức dậy, tắm rửa, thay quần áo, ăn sáng qua loa, nhận những cái ôm triu mến của cha, mẹ, chị gái, hôn con mèo cưng – cô nàng Sally hay gây rắc rối – tạm biệt nó, rồi trèo lên xe ngựa, kéo mạng che mặt xuống, và, chỉ đến khi đó, tôi mới khóc nức lên. Cỗ xe ngựa lăn bánh, tôi ngoái đầu nhìn lại phía sau, mẹ và chị gái tôi vẫn đứng bên bậc cửa, nhìn theo tôi, vẫy tay tạm biệt. Tôi vẫy tay đáp lại họ và từ tận đáy lòng, tôi cầu Chúa phù hộ cho những người thân yêu của mình. Xe chạy lên đồi, và tôi không còn nhìn thấy họ nữa.

“Một buổi sáng hơi lạnh đối với cô, cô Agnes ạ”, ông Smith bình luận, “và cũng hơi u ám nữa, nhưng chúng ta sẽ đến nơi trước khi trời đổ mưa.”

“Vâng, tôi hy vọng như vậy”, tôi đáp bằng giọng bình tĩnh nhất có thể.

“Đêm qua trời cũng mưa to.”

“Vâng.”

“Nhưng gió lạnh sẽ ngăn mưa lại.”

“Có lẽ vậy.”

Cuộc trò chuyện của chúng tôi kết thúc ở đó. Chúng tôi đi qua thung lũng, và bắt đầu tiến lên quả đồi ở trước mặt. Khi xe chạy chậm chậm lên đồi, tôi lại ngoái đầu nhìn về phía sau: ngọn tháp của làng tôi đứng đó, ngôi nhà màu xám của mục sư ở phía sau nó, nằm dưới tia nắng sớm xiên nghiêng – đó là một tia nắng yếu ớt, nhưng ngôi làng và những ngọn đồi bao quanh nó đều chìm trong màn sương u ám, và tôi coi tia nắng hiếm hoi đó là một điềm lành cho gia đình mình. Tôi chấp tay cầu nguyện sự an lành cho những người sống dưới mái nhà đó, và vội quay mặt đi chỗ khác, bởi vì tôi thấy tia nắng ấy đang biến mất, và tôi cố tránh không quay đầu nhìn ngôi nhà thân yêu của mình một lần nào nữa vì sợ rằng mình sẽ nhìn thấy nó trong màn sương u ám, như toàn bộ cảnh vật xung quanh.

Chương II

Những bài học đầu tiên trong nghề gia sư

Trên đường đi, tôi lấy lại tinh thần và với sự phấn khởi, tôi hướng suy nghĩ của mình tới cuộc sống mới mà tôi sắp bước vào. Mặc dù vừa mới qua tháng Chín, những đám mây nặng trĩu và gió mùa đông bắc thổi mạnh đã kết hợp với nhau làm cho ngày trở nên giá buốt, u ám. Cuộc hành trình dường như rất dài, bởi, như ông Smith đã nói, đường sá “rất nặng nề”, và dĩ nhiên, con ngựa của ông cũng rất nặng nề. Nó di chuyển như bò lên những ngọn đồi, rồi trườn xuống, và chỉ chiếu cố chạy nước kiệu ở những đoạn đường bằng phẳng hoặc những con dốc nhẵn thín rất hiếm có ở những vùng địa hình không bằng phẳng này. Vậy nên gần một giờ chiều, chúng tôi mới đến đích. Tuy nhiên, sau tất cả, khi chúng tôi đi qua cánh cổng sắt đồ sộ, cho xe ngựa chạy chậm chậm dọc lối đi phẳng được viền quanh bởi bãi cỏ xanh ở hai bên, được điểm xuyết bởi những cây non, và đến một ngôi biệt thự sang trọng còn mới của Wellwood nằm dưới những tán cây dương xò rộng như tán ô, trái tim tôi như ngừng đập, và tôi ước gì ngôi nhà đó ở cách xa một hoặc hai dặm nữa. Lần đầu tiên trong đời tôi phải đứng một mình: không có đường lui. Tôi sắp phải bước vào ngôi nhà đó, phải tự giới thiệu bản thân với những người lạ. Biết giới thiệu như thế nào đây? Quả thực tôi sắp mười chín tuổi rồi, nhưng vì cuộc sống ăn dật và sự che chở của mẹ và chị gái, tôi biết rằng nhiều cô gái mười lăm tuổi hoặc nhỏ tuổi hơn còn có cách nói năng thể hiện nữ tính, thoải mái và tự tin hơn tôi. Tuy nhiên, nếu bà Bloomfield là một phụ nữ tốt bụng và giàu lòng nhân ái của người mẹ, thì tôi sẽ xoay sở được, tất nhiên, tôi sẽ sớm cảm thấy dễ chịu với những đứa trẻ – và tôi hy vọng, tôi sẽ không phải tiếp xúc với ông Bloomfield mấy khi.

“Hãy bình tĩnh, bình tĩnh, dù bất cứ chuyện gì xảy ra”, tôi tự nhủ và thực sự quyết tâm tập trung giữ cho tinh thần thật bình tĩnh và giữ cho tim mình khỏi đập loạn đến nỗi khi tôi được mời vào sảnh và được dẫn tới gặp bà Bloomfield, tôi gần như quên không đáp lại lời chào lịch sự của bà. Về sau tôi hoảng hồn khi nhớ lại rằng mình đã nói vài từ ít ỏi bằng giọng của một người ngễnh ngãng hoặc đang ngái ngủ. Khi nhớ lại màn chào hỏi đó, tôi nhận thấy bà chủ cũng có thái độ hơi lạnh lùng. Bà là một phụ nữ nghiêm trang có vóc dáng cao gầy, mái tóc đen dày, đôi mắt xám toát lên vẻ lạnh lùng và nước da mai má.

Tuy nhiên, bà lịch sự chỉ cho tôi phòng riêng dành cho tôi và để tôi vào phòng nghỉ ngơi một lát. Tôi hơi thất vọng trước vẻ bề ngoài của mình khi nhìn vào gương, gió lạnh đã khiến đôi tay tôi sưng đỏ, làm rối tung những lọn tóc quăn của tôi, làm da mặt tôi tím tái; thêm vào đó, cổ áo của tôi bị nhàu kinh khủng, áo choàng lấm tẩm những vết bùn, đôi chân tôi mất hút trong đôi giày cao cổ to sụ, và vì những chiếc rương đựng tư trang của tôi chưa được mang lên phòng, nên tôi chẳng có sự cứu cánh nào cả. Tôi cố vuốt tóc cho thật mượt, và cố kéo cho cổ áo phẳng lại, rồi bước xuống hai dãy bậc cầu thang, vừa đi vừa suy đoán và với một chút khó khăn, tôi tìm được đường tới căn phòng nơi bà Bloomfield đang đợi.

Bà dẫn tôi vào phòng ăn, nơi bữa trưa của gia đình đã được dọn ra bàn. Một ít thịt bò hầm và món khoai tây nguội được đặt trước mặt tôi. Trong khi tôi ăn, bà ngồi ở ghế đối diện, quan sát tôi (tôi nghĩ vậy) và cố duy trì một cuộc trò chuyện – chủ yếu gồm một chuỗi những lời bình luận xã giao, được diễn đạt bằng sự khách sáo nhạt nhẽo, nhưng đó là lỗi ở tôi chứ không phải ở bà, bởi vì tôi thực sự không thể trò chuyện. Quả thực, toàn bộ sự chú ý của tôi hầu như được dồn vào bữa ăn: không phải vì tôi đói quá, mà vì món thịt hầm dai quá khiến việc ăn trở nên gian nan, vất vả trong khi tay tôi vẫn tê cóng và gần như run cầm cập sau năm tiếng đồng hồ phơi trong gió lạnh. Tôi muốn ăn hết

chỗ khoai tây, bỏ thịt lại, nhưng trong đĩa của tôi vẫn còn một miếng thịt to, và tôi không thể bắt lịch sự đến mức bỏ dở chỗ thịt; vậy nên sau nhiều lần cố gắng dùng dao cắt nhỏ hoặc xé và giật rời thành từng miếng nhỏ mà không thành công, trong khi biết rằng bà chủ nhà oai nghiêm đang quan sát toàn bộ quá trình xử lý ấy, cuối cùng tôi cầm dao và nĩa bằng hai nắm tay siết chặt như một đứa trẻ hai tuổi, tập trung vào việc với toàn bộ sức lực khiêm tốn mà mình có. Nhưng việc đó cần lời xin lỗi – cố gắng cười khe khẽ, tôi nói: “Tay tôi bị tê cứng vì lạnh đến mức tôi không thể cầm nổi dao, nĩa.”

“Tôi dám nói rằng cô cảm thấy món đó lạnh”, bà chủ đáp với vẻ nghiêm trang, lạnh lùng không thay đổi khiến tôi chắc chắn không an tâm.

Khi nghi thức đó kết thúc, bà dẫn tôi trở lại phòng khách và gọi các con mình đến.

“Cô sẽ thấy chúng cần phải được dạy dỗ nhiều”, bà nói, “bởi vì tôi có rất ít thời gian để tự mình dạy dỗ chúng, vả lại, trước đây chúng tôi nghĩ bọn trẻ còn quá nhỏ để cần có gia sư, nhưng tôi nghĩ chúng là những đứa trẻ thông minh, rất ham hiểu biết, đặc biệt là thằng nhỏ. Tôi nghĩ thằng bé, bông hoa trong bầy trẻ này – là một đứa trẻ có tinh thần quý tộc, hào phóng, một đứa trẻ để hướng dẫn chứ không phải để điều khiển, và đặc biệt, nó luôn nói sự thật. Nó dường như khinh bỉ sự gian dối.” (Một điều tốt lành đây, tôi nghĩ). “Em gái nó, Mary Ann, cần phải để mắt đến nhiều”, bà tiếp tục nói, “nhưng nhìn chung nó là một bé gái ngoan. Mặc dù vậy, tôi không muốn để nó ở phòng trẻ nhiều, vì bây giờ nó sắp sáu tuổi rồi, và có thể nhiễm các thói quen xấu của các vú em. Tôi đã cho đặt giường cũ của con bé trong phòng của cô, và nếu cô sẵn lòng lưu tâm đến việc tắm rửa và thay quần áo của con bé thì nó chẳng cần một người vú em nữa đâu.”

Tôi vừa mới trả lời rằng tôi sẵn sàng đảm nhận việc đó thì những học trò nhỏ của tôi bước vào phòng cùng với hai đứa em gái của chúng. Cậu chủ nhỏ Tom BloomField là một cậu bé bảy tuổi lớn

phồng, với khung người rắn chắc, mái tóc màu nâu vàng, đôi mắt xanh, chiếc mũi nhỏ hơi hếch, và làn da trắng hồng. Mary Ann cũng là một cô bé có dáng người cao, da hơi đen giống mẹ, nhưng có khuôn mặt tròn đầy đặn và đôi má hồng hào. Cô em gái thứ hai tên là Fanny, một cô bé rất xinh xắn: bà Bloomfield quả quyết với tôi rằng đó là cô bé đặc biệt dịu dàng, và cần sự khích lệ. Cô bé chưa được dạy gì hết, nhưng vài ngày nữa bé tròn bốn tuổi, khi đó nó có thể bắt đầu học bảng chữ cái và có thể đến phòng học. Đứa nhỏ còn lại là Harriet, một đứa bé chắc mới chỉ hai tuổi, bụ bẫm, vui tươi mà tôi thích hơn tất cả những đứa còn lại – nhưng tôi không có việc gì liên quan đến đứa bé ấy.

Tôi nói chuyện với các học trò của mình một cách trù mẩn hết mức có thể, và cố gắng thể hiện rằng mình dễ thương, nhưng tôi e là tôi không thành công cho lắm bởi vì sự có mặt của bà mẹ ở đó đã khiến tôi cảm thấy căng thẳng và không thoải mái. Tuy nhiên, bọn trẻ không hề nhút nhát. Chúng dường như đều là những đứa trẻ bạo dạn, giàu sức sống, và tôi hy vọng mình sẽ sớm trở nên thân thiết với chúng – đặc biệt là cậu bé, người mà tôi đã được bà mẹ cho biết sở hữu một tính cách đáng mến như thế. Cô bé Mary Ann có nụ cười điệu đà giả tạo, thích được chú ý và tôi rất tiếc phải nhận xét như thế. Nhưng anh của cô bé đã đòi chiếm toàn bộ sự chú ý của tôi. Cậu đứng thẳng người giữa tôi và lò sưởi, hai tay chắp sau lưng, nói như một nhà hùng biện, thỉnh thoảng ngừng lời để quở trách khá gay gắt mấy đứa em gái vì chúng gây ồn ào quá.

“Ôi, Tom, con đáng yêu quá!” Bà mẹ thốt lên. “Lại đây hôn mẹ đi nào, rồi đưa cô Grey đi thăm phòng học và những cuốn sách mới tuyệt vời của con nhé?”

“Con sẽ không hôn mẹ đâu, mẹ ạ, nhưng con sẽ dẫn cô Grey đến phòng học xem những cuốn sách mới của con.”

“Và phòng của em, sách mới của em, Tom ạ”, Mary Ann nói. “Đó cũng là phòng của em, sách của em.”

“Đó là của anh”, cậu cả đáp một cách dứt khoát. “Đi thôi, cô Grey – em sẽ dẫn cô đi.”

Khi tôi đến phòng học, ngắm những cuốn sách, giữa màn cãi cọ qua lại của anh trai và em gái mà tôi cố gắng hết sức để xoa dịu hoặc khuyên giải, Mary Ann mang cho tôi xem con búp bê của nó, và bắt đầu khoe khoang về váy áo đẹp, giường, ngăn tủ đựng váy áo và các phụ kiện khác của con búp bê, nhưng Tom bảo nó đừng làm ồn, rằng cô Grey phải đi xem con ngựa gỗ bập bênh của cậu, nói lớn tiếng để thu hút sự chú ý của tôi. Sau đó, cậu ra lệnh cho đứa em gái phải cầm dây cương để cậu trèo lên ngựa, bắt tôi đứng khoảng mười phút, xem cậu sử dụng roi và thúc ngựa dững mãi như thế nào. Tuy nhiên, trong khi đó, tôi thích con búp bê của Mary Ann và các phụ kiện của nó. Tôi nói với cậu chủ Tom rằng cậu là một kỵ sĩ cừ khôi nhưng tôi hy vọng cậu không sử dụng roi và không thúc ngựa quá nhiều khi cậu cưỡi một con ngựa đẹp như thế.

“Ồ, có chứ, em sẽ sử dụng roi!” Cậu nói, càng quát ngựa mạnh hơn. “Em sẽ quất nó nát bét ra như khói! Đứng thế đấy! Em nói thế đấy! Nó sẽ sợ chết khiếp.”

Lời cậu nói khiến tôi bị sốc, nhưng tôi hy vọng qua thời gian, tôi có thể tạo ra sự thay đổi.

“Bây giờ cô đội mũ, quàng khăn vào đi”, vị anh hùng nhỏ tuổi nói, “và em sẽ dẫn cô đi thăm khu vườn của em.”

“Của em chứ”, Mary Ann nói.

Tom giờ nằm dấm lên đe dọa. Em gái cậu kêu ré lên, chạy sang phía tôi, tức giận ra mặt với anh trai.

“Nào, Tom, em không được đánh em gái mình đâu! Cô hy vọng sẽ không bao giờ thấy em làm điều đó.”

“Thỉnh thoảng cô sẽ thấy em làm thế. Thỉnh thoảng em buộc phải làm điều đó để khiến nó trật tự.”

“Nhưng việc khiến em gái em trật tự không phải là việc của em, em biết mà – đó là việc –”

“Cô đội mũ vào ngay đi.”

“Cô không biết – trời rất u ám và lạnh, hình như đang mưa nữa – và em biết đấy, cô vừa phải vượt qua một chặng đường dài.”

“Không sao đâu – cô phải ra thăm vườn mới được. Không đi không được”, quý ông nhỏ tuổi kiêu căng nói. Còn tôi nghĩ bởi vì đó là ngày đầu tiên chúng tôi làm quen với nhau nên tôi có thể chiều cậu bé. Trời quá lạnh để Mary Ann ra ngoài, vậy nên cô bé ở trong nhà với mẹ, và trước sự dàn xếp đó, anh trai cô bé, người đang muốn chiếm trọn thời gian và sự chú ý của tôi, cảm thấy như thoát nợ.

Đó là một khu vườn rộng, được sắp xếp một cách có thẩm mỹ. Ngoài mấy khóm thực được rục rịch, có một số khóm hoa đẹp vẫn đang nở hoa, nhưng người dẫn tôi đi thăm vườn không cho tôi thời gian để ngắm nhìn chúng. Tôi phải đi với cậu qua bãi cỏ ướt, đến một góc khuất của khu vườn, nơi quan trọng nhất trong vườn bởi nó là vườn của cậu chủ. Có hai khoảnh đất hình tròn, được trồng nhiều loại cây khác nhau. Trên một khoảnh đất có một cây hoa hồng nhỏ rất đẹp. Tôi dừng lại để ngắm những bông hoa xinh xinh.

“Ồ, đừng để ý đến thứ đó!” Cậu nói bằng giọng khinh khỉnh. “Đó là vườn của Mary Ann đấy. Hãy ngắm vườn của em đây này.”

Sau khi đã ngắm nhìn mọi bông hoa, nghe một tràng diễn thuyết về từng cái cây, tôi được phép rời khỏi đó: trước hết, với sự long trọng rất kiêu cách, cậu ngắt một bông thủy tiên tặng tôi như tặng một người cậu vô cùng yêu mến. Nhìn thấy những thanh sắt và ngũ cốc trên cỏ quanh khu vườn của cậu, không kìm được, tôi liền hỏi đó là cái gì.

“Bẫy chim đấy.”

“Tại sao em lại đặt bẫy bắt chim?”

“Cha nói chúng gây hại.”

“Vậy em làm gì sau khi bắt được chúng?”

“Nhiều kiểu. thỉnh thoảng em ném chúng cho mèo. thỉnh thoảng em dùng dao nhíp cắt nhỏ chúng ra, nhưng còn một kiểu nữa, em muốn nướng sống chúng.”

“Tại sao em lại muốn làm điều khủng khiếp đó?”

“Vì hai lý do: thứ nhất, để xem chúng sống được bao lâu – và thứ hai, để xem mùi của chúng như thế nào.”

“Nhưng em không biết làm như thế là cực kỳ độc ác ư? Hãy nhớ rằng chim chóc cũng biết cảm nhận như em, và hãy thử nghĩ xem, em có thích mình bị như thế không?”

“Ồ, có gì đâu! Em không phải là chim, và em không thể cảm nhận những gì em làm với chúng.”

“Nhưng đến một lúc nào đó em sẽ phải trải qua cảm giác đó, Tom ạ. Em biết những kẻ độc ác khi chết sẽ bị đày xuống đâu rồi đấy. Nếu em không dừng ngay việc hành hạ những con chim vô tội đó, thì hãy nhớ, em sẽ phải xuống địa ngục và sẽ phải chịu những gì em đã bắt chúng phải chịu đựng.”

“Ôi dào! Em sẽ không phải chịu như thế đâu. Cha biết em làm gì với chúng và cha chẳng bao giờ mắng em vì chuyện đó cả. Cha nói hồi bé cha cũng làm y như thế. Hè năm ngoái cha cho em một tổ chim đầy những con chim sẻ non, và cha nhìn em xé chân, xé cánh, vặt đầu chúng mà chẳng nói gì. Cha chỉ nói rằng chúng trông tởm quá, và rằng em không được làm bẩn quần. Cậu Robson cũng ở đó, và cậu cười, nói rằng em là một thằng con trai rất cừ.”

“Thế còn mẹ em nói gì?”

“Ồ, mẹ không quan tâm! Mẹ nói thật tiếc khi giết những con chim hót hay, nhưng với những con chim sẻ xấu xí như chuột thì em có thể làm gì tùy thích. Vậy nên cô Grey ạ, việc đó chẳng có gì độc ác hết.”

“Tom ạ, cô vẫn nghĩ làm như thế là độc ác, và có lẽ cha mẹ em cũng nghĩ như vậy, nếu như họ suy nghĩ nhiều hơn về chuyện đó. Tuy nhiên”, tôi nhủ thầm, “họ có thể nói những gì họ muốn, nhưng tôi quyết định rằng chừng nào tôi còn có khả năng ngăn chặn việc đó thì chừng đó cậu sẽ không được làm nó nữa.”

Tom dẫn tôi đi sang phía bên kia bãi cỏ để xem những cái bẫy chuột của cậu rồi sau đó đi vào trong sân chứa cỏ khô để xem những cái bẫy chồn của cậu. Cậu vui hơn hờ khi thấy trong một cái bẫy có một con chồn chết. Sau đó chúng tôi đi tới chuồng ngựa, không phải để xem những con ngựa kéo xe đẹp mã mà để xem một con ngựa non trông khá hung dữ mà cậu cho biết là được gây giống cho riêng cậu, và chẳng bao lâu nữa, khi con ngựa được nài một cách cẩn thận, cậu sẽ cười nó. Tôi cố tỏ ra thích thú với người bạn nhỏ đó, và cố gắng nghe tất cả những gì cậu huyền thuyên một cách vui vẻ nhất có thể bởi vì tôi nghĩ nếu cậu có tình cảm, thì chắc chắn tôi sẽ cố gắng chiếm được tình cảm của cậu, và theo thời gian tôi sẽ có thể làm cậu nhận thức được những điều sai quấy trong cách hành xử của cậu. Tôi trông đợi một cách vô vọng tinh thần quý tộc, hào hiệp mà mẹ cậu đã nói tới mặc dù tôi có thể thấy rằng cậu không phải không nhanh và sắc sảo khi cậu muốn.

Khi chúng tôi quay trở vào nhà thì đã gần đến bữa trà. Cậu chủ Tom nói với tôi rằng, vì cha cậu không có nhà, cậu và tôi, cùng Mary Ann sẽ uống trà với mẹ cậu, rằng như vậy thật thích bởi vì vào những dịp như thế mẹ cậu luôn dùng bữa chính vào buổi chiều cùng với bọn cậu, thay vì vào lúc sáu giờ tối. Chẳng bao lâu sau, Mary Ann đi ngủ, nhưng Tom muốn tôi nói chuyện với cậu đến tám giờ. Sau khi cậu rời khỏi phòng, bà Bloomfield cho tôi biết thêm về tính khí và khả năng của các con bà, những gì chúng sẽ học, chúng sẽ được dạy dỗ như thế nào, và dặn tôi không được đề cập đến những khuyết điểm của chúng với bất cứ ai ngoài bà. Trước đó mẹ tôi đã dặn tôi nên hạn chế đến mức tối đa việc nói về những thiếu sót của bọn trẻ với bà chủ, bởi vì người ta không thích nghe về các khiếm khuyết của con mình, vậy nên tôi kết luận rằng về chuyện đó tôi sẽ giữ im lặng. Khoảng chín rưỡi bà Bloomfield mời tôi cùng ăn một bữa ăn nhẹ gồm bánh mì và thịt nguội. Tôi mừng khi thấy bà chủ cầm giá nển lui về phòng ngủ ngay khi bữa ăn kết thúc bởi vì mặc dù tôi muốn nói chuyện vui vẻ với bà,

nhưng sự có mặt của bà khiến tôi không được thoải mái cho lắm, và tôi không thể không cảm thấy bà lạnh lùng, trang nghiêm, và khó ưa – trái ngược hoàn toàn với một mệnh phụ phu nhân tốt bụng, giàu tình cảm mà tôi đã tưởng tượng ra trong niềm hy vọng.

Chương III

Những bài học bổ sung

Bất chấp những nỗi thất vọng mà tôi đã trải nghiệm, sáng hôm sau tôi thức dậy với cảm giác phấn khởi đầy hy vọng, nhưng tôi nhận ra việc giúp Mary Ann thay quần áo và chải đầu không đơn giản chút nào bởi mái tóc dày của cô bé được bôi đầy sáp thơm và được tết thành ba bím tóc dài, được buộc bằng nhiều dải ruy-băng thắt nơ, một việc mà với những ngón tay lóng ngóng tôi nhận thấy rất khó thực hiện. Cô bé nói với tôi rằng người vú em có thể tết tóc cho cô nhanh gấp đôi tôi làm và cứ ngọ nguậy một cách sốt ruột, khiến tôi càng mất nhiều thời gian hơn. Tết tóc và thay quần áo xong chúng tôi đi sang phòng học, nơi tôi gặp học sinh còn lại của mình, và nói chuyện với cả hai cho tới giờ xuống nhà ăn sáng. Bữa ăn kết thúc với một vài lời trao đổi qua lại giữa tôi và bà Bloomfield, sau đó chúng tôi quay trở lại phòng học, bắt đầu việc học của ngày hôm đó. Tôi nhận thấy các học trò của mình thực sự rất chậm tiến, nhưng Tom, mặc dù chúa ghét tất cả các kiểu nỗ lực về tinh thần, không phải là đứa trẻ không có khả năng. Mary Ann hầu như không thể đọc nổi một chữ, cấu thả, mất tập trung đến mức tôi hầu như không thể xoay sở được với nó. Tuy nhiên, cứ cố gắng và kiên nhẫn miết, tôi đã có thể làm được điều gì đó trong buổi sáng, sau đó cùng những vị chỉ huy nhỏ tuổi của mình ra vườn và khu viên để giải lao một lát trước khi ăn trưa, ở đó chúng tôi khá hòa thuận với nhau, chỉ có điều, tôi nhận thấy chúng không hề có ý thức rằng chúng đang đi với tôi. Tôi phải đi với chúng, chúng dẫn tôi đi đâu thì tôi phải tới đó. Lúc nào tôi phải chạy, phải bước chậm, phải đứng lại, nhất cử nhất động của tôi đều phải tuân theo ý muốn của chúng. Tôi nghĩ làm như vậy là đảo lộn trật tự và tôi càng không đồng tình bởi vì chúng dường như thích chơi ở những chỗ bẩn thỉu nhất và thích

làm những việc tệ hại nhất. Nhưng chẳng có giải pháp nào cả. Tôi hoặc phải đi theo chúng, hoặc bị tách hẳn khỏi chúng, và như vậy có vẻ như tôi lơ là trách nhiệm. Hôm nay chúng cho thấy sự gắn bó đặc biệt với cái giếng ở ngoài bãi cỏ, nơi chúng dùng gậy khuấy nước và ném sỏi trong hơn nửa giờ đồng hồ. Trong suốt thời gian đó tôi lo sợ rằng bà mẹ sẽ nhìn thấy chúng từ cửa sổ và trách tôi đã để chúng lê lét làm bẩn quần áo, làm ướt chân tay, thay vì dạy chúng học, nhưng không lý lẽ, mệnh lệnh, hay lời khẩn nài nào có thể kéo chúng ra khỏi chỗ đó. Nếu bà chủ không nhìn thấy chúng, thì ai đó khác cũng nhìn thấy – một quý ông cưỡi ngựa tiến vào cổng và đi trên con đường dẫn vào nhà. Cách chúng tôi một đoạn chừng vài bước chân ông ấy dừng ngựa, gọi bọn trẻ bằng giọng rất đanh và gắt gỏng, bảo chúng “tránh xa cái giếng nước đó ngay”. “Cô Grey”, ông ấy nói, (tôi hy vọng ông ấy có dùng chữ “cô” trước tên tôi), “tôi lấy làm lạ là cô lại cho phép chúng làm bẩn quần áo như thế! Cô không thấy cô chủ Bloomfield đã làm bẩn áo choàng như thế nào sao? Cô không thấy quần soóc của cậu chủ Bloomfield ướt hết rồi sao? Và cả hai cô cậu đều không mang găng tay sao? Cô! Tôi yêu cầu từ nay trở đi, cô sẽ giữ cho quần áo của cô cậu chủ chí ít phải lịch sự!” Nói rồi ông quay đi, tiếp tục cưỡi ngựa về phía ngôi nhà. Đó là ông Bloomfield. Tôi ngạc nhiên khi thấy ông gọi các con mình là cậu chủ và cô chủ Bloomfield, và càng ngạc nhiên hơn khi thấy ông nói năng thô lỗ với tôi, gia sư của các con ông và là người ông mới gặp lần đầu. Đúng lúc đó chuông reo, gọi chúng tôi vào nhà. Ngay sau đó tôi ăn bữa chính cùng bọn trẻ trong khi ông bà chủ dùng bữa trưa tại cùng một bàn ăn. Cung cách của ông không được như tôi tưởng. Ông là một người đàn ông có vóc người bình thường – dưới mức trung bình hơn là trên mức đó – gầy gò hơn là chắc khỏe, tuổi lưng lửng giữa ba mươi và bốn mươi. Ông có cái miệng rộng, nước da tái xám, đôi mắt màu xanh đục, và mái tóc giống màu sợi dầu gai. Một chiếc đũa cừu nướng được đặt trước mặt ông. Ông giúp bà Bloomfield, và muốn tôi cắt thịt cho bọn trẻ, sau đó vịn cái đũa cừu theo nhiều hướng, nhìn chăm soi hết bên nọ đến bên kia rồi

tuyên bố rằng nó không thích hợp để ăn, và gọi người hầu mang món thịt bò nguội ra.

“Đùi cừu làm sao hả mình?” Vợ ông hỏi.

“Nó bị nướng quá kỹ. Bà Bloomfield, bà không thấy là tất cả vị béo đều bị mất hết rồi sao? Và bà không thấy rằng toàn bộ nước thịt đỏ, ngon ngọt đều khô kiệt rồi à?”

“Em nghĩ thịt bò hợp với mình hơn.”

Món thịt bò được đặt trước mặt ông, và ông bắt đầu cắt thịt với vẻ mặt thể hiện sự bất mãn.

“Thịt bò không ổn sao ông Bloomfield? Em nghĩ nó rất ngon.”

“Nó đã rất ngon. Không thể có món nào ngon hơn, nhưng nó đã bị làm hỏng”, ông đáp bằng giọng chán nản.

“Làm sao lại hỏng được nhỉ?”

“Làm sao ư! Tại sao, bà không thấy nó được cắt như thế nào ư? Bà thân mến – ! Thật khó chịu!”

“Chắc chắn nó bị cắt không đúng cách trong nhà bếp, bởi vì em đã cắt nó đúng cách ở đây, ngày hôm qua.”

“Không nghi ngờ gì, đám người hầu đã cắt thịt không đúng cách ở trong bếp – bọn man di! Bà thân mến – thân mến! Đã ai nhìn thấy một miếng thịt bò ngon bị làm hỏng hoàn toàn chưa? Nhưng hãy nhớ rằng, từ nay về sau, khi một món ăn tử tế được đặt lên bàn này, chúng sẽ không được động vào ở trong bếp. Nhớ đấy, bà Bloomfield!”

Dù món thịt bò đã bị “làm hỏng”, ông chủ vẫn xoay xở để cắt được vài lát thịt ngon và ngồi chén trong im lặng. Rồi bằng giọng đờ cú kính hơn, ông hỏi có món gì cho bữa tối.

“Thịt gà tây và thịt gà gô”, lời đáp ngắn gọn vang lên.

“Còn gì nữa?”

“Cá.”

“Cá gì?”

“Em không biết.”

“Em không biết ư?” Ông chủ kêu lên; đang nhìn chăm chú vào đĩa của mình, ông ngẩng lên, để dao và nĩa bất động trong sự ngạc nhiên.

“Không. Em bảo người nấu bếp mua cá – em không để ý đó là cá gì.”

“Ồ, lạ nhỉ! Một phu nhân tự cho là có nhiệm vụ quán xuyến việc gia đình, ấy thế mà thậm chí không biết có món cá gì cho bữa tối! Tự nhận là đã sai làm món cá, vậy mà không để ý đó là cá gì!”

“Ông Bloomfield, có lẽ từ nay trở đi ông tự đặt món cho bữa tối đi.”

Không ai nói gì thêm nữa. Và tôi mừng vì có thể cùng các học trò rời khỏi phòng, bởi vì trong đời tôi chưa bao giờ cảm thấy xấu hổ hoặc khó chịu đến thế vì một chuyện không phải do lỗi của mình.

Buổi chiều chúng tôi tiếp tục các bài học, rồi ra ngoài giải lao, và sau đó dùng trà ngay tại phòng học. Cuối chiều tôi thay quần áo cho Mary Ann để chuẩn bị ăn tối và khi cô bé cùng anh trai đã xuống phòng ăn, tôi tranh thủ viết thư cho người bạn thân ở nhà, nhưng tôi chưa hoàn thành việc đó thì bọn trẻ đã quay trở lại. Bảy giờ tôi phải cho Mary Ann đi ngủ, sau đó chơi với Tom đến tám giờ. Khi Tom cuối cùng cũng đi ngủ, tôi viết nốt bức thư và bỏ quần áo trong rương ra, việc mà tôi không tìm được cơ hội để làm kể từ lúc đặt chân tới ngôi nhà này, rồi lên giường ngủ.

Một ngày bình thường ở đây diễn ra như vậy đó.

Nhiệm vụ dạy dỗ và giám sát của tôi không dễ dàng hơn khi các học trò và tôi quen nhau hơn, mà ngược lại, trở nên khó khăn hơn bởi tính cách của chúng bộc lộ theo thời gian. Tôi sớm phát hiện ra rằng cái danh gia sư gắn với tên tôi chỉ là thứ để đem ra chế nhạo. Các học trò của tôi không có ý thức nghe lời, lúc nào cũng như những con ngựa non hoang đã chưa được thuần hóa. Nhìn chung, nỗi sợ người cha có tính khí cáu bẳn đã trở thành thói quen và nỗi khiếp đảm trước những hình phạt mà ông ấy quen giáng xuống, khiến những đứa trẻ ấy

không đi quá giới hạn chỉ khi cha chúng có mặt ở nhà. Những đứa con gái cũng sợ những cơn thịnh nộ của mẹ chúng, còn cậu chủ nhỏ thỉnh thoảng được hối lộ bằng các phần thưởng được hứa hẹn để làm theo ý mẹ cậu. Còn tôi, tôi chẳng có phần thưởng nào để đưa ra cả, và về chuyện phạt thì tôi đã được nói cho biết rằng chỉ cha mẹ chúng mới có quyền phạt chúng mà thôi, ấy thế mà họ trông đợi tôi làm cho các học trò trật tự. Những đứa trẻ khác có thể được dẫn dắt bởi nỗi sợ trước sự tức giận và khao khát được đồng tình, nhưng trong hai đứa học trò của tôi, không đứa nào chịu ảnh hưởng bởi những điều đó.

Cậu chủ Tom, không bằng lòng khi người khác không tuân theo ý cậu, chắc chắn có nhu cầu thống trị, và thể hiện quyết tâm khiến không chỉ những đứa em mà cả gia sư của mình cũng phải trật tự bằng cả vũ lực lẫn sự thỉnh cầu kiểu đòn bẩy. Là một cậu bé lên bảy to khỏe, cao lớn so với tuổi của mình, cách hành xử đó của cậu gây ra sự khó chịu không nhỏ. Vài lời nỉ non đôi khi có thể khiến vấn đề được giải quyết một cách dễ dàng, nhưng trong trường hợp đó cậu có thể bịa ra một câu chuyện để nói với mẹ cậu, mà chắc chắn bà mẹ sẽ tin, bởi vì bà có niềm tin không gì lay chuyển nổi về tính trung thực của cậu – mặc dù tôi đã phát hiện ra rằng điều đó đáng ngờ – tôi quyết tâm kiềm chế không đối đầu với cậu, ngay cả khi để tự vệ, và vào lúc cậu hung dữ nhất, cách xoay xử duy nhất của tôi là giữ tay, giữ chân cậu cho tới khi cơn khùng của cậu dịu đi. Ngăn không cho cậu thực hiện những việc cậu không được phép làm đã khó, bắt buộc cậu làm những việc cậu phải làm càng khó hơn. Thường thì cậu khăng khăng không chịu học, từ chối ôn bài, thậm chí không chịu nhìn vào sách. Một lần nữa, cái roi bulô có thể được sử dụng, nhưng vì quyền lực của tôi có hạn, tôi phải sử dụng nó một cách hiệu quả nhất.

Bởi vì chẳng hề có sẵn quy định nào cho việc học và chơi, tôi quyết định giao cho các học trò của mình một việc cụ thể mà, với sự chăm chú khiêm tốn, chúng vẫn có thể hoàn thành trong một thời gian ngắn. Tuy nhiên, bắt buộc được chúng thực hiện việc được giao cũng

đủ khiến tôi mệt mỏi. Chúng vốn ngoan cố, lại không bao giờ thiếu sự can thiệp của phụ huynh khiến tôi thất bại trong việc giữ chúng ở trong phòng học, cho dù tôi ngồi kiên định ở cửa để canh chúng. Sự kiên nhẫn, kiên quyết, và bền chí là những vũ khí duy nhất của tôi, và tôi cố gắng sử dụng chúng một cách hiệu quả nhất. Tôi quyết tâm sẽ giữ mục tiêu nói đi đôi với làm cả khi đe nẹt lẫn khi tôi hứa hẹn, và để đạt được mục tiêu đó, tôi phải thận trọng không đe dọa và không hứa hẹn những gì mà mình không thể thực hiện được. Tôi sẽ phải kiềm chế mọi sự cáu giận và sự nuông chiều không có lợi. Khi chúng cư xử tốt, tôi sẽ phải thể hiện sự ân cần và lòng nhiệt tình trong khả năng của mình để chúng thấy sự khác biệt giữa tốt và xấu một cách rõ ràng nhất có thể. Tôi cũng sẽ tranh luận với chúng theo cách hiệu quả và đơn giản nhất. Khi tôi khiển trách chúng hoặc từ chối thỏa mãn ý thích của chúng, sau một lỗi rõ ràng rành, tôi sẽ thể hiện thái độ buồn hơn là tức giận. Tôi sẽ giảng giải ý nghĩa của những bài thánh ca và những lời cầu nguyện một cách đơn giản và rõ ràng cho chúng hiểu. Khi chúng cầu nguyện vào buổi tối và sám hối cho những tội lỗi mà chúng phạm phải, tôi sẽ nhắc chúng nhớ những tội lỗi của ngày đã qua, một cách nghiêm túc, nhưng bằng sự ân cần, để tránh đẩy cao tinh thần chống đối. Những đứa trẻ ngang bướng, vui nhộn sẽ đọc những lời sám hối một cách ngoan ngoãn và mọi kiến thức tôi truyền cho chúng qua những cuộc nói chuyện thú vị – sẽ là niềm thích thú hiện thời của chúng.

Tôi hy vọng theo thời gian, những cách này vừa có lợi cho bọn trẻ vừa giúp tăng thêm sự tán thành của cha mẹ chúng đối với tôi, và cũng thuyết phục những người thân của tôi ở nhà rằng tôi không quá thiếu kỹ năng và sự cẩn thận như họ nghĩ. Tôi biết những khó khăn mà mình phải đối mặt rất lớn, nhưng tôi biết (ít nhất tôi tin) lòng kiên nhẫn và sự kiên trì, bền bỉ có thể giúp tôi vượt qua những khó khăn đó. Tối nào, sáng nào tôi cũng cầu Chúa phù hộ cho tôi đạt được mục tiêu này. Nhưng hoặc là bọn trẻ ngang bướng quá, hoặc là cha mẹ

chúng không biết điều, hoặc là tôi cũng mắc sai lầm trong cách nhìn, hoặc không có khả năng đảm nhiệm việc dạy dỗ chúng nên mọi thiện ý và những nỗ lực lớn nhất của tôi dường như chẳng đem lại kết quả nào, chỉ làm trò cười cho bọn trẻ, khiến cha mẹ chúng không hài lòng, và làm bản thân mình khổ sở.

Việc dạy dỗ ấy đối với tôi thực sự cực nhọc cả về thể xác lẫn tinh thần. Tôi phải chạy theo các học trò của mình để bắt chúng, để đưa hoặc lôi chúng vào bàn học, và thường buộc phải giữ chúng ở đó cho đến khi bài học kết thúc. Tom thường ngồi ở một góc, bắt tôi phải ngồi trên ghế trước mặt nó, với một cuốn sách có bài học nhỏ mà nó phải đọc, trước khi nó thoát ra khỏi đó. Nó không đủ khỏe để đẩy cả tôi và cái ghế ra, vậy nên nó đứng vịn vẹo người, nhìn nhó theo cách kỳ cục và dị thường nhất – với một người không liên quan thì chắc chắn rất buồn cười, nhưng với tôi thì không – và bật ra những tiếng hú hét, kêu la, giả vờ khóc mà tuyệt nhiên không có một giọt nước mắt nào. Tôi biết nó làm thế chỉ để gây phiền phức cho tôi, vậy nên, tuy giận run người, tôi vẫn cố gắng dẫn tất cả những biểu hiện cho thấy mình đang phiền lòng và giả vờ ngồi đó với sự bình tĩnh không lay chuyển, đợi cho tới khi nó từ bỏ trò tiêu khiển đó và chuẩn bị cho cuộc đào tẩu, bằng cách nhìn vào sách và đọc hoặc nhắc lại một số từ nó cần phải đọc. Thịnh thoảng nó cố tình làm bài tập viết một cách rất tệ, và tôi phải cầm tay nó để ngăn không cho nó bôi bẩn hoặc vò nhàu giấy. Tôi thường dọa rằng nếu nó không viết một cách nghiêm túc hơn, thì nó sẽ phải viết thêm một dòng nữa, sau đó nó ngang bướng không chịu viết dòng đó và tôi giữ lời, cuối cùng phải dùng đến cách nắm bàn tay cầm bút của nó, bắt tay nó viết, cho đến khi, bất chấp sự phản kháng của nó, dòng chữ đó được viết xong.

Tuy nhiên Tom không phải là đứa học trò khó dạy nhất của tôi. Thịnh thoảng, tôi thật mừng vì nó nhận ra rằng cách giải quyết khôn ngoan nhất là hoàn thành bài học, và ra ngoài chơi cho tới khi tôi và các em gái của nó ra chơi cùng. Thường thì tất cả không được ra ngoài

chơi cùng một lúc, bởi vì Mary Ann hiếm khi noi gương anh nó ở điểm này. Nó có vẻ thích lăn trên sàn nhà hơn là ra ngoài chơi: nó lăn uỳnh uych trên sàn nhà như một vật nặng và khi tôi phải vất vả lắm mới có thể lôi nó dậy được, tôi vẫn phải dùng một tay giữ nó đứng, trong khi tay kia cầm cuốn sách mà nó phải đọc hoặc đánh vần bài học. Khi trọng lượng của một đứa bé sáu tuổi mập mạp trở nên quá nặng để một cánh tay của tôi có thể giữ, tôi đổi tay, hoặc nếu cả hai tay quá mỏi, tôi lôi nó vào một góc phòng, nói với nó rằng nó có thể ra ngoài để nó nhớ sử dụng đôi chân mà đứng dậy, nhưng nói chung nó thích nằm ở đó như một khúc gỗ cho tới giờ ăn tối hoặc bữa trà, khi mà, vì tôi không thể tước đi của nó bữa ăn, nó chắc chắn được giải phóng và sẽ bò ra khỏi phòng với nụ cười đắc thắng nở trên khuôn mặt tròn, đỏ bừng của nó. Thường thì nó ngang bướng không chịu phát âm một từ cụ thể trong bài học, còn tôi thì tiếc bao công sức mà mình đã bỏ ra trong nỗ lực chiến thắng tính khó bảo của nó. Nếu tôi cho qua chuyện đó như bỏ qua một chuyện nhỏ nhặt, thì có thể sẽ tốt cho cả hai bên, hơn là cố chinh phục nó như tôi đã làm, nhưng tôi nghĩ nhiệm vụ thực chất của tôi là loại bỏ xu hướng xấu này khi nó vừa nảy nòi, và quả thực, nếu tôi có thể làm được điều đó, và nếu quyền lực của tôi không bị hạn chế, thì tôi đã có thể làm cho nó phải vâng lời, nhưng thực tế đó là một cuộc thử thách về sức mạnh giữa con bé và tôi, trong đó nó hầu như giành chiến thắng, và mọi chiến thắng đều có tác dụng khuyến khích nó, làm nó mạnh thêm cho một cuộc đấu tranh mới. Tôi tranh luận, dỗ dành, khẩn nài, đe dọa, mắng mỏ nó nhưng vô ích. Tôi bắt nó ở trong nhà cả ngày không được ra ngoài chơi, hoặc nếu nó nghe lời thì tôi sẽ cho nó ra, tôi từ chối chơi với nó, hoặc nói chuyện ân cần, làm bất cứ điều gì với nó đều chẳng ăn thua. Tôi cố gắng chỉ cho nó thấy những lợi ích của việc vâng lời, rằng nó sẽ được yêu mến, và được đối xử tốt nếu nó nghe lời và những bất lợi của việc khăng khăng giữ cái thói ngang bướng ngu xuẩn của nó. Thỉnh thoảng, khi nó bảo tôi làm việc gì đó cho nó, tôi trả lời – “Được, nếu em nói từ đó,

thì cô sẽ làm, Mary Ann ạ. Lại đây, nói từ đó đi, và cô sẽ làm cho em, không vấn đề gì.”

“Không.”

“Vậy thì, dĩ nhiên, cô không thể làm gì cho em.”

Với tôi, ở tuổi của con bé, hoặc nhỏ hơn, sự không quan tâm và sự ghét bỏ là những hình phạt đáng sợ nhất, nhưng với nó những điều đó chẳng có tác dụng gì. Đôi khi, giận đến cực điểm, tôi nắm vai nó lắc mạnh, giật bím tóc dài của nó hoặc kéo nó vào góc phòng, và nó trừng phạt tôi bằng những tiếng hét như dao đâm xuyên óc. Nó biết tôi ghét điều đó, và khi nó hét to nhất, nó nhìn thẳng vào mặt tôi với vẻ thỏa mãn của kẻ báo thù, rồi nó gào lên – “Đấy, cho cô đấy!” – và lại tiếp tục hét, cho đến khi tôi buộc phải bịt tai lại. Thường thì những tiếng hét đáng sợ đó sẽ khiến bà Bloomfield tìm đến phòng học xem có chuyện gì đang xảy ra.

“Mary Ann là một đứa bé gái bướng bỉnh thừa bà.”

“Nhưng tại sao nó lại hét kinh khủng như vậy?”

“Nó hét vì nó thích.”

“Tôi chưa bao giờ nghe thấy tiếng gì đáng sợ như thế! Cô có thể giết chết con bé đấy. Tại sao nó không được ra ngoài chơi với anh nó?”

“Tôi không thể nào bắt bé hoàn thành bài học của nó được.”

“Nhưng Mary Ann *chắc chắn* là một bé gái ngoan, và chắc chắn hoàn thành bài học của mình.” Câu này được nói một bằng giọng điệu dàng với đứa trẻ. “Và tôi hy vọng sẽ không bao giờ nghe thấy những tiếng hét kinh khủng như vậy nữa!”

Rồi nhìn chăm chăm vào tôi bằng ánh mắt lạnh lùng, bà đóng cửa lại và đi khỏi đó. Thỉnh thoảng tôi cố làm cho đứa trẻ ngang bướng đó bất ngờ bằng cách bất thành linh hỏi về từ nó phải học trong khi nó đang nghĩ đến thứ khác. Thường thì nó nói từ đó, rồi ngay lập tức tỏ ra hỗn xược, ném vào tôi một cái nhìn khiêu khích như muốn nói: “Đấy! Em quá thông minh đối với cô. Cô không thể đánh lừa em được đâu.”

Một lần khác, tôi giả vờ hoàn toàn quên chuyện học hành. Tôi nói chuyện và chơi với nó như bình thường cho đến tối, khi tôi cho nó đi ngủ, sau đó tôi cúi xuống bên nó, trong khi nó nằm đó mỉm cười trong tâm trạng vui vẻ. Ngay trước khi rời khỏi phòng tôi nói bằng giọng vui vẻ và ân cần như trước: “Nào, Mary Ann, hãy nói cho cô nghe từ đó trước khi cô hôn chúc em ngủ ngon nào. Lúc này em là một cô bé ngoan, và tất nhiên, em sẽ nói từ đó.”

“Không, em sẽ không nói đâu.”

“Vậy thì cô không thể hôn em đâu.”

“Em cóc cần.”

Tôi có bộc lộ nỗi buồn của mình cũng vô ích. Dù tôi nấn ná chờ đợi một dấu hiệu nào đó của sự ăn năn cũng chẳng ăn thua. Con bé thực sự “cóc cần”, và tôi để nó ở đó một mình trong bóng tối, choáng váng trước bằng chứng cuối cùng của sự bướng bỉnh nhẫn tâm đó. Trong thời thơ ấu tôi không thể tưởng tượng nổi một hình phạt nào khiến tôi khổ sở hơn việc mẹ tôi từ chối hôn tôi trước khi đi ngủ: chỉ nghĩ đến điều đó thôi tôi cũng cảm thấy thật tệ. Tôi mới chỉ cảm nhận cảm giác đó trong sự tưởng tượng thôi, bởi thật hạnh phúc, tôi chưa bao giờ phạm lỗi đến mức đáng phải chịu hình phạt ấy, nhưng tôi nhớ có lần, vì một lỗi nào đó của chị tôi, mẹ tôi đã thực sự nghĩ đến việc bắt chị phải chịu hình phạt đó. Tôi không biết khi ấy chị tôi cảm thấy như thế nào, nhưng những giọt nước mắt thương cảm và buồn cho chị đã rơi trên má tôi khiến mãi sau này tôi vẫn nhớ trải nghiệm đó.

Một điều gây khó chịu khác ở Mary Ann là thói quen chạy vào phòng trẻ chơi với những đứa em gái nhỏ và người vú em của nó, một thói quen không thể sửa được. Đó là điều tự nhiên, nhưng nó trái với mong muốn của bà mẹ, nên tôi dĩ nhiên cấm nó không được làm như vậy, và cố gắng hết sức giữ nó ở chỗ tôi, nhưng điều đó chỉ càng làm tăng thêm cảm giác thích được đến phòng trẻ của nó, và tôi càng cố gắng ngăn nó không đến đó, thì nó càng hay đến đó hơn, càng ở đó lâu hơn, dẫn đến sự không hài lòng của bà Bloomfield, người mà tôi biết

rõ, sẽ quy mọi trách nhiệm cho tôi. Một thử thách khác của tôi là việc thay quần áo cho nó vào buổi sáng. Lần thì nó không chịu tắm rửa, lần khác nó không chịu mặc quần áo, trừ khi nó được mặc cái áo choàng mà mẹ nó không thích nó mặc. Có lần nó la hét và chạy trốn khi tôi cố chạm vào tóc nó. Vậy nên, thường thì phải đánh vật với nó rất vất vả tôi mới có thể đưa nó xuống nhà, khi mà bữa sáng đã diễn ra được một nửa thời gian, và cái nhìn chăm chăm như lờm nguýt từ “mẹ” và những lời bình phẩm đầy cáu gắt từ “cha” chắc chắn là phần thưởng dành cho tôi, bởi vì có một số điều gây bực tức cho người cha nhiều đến mức cứ đúng bữa ăn là ông phải xả. Khi đó cái thực tế tôi không có khả năng làm hài lòng bà Bloomfield trong việc giúp con gái bà chọn váy áo để mặc chỉ là một trong những nỗi buồn phiền nhỏ nhất của tôi mà thôi. Và còn nữa, kiểu tóc của đứa trẻ “trông chẳng bao giờ hợp với nó”. Đôi khi, như một sự trách mắng dữ dội nhằm vào tôi, bà bộc lộ cách hành xử của người phụ nữ mệt mỏi, phàn nàn bằng giọng chua cay về sự khó chịu mà việc không ưng ý đó gây ra cho bà.

Khi con bé Fanny đến phòng học, tôi hy vọng nó hiền lành và không gây phiền nhiễu, nhưng chỉ vài ngày, nếu không muốn nói là vài giờ, đã đủ để phá tan cái ảo tưởng đó của tôi. Tôi nhận thấy nó là đứa trẻ tinh quái, khó bảo, dễ nhượng bộ trước sự giả dối và lừa gạt, mới tí tuổi đầu đã thích sử dụng hai thứ vũ khí ưa thích để tấn công và phòng vệ: đó là nhổ nước bọt vào mặt người nào nó tức giận, và gầm lên như bò rống khi những đòi hỏi vô lý của nó không được đáp ứng. Nhìn chung nó khá trật tự khi có mặt cha mẹ, và họ ấn tượng với ý niệm rằng nó là một bé gái khá dịu dàng, kiểu hiền lành giả tạo của nó khiến người khác rất dễ tin, còn những tiếng gầm của nó khiến họ nghi ngờ rằng tôi đã đối xử thiếu suy nghĩ gây khó chịu đối với nó, và khi mà cuối cùng tính xấu của nó trở nên rõ ràng trước con mắt đầy thành kiến của họ, tôi cảm thấy rằng họ nghĩ chính tôi đã làm con bé thành ra như vậy.

“Con bé Fanny dạo này bướng thế!” Bà Bloomfield nói với chồng. “Mình không thấy nó thay đổi tính nết từ khi nó sang phòng học sao? Nó sẽ sớm hư như hai đứa kia thôi, và em rất tiếc phải nói rằng gần đây bọn trẻ sinh hư.”

“Em nói có lý”, là câu trả lời. “Anh cũng nghĩ như vậy. Anh cứ nghĩ khi chúng ta thuê gia sư thì bọn trẻ sẽ ngoan hơn cơ, nhưng, ngược lại, chúng càng ngày càng hư. Anh không biết chuyện học hành của chúng như thế nào nhưng anh biết những thói quen của chúng thì chẳng được cải thiện chút nào, càng ngày chúng càng hoang dã, bần thủ và bất lịch sự hơn.”

Tôi biết những lời nhận xét đó nhằm vào tôi, và những lời nói ấy, cũng như tất cả những câu nói bóng gió khác, đều ảnh hưởng nặng nề đến tôi hơn bất cứ lời chỉ trích, buộc tội trực diện, công khai nào, bởi vì nếu họ phê bình thẳng thắn và công khai thì tôi còn có thể lên tiếng biện hộ cho bản thân. Tôi nghĩ rằng tốt nhất tôi nên chế ngự mọi cơn phẫn uất, kìm nén phản ứng co rúm người vì nhạy cảm, và kiên trì tiếp tục việc của mình, cố gắng hết mức có thể, bởi vì hoàn cảnh càng khó khăn, tôi càng tha thiết mong muốn mình trụ vững được. Tôi nghĩ nếu tôi có thể trụ được với sự kiên trì không thể lay chuyển, dần dần bọn trẻ sẽ trở nên nhân đạo hơn: mỗi tháng trôi qua chúng sẽ khôn lên một chút, và trở nên dễ quản lý hơn, bởi vì không lẽ một đứa trẻ chín hoặc mười tuổi lại hoang dã và khó bảo như những đứa trẻ sáu hoặc bảy tuổi.

Tôi tự vỗ về bản thân rằng tôi tiếp tục ở đây là có lợi cho cha mẹ và chị gái, bởi vì, dù ít ỏi, tôi vẫn đang kiếm được thu nhập và với sự dè xẻn, tôi có thể dễ dàng dành dụm được chút tiền cho gia đình, nếu như cha mẹ và chị tôi vui lòng nhận nó. Và lại, chính tôi muốn đi làm gia sư. Tôi đã tự chuốc lấy tất cả những nỗi khổ cực này, và tôi quyết tâm chịu đựng nó. Hơn thế, tôi thậm chí không hối tiếc về bước đi mà mình đã thực hiện. Thậm chí ngay cả bây giờ tôi vẫn muốn chứng tỏ cho người thân thấy rằng tôi vui lòng đảm nhận việc này và có thể

hoàn thành nó từ đầu đến cuối một cách đáng tự hào và nếu tôi từng cảm thấy thấp kém đến mức lạng lẽ đầu hàng hoặc không thể chịu đựng nổi nỗi khổ cực triền miên, thì tôi sẽ quay về với gia đình và tự nhủ:

Gian nan, khổ cực có thể chèn ép, nhưng không thể khuất phục được tôi!

“Nghĩ về người thân của mình, mà quên đi khó khăn.”

Dịp Giáng sinh tôi được phép về thăm nhà, nhưng kỳ nghỉ của tôi chỉ kéo dài hai tuần lễ, “bởi vì”, bà Bloomfield nói, “Cô mới xa người thân của mình chưa lâu lắm, nên cô sẽ không thích ở nhà lâu hơn đâu.” Bà ấy nghĩ thế nào thì tùy, nhưng bà ấy đâu biết mười bốn tuần xa nhà đối với tôi nặng nề và dài đến mức nào. Bà ấy đâu biết tôi mong đến kỳ nghỉ biết bao, tôi thất vọng biết chừng nào trước sự cắt xén của họ. Tuy nhiên tôi không trách bà về chuyện đó. Tôi chưa bao giờ nói cho bà biết cảm giác của mình, và bà cũng chẳng quan tâm đến những cảm giác đó. Tôi chưa làm việc cho bà đủ một kỳ học, và việc bà không cho phép tôi nghỉ trọn đợt phép của một kỳ học là điều có thể biện minh được.

Chương IV

Người bà

Khỏi phải nói các bạn cũng có thể hình dung tôi vui như thế nào khi được trở về nhà, hạnh phúc ra sao khi được ở bên gia đình – tận hưởng từng phút nghỉ ngơi và tự do ở nơi quen thuộc đó, giữa những người thân yêu – tôi cũng chẳng cần diễn tả nỗi buồn khi lại đành phải nói lời tạm biệt gia đình một lần nữa.

Tuy vậy, với sự mạnh mẽ không hề giảm sút, tôi trở lại với công việc – một công việc gian khổ đến mức khó hình dung nổi đối với bất cứ ai chưa từng cảm nhận sự khổ cực của việc phải chịu trách nhiệm chăm sóc và dạy dỗ một nhóm trẻ ngỗ ngược, tinh quái, thích nổi loạn mà ngay cả khi người đó cố gắng hết sức cũng không thể buộc chúng thực hiện nhiệm vụ học tập, trong khi, đồng thời, người đó phải chịu trách nhiệm về hạnh kiểm của chúng trước những người có quyền lực cao hơn đòi hỏi ở cô ta những điều không thể nào đạt được nếu như không có sự trợ giúp của người giám sát cấp trên: vì sự lười biếng, lơ là hoặc vì sợ không được nhóm trẻ nổi loạn kia yêu thích mà những người có quyền lực cao hơn ấy không chịu trợ giúp. Tôi có thể hình dung ra một số gia sư phải đương đầu với những khó khăn lớn hơn thế: dù bạn khao khát sự thành công, dù bạn nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ, những nỗ lực của bạn bị cản trở và bị những người dưới quyền của bạn làm cho trở thành công cốc, và bị những người ở trên bạn khiển trách một cách thiếu công bằng.

Tôi mới chỉ kể chưa đến một nửa những điều khó chịu mà những học trò của mình gây ra, cũng như những khó khăn nảy sinh từ công việc của mình, vì tôi sợ xâm phạm quá nhiều sự kiên nhẫn của người đọc, nhưng có lẽ, dù muốn hay không, sự kiên nhẫn của các bạn cũng bị xâm phạm rồi. Máy trang gần đây của tôi không thú vị gì, nhưng

chúng có lợi cho những ai quan tâm. Người nào không quan tâm đến những vấn đề như vậy chắc chắn sẽ bỏ cách quãng những trang đó, chỉ đọc lướt qua mà thôi, và có lẽ người viết cuốn sách này sẽ bị chê trách vì sự dài dòng, nhưng nếu một bậc phụ huynh có thể thu thập được bất kỳ lời khuyên thực tế nào, hoặc một người gia sư kém may mắn có thể tìm thấy điều gì đó hữu ích từ những gì tôi kể, thì sự vất vả của tôi coi như đã được đền đáp xứng đáng.

Để tránh sự lộn xộn và làm cho bạn đọc dễ hiểu, tôi đã kể về từng học trò của mình, về tính cách khác biệt của chúng, nhưng làm như thế tôi không thể mang đến cho các bạn ý niệm đầy đủ về sự vất vả, khổ sở mà cả ba đứa trẻ cùng lúc gây ra cho tôi, khi mà, thường thì cả ba đều kiên quyết “ngang bướng, nghịch ngợm, để trêu cô Grey, và làm cho cô tức giận”.

Thỉnh thoảng, vào những lúc như thế, ý nghĩ này bỗng xuất hiện trong đầu tôi – “nếu như người thân của tôi ở nhà thấy tôi trong hoàn cảnh này!”, và ý nghĩ cha mẹ và chị gái sẽ thương xót tôi đến mức nào khiến tôi tủi thân – đến mức phải cố gắng hết sức mới kìm được nước mắt. Nhưng tôi đã kìm nén được, cho tới khi những kẻ hành hạ mới tí tuổi đầu ấy xuống nhà ăn bữa sáng miệng, hoặc đi ngủ (viễn cảnh duy nhất của tôi về sự giải thoát), để rồi sau đó trong niềm hạnh phúc được ở một mình, tôi đầu hàng trước nhu cầu giải phóng một cơn nức nở thỏa thuê. Đó là một nhược điểm không được tôi nuông chiều thường xuyên. Việc của tôi quá nhiều, những phút rảnh rỗi của tôi quá quý giá nên tôi không thể dành nhiều thời gian cho sự khốc than vô ích.

Tôi đặc biệt nhớ buổi trưa của một ngày thời tiết xấu, có tuyết rơi, sau khi tôi trở lại đó vào tháng Một. Bọn trẻ đã xuống nhà ăn trưa, tuyên bố bằng giọng oang oang rằng, chúng muốn “ngang bướng”, và chúng sẽ tiếp tục thói xấu đó, mặc dù tôi đã nói khản cả giọng, mỗi cả mồm, đã cố gắng giảng giải và khuyên chúng đừng ngang bướng. Tôi đã bắt Tom đứng vào góc phòng, và nói rằng nó không được trốn khỏi đó cho đến khi nào làm xong bài tập. Trong khi đó, Fanny lấy chiếc túi

đựng đồ khâu của tôi, lục lọi các thứ trong túi – và nhổ nước bọt vào đó. Tôi bảo nó để chiếc túi yên đó, nhưng tất nhiên không có tác dụng. “Đốt nó đi, Fanny!” Tom gào lên, và đưa em gái nghe lệnh của anh nó ngay lập tức. Tôi lao tới giật cái túi ra khỏi lò sưởi, còn Tom lao ra cửa như tên bắn. “Mary Ann, ném cái bàn viết của cô ta ra cửa sổ đi!” Nó gào lên. Và cái bàn viết quý giá trên đó có những bức thư, những tờ giấy và một chút tiền mặt, tất cả những thứ giá trị của tôi sắp sửa bị đẩy khỏi cửa sổ tầng ba. Tôi lao như bay tới để cứu nó. Trong khi đó Tom đã ra khỏi phòng, và đang chạy xuống thang gác, theo sau là Fanny. Cứu được cái bàn, tôi chạy xuống để bắt bọn trẻ, và Mary Ann chạy theo sau. Cả ba đứa trẻ đều đã trốn khỏi tôi, chạy ra vườn, nghịch tuyết, la hét một cách vui sướng, hả hê.

Tôi phải làm gì đây? Nếu tôi chạy đuổi theo chúng, có lẽ tôi sẽ không thể bắt được một đứa nào, và chỉ càng khiến chúng chạy xa hơn. Nếu tôi không đuổi theo chúng, thì làm thế nào tôi bắt chúng quay vào nhà được? Cha mẹ chúng sẽ nghĩ gì về tôi, nếu họ nhìn thấy, nghe thấy bọn trẻ nô nghịch trong tuyết dày, không đội mũ, không đi giày cao cổ, không mang găng tay? Đang đứng ở gần cửa trong sự bối rối, cố gắng làm chúng sợ và khuất phục bằng cái nhìn trừng trừng và những lời tức giận, tôi nghe thấy một giọng nói chua cay, gay gắt vang lên từ phía sau –”

“Cô Grey! Liệu có thể như thế được chẳng? Trời đất quỷ thần ơi, cô đang nghĩ gì thế hả?”

“Tôi không thể bắt chúng vào nhà được, thưa ông”, tôi nói, quay đầu lại và trông thấy ông Bloomfield với đôi mắt màu xanh đục long sòng sọc.

“Nhưng tôi muốn chúng phải vào nhà ngay lập tức!” Ông ta gào lên, tiến đến gần, trông thực sự dữ tợn.

“Vậ thì, thưa ông, ông có thể gọi bọn trẻ vào, nếu ông muốn, bởi vì chúng không nghe lời tôi”, tôi đáp, và bước lùi lại.

“Vào ngay, những đứa trẻ hỗn xược bản thiêu, nếu không ta sẽ dùng roi ngựa quất từng đứa một!” Ông ta gầm lên, và bọn trẻ nghe lời ông ngay lập tức. “Đấy, cô thấy chưa! Tôi nói một tiếng là chúng vào ngay!”

“Vâng, khi ông lên tiếng.”

“Thật lạ, khi cô là người trông nom bọn chúng mà cô không thể điều khiển được bọn chúng tốt hơn thế! – Bây giờ chúng đi lên gác – những cái chân đây tuyệt thật kinh tởm! Đi theo chúng mau đi và làm cho chúng sạch sẽ, lịch sự đi, vì Chúa!”

Khi đó mẹ đẻ của ông đang ở trong nhà, và khi tôi bước về phía cầu thang, đi ngang qua cửa phòng khách, tôi nghe thấy bà ấy nói với con dâu những lời này. (Tôi chỉ có thể nghe được những từ được nhấn mạnh).

“Ôi, trời ơi! – Trong đời mình mẹ chưa từng thấy! – Chắc chắn sẽ làm chúng chết mất – ! Con à, con nghĩ cô ta có phải là một con người không hả? Hãy tin lời mẹ nói –”

Tôi không nghe được gì nữa, nhưng như thế là đủ.

Từ trước đến giờ lão bà Bloomfield quan tâm và rất lịch sự với tôi. Cho đến tận bây giờ tôi cứ nghĩ đó là một bà lão tốt bụng, có trái tim nhân hậu, vui tính. Bà thường đến chỗ tôi và nói chuyện bằng giọng thăm thì đầy vẻ bí mật, gật và lắc đầu, ra hiệu bằng tay và mắt. Tôi chưa bao giờ biết một quý bà nào mang phong cách kỳ quặc ấy. Bà thậm chí thông cảm với những khó khăn mà tôi gặp phải với bọn trẻ, và đã nhiều lần, bằng những câu nói bị bỏ lửng, những cái gật đầu và nháy mắt lém lỉnh, bà bày tỏ rằng bà hiểu cách chỉ đạo thiếu suy nghĩ trong việc hạn chế quyền lực của tôi, và sự lơ là trong việc sử dụng quyền lực của mình để hỗ trợ tôi của mẹ bọn trẻ. Tôi không thích cái kiểu biểu lộ sự không tán thành ngầm như thế, và nhìn chung tôi không sẵn sàng tin, hoặc không thực sự hiểu nó bằng những lời nói công khai. Tôi chưa bao giờ đi xa hơn việc biểu lộ rằng nếu mọi chuyện đều theo quy củ và trật tự, thì công việc của tôi sẽ bớt khó

khăn hơn, và tôi sẽ có thể hướng dẫn và dạy dỗ các học trò của mình tốt hơn, nhưng bây giờ, không còn nghi ngờ gì, tôi phải thận trọng. Trước đây, mặc dù tôi nhận thấy bà cụ có những nhược điểm (một trong những nhược điểm đó là xu hướng khoe khoang những khả năng hoàn hảo của mình), tôi luôn muốn biện minh cho những nhược điểm ấy, và khen ngợi mọi đức tính tốt mà bà sở hữu, thậm chí tưởng tượng ra những nét tốt khác chưa bộc lộ. Sự tử tế vốn là nguồn dinh dưỡng của cuộc đời tôi trong nhiều năm, ấy thế mà gần đây tôi đã bị từ chối, không được hưởng sự tử tế mà dù chỉ một dấu hiệu nhẹ nhất của nó cũng được tôi đón chào bằng niềm vui sướng đầy biết ơn. Không ngạc nhiên vì trái tim tôi dành sự ấm áp cho bà cụ ấy và luôn vui khi thấy bà xuất hiện và tiếc nuối khi bà rời khỏi đó.

Nhưng bây giờ, vài lời mà do may hoặc không may tôi nghe lỏm được khi đi ngang qua cửa phòng khách đã cách mạng hóa toàn bộ những ý nghĩ kính trọng bà trong tôi: giờ đây tôi coi bà là một kẻ đạo đức giả, không chân thành, một kẻ nịnh bợ, hay xét nét. Chắc chắn sẽ có lợi cho tôi nếu tôi vẫn gặp bà với nụ cười vui vẻ và giọng nói chân thành đầy kính trọng như trước, nhưng tôi không thể. Thái độ của tôi thay đổi theo tình cảm trong tôi, và tôi trở nên xa cách và cảnh giác đến mức bà cụ không thể không để ý. Ngay khi nhận ra sự thay đổi đó ở tôi, thái độ của bà cụ cũng thay đổi: cái gật đầu thân thiện đã được đổi thành động tác gật đầu chào cứng nhắc, và nụ cười hòa nhã đã được thay thế bằng cái nhìn trừng trừng đầy giận dữ. Tính hay nói, đầy sôi nổi của bà giờ đây không dành cho tôi mà dành cho “cháu trai và các cháu gái yêu quý”, những đứa trẻ mà bà cưng nịnh và nuông chiều một cách lố bịch hơn cả mẹ của chúng.

Phải thú thật rằng tôi cảm thấy buồn đôi chút vì sự thay đổi này. Tôi sợ những hậu quả từ sự không hài lòng của bà và thậm chí cố gắng để giành lại “sân” mà tôi đã để mất – và tôi đã biết trước thế nào tôi cũng sẽ thành công ít nhiều. Một lần, tôi đơn giản chỉ hỏi thăm sau khi thấy bà ho: ngay lập tức khuôn mặt dài của bà nở nụ cười, và bà hạ cổ

nói cho tôi biết lịch sử đặc thù của chứng ho đó cùng những chứng bệnh khác, kèm theo đó là câu chuyện về sự chịu đựng đầy ngoạn đạo của bà, một câu chuyện được kể theo phong cách hùng hồn, thừa thãi sự nhấn giọng, mà không cuốn sách nào có thể miêu tả hết được.

“Nhưng có một cách giải quyết tất cả các chứng bệnh, cô gái thân mến ạ, và đó là sự tuân phục” (kèm động tác hất đầu), “thuận theo ý Trời!” (kèm theo động tác giơ hai tay và ngược mắt lên cao). “Cách đó luôn giúp ta vượt qua các thử thách, và luôn có tác dụng” (gật đầu lia lịa). “Nhưng không phải ai cũng có thể nói điều đó đâu” (lắc đầu), “nhưng ta là người ngoạn đạo, cô Grey ạ!” (một động tác gật và hất đầu đầy hàm ý). “Và ơn Trời, ta luôn như vậy” (thêm một cái gật đầu nữa), “và ta hãnh diện vì điều đó!” (vỗ tay và lắc đầu). Và với một câu trong Kinh thánh, được trích dẫn sai hoặc áp dụng không đúng chỗ, và những từ cảm thán tôn giáo lộ bịch trong cách nói và thái độ biểu đạt đến nỗi tôi không muốn nhắc lại, bà đi chỗ khác, hất cái đầu to của bà một cái trong sự hài lòng – ít nhất là với chính bản thân mình.

Trong chuyến viếng thăm tiếp theo của bà tới Wellwood, tôi tiến xa đến mức nói rằng tôi vui khi thấy bà trông thật khỏe khoắn. Tác dụng của câu nói đó thật kỳ diệu: những lời nhận xét kiểu xã giao như vậy lại được hiểu như một lời khen nịnh, vẻ mặt của bà cụ rạng rỡ hẳn lên, và từ lúc đó trở đi bà đối xử với tôi hòa nhã và tốt bụng hết mực – ít nhất là qua những gì bà biểu lộ. Từ những gì giờ đây tôi thấy ở bà, và từ những gì tôi nghe được qua bọn trẻ, tôi biết rằng, để có được tình bạn thân ái với bà, tôi phải thốt ra một lời khen nịnh vào mỗi dịp thuận tiện, nhưng điều đó trái với nguyên tắc sống của tôi và bởi vì thiếu điều này, quý bà đồng bóng đó sẽ lại mau chóng tước mất sự ưu ái dành cho tôi và tôi tin bà sẽ lại ngấm ngấm làm tổn thương tôi.

Bà không có ảnh hưởng lớn đối với con dâu trong việc chống lại tôi, bởi vì mẹ con họ không ưa nhau. Điều đó chủ yếu được bộc lộ qua sự gièm pha và nói xấu sau lưng con dâu của bà. Còn con dâu bà thể hiện điều đó qua sự trang nghiêm lạnh lùng trong cách xử sự, và

không có sự khen nịnh nào của bà mẹ chồng có thể làm tan bức tường băng giá mà người con dâu dựng lên giữa họ. Nhưng với con trai mình, bà cụ thành công hơn. Ông chủ nhất nhất nghe lời mẹ, miễn sao bà xoa dịu tính khí cáu kỉnh của ông, và biết kiềm chế không làm ông ta điên tiết bởi sự nghiêm khắc của bà. Và tôi có lý do để tin rằng bà mẹ ấy làm tăng một cách đáng kể những thành kiến của con trai bà đối với tôi. Bà thường nói với con trai rằng tôi lơ là việc dạy dỗ bọn trẻ một cách đáng xấu hổ, và ngay cả mẹ của chúng cũng không quan tâm đến chúng đúng mức, và rằng con trai bà phải đích thân để mắt đến chúng nếu không, chúng sẽ hư hỏng cả lũ.

Bị xúi bẩy như vậy, ông chủ thường tự chuốc lấy bận rộn khi theo dõi bọn trẻ chơi ở bên ngoài qua cửa sổ. Nhiều khi ông theo chúng ra sân và cũng thường bất ngờ xuất hiện khi chúng đang ném sỏi xuống cái giếng mà chúng bị cấm bén mảng tới hoặc nói chuyện với người đánh xe trong chuồng ngựa, hoặc đang mê chơi trong cái sân trang trại bản thiêu – trong khi đó, tôi đứng trong cảm giác mệt lử vì đã vắt kiệt sức lực để cố gắng ngăn cản chúng nhưng vô ích. Thường thì ông cũng bất ngờ ngó vào phòng học trong khi bọn trẻ đang ăn, chứng kiến cảnh chúng phun sữa ra khắp bàn và lên người chúng, thò ngón tay vào cốc của nhau, hoặc cãi nhau ỏm tỏi vì thức ăn như một đàn hổ con. Lúc đó nếu tôi im lặng, thì có nghĩa là tôi đồng lõa với hành vi bừa bãi của chúng. Nếu (như thường thấy) tôi quát mắng chúng để lập lại trật tự, thì có nghĩa là tôi sử dụng bạo lực một cách thái quá và nêu gương xấu cho những đứa bé gái về sự thô lỗ, thiếu dịu dàng trong lời ăn tiếng nói.

Tôi nhớ một buổi trưa mùa xuân, khi mà, may nhờ trời mưa, chúng không thể ra ngoài, và với sự may mắn đáng ngạc nhiên, tất cả chúng đều hoàn thành bài học của mình, kiềm chế việc chạy xuống nhà trêu chọc cha mẹ – một trò ma mãnh khiến tôi rất bực mình mà vào những ngày mưa tôi hiếm khi có thể ngăn cản được chúng bởi vì ở dưới đó, chúng tìm thấy sự mới lạ và cuốn hút – nhất là khi nhà đang

có khách. Còn mẹ chúng, dù bà ấy bắt tôi phải giữ chúng trong phòng học, lại không bao giờ rầy la buộc chúng phải đi chỗ khác, hoặc tự mình bắt chúng phải quay trở lại phòng học. Nhưng ngày hôm đó chúng có vẻ hài lòng với nơi chúng đang ở, và tuyệt vời hơn, chúng dường như tự chơi với nhau mà không cần tôi phải bày trò vui, và không cãi nhau. Sự bận rộn của chúng là một điều khó hiểu. Chúng ngồi xõm với nhau trên một đồng đồ chơi vỡ và một lô những quả trứng chim – hay đúng hơn là đồng vỏ trứng bởi vì lòng trứng đã được lấy ra. Những vỏ trứng đó đã bị chúng làm vỡ và bị nghiền thành những mảnh nhỏ đến mức tôi không thể hình dung nổi. Nhưng tôi không bận tâm miễn là chúng không gây ồn, và không giở trò tinh quái. Với cảm giác được nghỉ ngơi hiếm có, tôi ngồi bên lò sưởi, hoàn thành chiếc váy dài cho con búp bê của Mary Ann. Tôi định khi xong việc sẽ viết thư cho mẹ. Bỗng nhiên cánh cửa bật mở, và cái đầu xám xịt của ông Bloomfield thò vào.

“Ở đây im ắng thế? Các con đang làm gì vậy?” Ông nói. “Chí ít thì ngày hôm nay chúng không gây hại gì”, tôi nghĩ. Nhưng ông lại có một ý kiến khác. Bước đến bên cửa sổ và nhìn các con mình đang mãi chơi, ông kêu lên bằng giọng cau kỉnh: “Chúng mà định làm cái quái gì thế này?”

“Chúng con đang nghiền vỏ trứng, cha ạ!” Tom trả lời rõ to.

“Sao chúng mà dám bày ra cái đồng bẩn thỉu này hả, lũ quỷ con? Chúng mà không thấy chúng mà đã làm gì tẩm thắm trái sàn hả?” Rồi ông quay sang tôi hỏi:

“Cô Grey, cô không biết chúng đang làm gì sao?”

“Có, thưa ông.”

“Cô biết á?”

“Vâng.”

“Cô biết! Và cô cứ ngồi đó, cho phép chúng tiếp tục làm trò này mà không có một lời quở trách sao?”

“Tôi nghĩ chúng không làm điều gì có hại cả.”

“Không làm gì có hại! Tại sao, cô nhìn xem! Nhìn tấm thảm mà xem, cô sẽ thấy – có thứ gì tệ như thế này trong một ngôi nhà của Chúa không hả? Hèn nào phòng của cô còn không được bằng một cái chuồng lợn – hèn nào học trò của cô chẳng được bằng một đàn lợn! – hèn nào – ôi! Tôi nói thế đấy, chuyện này vượt quá sự kiên nhẫn của tôi”, nói rồi ông bỏ đi, đóng cửa đánh sầm một cái khiến bọn trẻ cười phá lên.

“Chuyện này cũng vượt quá sự kiên nhẫn của tôi!” Tôi vừa lẩm bẩm vừa đứng dậy, cầm chiếc que cời lửa đập lia lịa vào đám than xỉ, khuấy chúng lên bằng sức mạnh hiếm thấy. Tôi làm dịu sự tức giận của mình bằng cách giả vờ cời than trong lò sưởi.

Sau đó ông Bloomfield lại tiếp tục ngó vào phòng xem liệu phòng học của bọn trẻ đã sạch sẽ, ngăn nắp chưa, và khi bọn trẻ vẫn đang bày bừa những mảnh đồ chơi, que gậy, những viên đá cuội, rơm rạ, lá lấu, và những thứ rác rưởi khác trên sàn mà tôi không thể ngăn nổi hoặc ra lệnh cho chúng thu dọn còn người hầu thì không chịu “đi theo sau chúng thu dọn”, tôi đã phải dùng phần lớn khoảng thời gian nghỉ ngơi hiếm hoi của mình, quỳ trên sàn một cách vất vả, để dọn dẹp. Tôi đã từng nói với chúng rằng khi nào chúng dọn dẹp tất cả mọi thứ trên thảm, chúng mới được ăn tối. Fanny phải dọn một phần, Mary Ann dọn nhiều gấp đôi, còn Tom dọn phần còn lại. Hai đứa bé gái làm phần việc của mình, nhưng Tom tức giận đến mức nó lao thẳng ra bàn, làm bánh mỳ và sữa rơi khắp sàn, đánh hai đứa em, đá những cục than trong khay đựng than rơi tung tóe, cố tình hất đổ bàn ghế, và sắp sửa biến căn phòng thành một bãi rác, nhưng tôi túm được nó và sai Mary Ann đi gọi mẹ bọn trẻ, giữ chặt nó, trong khi nó đấm, đá, gào hét, chửi rủa, cho đến khi bà Bloomfield xuất hiện.

“Có chuyện gì với con trai tôi thế này?” Bà hỏi.

Và khi mọi sự được giải thích cho bà nghe, tất cả những gì bà làm là gọi một vú em đến dọn phòng, và mang bữa tối đến cho cậu chủ Bloomfield.

“Đây”, Tom gào lên bằng giọng đặc thẳng, rời mắt khỏi đĩa thức ăn, ngẩng lên với cái miệng đầy thức ăn nói. “Đây, cô Grey! Cô thấy chưa, em không cần dọn dẹp bất cứ thứ gì, em vẫn được ăn tối!”

Người duy nhất trong nhà thực sự thông cảm với tôi là chị vú em bởi vì bản thân chị đã phải chịu đựng những nỗi khổ sở tương tự mặc dù ở mức độ nhẹ hơn. Chị không có nhiệm vụ dạy dỗ bọn trẻ nên chị không phải chịu trách nhiệm về cách cư xử của chúng.

“Ôi! Cô Grey!”, chị thường nói, “cô dạy bọn trẻ vất vả quá!”

“Đúng vậy, Betty, và tôi dám nói rằng chị hiểu nỗi vất vả đó.”

“Vâng, tôi hiểu! Nhưng tôi không làm bản thân mình hoặc bọn trẻ tức giận như cô đâu. Và cô thấy đấy, thi thoảng tôi đét dít chúng: mấy đứa – thỉnh thoảng tôi cho chúng ăn roi, không có cách khác đâu. Dù sao tôi cũng đã mất việc vì làm như vậy.”

“Vậy ư Betty? Tôi nghe nói chị sắp rời khỏi đây.”

“Đúng vậy, cầu Chúa ban phước cho cô! Bà chủ đã cảnh báo tôi. Bà ấy nói nếu tôi còn đánh chúng thì tôi sẽ phải rời khỏi đây trước Giáng sinh, nhưng tôi không thể dừng tay được. Tôi không biết cô có thể nhịn được, bởi vì Mary Ann chỉ bướng bỉnh bằng nửa các em gái của nó thôi.”

Chương V

Ông cậu

Ngoài bà mẹ của ông chủ còn có một người họ hàng nữa của gia đình thường đến thăm nhà khiến tôi phải chịu nhiều phiền phức – đó là “cậu Robson”, em trai của bà Bloomfield, một người đàn ông tự phụ có dáng người cao, mái tóc đen và nước da mai mái như chị gái của ông, với cái mũi đầy vẻ khinh khỉnh, đôi mắt xám ti hí, thường ở trong trạng thái lim dim, với sự thiếu hiểu biết kết hợp cùng thái độ khinh thường tất thảy mọi thứ xung quanh. Ông ta là một người đàn ông to béo, nhưng biết cách thắt đai làm cho bụng mình nhỏ lại một cách đáng kể và với dáng người cứng nhắc không tự nhiên, ông Robson cao lớn đạo mạo ấy cho thấy tính kiêu ngạo, thái độ khinh rẻ phụ nữ ẩn đằng sau vẻ công tử bột. Ông ta hiếm khi hạ cố chú ý đến tôi, và khi ông ta chú ý, sự xác lác khinh miệt trong giọng nói và thái độ của ông khiến tôi tin rằng ông chẳng xứng làm một quý ông. Nhưng đó không phải là lý do khiến tôi ghét sự có mặt của ông ở nhà đó, dù những ảnh hưởng xấu của ông đối với bọn trẻ – khuyến khích tất cả những thói xấu của chúng, và làm cho kết quả lao động của tôi trong nhiều tháng trở thành công cốc.

Ông ta hiếm khi hạ cố chú ý đến Fanny và Harriet, nhưng lại có vẻ thích Mary Ann. Ông ta liên tục khuyến khích cái thói điệu đà, màu mè của con bé (cái thói mà tôi đã cố gắng ở mức cao nhất để loại bỏ), luôn miệng huyên thuyên về khuôn mặt xinh xắn của nó, nhồi vào đầu nó đủ mọi ý niệm tự phụ liên quan đến hình thức của mình (trong khi tôi dạy nó coi đó là điều nhỏ nhặt so với sự tu dưỡng trí tuệ và tính cách), và tôi chưa bao giờ thấy một đứa trẻ nào dễ bị ảnh hưởng bởi sự khen nịnh như nó. Dù nó hay anh trai nó làm điều gì sai quấy, ông cậu cũng khuyến khích bằng cách cười lớn, nếu không phải là bằng sự

khen ngợi lộ liễu. Người lớn biết rất ít về tác hại mà họ gây ra cho con trẻ qua việc cười trước những lỗi lầm của chúng, và chế giễu những gì mà những người bạn thực sự đã cố gắng dạy chúng trân trọng.

Mặc dù không phải là một kẻ nghiện ngập, ông Robson có thói quen nốc một lượng lớn rượu vang và thỉnh thoảng khoái uống nước lọc pha với rượu brandy. Ông ta cố hết sức dạy thẳng cháu trai bắt chước mình uống thứ đó, và dạy nó tin rằng càng uống nhiều rượu thì tinh thần càng sáng khoái, và nó càng thích rượu, thì nó càng chứng tỏ chất đàn ông của mình và càng chứng tỏ rằng mình vượt trội so với những đứa em gái. Ông Bloomfield hầu như không nói gì để phản đối việc ấy, bởi vì thứ đồ uống ưa thích của ông là rượu gin pha nước lọc, thứ mà ông uống một lượng khá lớn mỗi ngày – và tôi cho rằng chính vì thế mà da của ông tai tái và tính khí của ông luôn cáu bẳn.

Ông Robson cũng khuyến khích xu hướng hành hạ các loài vật của Tom, bằng cả sự giáo huấn lẫn sự làm gương của chính ông. Vì thường xuyên đến để săn bắn trên đất của anh rể, ông ta thường mang theo những con chó cưng của mình và đối xử với chúng một cách tàn nhẫn đến nỗi, khiến tôi có ý nghĩ xấu xa rằng tôi sẵn sàng bỏ ra một đồng tiền vàng vào bất cứ ngày nào để xem một trong những con chó đó cắn ông ta, miễn là nó có thể làm điều đó mà không bị trừng phạt. Thi thoảng khi đang trong tâm trạng đầy tự mãn, ông ta đi săn tổ chim với bọn trẻ, một việc khiến tôi tức giận và phiền lòng không thể tả nổi. Bởi vì bằng những nỗ lực thường xuyên và kiên trì, tôi tự an ủi bản thân rằng tôi đã làm cho chúng hiểu được phần nào sự ác độc trong thú vui đó, và hy vọng theo thời gian chúng sẽ hiểu được ý nghĩa của sự công bằng và lòng nhân ái, nhưng mười phút đi lùng tổ chim với cậu Robson, hay thậm chí chỉ một tiếng cười của ông ta liên quan đến những hành động dã man của chúng trước kia, cũng đủ để phá hủy ngay lập tức kết quả của quá trình thuyết phục và giảng giải công phu của tôi. Tuy nhiên, thật may mắn, trong mùa xuân đó, nhóm đi săn tổ chim ấy, chẳng săn được gì, ngoài những tổ chim trống không, hoặc

vài quả trứng – không đủ kiên nhẫn để những cái tổ ấy yên cho tới khi những con chim ấp trứng – trừ một lần. Lần ấy Tom cùng ông cậu sang khu đất gần đó để săn tổ chim và hớn hờ chạy vào vườn, với một ổ chim mới đẻ trong tay. Vừa mới được tôi đưa ra ngoài chơi, Mary Ann và Fanny liền chạy đến ngắm say sưa chiến lợi phẩm của anh mình, và nài nỉ xin mỗi đứa một con chim non. “Không, không cho một con nào hết!” Tom quát lớn. “Tất cả là của tao, cậu Robson cho tao đấy – một, hai, ba, bốn, năm con – chúng mày không được động vào con nào hết! Không, không một con nào, động vào chết với tao!”, nó nói bằng giọng đặc chí. Đặt tổ chim xuống đất, nó đứng giạng chân trước tổ chim, hai tay xỏ túi quần, cúi người về phía trước, thể hiện cảm giác khoái chí theo đủ kiểu qua vẻ mặt.

“Nhưng chúng mày sẽ được xem anh giải quyết chúng nhé. Anh nói thế đấy, anh sẽ lấy roi quất chúng nhé? Hãy xem anh có dám không nhé. Ôi! Có trò hay dành cho anh trong cái tổ chim đó.”

“Nhưng, Tom”, tôi nói, “cô sẽ không cho phép em hành hạ những con chim đó. Hoặc là để chúng chết thật nhanh, ngay lập tức, hoặc là trả chúng về nơi em đã bắt chúng để chim mẹ có thể tiếp tục cho chúng ăn.”

“Nhưng cô không biết nơi đó là nơi nào đâu. Chỉ có em và cậu Robson biết thôi.”

“Nhưng nếu em không nói cho cô biết, thì tự cô sẽ giết chúng – dù cô ghét làm việc đó vô cùng.”

“Cô không dám đâu. Cô không dám động vào chúng đâu! Bởi vì cô biết cha, mẹ, và cậu Robson sẽ tức giận. Ha, ha! Em biết thừa rồi!”

“Cô sẽ làm những gì cô nghĩ là đúng trong trường hợp cần thiết mà không cần phải hỏi ý kiến ai. Nếu cha mẹ em không ủng hộ việc làm của cô, thì cô rất tiếc sẽ phải làm họ bực mình, và dĩ nhiên ý kiến của cậu Robson của em không quan trọng đối với cô.”

Nói như vậy – bị thúc đẩy bởi ý thức trách nhiệm – là đối mặt với rủi ro tự làm khó cho mình và kích động sự tức giận ở ông bà chủ.

Tôi lấy một hòn đá nhẵn, được người làm vườn xếp làm bẫy chuột. Sau đó tôi cố gắng thuyết phục tên bạo chúa nhỏ đó trả những con chim non về tổ của chúng, tôi hỏi lại một lần nữa xem nó định làm gì với chúng. Với vẻ hớn hở đầy độc ác, nó bắt đầu liệt kê ra một loạt các kiểu tra tấn, và trong khi nó mãi liệt kê, tôi thả hòn đá xuống những nạn nhân sắp bị tra tấn của nó và làm cho chúng chết một cách nhanh chóng nhất có thể. Những tiếng kêu the thé vang lên, những lời nguyền rủa tồi tệ, kèm theo đó là sự xúc phạm trơ tráo. Ông cậu Robson đi tới với khẩu súng trên tay và vừa mới dừng lại để đá con chó của ông ta. Tom lao về phía ông ta, thề rằng ông ta cần phải đá tôi thay vì đá con chó Juno. Ông Robson đứng nghiêng người bên cây súng, cười hô hố trước cơn cuồng bạo lực của thằng cháu cũng như những lời nguyền rủa và những cái tên có tính chất lăng nhục mà nó ném tới tấp vào tôi. “Ô, hô, mày là một chàng trai cừ đấy!” Ông ta thốt lên, rồi cầm súng và đi về phía ngôi nhà. “Thằng bé gan dạ đấy. Tôi thề, chưa bao giờ tôi thấy một thằng nhóc có phong độ quý tộc như thế. Nó đã vượt ra khỏi sự cai quản của đám đàn bà rồi: Lạy Chúa! Nó không vâng lời mẹ, bà, gia sư, và tất cả đám đàn bà! Ha, ha, ha! Đừng cẩu thả, Tom, ngày mai cậu sẽ kiếm cho mày một ổ chim non khác.”

“Ông Robson, nếu ông kiếm một ổ chim non khác, thì tôi cũng sẽ giết chúng”, tôi nói.

“Hừm!” Ông ta đáp, và ném về phía tôi một cái nhìn trừng trừng – cái nhìn mà trái với sự mong đợi của ông ta, tôi đã đối diện không hề nao núng – rồi với vẻ khinh miệt của kẻ bề trên, ông ta quay gót, bước vào nhà. Sau đó Tom hăm hăm bước vào nhà, kể mọi chuyện với mẹ. Bà mẹ thường không nói nhiều về bất cứ chủ đề gì, nhưng, sau đó khi bà gặp tôi, vẻ mặt bà sa sầm và cách cư xử của bà thật lạnh lùng. Sau một vài lời nhận xét lấy lệ về thời tiết, bà nói – “Tôi rất tiếc, cô Grey, cô nghĩ rằng can thiệp vào những thú vui của cậu chủ Bloomfield là việc cần thiết, nhưng cậu chủ rất bực mình vì cô đã giết những con chim non của cậu.”

“Khi những trò vui của cậu Bloomfield bao gồm trò tra tấn những con vật biết đau đớn”, tôi trả lời, “thì tôi nghĩ can thiệp là trách nhiệm của tôi.”

“Dường như cô đã quên”, bà ta nói bằng giọng lạnh lùng, “rằng tất cả những sinh vật đó đều được sinh ra vì lợi ích của chúng ta.”

Tôi nghi ngờ cái học thuyết đó, nhưng tôi đáp một cách đơn giản – “Nếu đúng như vậy, thì chúng ta càng không có quyền hành hạ chúng để mua vui.”

“Tôi nghĩ”, bà nói, “niềm vui của một đứa trẻ chắc chắn không đủ sức nặng để chống lại lợi ích của một kẻ cục súc không có tâm hồn.”

“Nhưng, vì lợi ích của đứa trẻ, những thú vui như thế không thể được khuyến khích”, tôi trả lời bằng giọng nhẹ nhàng, để bù cho sự cố chấp. “Hạnh phúc thuộc về người biết khoan dung, bởi vì họ sẽ nhận được sự khoan dung.”

“Chao ôi! Tất nhiên rồi, nhưng đó là nói về cách đối xử giữa người và người.”

“Con người biết khoan dung thể hiện lòng khoan dung cả với những con vật”, tôi mạnh dạn nói thêm.

“Tôi nghĩ cô chẳng có lòng khoan dung lắm đâu”, bà ta đáp bằng giọng chua cay, cùng với một nụ cười vội nở rồi tắt ngấm ngay sau đó. “Cô đã giết những con chim đó theo cái cách gây kinh hoàng, và khiến cho đứa bé đáng yêu ấy buồn chỉ vì ý thích nhất thời của cô.”

Tôi cho rằng tốt nhất không nên nói thêm nữa. Cuộc tranh luận đã bị đẩy đến bên bờ của một cuộc cãi vã chưa từng có giữa tôi và bà Bloomfield. Chưa bao giờ tôi với bà ta nói qua nói lại với nhau nhiều và căng thẳng như thế kể từ ngày tôi đặt chân tới đây.

Nhưng ông Robson và bà cụ Bloomfield không phải là những vị khách duy nhất thường xuyên đến Wellwood khiến tôi gặp phiền phức. Mỗi vị khách đến nhà ấy ít nhiều đều khiến tôi khó chịu, không hẳn là vì họ không thèm để ý đến tôi (mặc dù tôi cảm thấy chỉ riêng về mặt

này, cách cư xử của họ thật kỳ cục), mà bởi tôi nhận thấy dù muốn đến mức nào tôi cũng chẳng thể tách các học trò của mình khỏi họ. Tom nhất định phải nói chuyện với họ, và Mary Ann nhất định phải được họ chú ý. Tom và Mary Ann không đứa nào biết xấu hổ là gì, thậm chí không biết đến sự khiêm tốn thông thường. Chúng cắt ngang các cuộc trò chuyện của người lớn một cách sỗ sàng và âm ỉ, trêu chọc họ bằng những câu hỏi xác xược nhất, túm cổ áo những người đàn ông một cách thô lỗ, trèo lên đầu gối những vị khách, bá vai họ hoặc lục lọi túi áo của họ, giật váy của những quý bà, làm tóc họ rối tung, dựng cổ áo của họ lên, và mè nheo xin nữ trang của họ.

Bà Bloomfield có đủ ý thức để có thể bị sốc và bực mình trước tất cả những hành động đó, nhưng bà không có đủ ý thức ngăn cản chúng. Bà trông đợi tôi làm việc ấy. Nhưng làm sao tôi có thể cơ chứ – khi mà các vị khách, với những bộ đồ lịch sự và những khuôn mặt mới, không ngừng khen nịnh và nuông chiều chúng, để lấy lòng cha mẹ chúng – với bộ quần áo mộc mạc, khuôn mặt không có gì nổi bật và những lời trung thực, làm sao tôi có thể kéo chúng ra khỏi đó? Tôi suy nghĩ nát óc để có thể thực hiện được việc đó và bằng cách cố gắng làm trò vui cho chúng, tôi cố thu hút chúng về phía mình: bằng cách sử dụng quyền lực mà tôi có, sự nghiêm khắc mà tôi dám sử dụng, tôi cố ngăn cản không cho chúng quấy rầy những vị khách, và bằng cách phê bình cách cư xử vô lễ của chúng để khiến chúng xấu hổ, không lặp lại hành động đó nữa. Nhưng chúng đâu biết xấu hổ là gì. Chúng coi khinh thứ quyền lực không có sự khùng bố hậu thuẫn, và bởi chúng không có trái tim dành cho lòng tốt và tình cảm, hoặc những điều đó được bảo vệ quá chắc chắn và bị giấu giếm quá kỹ đến nỗi tôi dù có cố gắng đến mấy cũng không thể nào tìm ra cách để chạm tới.

Nhưng những thử thách của tôi trong thời gian đó đã kết thúc – sớm hơn tôi nghĩ hoặc mong muốn, bởi vào một buổi tối đẹp trời ngay trước thềm tháng Năm, khi tôi khắp khởi mừng vì kỳ nghỉ đang đến gần, và tự chúc mừng bản thân đã đạt được chút ít tiến bộ trong việc

dạy dỗ bọn trẻ (ít nhất, việc học tập của chúng vẫn được duy trì, vì tôi đã nạp vào đầu chúng được chút gì đó, và cuối cùng tôi đã khiến chúng hiểu ra – dù chỉ chút ít – rằng sẽ khôn ngoan hơn nếu chúng hoàn thành bài tập của mình đúng giờ để có thời gian giải trí thay vì tra tấn bản thân mình và tôi suốt thời gian dài mà chẳng có mục đích gì). Buổi chiều hôm đó bà Bloomfield gọi tôi đến gặp bà và lạnh lùng thông báo rằng sau ngày hạ chí, họ không cần tôi ở nhà họ nữa. Bà khẳng định với tôi rằng tính cách và hạnh kiểm của tôi nói chung không thể chấp nhận được, nhưng bọn trẻ đã có được chút tiến bộ kể từ khi tôi tới nên ông Bloomfield và bà cảm thấy họ có trách nhiệm tìm kiếm một phương pháp giáo dục khác. Mặc dù trội hơn những đứa trẻ cùng tuổi về khả năng, những đứa trẻ nhà Bloomfield rõ ràng tụt hậu so với trẻ cùng trang lứa về học thức. Cách cư xử của chúng thiếu văn hóa, và tính cách của chúng ngỗ ngược. Mẹ của chúng cho rằng sở dĩ chúng như vậy một phần là do sự thiếu cứng rắn, thiếu sự cần cù và quan tâm một cách kiên trì của tôi.

Sự cứng rắn không gì lay chuyển nổi, sự cần cù đến mức quên mình, sự kiên trì không biết mệt mỏi, sự quan tâm không ngừng nghỉ là những phẩm chất mà tôi thầm tự hào về bản thân mình, và tôi hy vọng qua thời gian, những phẩm chất ấy sẽ giúp tôi vượt qua những khó khăn để đi đến thành công. Tôi muốn nói điều gì đó để bào chữa cho bản thân, nhưng trong khi cố gắng lên tiếng, tôi cảm thấy giọng nói của mình không thoát ra được, và thay vì bộc lộ bất cứ cảm xúc nào hoặc để mặc những giọt nước mắt dâng trào trong mắt, tôi chọn im lặng, và chịu đựng tất cả như một kẻ phạm tội tự nhận hình phạt.

Vậy là tôi bị đuổi việc, và buộc phải về nhà. Chao ôi! Mọi người ở nhà sẽ nghĩ gì về tôi? Sau tất cả những gì tôi đã khoác lác, tôi không thể giữ được việc làm gia sư trong vòng chỉ một năm cho ba đứa trẻ nhỏ có bà mẹ được chính bà cô của tôi đánh giá là “một phụ nữ tử tế”. Tôi không cần phải hy vọng những người thân của mình sẵn lòng để tôi thử lần nữa. Đó là một ý nghĩ không dễ chịu bởi vì tôi bực tức,

phiền não, thất vọng, vì tôi đã biết yêu thương, quý trọng gia đình, và vẫn chưa mệt mỏi vì phiêu lưu, hoặc chưa sẵn sàng buông xuôi. Tôi biết không phải tất cả các bậc cha mẹ đều giống như ông bà Bloomfield, và tôi dám chắc rằng, không phải đứa trẻ nào cũng giống như những đứa con của họ. Gia đình tiếp theo mà tôi đến làm gia sư chắc chắn khác, và bất cứ sự thay đổi nào cũng vì điều tốt đẹp hơn. Tôi đã được rèn luyện qua nghịch cảnh, được giáo dục qua trải nghiệm thực tế, và tôi khát khao chuộc lại danh dự đã mất của mình trong mắt của những người có ý kiến quan trọng hơn ý kiến của toàn thế giới này về tôi.

Chương VI

Trở về nhà xứ

Tôi ở nhà mấy tháng trong yên ổn, trong sự thú vị bình lặng của tự do, thư giãn, và tình cảm chân thành từ tất cả những gì tôi đã gắn bó keo sơn bấy lâu nay, trong sự theo đuổi nhiệt tình đối với việc học hành để bù đắp cho những gì tôi đã mất trong thời gian ở Wellwood, và để tích lũy kiến thức cho tương lai. Sức khỏe của cha tôi rất xấu, nhưng không xấu hơn một cách rõ rệt so với lần trước tôi về thăm nhà, và tôi mừng vì bằng sự trở về của mình, tôi có thể làm cha vui lên, có thể giúp ông khuây khỏa bằng cách hát cho ông nghe những bài ca ông yêu thích.

Không ai vui mừng trước thất bại của tôi, không ai nói đáng lẽ tôi nên nghe lời khuyên của người thân, không nên xa nhà đi làm gia sư. Tất cả người thân của tôi đều vui mừng đón nhận tôi trở về, thậm chí dành cho tôi sự yêu thương và ân cần hết mực, để bù đắp cho những nỗi khổ sở mà tôi đã trải qua. Nhưng không ai đụng tới một đồng từ số tiền tôi kiếm được và đã giữ cẩn thận với hy vọng chia sẻ nó với gia đình của mình. Nhờ biết chặt bó, biết giặt gấu vá vai, các khoản nợ của gia đình tôi đã được trả gần hết. Chị Mary đã thu được thành công đáng kể trong việc bán tranh, nhưng cha tôi khăng khăng bắt chị giữ tất cả những thành quả chị làm ra cho bản thân chị. Tất cả chúng tôi có thể tiết kiệm chi tiêu bằng cách hạn chế mua váy áo và những khoản chi tiêu không cần thiết, cha tôi bảo chúng tôi hãy đem số tiền kiếm được gửi tiết kiệm, nói rằng chúng tôi chẳng biết khi nào mình sẽ phải phụ thuộc vào tiền tiết kiệm để sống, bởi vì ông cảm thấy ông chẳng còn ở bên chúng tôi được bao lâu nữa, và chỉ Chúa mới biết mẹ con tôi sẽ thành ra như thế nào khi ông không còn nữa!

Ôi, người cha thân yêu của tôi! Nếu ông bớt lo lắng hơn về những nỗi khổ sở đe dọa chúng tôi khi ông không còn nữa, thì tôi tin rằng điều đáng sợ nhất sẽ không xảy ra sớm như vậy. Nếu có thể kiềm chế được thì mẹ tôi chẳng bao giờ nhắc đến chủ đề đó để ông khỏi lo buồn.

“Ôi, Richard!” Có lần mẹ kêu lên, “nếu anh loại bỏ những chuyện buồn phiền, u ám ấy khỏi tâm trí thì anh sẽ sống lâu như mẹ con em: ít nhất anh sẽ sống để thấy các con gái của chúng ta lấy chồng, và anh sẽ trở thành người ông ngoại hạnh phúc, cùng với phu nhân già vui tính của anh.”

Mẹ tôi cười, và cha tôi cũng cười, nhưng tiếng cười của cha mau chóng tắt lịm, thay vào đó là tiếng thở dài buồn bã.

“Chúng lấy chồng – không có một xu dính túi!” Ông nói: “Tôi không biết ai sẽ chịu cưới chúng đây.”

“Tại sao chứ, chẳng lẽ không người nào sẽ cảm thấy biết ơn vì cưới được chúng ư? Chẳng phải khi anh cưới em, em cũng chẳng có một xu dính túi ư? Và anh, ít nhất, đã *giả vờ* hài lòng với những gì mình giành được. Nhưng chúng có lấy chồng hay không không quan trọng. Chúng ta có thể nghĩ ra cả nghìn cách để kiếm sống một cách lương thiện. Richard ạ, em không hiểu sao anh có thể nghĩ đến việc làm một cái đầu mình với nỗi lo về sự nghèo khổ nếu anh qua đời cứ như thể sự nghèo khổ có thể so sánh được với nỗi đau mất anh – một nỗi đau khổ mà anh biết sẽ nhấn chìm tất cả những người thân của anh, và là nỗi đau khổ mà anh phải cố gắng hết sức mình để tránh cho mẹ con em. Muốn làm cho thể xác khỏe mạnh thì chẳng gì bằng giữ tinh thần vui vẻ, anh ạ.”

“Alice, anh biết, anh cứ phiền não như thế này thật không phải, nhưng anh không thể không buồn phiền: em cứ phải chịu đựng cùng anh mãi thế này.”

“Em sẽ không phải chịu đựng cùng anh đâu, nếu em có thể làm anh thay đổi”, mẹ tôi đáp. Nhưng sự gay gắt trong lời nói ấy bị vô hiệu

hóa bởi sự âu yếm trong giọng nói và nụ cười dịu dàng của mẹ, nụ cười khiến gương mặt của cha tôi trở nên tươi tắn hơn, khiến nụ cười trên gương mặt của cha tôi quay trở lại.

“Mẹ”, tôi nói, ngay khi tôi có thể tìm được cơ hội nói chuyện riêng với mẹ, “tiền của con không nhiều, chẳng giúp gia đình ta được bao lâu: nếu con có thể kiếm được thêm, thì con sẽ làm giảm nỗi lo của cha, ít nhất là về một vấn đề. Con không thể vẽ được như chị Mary, vậy nên việc tốt nhất con có thể làm là tìm một gia đình khác để xin làm gia sư.”

“Vậy là con sẽ lại thử lần nữa sao, Agnes?”

“Vâng.”

“Con yêu, tại sao chứ, mẹ cứ nghĩ con đã chịu đựng đủ rồi.”

“Con biết”, tôi nói, “không phải ai cũng giống ông bà Bloomfield đâu.”

“Một số người còn tệ hơn họ”, mẹ ngắt lời tôi.

“Nhưng con nghĩ không có nhiều người như vậy”, tôi đáp, “và con chắc chắn rằng không phải tất cả trẻ con đều như bọn trẻ nhà ấy bởi vì con và chị Mary có như vậy đâu. Chúng con luôn vâng lời cha mẹ, đúng không nào?”

“Đúng vậy, nhưng, mẹ không nuông chiều làm các con hư hỏng, và các con không phải là những thiên thần hoàn hảo. Mary có tính bướng ngâm, và con cũng có nốt xấu, nhưng nhìn chung các con là những đứa con ngoan.”

“Con biết đôi khi con dối hờn, và con mừng nếu những đứa trẻ ấy thỉnh thoảng dối hờn bởi vì như vậy con có thể hiểu chúng, nhưng chúng không bao giờ dối hờn, bởi vì chúng không biết đến cảm giác bị xúc phạm, tổn thương, hay xấu hổ. Chúng không biết thế nào là hạnh phúc trừ khi chúng mê chơi.”

“Nếu chúng không biết cảm nhận, thì đó không phải là lỗi ở chúng. Con không thể mong hòn đá mềm và dễ nặn như đất sét được.”

“Không, nhưng sống với những đứa trẻ vô cảm, khó hiểu ấy rất khó chịu. Mẹ không thể yêu chúng, và nếu mẹ có thể, thì tình yêu của mẹ sẽ bị gạt đi. Chúng không thể đáp lại tình cảm, không trân trọng và không hiểu được tình yêu. Nhưng, cho dù con lại sa vào gia đình đó lần nữa – điều không thể xảy ra – thì bây giờ con đã có kinh nghiệm để bắt đầu lại, và con sẽ làm tốt hơn lần trước. Nói tóm lại, hãy để con thử một lần nữa.”

“Ôi, con gái, mẹ hiểu con không dễ nản lòng. Mẹ mừng vì điều đó. Nhưng hãy để mẹ nói cho con nghe, con xanh xao và gầy hơn khi con rời nhà đi làm, và mẹ không thể để con làm tổn hại sức khỏe của mình để kiếm tiền cho bản thân con hay cho người khác.”

“Chị Mary cũng nói với con rằng con đã thay đổi, và con không ngạc nhiên vì điều đó, bởi vì trong thời gian ở đó con luôn ở trong trạng thái bối rối và lo âu triền miên, nhưng lần tới con quyết tâm chấp nhận mọi sự một cách bình thản.”

Sau khi bàn kỹ hơn, mẹ hứa sẽ ủng hộ tôi một lần nữa, miễn là tôi biết chờ đợi và kiên nhẫn. Tôi nhờ mẹ lựa lời nói chuyện với cha, vào lúc nào và bằng cách nào mẹ thấy thích hợp nhất. Tôi chưa bao giờ nghi ngờ khả năng thuyết phục cha của mẹ. Trong khi đó, với sự tập trung, tôi tìm kiếm thông tin trên những trang quảng cáo trên báo, và viết thư trả lời từng trường hợp “cần tìm nữ gia sư” mà tôi cảm thấy có vẻ thích hợp với mình. Tất cả những bức thư, cũng như những hồi đáp mà tôi nhận đều được đưa cho mẹ xem, và mẹ buộc tôi phải loại bỏ hết trường hợp này đến trường hợp khác. Đó là những người tầm thường, đó là những người đòi hỏi quá khắt khe, đó là những người keo kiệt.

“Tài năng của con không phải là những gì mà mọi đứa con gái của bất cứ mục sư nghèo khó nào cũng có, Agnes ạ”, mẹ nói, “và con không được phung phí nó. Hãy nhớ rằng con đã hứa sẽ kiên nhẫn đợi. Không cần phải vội con ạ. Con có nhiều thời gian và nhiều cơ hội ở phía trước.”

Cuối cùng, mẹ khuyên tôi tự đăng quảng cáo trên báo, tự giới thiệu những khả năng của mình.

“Có thể chơi đàn, có thể hát, có thể vẽ, biết tiếng Pháp, tiếng Latin, tiếng Đức”, mẹ nói, “như con không phải tầm thường đâu nhé. Nhiều người sẽ vui mừng khi thấy có nhiều khả năng như vậy ở một gia sư và lần này con sẽ thử vận may trong một gia đình thực sự có nền tảng cao hơn bởi vì một gia đình như thế có thể sẽ đối xử với con bằng sự tôn trọng và quan tâm hơn những tay trưởng giả học làm sang và những người mới phát kiêu căng, ngạo mạn. Mẹ biết vài nhà quý tộc thuộc dòng dõi cao quý đối xử với gia sư của họ như thành viên trong gia đình, mặc dù, có vài người mẹ phải thừa nhận là cũng xấc láo như bất cứ ai bởi vì trong mọi tầng lớp đều có người tốt, người xấu.”

Những dòng quảng cáo mau chóng được viết và gửi đi. Trong số hai người trả lời mục quảng cáo tôi đăng báo, một người đồng ý trả tôi năm mươi bảng, mức lương mà mẹ tôi bảo tôi nên đặt ra. Và với trường hợp này, chính tôi lại ngần ngại vì tôi sợ các học trò quá lớn, và cha mẹ của chúng sẽ đòi hỏi một người gia sư có nhiều kinh nghiệm hơn tôi, nếu không muốn nói là nhiều kiến thức hơn tôi. Nhưng mẹ khuyên tôi không nên từ chối: mẹ nói tôi sẽ làm tốt, nếu như tôi gạt sự khiêm tốn của mình sang một bên và tự tin hơn nữa. Tôi chỉ phải gửi tới họ một bản liệt kê những khả năng và trình độ của mình, nêu ra những điều kiện, và đợi kết quả. Điều kiện duy nhất mà tôi đánh liều đưa ra là, tôi được cho phép có các kỳ nghỉ tổng cộng hai tháng trong năm để về thăm gia đình vào dịp Hạ chí và Giáng sinh. Trong thư hồi âm, quý bà mà tôi không quen biết tuyên bố rằng bà hoàn toàn đồng ý với những điều kiện tôi đưa ra, nhưng trong việc thuê gia sư, bà cần nhắc đến những điểm này: vì nhà bà ở gần O – bà có thể tìm được những người thầy đáp ứng những khả năng thiếu hụt, nhưng theo bà, ngoài phẩm chất đạo đức bắt buộc phải có, tính tình dịu dàng, vui vẻ và tinh thần sẵn sàng phục vụ là những yêu cầu không thể thiếu.

Mẹ tôi không ưa sự đòi hỏi đó chút nào, và giờ đây mẹ phản đối tôi chấp nhận chỗ làm đó. Chị tôi ủng hộ mẹ nhiệt tình, nhưng không muốn chùn bước, tôi bác bỏ sự phản đối của họ. Giành được sự đồng ý của cha tôi đầu tiên (người mới được thông báo cho biết về việc đó), tôi viết một bức thư đầy hào hứng tới người đã liên lạc với mình và cuối cùng mọi sự được thỏa thuận xong xuôi.

Tôi được thông báo rằng vào ngày cuối cùng của tháng Một, tôi sẽ phải có mặt tại chỗ làm việc mới của mình với tư cách là gia sư trong gia đình của ông Murray ở Horton Lodge, gần O – cách làng tôi khoảng bảy mươi dặm, khá xa đối với tôi bởi vì trong hai mươi năm có mặt trên đời này, tôi chưa từng đi xa nhà quá hai mươi dặm. Thêm vào đó, tôi cũng như những người thân của tôi không quen biết một ai trong gia đình đó cũng như những người sống quanh khu vực ấy. Nhưng điều đó càng khiến cho chỗ làm mới trở nên cuốn hút đối với tôi hơn. Ở một mức độ nào đó, giờ đây tôi đã hạn chế được cảm giác nhút nhát mà trước đây đã cản trở tôi rất nhiều. Tôi cảm thấy háo hức khi nghĩ mình sẽ tới vùng đất mới, sẽ sống tự lập giữa những người mà tôi chưa quen biết. Giờ đây tôi tự nhủ rằng mình sẽ có cơ hội khám phá nhiều điều tôi chưa biết trên thế giới. Nhà ông Murray ở gần một thành phố lớn và không phải ở một vùng có nhiều nhà máy, nơi người dân chẳng có gì để làm ngoài việc kiếm tiền. Từ những gì tôi tìm hiểu được, tôi biết đẳng cấp của ông dường như cao hơn ông Bloomfield, và rõ ràng, ông là một trong những nhà quý tộc thực sự thuộc gia đình dòng dõi mà mẹ tôi đã nói đến, người sẽ đối xử với gia sư của mình bằng sự tôn trọng như đối với một phụ nữ có giáo dục, một người thầy, người dạy dỗ các con ông, chứ không phải một người hầu. Các học trò của tôi lớn tuổi hơn các con của ông Bloomfield, sẽ biết điều hơn, dễ dạy hơn, và ít gây chuyện hơn. Chúng sẽ ít bị hạn chế trong phòng học hơn, và không đòi hỏi sự lao động liên tục của gia sư, không cần lúc nào cũng phải được để mắt tới. Những viễn cảnh tươi sáng hòa lẫn với niềm hy vọng trong tôi, và với những viễn cảnh đó,

việc chăm sóc trẻ và những nhiệm vụ đơn thuần của một gia sư dường như không đến nỗi quá vất vả. Các bạn sẽ thấy rằng tôi không tự coi mình là một người sẵn sàng quên bản thân vì lòng hiếu thảo của đạo làm con, sẵn sàng hy sinh sự yên bình và tự do để an ủi và giúp đỡ cha mẹ, mặc dù chắc chắn sự an ủi đối với cha tôi, và sự giúp đỡ đối với mẹ tôi trong tương lai chiếm một phần quan trọng trong các phép tính của tôi, và năm mươi bảng đối với tôi là một khoản tiền không nhỏ. Tôi cần có quần áo thơm tươm tất để đến chỗ làm mới. Có lẽ tôi phải trả tiền giặt đồ và cũng phải tự lo lộ phí cho các chuyến đi về giữa Horton Lodge và nhà tôi, nhưng với sự chi tiêu tằn tiện, chắc chắn chỉ hai mươi bảng là đủ cho những việc đó, và như vậy ít nhất mỗi tháng tôi sẽ tiết kiệm được ba mươi bảng. Một khoản đáng kể để thêm vào số tiền dành dụm của chúng tôi! Tôi phải cố gắng giữ việc làm này, dù nó như thế nào! Vì danh dự của bản thân tôi trước những người thân và vì sự giúp đỡ cha mẹ mà tôi có thể thực hiện khi có việc làm.

Chương VII

Horton Lodge

Ngày 31 tháng Một là một ngày giống tố. Gió bắc thổi mạnh kèm theo bão tuyết kéo dài khiến những bông tuyết bay là là trên mặt đất, xoáy trên không trung. Người thân của tôi khuyên tôi hoãn chuyến đi, nhưng sợ rằng những người thuê tôi sẽ có thành kiến rằng, mới bắt đầu đi làm tôi đã không đúng giờ, nên tôi nhất quyết lên đường.

Tôi sẽ không tra tấn các độc giả của mình bằng việc kể lễ chi tiết cảnh tôi rời nhà ra đi trong cái buổi sáng mùa đông u ám ấy. Những lời tạm biệt đầy trĩu mẫn, hành trình dài tới O – những cuộc chờ xe ngựa hoặc xe hỏa một mình trong quán trọ – bởi vì có những chặng đường tôi có thể đi tàu hỏa – và cuối cùng là cuộc gặp ở O – với người hầu của ông Murray, người được cử đánh xe ngựa đến đó đón tôi tới Horton Lodge. Tôi sẽ chỉ kể rằng tuyết rơi dày đã gây nhiều trở ngại cho cả xe ngựa lẫn tàu hỏa, vậy nên đến tận tối khuya tôi mới xuống tàu, và cơn giông gây hoang mang ấy vẫn tiếp tục khiến cho vài dặm đường từ O – tới Horton trở nên dài và đầy bão táp. Tôi ngồi trên xe ngựa trong sự cam chịu, với những bông tuyết lạnh bay xuyên qua mạng che mặt, rơi vào lòng tôi, ngồi mà không nhìn gì cả, tự hỏi không biết con ngựa và người đánh xe kém may mắn này có đi nổi hay không, và quả thực cỗ xe di chuyển như bò ra đường rất vất vả. Cuối cùng chúng tôi dừng lại, và sau tiếng gọi của người đánh xe, ai đó đã mở chốt của một cánh cổng trông như cổng công viên. Sau đó chúng tôi tiến vào sâu bên trong trên một con đường nhẵn và thỉnh thoảng trong bóng tối, tôi nhìn thấy những khối màu xám khổng lồ lấp lánh mà tôi đoán là một cái cây phủ đầy tuyết. Một lúc lâu sau chúng tôi lại dừng lại, lần này trước mái cổng của một ngôi nhà lớn có những ô cửa sổ dài được trở tới tận sàn. Khá vất vả, tôi đứng dậy dưới màn

tuyết rơi dày, bước ra khỏi xe, hy vọng rằng sự đón tiếp đầy mến khách và ân cần sẽ bù đắp cho sự vất vả, cực nhọc của một ngày đi đường. Một người đàn ông mặc đồ đen ra mở cửa, mời tôi vào một tiền sảnh rộng, được thắp sáng bởi một ngọn đèn màu hổ phách treo trên trần nhà. Ông ta dẫn tôi đi qua sảnh, tiến vào một hành lang và mở cánh cửa của một căn phòng nằm ở mặt sau của ngôi nhà, nói với tôi rằng đó là phòng học. Tôi bước vào, thấy hai tiểu thư và hai công tử nhỏ tuổi – các học trò tương lai của tôi, tôi đoán vậy. Sau màn chào hỏi trang nghiêm, tiểu thư lớn tuổi hơn đang giết thì giờ với một mảnh vải bố và một giỏ len Đức hỏi tôi có muốn đi lên gác không. Tôi đáp bằng giọng quả quyết rằng có.

“Matilda, mang một cây nến lên và chỉ cho cô đây phòng của cô ấy”, tiểu thư nói.

Tiểu thư Matilda, một cô gái cao to khoảng mười bốn tuổi, mặc quần và váy yếm ngắn nhún vai, làm điệu bộ nhăn nhó, nhưng vẫn cầm một cây nến dẫn tôi lên gác, qua một dãy cầu thang dài và dốc, một hành lang hẹp và dài tới một căn phòng nhỏ nhưng khá đủ tiện nghi. Sau đó cô hỏi tôi có muốn dùng trà hoặc cà phê không. Tôi định trả lời rằng không, nhưng chợt nhớ ra từ bảy giờ sáng tới giờ tôi chưa ăn uống gì, và cảm thấy sắp ngất đến nơi, tôi liền nói rằng tôi sẽ dùng trà. Cô gái nói cô sẽ bảo “Brown” mang trà lên và bước ra khỏi phòng. Khi tôi đã cởi bỏ chiếc áo choàng nặng trĩu cùng khăn trùm đầu và mũ, một chị người hầu ông ọ bước vào phòng nói rằng các cô gái muốn biết tôi sẽ uống trà ở phòng riêng hay ở phòng học. Vì quá mệt, tôi chọn uống trà tại phòng. Chị lui gót và một lúc sau trở lại với một khay trà nhỏ, đặt nó lên mặt tủ com-mốt được sử dụng làm bàn trang điểm. Tôi cảm ơn chị và hỏi sáng hôm sau tôi nên dậy lúc mấy giờ.

“Các tiểu thư và các công tử ăn sáng lúc tám rưỡi, thưa cô”, người hầu gái nói, “họ dậy sớm, nhưng họ hiếm khi học bài trước bữa sáng, tôi nghĩ quá bảy giờ một chút cô thức dậy là vừa.”

Bằng cách nói lịch sự, nhã nhặn, tôi dặn chị người hầu lên gọi tôi lúc bảy giờ, chị hứa sẽ làm như tôi dặn rồi lui gót. Sau đó, giữa bữa trà kéo dài với một lát bánh mỳ mỏng phết bơ, tôi ngồi xuống bên lò sưởi nhỏ và tự giải tỏa cho mình bằng một trận khóc nức nở. Rồi tôi cầu nguyện và, sau khi đã cảm thấy khá nhẹ nhõm, tôi chuẩn bị đi ngủ. Nhận thấy hành lý của mình chưa được mang lên phòng, tôi tìm chuông để gọi người giúp, nhưng không phát hiện ra một dấu hiệu nào của sự tiện lợi đó ở bất cứ góc phòng nào, vậy nên tôi đành cầm nển đi dọc dãy hành lang dài, mò mẫm xuống cầu thang. Trên đường đi, tôi gặp một phụ nữ ăn mặc lịch sự, và tôi nói với người đó điều tôi muốn, khi mà tôi không hoàn toàn chắc chắn đó có phải là một trong những người quản gia hay đó chính là bà Murray: tuy nhiên, có vẻ như đó là một người quản gia. Với thái độ ban ơn khá lạ, bà hạ cố nhận lo việc đó, và khi tôi đã quay trở lại phòng, vừa đợi vừa tự hỏi mình có nên tiếp tục đợi hay đi ngủ, hoặc xuống nhà một lần nữa. Cuối cùng niềm hy vọng của tôi đã được phục hồi bởi tiếng nói cười kèm theo những bước chân vang lên trong hành lang dài. Và bây giờ hành lý của tôi được một người đàn ông và một người hầu gái trông khá thô kệch mang vào: cả hai đều không tỏ thái độ tôn trọng người gia sư mới đến. Sau khi đóng cửa phòng và dỡ hành lý ra, tôi mừng vì mình mệt cả thể xác lẫn tinh thần đủ để chìm vào giấc ngủ.

Sáng hôm sau tôi thức dậy với cảm giác cô đơn lạ lùng pha lẫn ý thức về sự mới lạ của hoàn cảnh, và cảm giác tò mò không mấy vui vẻ về những điều mình chưa biết. Tôi có cảm giác của một người bị cuốn đi bởi bùa mê, và bỗng dưng rơi từ một đám mây xuống một xứ sở lạ lẫm, xa xôi, hoàn toàn tách biệt với những gì mình đã thấy và đã biết trước đó, hoặc như một hạt kê bị gió thổi đến một khoảnh đất không thích hợp, nơi nó buộc phải sống đủ lâu trước khi nó có thể bén rễ, nảy mầm, hút chất dinh dưỡng từ những gì trái với bản chất của nó, nếu quả thực, nó có thể. Khó mà diễn tả hết những cảm giác của tôi trong hoàn cảnh này, và nếu ai không từng sống ẩn dật, hầu như chỉ ở yên

một chỗ như tôi, thì người đó không thể hình dung ra những cảm giác đó: nếu không ở vào hoàn cảnh tương tự thì người đó không thể biết được cái cảm giác một buổi sáng cô ta thức dậy, nhận ra mình đang ở cảng Port Nelson, hoặc ở New Zealand, với cả biển nước mênh mông ngăn cách giữa cô ta và tất cả những gì cô từng biết.

Tôi không thể nhanh chóng quên cái cảm giác khó tả mà tôi cảm thấy khi vén tấm rèm cửa lên và nhìn ra cái thế giới xa lạ đó: một vùng hoang vu, trắng toát là những gì đập vào mắt tôi.

Những sa mạc buông mình trong tuyết.

Và những lùm cây trữu nặng tuyết.

Tôi đi xuống phòng học để gặp các học trò của mình mà trong lòng không có được cảm giác háo hức rõ rệt, mặc dù không phải là tôi không cảm thấy tò mò về những gì sẽ mở ra trước mắt mình. Trong số những điều quan trọng, tôi xác định với bản thân phải ghi nhớ một điều – tôi phải gọi các học trò của mình là “Cô” và “Cậu”. Đối với tôi, xưng hô như vậy giữa những đứa trẻ trong một gia đình và người gia sư, người bạn hằng ngày của chúng, có vẻ không tự nhiên và cầu kỳ, đặc biệt là khi đối tượng thứ nhất vẫn còn nhỏ tuổi, như bọn trẻ ở Wellwood. Nhưng thậm chí ở đó, việc tôi gọi những đứa trẻ nhà Bloomfield bằng tên riêng cũng được coi là tùy tiện, hỗn xược bởi vì cha mẹ chúng đã gợi ý tôi phải gọi chúng là cậu chủ và cô chủ Bloomfield. Tôi tiếp thu sự gợi ý của họ rất chậm, bởi vì tôi coi đó là điều ngớ ngẩn, nhưng giờ đây tôi quyết tâm trở nên khôn ngoan hơn, và bắt đầu ngay lập tức bằng cách tuân theo hình thức và nghi thức khi bất cứ thành viên nào của gia đình yêu cầu. Quả thực, những đứa trẻ ở đây lớn tuổi hơn những đứa trẻ nhà Bloomfield nên sẽ có ít khó khăn hơn, mặc dù một việc nhỏ nhất như dùng từ “cô”, “cậu” dường như tạo ra sự tác động đáng ngạc nhiên trong việc ngăn chặn mọi sự thân thiện, cởi mở của lòng tốt, và dập tắt mọi tia sáng của sự thân ái có thể xuất hiện giữa chúng tôi.

Độc giả chắc hẳn sẽ hài lòng nếu kể sơ qua về các thành viên của gia đình ấy, và về một hoặc hai năm đầu tôi sống ở đó.

Tôi muốn kể về người chủ gia đình trước tiên. Ông Murray, theo như người ta nói, là một người đàn ông quen ăn to nói lớn, một người mê săn cáo, một tay đua ngựa giỏi, một địa chủ năng động, giàu kinh nghiệm, và là *một người lịch lãm* vui vẻ. Ấy là người ta nói như vậy, bởi vì trừ các ngày Chủ nhật, khi ông đi lễ nhà thờ, quanh năm suốt tháng tôi không hề nhìn thấy ông trừ những lúc tôi đi qua sảnh hoặc ở trong sân, tôi thấy một người đàn ông cao lớn, khỏe mạnh với đôi má và cái mũi đỏ, và đôi lông, nếu ông đi ngang qua đủ gần để nói chuyện, ông hạ cổ dành cho tôi một cái gật đầu qua quýt, kèm theo một câu chào đại loại như “Chào buổi sáng, cô Grey”, hoặc một lời chào ngắn gọn hơn. Thường thì tiếng cười vang của ông bay đến tai tôi từ xa, và bay đến tai tôi thường xuyên hơn là tiếng ông chửi bậy và nguyền rủa những người hầu, người giữ ngựa, người đánh xe hoặc một kẻ nô bộc kém may mắn nào đó.

Bà Murray là một phụ nữ vừa mới bước qua tuổi bốn mươi, đẹp người, mặc diện, một phụ nữ chắc chắn không cần cả phấn hồng lẫn những đồ độn để tăng thêm sự quyến rũ của mình, là người có những thú vui chủ yếu nằm ở việc mở tiệc hoặc tham dự những bữa tiệc, và trong việc theo đuổi các mốt thời trang. Tôi không gặp bà cho tới mười một giờ sáng ngày hôm sau, khi tôi vinh dự được bà ghé thăm như thể mẹ tôi bước vào bếp để gặp cô hầu mới. Tuy nhiên, nếu là mẹ tôi, mẹ sẽ đến chào người hầu ngay khi chị vừa mới đặt chân đến, chứ không đợi tới ngày hôm sau, và hơn nữa, mẹ tôi sẽ chào hỏi người hầu theo cách thân thiện và ân cần hơn nhiều, dành cho chị mấy lời an ủi động viên cùng với vài lời giải thích đơn giản về nhiệm vụ của chị. Nhưng bà Murray không làm điều thứ nhất, cũng chẳng làm điều thứ hai. Bà đơn giản chỉ bước vào phòng học sau khi đến phòng của quản gia để chỉ đạo về bữa chính, chào tôi, và đứng khoảng hai phút bên lò sưởi, nói vài lời về thời tiết và “cuộc hành trình khó khăn” mà tôi chắc

hắn đã trải qua ngày hôm trước, hôn đứa con út của bà – một cậu bé mười tuổi – người vừa mới lau miệng và tay vào váy của bà, sau khi được cho bốc vài miếng thức ăn thơm ngon trong tủ của người quản gia, nói với tôi rằng cậu bé ngoan ngoãn và dễ thương biết chừng nào rồi bà bước ra khỏi phòng với dáng vẻ oai nghiêm, với nụ cười tự mãn trên khuôn mặt. Rõ ràng, bà đang nghĩ sự hiện diện của mình như thế là đủ. Các con của bà rõ ràng cũng có ý kiến như vậy, chỉ riêng tôi nghĩ khác.

Sau lần ghé thăm này, bà gặp tôi một hoặc hai lần nữa trong lúc các học trò của tôi vắng mặt để nói cho tôi biết những điều liên quan đến nhiệm vụ của tôi. Đối với những đứa con gái, bà dường như chỉ quan tâm đến việc làm thế nào để chúng có vẻ bề ngoài hấp dẫn và hoàn hảo một cách dễ nhận thấy nhất mà hiện tại vẫn được thoải mái, nhàn nhã, không phải khổ luyện, vì thế bà trông đợi tôi sẽ hành động một cách phù hợp – nghiêm cứu, gắng sức giúp đỡ và làm các học trò của mình vui, chỉ dạy, trau chuốt, và đánh bóng mà chỉ đòi hỏi sự cố gắng tối thiểu ở chúng, và không sử dụng quyền lực ở phía tôi. Với hai đứa con trai cũng vậy. Thay vì giúp chúng phát triển các khả năng, tôi phải nhồi được một lượng ngữ pháp Latin nhiều nhất có thể và sách trích giảng của Valpy vào đầu chúng, để đáp ứng chương trình học ở trường của chúng – nhồi một lượng kiến thức lớn nhất nhưng chỉ được phép làm chúng vất vả ít nhất. John có thể là một đứa trẻ “can đảm” còn Charles có thể là một đứa trẻ “hơi dễ căng thẳng và mệt mỏi –”

“Cô Grey ạ, nhưng trong mọi tình huống”, bà nói, “tôi hy vọng cô sẽ giữ bình tĩnh, ôn hòa và kiên nhẫn, nhất là với thằng bé Charles đáng yêu. Nó căng thẳng và dễ bị tổn thương lắm, và tuyệt đối không quen với bất cứ cách cư xử nào ngoài cách dịu dàng, hiền hòa nhất. Hãy miễn cho tôi việc kể tên tất tần tật mọi điều cho cô biết bởi vì thực tế là cho đến nay tôi nhận thấy tất cả các nữ gia sư, thậm chí cả những người xuất sắc nhất, đều có khiếm khuyết về điểm này. Họ thiếu tính dịu dàng, bình lặng mà thánh Mathew và một số người đã

nói là quý hơn cả tấm áo thầy tu – cô biết tôi muốn ám chỉ điều gì, bởi vì cô là con gái của một mục sư. Và hãy nhớ, trong mọi trường hợp, khi có đứa trẻ nào làm điều gì đó không đúng, nếu sự thuyết phục và phản đối không có tác dụng, thì hãy sai một đứa đến báo với tôi bởi vì tôi có thể báo ban chúng đơn giản và dễ dàng hơn cô. Hãy cố gắng hết sức để chúng được vui vẻ, cô Grey ạ, và tôi dám nói rằng, như vậy cô sẽ làm rất tốt nhiệm vụ của mình.”

Tôi nhận thấy rằng, trong khi bà Murray cực kỳ quan tâm đến sự dễ chịu và vui vẻ của các con bà, và liên tục nói về nó, bà không một lần đề cập đến những cảm giác đó của tôi mặc dù bọn trẻ đang ở nhà mình với những người thân xung quanh, còn tôi là một kẻ đơn độc giữa những người xa lạ, và tôi chưa biết nhiều điều về thế giới mới mẻ để không ngạc nhiên trước sự dị thường này.

Khi tôi đến, cô Murray, hay còn được gọi là Rosalie, một trong hai tiểu thư của nhà đó, khoảng mười sáu tuổi, và đã ra dáng là một cô gái rất xinh đẹp, và trong hai năm sau đó, khi vóc dáng của cô hoàn thiện qua thời gian và dáng đi cũng như cử chỉ của cô càng duyên dáng hơn, cô trở nên đẹp một cách không thể phủ nhận. Cô cao ráo và thon thả, nhưng không gầy gò. Cô đẹp hoàn hảo về vóc dáng, thanh tú về đường nét mặc dù không phải là không khỏe khoắn và rạng rỡ. Mái tóc dày với những lọn tóc quăn của cô có màu nâu sáng, đôi mắt xanh của cô trong veo và sáng đến nỗi một số người sẽ ước chúng sẫm màu hơn. Những đường nét khác trên khuôn mặt của cô đều thanh thoát, không hoàn toàn cân đối, hoặc không quá nổi bật, nhưng nhìn tổng thể bạn sẽ không ngần ngại thốt lên rằng cô là một cô gái rất dễ thương. Tôi ước gì tôi có thể khen cô về trí tuệ và tính tình của cô như đã khen cô về vóc dáng và khuôn mặt.

Tuy nhiên các bạn chớ nghĩ rằng tôi sắp sửa tiết lộ điều gì đó khủng khiếp về tính nết của nàng tiểu thư ấy. Rosalie rất vui vẻ và có thể rất dễ thương đối với những người không làm trái ý cô. Đối với tôi, khi tôi mới đến, cô lạnh lùng và kiêu kỳ, sau đó xác lác và hống

hách. Nhưng, khi chúng tôi quen nhau hơn, cô dần dần dẹp bỏ cái kiêu ra về ta đây đi, và qua thời gian, cô được gán cho tôi như thể cô là yếu tố tạo nên danh tiếng của tôi, là vị thế của tôi bởi vì cô hiếm khi quên cái thực tế rằng tôi là một người làm thuê, và là con gái một mục sư nghèo. Tuy nhiên, trên hết, tôi tin rằng cô nể tôi hơn cô nghĩ bởi vì tôi là người duy nhất trong nhà cho thấy một cách kiên định những nguyên tắc sống tốt, có thói quen nói thật, và nỗ lực làm tròn nhiệm vụ của mình. Và tôi phải nói điều này, không phải để tự khen mình mà để các bạn thấy hoàn cảnh không may mắn của cái gia đình mà hiện tại tôi đang phục vụ. Không có một thành viên nào của gia đình đó khiến tôi thấy tiếc vì thiếu nguyên tắc sống một cách đáng buồn như cô Murray, không chỉ bởi cô mến tôi, mà bởi vì mặc dù có những nhược điểm, ở cô có những điều thú vị và dễ thương khiến tôi thực sự thích cô – khi cô không khuấy động sự tức giận trong tôi hoặc làm tôi mất bình tĩnh bằng cách bộc lộ quá nhiều khuyết điểm của mình. Tuy nhiên, tôi vui lòng thuyết phục bản thân rằng những khuyết điểm đó là do ảnh hưởng của sự giáo dục chứ không phải là bản chất của cô. Cô chưa bao giờ được dạy dỗ một cách tử tế để phân biệt đúng sai. Giống như các em mình, từ khi còn bé xíu cô đã hành hạ các vú em, các gia sư, và những người hầu. Cô không được dạy để tiết chế những ham muốn của mình, kiểm soát sự nóng giận hoặc kiềm chế ý thích, hoặc hy sinh thú vui của bản thân vì lợi ích của người khác. Về bản chất, cô là người tốt, chưa bao giờ hung bạo, quá khích hoặc rầu rĩ, nhưng vì lúc nào cũng được nuông chiều và vì khinh thường lý trí nên cô hay gắt gỏng và có tính khí thất thường. Trí tuệ của cô không được trau dồi. Hiểu biết của cô nông cạn. Cô sở hữu tính hoạt bát, có khả năng hiểu khá nhanh, có chút năng khiếu âm nhạc và khả năng tiếp thu ngôn ngữ tốt, nhưng mười lăm tuổi rồi mà cô chẳng đạt được gì đáng kể về tri thức. Đến cái tuổi ấy, tính thích phô trương khuấy động các khả năng của cô, và thúc đẩy cô chú ý luyện rèn hơn, nhưng chỉ là luyện rèn những tài vật để phô trương mà thôi.

Khi tôi đến làm việc ở nhà đó, tình trạng của cô vẫn y như thế. Cô chẳng chịu học môn gì, trừ tiếng Pháp, tiếng Đức, âm nhạc, hát, khiêu vũ, thêu thùa, và học vẽ theo kiểu đá đưa – môn vẽ có thể tạo ra sự phô trương lớn nhất với sức lao động nhỏ nhất, và thường thì phần lớn việc hoàn thành một bức tranh của cô đều do tôi thực hiện. Đối với âm nhạc và ca hát, ngoài những bài học thỉnh thoảng cô tiếp thu từ tôi, cô theo học thầy giỏi nhất trong vùng, và với những môn này, cũng như trong lĩnh vực khiêu vũ, cô dĩ nhiên đạt được sự thông thạo. Thực ra, dù là gia sư, tôi thường nói với cô rằng cô đã dành quá nhiều thời gian cho âm nhạc, còn mẹ cô nghĩ rằng dù cô thích âm nhạc, cô cũng không thể bỏ quá nhiều thời gian để tiếp thu một môn nghệ thuật hấp dẫn như vậy được. Tôi không biết thêu thùa nhưng, qua những gì tôi học được từ cô học trò của mình và tự học, chẳng bao lâu sau khi tôi đến đó, học trò của tôi đã khiến tôi trở nên hữu dụng bằng hàng chục cách khác nhau. Tất cả những phần việc nhọc nhằn của cô đều được đẩy sang tôi, chẳng hạn như căng khung thêu, thực hiện các mũi thêu trên vải bố, phân loại len và lụa, tạo nền, đếm mũi thêu, sửa lỗi, hoàn thành nốt những “công trình” thêu thùa mà cô đã chán làm.

Mười sáu tuổi, cô Murray là một cô gái thích nô đùa, tuy nhiên, không đến nỗi trái với tự nhiên và vượt quá sự cho phép đối với một cô bé ở tuổi đó, nhưng ở tuổi mười bảy thì xu hướng này, cũng như tất cả những điều khác, bắt đầu phải nhượng bộ trước khát khao thống trị, và chẳng bao lâu bị nuốt chửng bởi tham vọng quyền rũ và làm lóa mắt người khác giới. Nhưng tôi miêu tả cô như vậy là đủ rồi. Bây giờ tôi muốn kể về em gái cô.

Cô Matilda Murray quả thực là một cô gái hoang dã, không được rèn giũa. Cô ít hơn chị mình khoảng hai tuổi rưỡi. Các đường nét của cô không nhỏ nhắn như cô chị, nước da của cô đen hơn. Đáng lẽ cô có thể trở thành một cô gái đẹp, nhưng khung xương của cô to và dáng người hơi cứng nên khó có thể gọi cô là một cô bé xinh xắn, và hiện tại cô không quan tâm đến điều đó lắm. Rosalie biết tất cả những điểm

hấp dẫn của mình và đề cao chúng hơn vốn có, coi trọng chúng hơn mức cần thiết, nghĩ chúng đẹp hơn gấp ba lần vốn có. Matilda nghĩ rằng mình như vậy là ổn, nên ít quan tâm đến hình thức, nhưng cô còn quan tâm ít hơn đến việc trau dồi trí tuệ cũng như việc đạt được những kỹ năng để phô trương. Thái độ mà cô thể hiện khi học bài và luyện âm nhạc có thể khiến bất cứ người gia sư nào thất vọng. Bất cứ lúc nào, và bất luận thế nào, những bài tập của cô đều phải rất dễ, rất ngắn, và nếu chúng được làm, thì cũng chỉ được làm qua loa cho xong chuyện vào những lúc ít thuận tiện nhất, theo những cách có lợi ít nhất đối với cô, và ít hài lòng nhất đối với tôi. Nửa giờ học nhạc của cô trôi qua theo kiểu cò cửa ký cửa, chẳng khác gì tra tấn. Trong khi đó cô hành hạ tôi một cách không thương tiếc, làm gián đoạn bài học bằng những lần sửa lỗi lắt nhắt, hoặc vì không chịu chỉnh sửa những lỗi mà cô đã mắc phải, hoặc làm điều gì đó vô lý tương tự như vậy. Một vài lần tôi dám phê bình cô một cách nghiêm túc vì thái độ vô lý đó, nhưng mỗi lần làm như vậy, tôi đều nhận được những lời khiển trách từ mẹ cô, khiến tôi tin rằng nếu tôi muốn giữ việc làm của mình, thì tôi thậm chí phải để tiểu thư Matilda muốn làm gì tùy thích.

Tuy nhiên khi các bài học của cô kết thúc, thái độ cáu kỉnh của cô cũng chấm dứt. Trong khi cô cười con ngựa non ưa hoạt động của mình hoặc nô đùa cùng những con chó hoặc cùng chị gái và các em trai, đặc biệt là với cậu em John mà cô rất cưng chiều, cô vui vẻ lắm. Là một sinh vật, Matilda khỏe mạnh, đầy sức sống, ưa hoạt động. Là một con người, cô dốt nát một cách man rợ, khó bảo, cầu thả, vô lý và hậu quả là, cô khiến cho bất cứ ai làm nhiệm vụ dạy dỗ cô cũng hiểu rằng, việc cải thiện cách cư xử của cô, và giúp cô đạt được những kỹ năng để phô trương giống như chị của cô, những kỹ năng mà cô khinh thường, là một việc cực nhọc. Mẹ của cô phần nào ý thức được những khuyết điểm của con gái, và đã lên lớp cho tôi nhiều lần về cách làm thế nào để hình thành khiếu thẩm mỹ ở cô, và cố gắng để khơi dậy, chăm chút lòng kiêu hãnh tiềm ẩn trong cô, và bằng cách nói gần nói

xa, khen nịnh thật khéo léo để khiến cô chú ý đến những mục tiêu được mong đợi – điều mà tôi sẽ không làm. Bà cũng bảo tôi nên chuẩn bị và làm bằng phẳng con đường học hành cho đến khi cô có thể lướt nhẹ trên đó mà không phải ráng sức chút nào – điều mà tôi không thể làm bởi vì không gì có thể được dạy vì bất cứ mục đích nào mà không đòi hỏi sự cố gắng ở phía người học.

Về hạnh kiểm, Matilda là một cô bé liều lĩnh, cứng đầu, hung dữ, và không tuân theo lẽ phải. Một bằng chứng cho thấy trạng thái tinh thần tồi tệ của cô là, cô đã học được từ cha mình thói văng tục, chửi bậy luôn mồm. Mẹ cô rất sốc trước “cung cách chẳng có chất tiểu thư chút nào” của cô và không biết “tại sao cô lại nhiễm cái thói đó”. “Nhưng cô có thể sẽ sớm tống khứ cái thói chửi bậy ấy đi, cô Grey ạ”, bà nói, “đó chỉ là một thói quen thôi, và nếu mỗi lần con bé văng tục, chửi bậy, cô nhẹ nhàng nhắc nhở nó, thì tôi tin chắc rằng nó sẽ sớm bỏ được thói quen ấy.” Tôi không chỉ “nhẹ nhàng nhắc nhở” cô Matilda, mà còn cố làm cho cô hiểu chửi bậy là một thói xấu như thế nào, gây khó chịu cho đôi tai của những người tử tế ra sao, nhưng tất cả đều vô ích. Tôi chỉ được đáp lại bằng một tiếng cười xòa, và câu “Ồ, cô Grey, cô sốc đến thế kia ư!” hoặc “Ôi! Em không thể nhịn được”, hoặc “Đáng lẽ cha không nên dạy em, em học tất cả từ cha đấy, và từ thẳng đánh xe ngựa”.

Khi tôi đến làm gia sư cho gia đình họ, em trai của cô, cậu bé John, và cũng là cậu chủ Murray, đã mười một tuổi. Đó là một cậu bé khỏe mạnh, mập mạp, xinh trai. Có lẽ bản chất của cậu hiền lành, trung thực và có thể trở thành một chàng trai tốt nếu như được giáo dục tử tế nhưng bây giờ cậu hung dữ như một con gấu con, ngỗ ngược, vô kỷ luật, dốt nát, và khó dạy – ít nhất, đối với một gia sư, theo cách nhìn của mẹ cậu. Các thầy giáo của cậu ở trường có thể quản lý cậu tốt hơn – thật may cho tôi, khoảng một năm sau khi tôi đến, cậu được gửi đến trường. Tình trạng dốt tiếng Latin đến mức đáng hổ thẹn của cậu, và dốt cả từ những môn học cần thiết cho đến những môn ít được coi

trọng hơn được quy trách nhiệm cho một giáo viên nữ dốt nát, người đã dám đương đầu với những gì mà mình hoàn toàn không có khả năng để đương đầu. Đúng mười hai tháng sau đó, tôi được giải thoát khỏi em cậu, người cũng được gửi đến trường trong tình trạng dốt nát đáng xấu hổ y như anh trai mình.

Cậu Charles là đứa con cưng của mẹ cậu. Cậu nhỏ hơn anh John của cậu một tuổi, nhưng còi cọc, xanh xao, lười hoạt động và yếu ớt hơn nhiều. Đó là một cậu bé ích kỷ, hèn nhát, hay hờn dỗi, chỉ háng hái khi làm những trò tinh quái, và chỉ nhanh trí trong việc nghĩ ra những lời nói dối, không chỉ để che giấu những lỗi của mình mà còn để khiến người khác bị chê bai, căm ghét một cách hiểm độc. Quả thực, cậu chủ Charles là một nỗi phiền toái rất lớn đối với tôi. Chung sống hòa bình với cậu đã là một cuộc thử thách, trông nom và dạy dỗ cậu còn khó khăn hơn nhiều, dạy dỗ cậu hoặc cố gắng dạy dỗ cậu là việc gian nan không thể tưởng tượng nổi. Mười tuổi, cậu không thể đọc nổi một dòng dễ nhất trong cuốn sách đơn giản nhất, và theo nguyên tắc của mẹ cậu, cậu phải được mớm từng từ trước khi cậu có thời gian ngậm ngừng hoặc ngẫm nghĩ để tự đánh vần chúng, và thậm chí cậu không được nói cho biết rằng những cậu bé khác tiến bộ hơn cậu, như một cách để kích thích sự cố gắng ở cậu, bởi vậy không ngạc nhiên, trong hai năm tôi chịu trách nhiệm dạy học cho cậu, cậu chẳng tiến bộ hơn trước là bao. Lượng kiến thức ít ỏi về ngữ pháp tiếng Latin, và những môn khác, được nhắc đi nhắc lại với cậu cho tới khi cậu thích nói những gì cậu biết thì nói, không thích thì thôi, và sau đó cậu được giúp để nói những gì cậu biết. Nếu cậu làm sai một phép tính đơn giản, thì người dạy cậu phải chỉ ra chỗ sai ngay lập tức, và làm lại phép tính ấy cho cậu, thay vì để cậu rèn khả năng tự phát hiện các lỗi sai của mình. Với kiểu học đó, dĩ nhiên cậu chẳng tội gì phải cố gắng tránh mắc lỗi, mà thường xuyên viết bừa các con số ra, chẳng thèm tính toán gì hết.

Không phải lúc nào tôi cũng tuân theo những nguyên tắc, luật lệ đó. Làm như thế là trái với lương tâm của tôi, nhưng tôi hiếm khi dám đi trịch khời nó dù chỉ ở mức độ nhẹ nhất mà không tự mình chuốc lấy cơn thịnh nộ của đấng học trò nhỏ, và tiếp theo là của mẹ nó, người được cậu kể lại một cách cường điệu và đầy ác ý mọi vi phạm của tôi hoặc thêm thắt những chi tiết không có thật. Thường thì, hậu quả là tôi sẽ đứng trước nguy cơ mất việc hoặc tự bỏ việc. Nhưng vì những người thân của mình, tôi đập lòng kiêu hãnh, trấn áp sự phẫn nộ trong mình, cố gắng trụ lại cho tới khi tên bạo chúa nhỏ của tôi được gửi đến trường. Cha của cậu ta tuyên bố rằng giáo dục tại nhà “chẳng đi đến đâu cả. Đối với thằng bé, điều đó là rõ ràng. Mẹ nó đã làm hư hỏng nó một cách quá đáng, còn gia sư của nó đã bó tay với nó.”

Tôi xin kể thêm chút nữa về Horton Lodge và những gì diễn ra ở đó, bởi tôi biết từ trước đến giờ những dòng miêu tả của tôi khá khô khan. Ngôi nhà đó rất đáng chiêm ngưỡng, hơn hẳn nhà ông Bloomfield về mức độ cổ kính, kích cỡ, và vẻ đẹp. Khu vườn tuy không được bố trí một cách đầy thẩm mỹ nhưng thay vì có những bãi cỏ được xén phẳng phiu, ở đó những cây non được bảo vệ bởi những hàng rào, những lùm cây dương thẳng tắp và cả một vườn linh sam, có một vườn cảnh rộng lớn thấp thoáng bóng hươu nai và được làm đẹp bởi những cây cỏ thụ xanh tươi. Vùng thôn quê xung quanh cũng rất đẹp, xa xa là những cánh đồng màu mỡ, những khóm cây xanh mướt mát, những con đường nhỏ được viền bởi cây xanh, và những bờ giậu ngời lên màu xanh tươi được điểm xuyết những bông hoa dại, nhưng nó bằng phẳng một cách buồn tẻ đối với một người sinh ra và lớn lên giữa những ngọn đồi nhấp nhô.

Chúng tôi sống cách nhà thờ của làng gần hai dặm, bởi vậy sáng thứ Bảy nào cỗ xe ngựa của gia đình cũng được dùng tới. Ông bà Murray nghĩ họ có mặt ở nhà thờ một lần trong ngày thứ Bảy là đủ, nhưng thường thì các con của họ thích đến đó lần thứ hai, lang thang quanh khu nhà thờ cả ngày. Nếu các học trò của tôi chọn đi bộ và cho

tôi đi cùng, thì điều đó tốt cho tôi, bởi vì nếu đi bằng xe ngựa thì tôi phải nhét mình vào góc xa nhất so với cửa sổ, và phải ngồi quay lưng lại phía những con ngựa kéo xe: một vị trí lúc nào cũng khiến tôi buồn nôn, và nếu tôi không buộc phải rời khỏi nhà thờ giữa buổi lễ, thì lời cầu kinh của tôi sẽ bị phá rối bởi cảm giác ngọt ngào, buồn nôn, và nỗi sợ tình trạng khó ở của mình sẽ tăng lên. Một cơn đau đầu đáng ghét sẽ hành hạ tôi suốt cả ngày, thay vì cảm giác về sự nghỉ ngơi, thư giãn, sự linh thiêng, và sự thú vị trong tĩnh lặng.

“Cô Grey, thật lạ là xe ngựa luôn làm cô buồn nôn: nó chẳng làm em buồn nôn bao giờ”, tiểu thư Matilda nói.

“Chị cũng chẳng buồn nôn bao giờ”, chị của cô nói, “nhưng chị dám nói rằng chị cũng sẽ như vậy nếu chị ngồi ở cái chỗ – cái chỗ kinh khủng mà cô ấy ngồi. Cô Grey, em ngạc nhiên vì cô có thể chịu đựng nổi khi phải ngồi ở chỗ đó đấy!”

“Tôi buộc phải chịu đựng, bởi vì tôi không có sự lựa chọn nào khác”, tôi đã định trả lời như vậy, nhưng rồi tôi chỉ đáp: “Ồ! Chỉ một đoạn đường ngắn thôi mà, và nếu tôi không nôn ở trong nhà thờ, thì tôi chẳng cảm thấy phiền vì chuyện đó đâu.”

Nếu tôi phải mô tả về sự sắp đặt và giờ giấc sinh hoạt hằng ngày thì đó quả là một việc khó đối với tôi. Tất cả các bữa ăn của tôi đều diễn ra trong phòng học cùng với các học trò của mình, vào những lúc họ muốn. Đôi khi họ gọi người đem bữa chính lên phòng khi mà nhà bếp vẫn còn đang nấu nướng. Đôi khi họ để thức ăn chờ họ trên bàn cả tiếng đồng hồ, để rồi sau đó lại cúi kính vì món khoai tây đã nguội ngắt, còn nước sốt trên món bánh đã đông cứng lại. Đôi khi họ dùng bữa trà vào lúc bốn giờ: thường thì họ nổi giận đùng đùng với những người hầu vì bữa trà không được dọn lên đúng vào lúc năm giờ, và khi mệnh lệnh của họ được tuân thủ, họ cứ để nguyên trà trên bàn, không đụng tới cho đến bảy hoặc tám giờ.

Việc học bài của họ cũng chẳng có giờ giấc nhất định. Quyết định và sự tiện lợi của tôi không bao giờ được đếm xỉa tới. Đôi khi Matilda

và John quyết tâm “giải quyết tất cả các bài học trước bữa ăn sáng”, và sai một người hầu gọi tôi dậy lúc năm giờ rưỡi mà không hề cảm thấy ngại hoặc có một lời xin lỗi. Đôi khi tôi được báo cho biết phải dạy học vào đúng sáu giờ, và phải thay quần áo thật khẩn trương, lao xuống phòng học chỉ để thấy chưa có bóng một học trò nào của mình ở đó, đợi một lúc lâu trong cảm giác sốt ruột và rồi phát hiện ra rằng họ đã thay đổi ý định, và hiện vẫn đang ngủ, hoặc có thể, nếu là một buổi sáng mùa hè đẹp trời, chị Brown đến nói với tôi rằng các tiểu thư và các công tử quyết định sẽ tận hưởng một ngày nghỉ, và khi chị báo cho tôi biết điều đó, họ đã đi chơi rồi, còn tôi thì cứ đợi bữa sáng cho tới khi sắp ngất xỉu. Còn họ, tất nhiên đã ăn lót dạ trước khi đi.

Thường thì họ học bài ở ngoài trời, và tôi chẳng có gì để phản đối, trừ một điều rằng tôi thường xuyên bị nhiễm lạnh vì ngồi trên bãi cỏ ẩm ướt, hoặc vì phơi sương giá vào buổi tối, hoặc vì gió lùa, những điều mà dường như chẳng ảnh hưởng gì đến họ. Quả thực họ rất khỏe: tuy nhiên, đáng lẽ họ phải được giáo dục để nghĩ cho những người có sức khỏe kém hơn mình. Nhưng tôi không trách họ vì những gì có lẽ là nhược điểm của bản thân tôi, bởi vì tôi chưa bao giờ phản đối việc ngồi ở nơi nào mà họ thích: tôi chọn chấp nhận rủi ro hơn là làm họ khó chịu vì sự tiện lợi của mình. Cái cách học của họ cũng bất bình thường chẳng kém gì sự thất thường được thể hiện trong cách họ lựa chọn thời gian và chỗ học. Trong khi tiếp thu bài giảng của tôi, hoặc nhắc lại những gì mình đã học, họ thường nằm ườn trên xô pha, trên thảm, ngáp dài, nói chuyện với nhau, hoặc nhìn ra ngoài cửa sổ. Trong khi đó tôi không thể chọc lò sưởi hoặc nhặt chiếc khăn tay tôi đánh rơi mà không bị các học trò của mình phê bình, hoặc được nói cho biết rằng “mẹ không thích tôi cầu thả như vậy”.

Những người hầu thấy cả bố mẹ và các con của nhà đó không coi trọng gia sư nên cũng điều chỉnh thái độ cho hợp với kiểu hành xử ấy. Tôi thường bảo vệ họ chống lại sự bạo ngược và bất công của những cô chủ, cậu chủ nhỏ ấy bất chấp rủi ro đối với bản thân mình, và tôi

luôn cố gắng để làm phiền họ ít nhất có thể, nhưng họ hoàn toàn không nghĩ đến sự thoải mái của tôi, xem thường những yêu cầu của tôi, coi khinh những chỉ dẫn của tôi. Tôi tin rằng không phải tất cả những người hầu đều như vậy, nhưng nhìn chung những người hầu trong gia đình đó kém hiểu biết, không quen suy nghĩ và không biết phải trái, rất dễ bị sự cấu thả và tấm gương xấu của những người có quyền lực cao hơn mình làm hư hỏng.

Thình thoảng tôi cảm thấy mình bị tha hóa bởi cuộc sống mà mình đang sống, cảm thấy xấu hổ về sự đầu hàng của mình trước vô số sự sỉ nhục. Đôi khi tôi nghĩ mình là một kẻ ngốc cứ quan tâm nhiều đến họ, và sợ mình thiếu hụt một cách đáng buồn tính nhún nhường của người theo đạo Cơ Đốc, hoặc thiếu tình yêu thương như Kinh thánh đã nhắc tới: “Tình yêu thương và nhân từ, chẳng kiếm tư lợi, chẳng nóng giận, dung thứ mọi sự, nín chịu mọi sự.”

Nhưng, qua thời gian và với sự kiên nhẫn, những khó khăn bắt đầu giảm bớt chút ít. Sự cải thiện diễn ra rất chậm, và hầu như không rõ rệt, nhưng tôi đã được giải thoát khỏi những học trò nam (đó là một sự thuận lợi không nhỏ), còn những học trò nữ, như tôi đã kể sơ qua về từng người, đã trở nên bớt xấu xược hơn và bắt đầu cho thấy những dấu hiệu của sự quý mến. “Cô Grey là một người kỳ quặc. Cô chẳng bao giờ khen nịnh, và không khen người ta được đến một nửa mức cần thiết, nhưng bất cứ khi nào cô nói tốt về ai, hoặc những điều liên quan đến ai, thì người đó có thể chắc chắn rằng sự ủng hộ của cô là thật lòng. Cô rất sẵn lòng giúp đỡ người khác, ít nói, nhìn chung trầm tính, nhưng có một số điều khiến cô nổi giận. Mọi người không quan tâm nhiều đến điều đó, nhưng không làm cô bực vẫn tốt hơn, bởi vì khi cô vui, cô trò chuyện với họ, và đôi khi cô rất dễ thương và hài hước: về điểm ấy, cô hoàn toàn khác với mẹ. Cô có ý kiến riêng về mọi chủ đề, và giữ vững lập trường của mình – thường thì những ý kiến của cô chẳng thú vị gì, bởi vì cô luôn nghĩ đến cái đúng, cái sai, và luôn có sự

sùng kính lạ lùng dành cho những vấn đề liên quan đến tôn giáo, yêu mến những người tốt một cách không thể hiểu nổi.”

Chương VIII

Bước ra thế giới

Ở tuổi mười tám, tiểu thư Murray từ phòng học chẳng được mấy ai biết đến bước vào thế giới phù hoa của những người sành điệu – ít nhất là xuất hiện nhiều hết mức có thể ở London bởi vì không ai có thể thuyết phục cha cô bỏ những thú vui và những cuộc đi săn ở vùng nông thôn để ở thành phố thậm chí chỉ trong vài tuần. Cô xuất hiện lần đầu trong cái thế giới ấy vào ngày mừng ba tháng Một, tại một phòng khiêu vũ nguy nga, tráng lệ mà mẹ cô chọn để mời tất cả những người thuộc tầng lớp quý tộc và giới thượng lưu ở O – cũng như trong vòng hai mươi dặm quanh đó. Tất nhiên, cô mong chờ sự kiện đó với sự sốt ruột cực độ, và sự háo hức thái quá.

“Cô Grey”, cô nói vào một buổi tối trước ngày quan trọng ấy một tháng khi tôi đang đọc một bức thư dài vô cùng thú vị của chị gái tôi – bức thư mà hồi sáng tôi mới chỉ kịp liếc qua để biết chắc chắn rằng nó không chứa những tin xấu, và giữ cho đến tối bởi không thể tìm được lúc nào yên tĩnh để đọc nó – “Cô Grey, cắt cái thư chán ngắt, vớ vẩn đó đi và nghe em nói đây! Em chắc chắn rằng những gì em nói thú vị hơn cái thư đó nhiều.”

Cô ngồi xuống chiếc ghế thấp dưới chân tôi, còn tôi nén tiếng thở dài khó chịu, bắt đầu gấp bức thư lại.

“Cô nên nói với những người tốt ở nhà cô đừng bắt cô phải đọc những bức thư dài dằng dặc như thế”, tiểu thư Murray nói, “và hơn hết, hãy bắt họ viết bằng giấy viết thư tử tế, chớ có viết thư bằng những tờ giấy to tướng, thô kệch như thế. Cô nên xem những tờ giấy nhỏ xinh xắn mà mẹ dùng để viết thư cho bạn của mẹ.”

“Những người tốt ở nhà”, tôi đáp, “biết rất rõ rằng thư của họ càng dài thì tôi càng thích. Tôi sẽ rất tiếc nếu nhận những mảnh giấy

nhỏ xinh xắn từ bất cứ ai trong gia đình mình, và tôi nghĩ cô hơi “tiểu thư” quá khi nói về việc viết thư trên những tờ giấy khổ rộng, “thô lậu”, cô Murray ạ.”

“Ồ, em chỉ nói vậy để trêu cô thôi mà. Nhưng bây giờ em muốn nói với cô về buổi khiêu vũ, và em muốn nói với cô rằng cô phải hoãn kỳ nghỉ của cô cho tới khi nào xong sự kiện đó đã.”

“Tại sao phải như vậy? Tôi sẽ không có mặt ở buổi khiêu vũ đâu.”

“Không, nhưng cô sẽ ngắm những căn phòng được trang hoàng trước khi buổi khiêu vũ bắt đầu, sẽ nghe nhạc, và hơn hết, sẽ ngắm em trong bộ váy mới lộng lẫy. Em sẽ rất quyến rũ, cô sẽ tôn thờ em – cô phải ở lại.”

“Tôi muốn ngắm cô khi đó lắm, nhưng tôi còn có nhiều cơ hội ngắm cô quyến rũ như thế, vào những buổi khiêu vũ và những buổi tiệc khác trong tương lai, và tôi không thể làm những người thân của mình thất vọng bằng việc hoãn ngày về.”

“Ồ, đừng bận tâm về những người thân của cô! Cứ nói với họ rằng chúng em không cho cô về.”

“Nhưng, nói thực lòng, bản thân tôi sẽ thất vọng. Tôi mong được gặp người thân của mình nhiều như họ mong được gặp tôi – có lẽ còn hơn thế.”

“Nhưng cô chỉ về chậm vài ngày thôi mà.”

“Gần nửa tháng so với dự định của tôi đấy, vả lại tôi không thể chịu đựng nổi khi nghĩ đến một Giáng sinh xa gia đình. Hơn nữa, chị gái tôi sắp lấy chồng.”

“Cô ấy – khi nào?”

“Tháng tới cơ, nhưng tôi muốn ở nhà để giúp chị tôi chuẩn bị và muốn ở bên chị ấy nhiều nhất có thể trước khi chị ấy về nhà chồng.”

“Tại sao cô không nói với em trước?”

“Tôi chỉ vừa mới biết tin đó qua bức thư mà cô nói là chán ngắt và vợ vẫn, không cho tôi đọc.”

“Chị ấy sẽ kết hôn với ai?”

“Với ông Richardson, một mục sư của giáo xứ ở gần đó.”

“Ông ta giàu có chứ?”

“Không, chỉ đủ sống thôi.”

“Ông ta đẹp trai chứ?”

“Không, ông ấy chỉ tao nhã thôi, chứ không đẹp.”

“Ông ta trẻ chứ?”

“Không, ông ấy đã bước sang tuổi trung niên.”

“Chao ôi! Thật tội nghiệp! Nhà cửa của ông ta thế nào?”

“Một ngôi nhà nhỏ yên tĩnh dành cho mục sư, với một cái cổng phủ đầy dây thường xuân, một khu vườn kiểu truyền thống, và –”

“Ôi, thôi! – Cô làm em buồn nôn. Làm sao chị cô chịu đựng nổi cơ chứ?”

“Tôi hy vọng chị gái tôi sẽ không chỉ chịu nổi, mà còn rất hạnh phúc. Cô không hỏi tôi ông Richardson có phải là một người đàn ông đàn ông, tử tế, hiểu biết và tốt bụng không. Nếu cô hỏi, thì tôi sẽ trả lời rằng CÓ – ít nhất chị Mary của tôi nghĩ như vậy, và tôi hy vọng chị ấy không nhầm.”

“Nhưng – thật bất hạnh! Làm sao chị gái cô có thể nghĩ sẽ chôn vùi cả đời mình ở đó, trói buộc mình với ông già nghèo khổ đó, và không có hy vọng thay đổi?”

“Ông ấy không già. Ông ấy chỉ mới ba mươi bảy, ba mươi tám tuổi thôi, còn chị ấy cũng hai mươi tám tuổi rồi, và chị ấy chín chắn như một người ở tuổi năm mươi.”

“Ôi! Vậy thì tốt hơn em nghĩ – họ xứng đôi đấy, nhưng người ta có gọi ông ấy là “mục sư đáng kính” không?”

“Tôi không biết, nhưng nếu họ gọi như vậy, thì tôi tin rằng ông ấy xứng đáng với cách gọi đó.”

“Ôi chao! Thật kinh khủng! Chị của cô sẽ đeo một cái tạp dề trắng làm bánh ngọt và bánh nhân thịt chứ?”

“Tạp dề trắng thì tôi không biết, nhưng tôi dám nói rằng thỉnh thoảng chị ấy sẽ làm bánh, nhưng đó không phải là việc khó khăn vất vả, bởi vì chị ấy đã từng làm rồi.”

“Và chị của cô sẽ đi ra ngoài trong chiếc khăn trùm đầu chẳng có gì nổi bật, bê món súp hầm xương cho các giáo dân nghèo của chồng mình nhỉ?”

“Tôi không rõ về điều đó, nhưng tôi dám nói rằng noi gương của mẹ tôi, chị ấy sẽ làm tất cả những gì có thể để những người nghèo ấy cảm thấy thoải mái hơn về thể xác và tinh thần.”

Chương IX

Tiệc khiêu vũ

“Ôi, cô Grey”, tiểu thư Murray thốt lên, khi tôi vừa mới thay bộ quần áo mặc đi đường và bước vào phòng học sau khi kết thúc kỳ nghỉ kéo dài bốn tuần của mình, “nào – đóng cửa lại, ngồi xuống đây, em sẽ kể cho cô nghe về buổi khiêu vũ đó.”

“Không – buổi khiêu vũ chết tiệt đó, không!” Tiểu thư Matilda gào lên. “Chị không thể ngậm miệng lại được sao? Để em kể cho cô Grey nghe về con ngựa mới của em – một con ngựa tuyệt đẹp, cô Grey ạ! Một con ngựa cái giống –”

“Yên nào, Matilda, để chị kể chuyện của chị trước đã.”

“Không, không, Rosalie, chị mà kể về buổi khiêu vũ đó thì chị sẽ huyền thuyên lâu lắm – cô Grey sẽ nghe em kể chuyện của em trước – em sẽ chết treo nếu như cô không nghe em!”

“Tôi rất tiếc là cô chưa bỏ được cái thói quen nói năng gây sốc ấy.”

“Ôi, em không thể nhịn được, nhưng em sẽ không nói một từ độc địa nào nữa nếu cô nghe em kể và bảo Rosalie ngậm cái miệng chết tiệt của chị ấy lại.”

Rosalie phản đối, còn tôi bị hai cô tiểu thư giành giật, nhưng cô Matilda lớn tiếng hơn, nên cuối cùng chị cô chịu thua, đành phải để cô kể chuyện của mình trước. Vậy là tôi phải cố gắng chịu đựng nghe cô kể tràng giang đại hải về con ngựa cái đẹp mã của cô, về dòng giống và gốc gác, những bước đi, các hoạt động, tính tình của nó, và về tài nghệ cũng như lòng dũng cảm đáng ngạc nhiên của cô khi cô cưỡi nó. Cô kết thúc câu chuyện lan man đó bằng cách quả quyết rằng cô có thể cưỡi ngựa vượt qua một cái cống năm thanh chắn ngon ơ tựa như “nháy mắt”, và cha cô nói rằng sắp tới cô có thể tham gia đoàn đi săn

của ông, còn mẹ cô thì đặt mua một bộ quần áo cưỡi ngựa màu đỏ tươi cho cô.

“Ôi chào! Matilda! Chuyện em kể thật là!” Chị cô kêu lên.

“Ồ”, cô em trả lời, không chút lúng túng, “em biết em *có thể* cưỡi ngựa vượt qua cổng năm thanh chắn, nếu em cố gắng, và cha sẽ nói em có thể đi săn, còn mẹ sẽ đặt mua cho em một bộ quần áo cưỡi ngựa khi em đòi.”

“Rồi, bây giờ hãy biến đi”, tiểu thư Murray nói, “và Matilda yêu quý ạ, cố mà trở nên ra dáng tiểu thư hơn một chút đi. Cô Grey, em ước gì cô nói với nó đừng có sử dụng những từ khó nghe như vậy nữa. Nó toàn gọi con ngựa của nó là ngựa cái. Cách gọi đó gây khó chịu không thể tả nổi, và nó sử dụng những từ rất kinh tởm để miêu tả con ngựa đó. Chắc chắn nó đã học những từ đó từ mấy gã giữ ngựa. Mỗi lần nó mở miệng nói là em muốn ngắt.”

“Em học từ cha đấy, đồ ngu! Và từ mấy ông bạn vui tính của cha”, nàng tiểu thư nói, đập đập cái roi ngựa mà cô luôn cầm trên tay theo thói quen. “Em là người sành điệu ngựa chẳng kém gì người sành nhất trong số họ.”

“Rồi, bây giờ đi chỗ khác đi, đưa con gái gây sốc! Nếu mà cứ tiếp tục lải nhải như thế chị sẽ ngắt đây. Cô Grey, hãy nghe em nói đây: Em sẽ kể cho cô nghe về buổi khiêu vũ. Em biết cô mà nghe em kể về nó thì cô chắc chắn sẽ chết lịm. Ôi, một buổi khiêu vũ thật tuyệt! Trong đời mình cô chưa từng nhìn thấy, nghe thấy hoặc đọc thấy, mơ thấy sự kiện gì tuyệt vời như thế đâu. Cách trang hoàng, các tiết mục giải trí, bữa ăn nhẹ, âm nhạc, tất cả đều tuyệt đến mức không thể tả xiết! Và cả các vị khách nữa! Có hai nhà quý tộc, ba tòng nam tước, năm nữ quý tộc, cùng vô số các tiểu thư, công tử. Tất nhiên các tiểu thư chẳng gây được ấn tượng gì với em, chỉ làm em buồn cười bằng việc phô ra sự xấu xí và vụng về của mình, và mẹ nói rằng người đẹp nhất trong số họ, so với em cũng chẳng là gì. Bởi vì, cô Grey ạ – em

rất tiếc cô đã không nhìn thấy em tại buổi khiêu vũ đó – Em rất quyến rũ – phải không nhỉ, Matilda?”

“Cũng thường thường thôi.”

“Không, nhưng chị thực sự – ít nhất mẹ đã nói như vậy – cả Brown và Williamson nữa. Brown nói chị ta chắc chắn rằng không vị công tử nào nhìn thấy em mà không phải lòng em ngay lập tức và em được phép tự kiêu một chút. Em biết cô nghĩ em là một cô gái phù phiếm, kiêu ngạo, khó ưa, nhưng cô biết đấy, em đâu có cho rằng tất cả sự hấp dẫn đó là do em vốn có: Em khá khen cho người tạo kiểu tóc, và em đẹp như vậy một phần nhờ bộ váy cực kỳ đáng yêu của em – ngày mai cô phải ngắm nó mới được – một bộ váy bằng voan mỏng trắng muốt phủ trên nền vải xa tanh màu hồng – và được may thật đẹp! Và một chiếc vòng cổ, vòng tay bằng hạt trân châu rất to và đẹp!”

“Tôi tin rằng cô trông rất quyến rũ, nhưng điều đó làm cô vui đến thế sao?”

“Ồ, không! – không phải chỉ điều đó làm em vui, nhưng lúc ấy em được ngưỡng mộ lắm lắm và chỉ trong buổi tối hôm đó em đã chinh phục được nhiều trái tim – cô sẽ ngạc nhiên khi biết –”

“Nhưng những cuộc chinh phục đó có ích gì cho cô?”

“Có ích gì á! Cô nghĩ mà xem, người phụ nữ nào mà chẳng muốn như vậy!”

“Ôi, tôi nghĩ chỉ cần một cuộc chinh phục là đủ và cũng là quá nhiều, trừ khi đó là sự chinh phục lẫn nhau.”

“Ôi, em không bao giờ đồng ý với cô ở những điểm đó. Nào, hãy đợi một chút nhé, em sẽ kể cho cô nghe về những người quan trọng ngưỡng mộ em – những người đã có mặt trong buổi tối hôm ấy và sau đó, bởi vì từ hôm ấy em có hai tiệc khiêu vũ nữa. Thật không may, hai quý ông, huân tước G – và huân tước F – đều đã kết hôn, nếu không em sẽ chiếu cố họ, trở nên đặc biệt lịch sự và duyên dáng đối với họ, vì họ kết hôn rồi, nên em không cần làm như vậy, mặc dù huân tước F – đang chê vợ, và rõ ràng chết mê chết mệt em. Ông ấy mời em khiêu

vũ hai lần – ông ấy là một bạn nhảy quyến rũ, và em cũng vậy. Cô không thể tưởng tượng được em nhảy đẹp như thế nào đâu – chính bản thân em cũng ngạc nhiên nữa là. Vị huân tước đó cũng khen em lắm – khen nhiều lắm, thật đấy – còn em thì nghĩ mình nên kiêu kỳ và có ý khước từ, nhưng em sẽ rất khoái nếu em được thấy mặt vợ xấu xí và đau khổ của ngài huân tước héo tàn vì ghen tức và khó chịu –”

“Ôi, cô Murray! Không phải cô muốn nói rằng điều đó thực sự có thể khiến cô vui sướng đấy chứ? Tuy nhiên, đau khổ hoặc –”

“Em biết như thế là không phải – nhưng thôi, đừng bận tâm! Đôi lúc em cũng muốn cư xử cho phải lẽ mà – cô đừng thuyết giáo nữa. Ở đó cũng có một người thích hợp đấy. Em mới chỉ kể với cô một nửa chuyện thôi. Để xem nào. Em đã kể cho cô nghe em có bao nhiêu người không thích hợp ngưỡng mộ mình rồi nào: – Ngài Thomas Ashby là một này – ngài Hugh Meltham và ngài Broadley Wilson là những ông già lắm tiền, chỉ hợp làm bạn với cha và mẹ thôi. Ngài Thomas trẻ trung, giàu có, và vui tính, nhưng xấu kinh khủng. Tuy nhiên sau vài tháng làm quen, mẹ em bảo em không nên bận tâm về điều đó. Ở đó còn có Harry Meltham, con trai thứ của ngài Hugh, một anh chàng khá điển trai để tán tỉnh, nhưng anh ta chỉ là con trai thứ thôi. Và còn có chàng Green trẻ tuổi, đủ giàu, nhưng không thuộc gia đình dòng dõi, và là một anh chàng gốc gác, một gã khờ khạo quê mùa! À, có cả ông mục sư Hatfield nữa. Ông ta nên tự coi mình là một kẻ ngưỡng mộ khiêm nhường, nhưng em e rằng ông ta đã quên cộng tính khiêm nhường vào cái khối đức hạnh Thiên Chúa giáo của mình.”

“Ông Hatfield đi dự buổi khiêu vũ ư?”

“Đúng vậy. Cô nghĩ ông ta quá tốt nên không thể đến dự một sự kiện như vậy chẳng?”

“Tôi nghĩ việc đó được coi là không hợp với giới tăng lữ.”

“Có gì mà không hợp. Ông ta có báng bổ cái áo mục sư của mình bằng việc khiêu vũ đâu. Nhưng ông ta khó mà nhịn được, thật tội nghiệp. Có vẻ như ông ta muốn nắm tay em chết đi được. À! Ông ta

có người trợ lý mới đấy. Cái ông Bligh già yếu tiều tụy muốn sống dai ấy, cuối cùng cũng qua đời rồi.”

“Người trợ lý mới của mục sư thế nào?”

“Chao ôi, cái gã đàn ông đáng ghét ấy! Tên ông ta là Weston. Em có thể miêu tả ông ta cho cô nghe bằng ba từ – một gã đàn độn, ngờ ngẩn, xấu xí, ngu si. Bốn từ, nhưng không sao – như thế mới đủ với ông ta.”

Sau đó cô quay lại với chủ đề về buổi khiêu vũ, kể cho tôi nghe về cách cư xử của cô ở đó, và về một số buổi tiệc mà cô đi dự kể từ hôm đó, thêm vài điều đặc biệt về ngài Thomas Ashby, Meltham, Green, và Hatfield, cũng như những ấn tượng mà cô có về từng người.

“Trong số bốn người đó cô thích ai nhất?” Tôi hỏi, cố nén cái ngáp dài thứ ba hoặc thứ tư của mình.

“Em ghét tất cả bọn họ!” Cô đáp, lắc lắc những lọn tóc quấn màu vàng sáng của mình với vẻ khinh bỉ rõ rệt.

“Tôi cho rằng như thế có nghĩa là “em thích tất cả bọn họ” – nhưng cô thích ai nhất mới được chứ?”

“Không, em thực sự ghét tất cả bọn họ, nhưng Harry Meltham là người đẹp trai nhất và thú vị nhất, còn Hatfield thông minh nhất, ngài Thomas xấu xí nhất, và ông Green ngu đần nhất. Nhưng em nghĩ, nếu em buộc phải lấy ai trong số họ, thì người đó sẽ là ngài Thomas Ashby.”

“Không, nếu ông ta xấu xí như vậy, và cô ghét ông ta đến mức ấy, thì tại sao cô lại chọn?”

“Ồ, em không quan tâm ông ta xấu xí đến mức nào. Ông ta xấu thì xấu và việc em ghét ông ta cũng chẳng quan trọng – nếu em buộc phải lấy chồng, em sẽ không phản đối việc mình trở thành bà Ashby của Ashby Park. Nhưng nếu em có thể mãi trẻ, thì em sẽ không lấy chồng đâu. Em muốn lúc nào mình cũng vui tươi và làm duyên với cả thế giới, cho đến khi em sắp được gọi là gái già, và khi đó, sau khi đã thực hiện mười nghìn cuộc chinh phục, làm tan vỡ mọi trái tim, để

thoát khỏi sự nhục nhã đó bằng cách cưới một người chồng giàu có, thuộc tầng lớp cao sang, biết chiều chuộng mình, người có đến năm mươi tiêu thư vô cùng muốn lấy làm chồng.”

“Chừng nào cô còn thích thú với những viễn cảnh đó, thì hãy cố giữ tình trạng độc thân bằng mọi cách, và đừng bao giờ kết hôn, thậm chí kết hôn để trốn khỏi mối nhục phải làm gái già.”

Chương X

Nhà thờ

“Này, cô Grey, cô nghĩ sao về phó mục sư mới?” Tiểu thư Murray hỏi, khi chúng tôi từ nhà thờ trở về vào ngày Chủ nhật sau khi tôi trở lại với nhiệm vụ của một gia sư.

“Tôi không thể nói được”, tôi đáp. “Tôi thậm chí chưa được nghe ông ấy giảng đạo.”

“Nhưng cô đã nhìn thấy ông ta rồi, đúng không?”

“Đúng, nhưng tôi không thể giả vờ đánh giá tính cách của một người đàn ông bằng cách liếc qua khuôn mặt của ông ta.”

“Nhưng ông ta xấu xí đúng không?”

“Tôi thấy ông ấy không xấu đến mức đó đâu. Tôi không ghét vẻ mặt nghiêm trang đó, nhưng điều duy nhất tôi đặc biệt chú ý về ông ấy là cách ông ấy đọc. Đối với tôi, ông ấy đọc rất hay – ít nhất, hay hơn hẳn cách đọc của ông Hatfield. Ông ấy đọc các bài Kinh như thể ông ấy cố gắng làm cho mỗi đoạn đều gây được ấn tượng tối đa, cứ như thể ngay cả người lơ đãng nhất cũng không thể không chú ý, người chậm hiểu nhất cũng có thể hiểu được, và những lời cầu nguyện mà tôi nghe cứ như thể không phải là những lời ông ấy đọc lên, mà là đang cầu nguyện một cách chân thành và tha thiết từ tận đáy lòng.”

“Đúng, điều đó thì ông ta làm tốt thật. Ông ta chủ trì buổi lễ rất tốt, nhưng ngoài việc đó ra ông ta chẳng biết gì hết.”

“Sao cô biết?”

“Ôi! Em biết rõ mà. Em là một người có khả năng đánh giá tuyệt vời trong những chuyện như thế. Cô có thấy ông ta đi ra khỏi nhà thờ như thế nào không? Bước lộp cộp, lộp cộp – như thể chẳng có ai ở đó ngoài ông ta – chẳng hề nhìn bên phải hoặc bên trái, và rõ ràng chẳng

ngĩ gì, cứ thản nhiên bước, và có lẽ, bước thẳng về nhà ăn bữa chính. Cái đầu ngu si của ông ta chẳng chứa ý nghĩ nào khác.”

“Tôi nghĩ rằng nếu không, thì cô đã khiến ông ấy phải liếc hàng ghế nơi cô ngồi một cái”, tôi nói, và cười trước thái độ tức tối của cô.

“VẬY Á! Nếu ông ta dám làm như vậy, thì em sẽ nổi cơn tam bành!” Cô đáp và hất đầu một cái với vẻ kênh kiệu. Sau một thoáng suy nghĩ, cô nói thêm: “Em nghĩ ông ta đủ tốt cho vị trí của ông ta, nhưng em mừng là em không cần ông ta làm mình vui – vậy thôi. Cô có thấy ông Hatfield vội vã bước tới để chào em, đúng lúc chúng ta lên xe không?”

“CÓ”, tôi trả lời, thậm chí nói thêm với chính mình, “và tôi nghĩ sự đứng đắn của một mục sư giảm đi ít nhiều qua hành động vội vã lao như bay từ bục giảng Kinh đến để bắt tay một địa chủ, đưa tay để đỡ vợ cùng các con gái của địa chủ ấy lên xe ngựa. Thêm vào đó, nhờ có ông ấy mà tôi suýt nữa bị đóng sập cửa không được lên xe”, bởi vì, quả thực, mặc dù tôi đứng trước mặt ông ấy, ngay bên cạnh bậc lên xuống xe, đợi để lên xe, ông ấy vẫn đóng sập cửa xe lại, cho đến khi một người trong gia đình ngăn lại bằng cách nói to rằng cô gia sư vẫn chưa lên xe. Ông ta quay gót bước đi mà không hề nói lời xin lỗi, cũng chẳng chào tạm biệt, cứ để mặc người hầu mở cửa xe.

Xin bạn đọc lưu ý điều này: Ông Hatfield chẳng bao giờ nói chuyện với tôi, cả ngài Hugh, phu nhân Meltham, ông Harry, tiểu thư Meltham, ông Green và các em gái của ông ấy, cũng như các quý ông, quý bà mà chúng tôi gặp thường xuyên ở nhà thờ. Thực ra, bất cứ ai đã làm khách Horton Lodge đều coi một gia sư là người vô hình.

Buổi chiều cô Murray lại gọi xe ngựa phục vụ hai chị em cô. Cô nói rằng trời quá lạnh nên họ không thể dạo chơi trong vườn được. Và lại, cô tin rằng Harry Meltham sẽ có mặt ở nhà thờ. “Bởi vì”, cô nói, mỉm cười ranh mãnh trong khi ngắm mình trong gương, “trong những Chủ nhật gần đây, ông ta là tấm gương mẫu mực nhất của người chăm đi nhà thờ. Cô sẽ nghĩ ông ấy là một người ngoan đạo. Và cô có thể đi

cùng chúng em, cô Grey ạ. Em muốn cô gặp ông ta. Harry đã khá hơn nhiều kể từ khi ông ta đi nước ngoài về – cô không thể tưởng tượng nổi đâu! Ngoài ra, cô sẽ có dịp gặp lại ông Weston đẹp trai và nghe ông ấy giảng đạo.”

Tôi đã nghe Weston giảng đạo, và thực sự hài lòng với chân lý Phúc âm trong bài giảng cũng như cung cách giản dị đứng đắn, cũng như sự rõ ràng, mạch lạc và sức mạnh trong phong cách của người đàn ông ấy. Thật thoải mái khi nghe một bài giảng đạo như thế, sau một thời gian dài quen với những bài thuyết giáo tẻ nhạt, khô khan của người phó mục sư tiền nhiệm, và những bài thuyết giảng nhạt nhạt, ít tính khai trí của ông mục sư. Ông Hatfield thường bước nhanh, hoặc di chuyển như một cơn gió lốc trên lối đi giữa nhà thờ, với vạt áo choàng lụa dày bay lật phật phía sau ông, quệt vào cánh cửa nghe loạt xoạt, bước lên bục giảng Kinh như một người chiến thắng bước lên cỗ xe khải hoàn của mình, sau đó ngồi lún sâu trên chiếc trường kỷ bọc vải nhung với vẻ kiêu cách có chủ ý, im lặng một lúc lâu như thể đã mệt lử. Sau đó ông lẩm bẩm đọc một lời cầu nguyện ngắn, đọc rõ nhanh bài cầu nguyện chung, rồi đứng lên, tháo một chiếc găng tay màu oải hương ra để cả giáo đoàn nhìn thấy những chiếc nhẫn lấp lánh của mình, đưa những ngón tay lên khê vuốt mái tóc được uốn xoắn một cách cầu kỳ, phất chiếc khăn mùi xoa bằng vải lanh, đọc một đoạn Kinh rất ngắn, hoặc chỉ đọc một cụm từ ngắn tựa như một phần mở đầu của bài thuyết giảng, và cuối cùng, đọc một bài luận có thể được coi là hay, nhưng đối với tôi không đủ tự nhiên để tôi thích. Những luận đề được trình bày khá tốt, những lý lẽ được đưa ra hợp lô-gíc, nhưng đôi khi thật khó để im lặng lắng nghe từ đầu đến cuối những gì ông ta đọc mà không để lộ dấu hiệu nào của sự bất tán thành hoặc sốt ruột.

Những chủ đề ưa thích của ông là kỷ luật của nhà thờ, các nghi lễ và nghi thức, sự kế tiếp của tông đồ, bốn phận sùng kính và phục tùng giới tăng lữ, tội không phục tùng nhà thờ chính thống, sự tối cần thiết

của việc tôn trọng sự sùng đạo dưới mọi hình thức, sự ngạo mạn của các cá nhân cố nghĩ cho bản thân mình trong những vấn đề liên quan đến tôn giáo, hoặc những kẻ được dẫn dắt bởi cách hiểu Kinh thánh của riêng họ, và đôi khi để làm hài lòng những giáo dân giàu có, ông nhắc đến sự cần thiết của việc phục tùng một cách tôn kính của người nghèo đối với người giàu – những người hưởng ứng những châm ngôn và sự hô hào của ông với những lời trích dẫn từ các Cha: ông có vẻ gần gũi với những người giàu hơn là với các ông tổ truyền đạo tông đồ và coi họ có tầm quan trọng chẳng kém. Nhưng thỉnh thoảng ông mang đến cho chúng tôi một bài giảng đạo có một cấu trúc khác lạ – một bài giảng đạo mà người ta có thể gọi là hay, nhưng u ám và dữ dội: miêu tả Chúa Trời như một đấng công ghê gớm hơn là một người cha nhân từ. Tuy nhiên, khi nghe ông giảng đạo, tôi cảm thấy người đàn ông này nghĩ sao nói vậy. Ông chắc hẳn đã thay đổi cách nhìn của mình, và trở nên mộ đạo một cách không thể phủ nhận, u sầu và khắc khổ, tuy nhiên vẫn nhiệt tình, sốt sắng. Nhưng những ảo tưởng đó của tôi thường tiêu tan ở bên ngoài nhà thờ, khi tôi nghe ông trò chuyện vui vẻ với những người nhà Meltham hoặc nhà Green, hoặc nhà Murray. Ông có thể cười trước bài giảng đạo của chính mình, và hy vọng rằng ông đã khiến những kẻ bất lương phải nghĩ ngợi, hoan hỉ khi nghĩ rằng, bà cụ Betty Holmes giờ đây đã vứt cái tẩu hút xì gà, vật được coi là niềm an ủi của bà trong ba mươi năm nay, rằng qua những buổi đi dạo vào buổi tối ngày Sa-bát George Higgins sẽ biết sợ, còn Thomas Jackson sẽ căn rút lương tâm một cách ghê gớm và sẽ thay đổi trong niềm hy vọng không gì lay chuyển nổi của ông về sự hồi sinh đầy hân hoan vào phút cuối.

Bởi vậy, tôi không thể không kết luận rằng ông Hatfield là một trong những người “chất gánh nặng lên vai người khác, còn bản thân mình không muốn động tay vào”, và là người “lấy lời truyền khẩu mình lập ra mà bỏ lời Đức Chúa Trời, giảng đạo theo lời răn của mình

chứ không phải của Chúa”. Tôi sẵn sàng nhận xét rằng, như tôi thấy, về những điểm này, vị phó mục sư mới không giống ông chút nào.

“Cô Grey, cô nghĩ như thế nào về ông ta?” Tiểu thư Murray hỏi, khi chúng tôi đã yên vị trên xe sau buổi lễ.

“Vô hại”, tôi đáp.

“Vô hại!” Cô nhắc lại bằng giọng ngạc nhiên. “Cô nói thế nghĩa là thế nào?”

“Tôi muốn nói rằng, vẫn như trước, tôi không hề nghĩ tệ hơn về ông ấy.”

“Không tệ hơn! Thực ra em nghĩ – hoàn toàn khác trước! Chẳng phải ông ấy đã tiến bộ nhiều ư?”

“Đúng, đúng vậy”, tôi đáp, bởi vì bây giờ tôi mới hiểu tiểu thư Murray muốn nói đến Harry Meltham chứ không phải Weston. Quý ông đó đã sốt sắng đi tới nói chuyện với các tiểu thư, một điều mà ông ta hầu như không dám làm nếu có sự hiện diện của bà mẹ. Ông ta còn chìa tay một cách lịch sự để giúp các tiểu thư lên xe. Ông ta không cố ý đóng cửa xe trước mặt tôi như ông Hatfield, và tất nhiên chẳng giúp tôi lên xe (nếu ông ta làm vậy, tôi không nên nhận sự giúp đỡ đó), nhưng chừng nào cửa xe còn mở, thì chừng đó ông ta còn đứng cười ngớ ngẩn và tán chuyện với các tiểu thư, sau đó nhắc mũ lên chào và ra về. Tôi hầu như không chú ý đến ông ta. Tuy nhiên, những người đi cùng tôi thì khác. Khi xe của chúng tôi lăn bánh, họ không chỉ bắt đầu bình phẩm về hình thức, lời nói, hành động mà còn bàn về từng đường nét trên khuôn mặt của ông ta, mọi chi tiết về trang phục của ông ta.

“Chị Rosalie, chị không nên chiêm ông ấy cho riêng chị”, tiểu thư Matilda nói khi cuộc bàn tán kết thúc. “Em thích ông ấy. Em biết ông ấy vui khi nói chuyện với em.”

“Cứ tự nhiên, Matilda”, cô chị đáp bằng giọng thờ ơ đầy giả tạo.

“Và em chắc rằng”, cô em nói, “ông ấy ngưỡng mộ em chẳng kém gì ngưỡng mộ chị. Phải không nhỉ, cô Grey?”

“Tôi không biết. Tôi không biết ý kiến của ông ấy.”

“Nhưng sự thật đúng như vậy đấy.”

“Matilda yêu quý của chị ơi! Em còn giữ cái cung cách thô tục, vụng về của em thì chẳng ai ngưỡng mộ em đâu.”

“Vớ vẩn! Harry Meltham thích cung cách đó, và các bạn của cha cũng vậy.”

“Em có thể quyến rũ những ông già, và những gã choai choai, nhưng ngoài những người đó ra, chị tin chắc không ai thích em đâu.”

“Em cóc quan tâm. Không phải lúc nào em cũng hám tiền như chị và mẹ đâu. Nếu chồng em có thể nuôi vài con ngựa tốt và vài con chó khôn thì như thế cũng đủ để em hài lòng rồi. Những thứ khác em cóc quan tâm!”

“Nếu em cứ nói năng lỗ mãng như vậy, thì chị chắc chắn rằng không quý ông đích thực nào dám đến gần em đâu. Thật đấy, cô Grey ạ, cô không nên để nó nói năng kiểu đó.”

“Tôi không thể ngăn điều đó được, cô Murray ạ.”

“Và, Matilda ạ, em nhầm to khi nghĩ rằng Harry Meltham ngưỡng mộ em. Chị cam đoan với em rằng ông ta không thích em chút nào.”

Matilda chuẩn bị đáp trả bằng một câu nói đầy giận dữ, nhưng thật may, chúng tôi đã về đến nhà, và cuộc tranh cãi bị cắt đứt khi người hầu ra mở cửa, kê bục cho chúng tôi xuống xe.

Chương XI

Nhà của tá điền

Bởi vì tôi chỉ có một học trò thường trực – mặc dù cô bé có khả năng gây khó khăn cho tôi bằng ba hoặc bốn học trò bình thường, và dù chị của cô vẫn học tiếng Đức và học vẽ – tôi có nhiều thời gian để tùy ý sử dụng hơn trước, kể từ khi tôi đeo vào mình chiếc gông của người gia sư. Tôi dành một phần thời gian để viết thư cho những người thân ở nhà, một phần để đọc sách, tự học, luyện đàn, hát... và một phần để đi dạo trên những khu đất hoặc những cánh đồng gần đó, với các học trò của mình nếu họ muốn, hoặc đi một mình nếu họ không muốn.

Khi rảnh rỗi, các tiểu thư nhà Murray thường giải trí bằng cách đến chơi nhà những người tá điền nghèo trong điền trang của cha họ, để nhận sự tôn kính và khen nịnh của họ, hoặc để nghe chuyện thời xưa hay những chuyện ngòi lê mách lẻo của những bà già lắm chuyện, hoặc có lẽ để tận hưởng niềm vui trong trẻo hơn của việc làm cho những con người nghèo khổ ấy vui khi thấy sự hiện diện của họ và những món quà mà thỉnh thoảng họ mang tới, với cách cho thật dễ dãi, cách nhận đầy hàm ơn. Thỉnh thoảng tôi được gọi đi cùng một hoặc cả hai chị em họ tới những căn nhà đó, và đôi khi tôi thích đi một mình, để thực hiện lời hứa nào đó mà chị em họ chỉ hứa cho có chứ không quan tâm đến việc thực hiện, chẳng hạn mang một món tiền nhỏ đến làm từ thiện, hoặc đọc sách cho người ốm hay người không nơi nương tựa nghe. Vậy nên tôi quen một vài người tá điền, và thỉnh thoảng tôi đi thăm họ theo ý muốn của riêng mình.

Nói chung tôi thích đi một mình hơn là đi với các tiểu thư ấy bởi vì, chủ yếu do không được giáo dục tử tế, họ cư xử với những người thuộc tầng lớp thấp hơn mình theo cái kiểu khiến tôi khó chịu không muốn chứng kiến. Trong suy nghĩ, họ không bao giờ tự đặt mình vào vị trí của những người đó, và kết quả là, họ không đếm xỉa đến cảm xúc của những người đó. Họ nhìn những người nghèo ăn, đưa ra

những lời bình luận thô lỗ về thức ăn và cách ăn uống của người ta. Họ cười nhạo những quan niệm và cách diễn đạt quê mùa của những người nông dân ấy đến nỗi có những người chẳng dám mở miệng nói nữa. Họ gọi những người cao tuổi nghiêm nghị là những ông bà già ngốc nghếch, ngu đần ngay trước mặt những người đó, và họ cứ vô tư thốt ra những lời như vậy mà không biết mình đang xúc phạm người đối diện. Tôi có thể thấy rằng những người nông dân ấy thường bị tổn thương và khó chịu trước cách cư xử ấy, mặc dù nỗi sợ “các đại tiểu thư” ngăn cản họ biểu lộ sự phẫn uất, nhưng các tiểu thư đâu có hiểu được điều đó. Họ nghĩ rằng bởi vì những người tá điền ấy nghèo và không được học hành, nên đương nhiên ngốc nghếch và ngu đần. Và các tiểu thư cao sang nhà Murray hạ mình nói chuyện với họ, cho họ vài đồng lẻ, hoặc vài bộ quần áo là có quyền cười nhạo họ tùy thích. Và những kẻ nghèo ấy phải ngưỡng mộ các tiểu thư như những thiên thần ánh sáng hạ cố quan tâm đến những người nghèo túng, làm bừng sáng căn nhà đơn sơ của mình.

Tôi đã cố gắng rất nhiều bằng đủ mọi cách để đưa các học trò của mình thoát khỏi những ý niệm hão huyền này mà không làm ảnh hưởng tới niềm kiêu hãnh của họ – thứ rất dễ bị tổn thương – nhưng dường như không có kết quả đáng kể. Và tôi biết trong hai tiểu thư ai là người đáng trách hơn: Matilda thô lỗ và dữ dội hơn, còn Rosalie, ở cái tuổi ấy và với vẻ ngoài nữ tính, cách cư xử của cô đáng lẽ phải khác hơn, tuy nhiên, cô vẫn đĩnh đoảng và vô tâm như một đứa trẻ mười hai tuổi thiếu suy nghĩ.

Vào một ngày đẹp trời thuộc tuần cuối cùng của tháng Hai, tôi đi dạo trong vườn cảnh, tận hưởng sự xa xỉ nhân ba của trạng thái được ở một mình, một cuốn sách, và thời tiết đẹp, bởi vì tiểu thư Matilda đi cưới ngựa, còn tiểu thư Murray cùng mẹ cô đi thăm viếng ai đó. Thế rồi tôi chợt nghĩ mình phải bỏ những thú vui ích kỷ này, và phải rời khỏi vườn cảnh với bầu trời xanh trong như tán ô rộng ở trên đầu, những cơn gió tây thổi ào ào qua những cành cây trụi lá, những vòng

tuyết vẫn còn nấn ná ở những chỗ trũng nhưng đang tan nhanh dưới ánh mặt trời, con nai duyên dáng gặm những ngọn cỏ ươt xanh mơn mớn của mùa xuân – và tới căn nhà tranh của Nancy Brown, một bà góa có đứa con trai phải làm việc cả ngày ngoài đồng, một phụ nữ đã lớn tuổi khổ sở vì mắt bị viêm sưng khiến bà không thể đọc được gì: đối với bà đó là một bất hạnh lớn, bởi vì bà là một phụ nữ ham hiểu biết. Tôi tới đó và như mọi khi, thấy bà chỉ có một mình trong ngôi nhà tranh nhỏ bé, tối tăm, đóng cửa im im, sực mùi khói và thiếu khí trời, nhưng gọn ghẽ và sạch sẽ hết mức có thể. Bà ngồi bên cái lò sưởi nhỏ có vài mẫu than và vài mẫu củi cháy dở, đang cặm cụi đan. Một chiếc nệm bằng vải bố được trải ở đó cho người bạn hiền của bà, một con mèo nằm đó với cái đuôi dài quấn nửa vòng quanh cái chân mướt như nhung, đôi mắt lim dim nhìn tăm chẵn lò sưởi cong cong.

“Chào bà Nancy, hôm nay bà có khỏe không?”

“Tôi tạm tạm, cô ạ, tôi – mắt tôi không khá hơn, nhưng tôi cảm thấy dễ chịu hơn rồi”, bà đáp và đứng dậy đón tôi với nụ cười vui vẻ khiến tôi rất mừng bởi vì khuôn mặt bà Nancy thường mang vẻ ưu phiền. Tôi chúc mừng bà vì sự thay đổi này. Bà nói rằng đó là một điềm phúc lớn và rằng “bà cảm thấy biết ơn vì điềm phúc đó”, rồi bà nói thêm: “nếu Chúa vui lòng giữ cho tôi con mắt sáng, cho tôi có thể lại đọc được Kinh thánh, thì tôi nghĩ tôi sẽ mãn nguyện như một nữ hoàng.”

“Cháu hy vọng Ngài sẽ làm thế bà Nancy ạ”, tôi đáp, “trong khi chờ đợi, thỉnh thoảng cháu sẽ đến đọc sách cho bà nghe khi cháu rảnh rỗi.”

Không giấu được niềm vui và lòng biết ơn, người phụ nữ nghèo ấy lần bước đi lấy ghế cho tôi, nhưng tôi không để bà phải vất vả. Trong khi tôi tự lấy ghế ngồi, bà bặt vụn than trong lò sưởi, thêm vào đồng than đang tàn vài mẫu củi. Sau đó bà lấy cuốn Kinh thánh đã cũ vì được sử dụng nhiều từ trên giá xuống, cẩn thận phủ bụi trên cuốn

sách, và đưa nó cho tôi. Khi tôi hỏi bà thích tôi đọc cho bà nghe phần nào, bà trả lời:

“Cô Grey, nếu cô không phiền thì tôi muốn nghe đoạn trong Thư thứ nhất gửi các tín hữu Côrintô của Thánh John, đoạn nói: *Thiên Chúa là tình yêu*, nên ai ở trong tình yêu là ở trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa ở trong họ.”

Lật qua các trang sách một lát, tôi tìm thấy đoạn đó trong chương bốn. Khi tôi đọc đến câu thứ bảy bà ngắt lời tôi, và với lời xin lỗi vì đã đường đột làm thế, bà nói rằng bà muốn tôi đọc nó thật chậm, để bà có thể thấm thấu, suy ngẫm về từng từ và hy vọng tôi thứ lỗi cho bà bởi vì bà là “một kẻ dốt nát”.

“Người hiểu biết nhất”, tôi đáp, “có thể ngẫm nghĩ về từng câu Kinh này cả giờ đồng hồ và hơn thế. Vả lại, cháu cũng muốn đọc chậm hơn.”

Tôi đọc chương đó chậm như bà muốn, đồng thời đọc một cách truyền cảm nhất có thể. Thính giả của tôi lắng nghe hết sức chăm chú trong toàn bộ thời gian và khi tôi đọc xong, bà cảm ơn tôi bằng giọng chân thành. Tôi ngồi im lặng một lát để bà có thời gian ngẫm nghĩ về nó. Thật ngạc nhiên, bà phá vỡ sự im lặng đó bằng câu hỏi, tôi thích ông Weston nhiều hay ít.

“Cháu không biết”, tôi đáp, ngây người vì câu hỏi khá bất ngờ. “Cháu nghĩ ông ấy giảng đạo rất hay.”

“Đúng vậy, và ông ấy nói chuyện cũng dễ nghe lắm.”

“Vậy ư?”

“Đúng vậy. Có lẽ cô chưa gặp gỡ ông ấy – và chưa trò chuyện nhiều với ông ấy đúng không?”

“Vâng, cháu chưa gặp gỡ bất cứ ai để nói chuyện – ngoài các tiểu thư của Hall.”

“Đúng vậy. Họ là những tiểu thư xinh đẹp và trẻ trung, nhưng họ không thể nói chuyện như ông ấy đâu.”

“VẬY ông ấy có đến thăm bà, phải không bà Nancy?”

“CÓ, cô ạ. Và tôi rất biết ơn về điều đó. Ông ấy đến thăm tất cả những người nghèo chúng tôi, đến thường xuyên hơn ông chủ Bligh và ông mục sư nhiều. Ông ấy luôn được đón chào. Chúng tôi không có nhiều điều để nói tốt cho ông mục sư đâu – mọi người sợ ông mục sư. Khi ông ấy đến nhà một người nào đó, họ nói ông ấy chắc chắn tìm ra lỗi ở đó, vừa bước vào cửa ông ấy đã gọi ra cái sai rồi, nhưng có lẽ ông ấy nghĩ mình có bốn phận chỉ ra cho họ biết điều sai lỗi. Và ông ấy thường xuyên đến với mục đích khiển trách mọi người vì lý do không chịu đi nhà thờ, hoặc không quỳ khi người khác làm như vậy hoặc vì đã lui tới nhà nguyện Methody, hoặc những việc tương tự. Nhưng tôi không thể nói rằng ông ấy tìm thấy nhiều điều sai ở tôi. Trước khi ông Weston đến phụng sự ở đây, ông mục sư đến gặp tôi một hoặc hai lần gì đó, khi tinh thần tôi xuống dốc lắm. Và bởi vì sức khỏe của tôi đã yếu sẵn, tôi đánh liều mời ông tới – và ông ấy đã tới. Lúc đó tôi rất buồn, cô Grey ạ – Lạy Chúa, khi đó tôi cầm cuốn Kinh thánh mà không thể tìm được chút an ủi nào từ nó hết. Chính cái chương mà cô vừa mới đọc cho tôi nghe khiến tôi khổ tâm lắm – “Chẳng yêu ai, thì không biết đến Đức Chúa Trời.” Câu đó dường như là một nỗi sợ hãi đối với tôi, bởi vì tôi cảm thấy rằng tôi không yêu Chúa, cũng chẳng yêu con người như tôi đáng ra nên thế, và nếu cố gắng tôi vẫn không thể yêu. Cả chương trước đó nữa, chương ấy nói – “Ai sinh bởi Đức Chúa Trời thì chẳng có tội.” Và có một chỗ nữa nói – “Tình yêu là sự tuân theo luật của Chúa Cứu thế.” Và nhiều, nhiều đoạn khác nữa, cô ạ. Tôi sẽ làm cô mệt nếu nhắc lại tất cả những đoạn đó. Nhưng tất cả những đoạn Kinh thánh đó dường như đều lên án tôi, và cho tôi thấy rằng tôi sai. Bởi vì tôi muốn biết làm thế nào để đi đúng đường, tôi bảo Bill đến năn nỉ mục sư Hatfield tới thăm tôi một ngày nào đó và khi ông ấy đến, tôi sẽ nói với ông ấy những nỗi niềm của mình.”

“Và ông ấy đã nói gì, bà Nancy?”

“Có vẻ như ông ấy khinh bỉ tôi, cô ạ. Có lẽ tôi sai – nhưng ông ấy huýt sáo và tôi nhìn thấy ông ấy cười nửa miệng. Rồi ông ấy nói: Ôi, vớ vẩn thật! Bà theo giáo hội Giám Lý rồi. Nhưng tôi nói với ông ấy rằng tôi chưa từng đến gần những người thuộc giáo hội Giám Lý. Thế rồi ông ấy nói: Bà phải đi nhà thờ. Ở đó bà sẽ nghe Kinh thánh được giảng giải một cách chính xác, thay vì ngồi ở nhà nhìn chăm chăm vào cuốn Kinh thánh của bà.”

“Tôi nói với ông ấy rằng trước đây khi tôi còn khỏe, tôi chăm đến nhà thờ lắm, nhưng trong thời tiết mùa đông lạnh giá như thế này, tôi hầu như không dám ra khỏi nhà – vả lại, tôi bị bệnh thấp khớp nặng.”

“Nhưng ông ấy nói: Bà tập tễnh đến nhà thờ chỉ tốt cho bệnh thấp khớp mà thôi. Chẳng có gì tốt cho bệnh đó hơn là tập thể dục. Bà có thể đi lại quanh nhà được, vậy tại sao bà không thể đi đến nhà thờ hả? Sự thật là, ông ấy nói, bà thích nhàn thân. Biện hộ để né tránh bốn phận thì có khó gì.”

“Nhưng cô biết đấy, cô Grey, không phải tôi né tránh bốn phận. Tuy nhiên tôi nói với ông ấy rằng tôi sẽ cố gắng. Tôi nói: Nhưng ông có thể nói cho tôi biết, nếu tôi đi nhà thờ, thì liệu điều đó có tốt hơn cho tôi không? Tôi muốn được xóa sạch những tội lỗi, và muốn cảm thấy rằng những tội lỗi sẽ được quên, không giày vò tôi nữa, rằng tình yêu của Chúa tràn ngập trong trái tim tôi, và nếu tôi thấy đọc Kinh thánh và cầu nguyện tại nhà chẳng giúp ích gì thì liệu tôi đến nhà thờ có ích gì không?”

“Ông ấy nói: Nhà thờ là nơi được Chúa chỉ định cho việc tôn thờ Người. Bốn phận của bà là đi đến đó thường xuyên nhất có thể. Nếu bà muốn nhàn thân, muốn có sự an ủi thì bà phải tìm nó qua việc thực hiện bốn phận của mình – và ông ấy còn nói nhiều điều nữa, nhưng tôi không nhớ được hết những lời hay ý đẹp của ông ấy. Tuy nhiên, đại ý ông ấy nói rằng tôi sẽ đi nhà thờ thường xuyên hết mức có thể, mang theo cuốn Kinh thánh để đọc theo mục sư, đứng, quỳ, ngồi, làm tất cả những gì nên làm, và ăn bữa tối cuối cùng của Chúa vào mọi dịp, nghe

những bài thuyết giảng của ông ấy và của ông chủ Bligh, thế là ổn. Nếu tôi thực hiện bốn phận của mình, thì cuối cùng tôi sẽ được ban phước.”

“Nhưng nếu theo cách đó mà bà không tìm thấy sự an ủi nào, ông ấy nói, thì hết cách.”

“Tôi nói: Thưa ông, ông nghĩ tôi là kẻ bị Chúa đẩy xuống địa ngục ư?”

“Ông ấy nói: nếu bà cố gắng hết mình để được lên thiên đường mà không thể, thì bà ắt hẳn phải là một trong những người gắng sức vào cửa hẹp mà không vào được.”

“Sau đó ông ấy hỏi buổi sáng tôi có gặp tiểu thư nào của Hall không, và tôi trả lời rằng đã nhìn thấy các tiểu thư ấy đi vào đường làng Moss – nghe thấy thế ông ấy đá con mèo tội nghiệp của tôi bay trên sàn và vội vã chạy theo các tiểu thư, nhưng tôi rất buồn. Lời cuối cùng của ông ấy cứ vương ở trong tim tôi và nằm ở đó như một cục chì, cho tới khi tôi mệt không chịu được.”

“Tuy nhiên tôi nghe lời khuyên của ông ấy. Tôi nghĩ ông ấy nói thế vì điều tốt nhất cho tôi, mặc dù cách nói của ông ấy thật kỳ cục. Nhưng cô biết đấy, ông ấy còn trẻ và giàu có nên không thể hiểu được những suy nghĩ của một bà già khốn khổ như tôi. Tôi đã cố gắng hết sức làm như ông ấy bảo – nhưng có lẽ tôi huyên thuyên như vậy làm phiền cô quá.”

“Ồ, không đâu, bà Nancy! Bà cứ nói tiếp đi, hãy kể cho cháu nghe tất cả.”

“Bệnh thấp khớp của tôi đỡ hơn rồi – tôi không biết mình sẽ đi nhà thờ hay không, nhưng một sáng Chủ nhật đầy sương, tôi bị nhiễm lạnh, ảnh hưởng đến mắt. Chứng sưng tấy này không xảy ra ngay tức thì, mà diễn ra từ từ – nhưng tôi sẽ không nói với cô về đôi mắt của tôi đâu, tôi đang nói về sự bất an trong đầu tôi cơ – Cô Grey ạ, nói thật là tôi không nghĩ cứ đến nhà thờ là vấn đề đó được giải quyết đâu – ít nhất, làm như thế không đủ. Tôi muốn sức khỏe của mình khá hơn,

nhưng điều đó không giúp tôi chữa trị tinh thần đâu. Tôi đã nghe nhiều mục sư nói rồi, và đã đọc Kinh thánh, nhưng tất cả chỉ như tiếng trống đồng hoặc tiếng chũm chọe leng keng. Tôi không thể hiểu được những bài thuyết giáo, còn cuốn Kinh thánh của tôi chỉ cho tôi thấy tôi xấu xa đến mức nào, rằng tôi có thể đọc những lời tốt đẹp mà không cảm thấy chúng có tác dụng gì, và cảm thấy việc đọc ấy thật nặng nhọc, thay vì cảm thấy đó là diễm phúc và đặc ân mà Chúa lòng lành ban cho. Dường như nó khó hiểu và chẳng có tác dụng gì đối với tôi. Những từ đáng sợ như ‘Nhiều người gằng sức vào cửa hẹp mà không vào được’. Những lời ấy làm tinh thần của tôi héo hon.”

“Nhưng vào một ngày Chủ nhật, khi ông Hatfield làm lễ ban phước, tôi thấy ông ấy nói: ‘Nếu có ai trong số các bạn không thể làm cho tâm mình an, mà cần nhiều sự an ủi và lời khuyên, thì hãy đến tìm tôi, hoặc những ai dè dặt và đã học lời của Chúa, thì hãy nói ra nỗi lòng của mình!’ Vậy là sáng Chủ nhật đó trước buổi lễ, tôi mạnh dạn vào phòng lễ phục và bắt đầu nói chuyện với mục sư. Thường thì tôi không có thói quen làm một điều sỗ sàng như thế đâu, nhưng tôi nghĩ khi tâm hồn tôi bị đe dọa thì tôi không nên ngần ngại. Nhưng ông Hatfield nói ông ấy không có thời gian phục vụ tôi.”

“Ông ấy nói: Thực ra, tôi chẳng có gì để nói với bà ngoài những gì tôi đã nói với bà lần trước. Hãy dự lễ ban thánh thể, và đi làm bốn phận của bà đi. Và nếu điều đó không có tác dụng gì với bà, thì chẳng điều gì có thể giúp được bà đâu. Vậy nên đừng làm phiền tôi nữa.”

“Vậy là tôi đi ra. Nhưng tôi đã nghe thấy ông Weston nói – ông Weston lúc đó cũng có mặt ở đó – đó là ngày Chủ nhật đầu tiên của ông ấy ở Horton, và ông ấy ở trong phòng lễ phục, giúp mục sư mặc áo lễ –”

“Vâng, bà Nancy.”

“Và tôi nghe thấy ông ấy hỏi ông Hatfield ‘ai đó’. Ông mục sư trả lời, đó là một bà già ngớ ngẩn giả vờ mộ đạo.”

“Tôi rất đau lòng, cô Grey ạ. Tôi đi về chỗ ngồi và cố thực hiện bốn phận của mình, nhưng tôi chẳng thấy thanh thản chút nào. Thậm chí khi tôi nhận thánh thể, tôi cảm thấy như thể mình đang ăn và đang uống sự nguyên rủa chính mình. Bởi vậy tôi về nhà, trong lòng rất buồn.”

“Ngày hôm sau tôi cảm thấy rất chán nản – cô ạ, quả thực, tôi không có tâm trạng để cọ rửa xoong nồi, vậy nên tôi ngồi giữa đồng xoong nồi, bát đĩa bẩn – và thật bất ngờ, ông Weston đến! Tôi vội dọn dẹp các thứ vào một góc, và tôi tưởng rằng ông ấy cũng giống như ông Hatfield, sẽ phê bình tôi vì lười biếng, nhưng tôi đã nhầm. Ông ấy không phê bình mà chào tôi bằng giọng ôn tồn. Tôi phủi bụi trên ghế mời ông ấy ngồi, dọn dẹp lò sưởi một chút, nhưng tôi không quên được những lời ông mục sư đã nói với tôi, vậy nên tôi nói: Thưa ông, tôi không biết ông có phiền khi đến thăm một ‘bà già ngớ ngẩn già vờ mộ đạo’ như tôi không?”

“Dường như ông ấy sững sốt khi nghe tôi nói thế, nhưng ông ấy cố thuyết phục tôi tin rằng ông mục sư chỉ nói đùa thôi, chứ không có ý gì đâu. Rồi ông ấy nói: Bà Nancy, bà không nên nghĩ nhiều về chuyện đó. Ông Hatfield lúc ấy chỉ đùa thôi mà. Bà biết đấy, con người chúng ta chẳng ai hoàn hảo cả – ngay cả Moses cũng khinh suất khi phát ngôn kia mà. Nào, bây giờ nếu bà có thời gian thì hãy ngồi xuống đây một lát, nói cho tôi nghe về những hoài nghi và nỗi sợ hãi của bà nào. Tôi sẽ cố gắng giúp bà thoát khỏi chúng.”

“Vậy là tôi ngồi xuống với ông ấy. Cô Grey, cô biết đấy, ông ấy là một người lạ, thậm chí trẻ hơn cả ông Hatfield, tôi tin như vậy, và tôi nghĩ thoát nhìn ông ấy không dễ coi, có vẻ hơi khó gần một chút, nhưng ông ấy nói chuyện rất lịch sự, hòa nhã – và khi con mèo tội nghiệp của tôi nhảy lên đầu gối ông ấy, ông ấy chỉ vuốt ve nó và mỉm cười. Vậy nên tôi nghĩ đó là một dấu hiệu tốt. Bởi vì đã có lần con mèo làm như thế với ông mục sư và ông ấy đá nó một cái chí chết.

Nhưng cô không thể mong một con mèo biết cư xử như một người Cơ Đốc được, cô Grey ạ.”

“Không, tất nhiên là không, bà Nancy ạ. Ông Weston đã nói gì ạ?”

“Ông ấy không nói gì, mà kiên nhẫn hết mức có thể, ngồi nghe tôi nói, không hề tỏ thái độ khinh miệt, bởi thế tôi nói với ông ấy tất cả những gì tôi đã nói với cô đấy – và nhiều hơn nữa.”

“Ông ấy nói: Ông Hatfield đã đúng khi nói bà nên duy trì bốn phận, nhưng trong việc khuyên bà đi nhà thờ và dự lễ, ông ấy không có ý nói rằng đó là toàn bộ bốn phận của một người Cơ Đốc. Ông ấy chỉ nghĩ rằng bà nên có mặt ở đó để biết điều gì nên làm thêm nữa, để bà cảm thấy đó là một niềm vui khi thực hiện những việc ấy thay vì cảm thấy đó là nhiệm vụ, là gánh nặng. Và nếu như khi đó bà đề nghị ông ấy giải thích những từ đã khiến bà suy nghĩ nhiều như vậy, thì tôi nghĩ rằng ông ấy sẽ giảng giải cho bà rõ, rằng nếu người ta tìm lối đi vào cửa hẹp thì họ sẽ không qua được, chính tội lỗi của họ đã cản trở họ, cũng giống như một người vác một bao tải to tướng trên lưng muốn đi qua một cái cửa hẹp và nhận thấy rằng việc đó là không thể thực hiện được trừ khi ông ta trút bỏ gánh nặng mà ông ta đang mang. Nhưng bà Nancy ạ, tôi dám nói rằng không có tội lỗi nào mà bà không thể trút bỏ đâu, nếu như bà biết cách!”

“Ông nói đúng, thưa ông, tôi nói.”

“Ông Weston nói: Bà có biết lời răn thứ nhất và là lời răn quan trọng – và lời răn thứ hai – hai lời răn đó là nền tảng của toàn bộ luật và các sách tiên tri không? Bà nói bà không thể yêu thương Chúa, nhưng tôi chợt nghĩ rằng nếu bà hiểu đúng Chúa là ai, là gì, thì bà sẽ không thể không yêu. Ngài là Cha, là người bạn tốt nhất của bà: mọi niềm phúc, mọi điều tốt đẹp, thú vị, hữu ích đều đến từ Đức Chúa Trời, và mọi điều xấu xa, mọi điều mà bà có lý do để ghét, để tránh xa, để sợ hãi đều bắt nguồn từ Quỷ Sa tăng – Kẻ thù của Đức Chúa cũng như của tất cả chúng ta. Và đó là lý do Chúa xuất hiện bằng xương

thịt, Chúa có thể phá hủy những công trình của quý dữ, của cái ác. Nói tóm lại, Chúa là tình yêu, và chúng ta càng có nhiều tình yêu ở trong ta thì chúng ta càng gần với Chúa và càng có nhiều tinh thần của Chúa.”

“Tôi nói: Thưa ông, nếu tôi luôn có thể nghĩ về những điều đó, thì tôi nghĩ mình có lẽ sẽ yêu Chúa, nhưng làm sao tôi có thể yêu hàng xóm của mình khi mà họ làm tôi bức mình, và làm sao tôi có thể yêu một số người rất ngang ngược, đây tội lỗi?”

“Yêu những người hàng xóm có nhiều tính xấu, và những người có những khuyết điểm có thể đánh thức phần ác tiềm ẩn trong ta là một việc khó, nhưng hãy nhớ rằng Chúa tạo ra họ, và Chúa yêu họ. Và ai yêu Đức Chúa Trời là đấng đã sinh ra, thì cũng yêu kẻ được sinh ra bởi Ngài. Và nếu Đức Chúa Trời yêu chúng ta đến mức gửi con trai duy nhất của Ngài xuống trần gian chết để chuộc tội cho chúng ta, thì chúng ta cũng nên yêu thương nhau. Nhưng nếu bà không thể có tình cảm tích cực dành cho những người không quan tâm đến bà, thì ít nhất bà có thể đối xử với họ như cách bà muốn họ đối xử với mình. Bà có thể cố cảm thông cho những khuyết điểm của họ, và làm tất cả những gì tốt đẹp mà bà có thể làm cho những người xung quanh mình. Bà Nancy, nếu bà quen với điều này, thì mọi cố gắng của bà sẽ khiến bà yêu thương họ ở một mức độ nào đó – ấy là chưa kể đến thiện ý mà lòng tốt của bà sẽ khơi gợi ở họ, mặc dù họ có thể có ít lòng tốt. Nếu chúng ta yêu Đức Chúa Trời và muốn phụng sự Ngài, thì chúng ta hãy cố gắng trở nên giống như Ngài, làm công việc của Ngài, dốc lòng vì sự vinh quang của Ngài – đó chính là lòng thiện của con người – để đến được vương quốc của Ngài, nơi bình yên và hạnh phúc của toàn thế giới. Dù chúng ta có vẻ yếu ớt đến mức nào, bằng cách làm tất cả những điều thiện mà chúng ta có thể trong suốt cuộc đời thì ngay cả người bé mọn nhất trong chúng ta cũng có thể đến được nơi ấy. Hãy cứ sống trong tình yêu thì Chúa ở trong ta, và chúng ta ở trong Ngài. Hạnh phúc là thứ mà chúng ta càng cho đi thì càng nhận lại nhiều,

thậm chí ngay ở đây, trên trần thế và chúng ta càng được thưởng xứng đáng ở trên thiên đường khi chúng ta yên nghỉ.”

“Cô ạ, tôi tin mọi lời ông ấy nói, bởi vì tôi đã nghĩ về chúng nhiều lần rồi. Sau đó ông ấy cầm cuốn Kinh thánh và đọc cho tôi nghe vài đoạn, giảng giải chúng một cách rõ ràng, cặn kẽ cho tôi hiểu. Dường như có nguồn ánh sáng mới chiếu vào tâm hồn tôi và tôi cảm nhận được nguồn sáng ở trong tim mình, tôi ước giá mà thằng Bill tội nghiệp nhà tôi và cả thế giới có mặt ở đây để nghe tất cả những gì ông ấy nói và chia sẻ niềm hân hoan với tôi.”

“Sau khi ông ấy ra về, Hannath Roger, người hàng xóm của tôi, sang nhà và muốn tôi giúp bà ấy giặt giũ. Tôi nói rằng tôi không thể bởi vì tôi chưa chuẩn bị khoai tây cho bữa trưa, và còn chưa rửa xoong nồi bát đĩa của bữa sáng. Vậy là bà ấy bắt đầu cầu nhàu nói tôi là đồ lười. Thoạt đầu tôi hơi bực mình, nhưng tôi không nói bất cứ điều gì không phải với bà ấy. Tôi chỉ nói với bà ấy một cách điềm đạm: Tôi vừa mới tiếp phó mục sư mới đến thăm, nhưng tôi sẽ làm việc nhà thật nhanh, và khi nào xong tôi sẽ sang giúp bà. Vậy là bà ấy cũng không tức bực nữa, và tôi cảm thấy như thể lời nói của tôi đã mang sự ấm áp đến với bà ấy, và thế là chúng tôi mau chóng trở thành những người bạn tốt. Vậy đấy, cô Grey ạ, ‘một lời nói ôn tồn, nhẹ nhàng có thể làm tan sự tức giận, nhưng những lời lẽ nặng nề sẽ thổi bùng sự tức giận.’ Đó không phải chỉ là lời chúng ta nói với người khác đâu, mà nói cho chính mình đấy.”

“Đúng vậy, bà Nancy, nếu chúng ta luôn nhớ điều đó thì tốt biết bao.”

“Đúng, nếu chúng ta có thể.”

“Vậy sau lần đó ông Weston có đến thăm bà lần nào nữa không?”

“Có, nhiều lần nữa. Bởi vì mắt tôi trở nên tồi tệ hơn nên ông ấy thường ngồi đọc Kinh thánh cho tôi nghe khoảng nửa giờ đồng hồ. Nhưng cô biết đấy, ông ấy còn phải đi thăm những giáo dân khác, và còn nhiều việc phải làm – Cầu Chúa ban phước cho ông ấy! Chủ nhật

sau đó ông ấy đã có một bài giảng đạo thật hay! Ông ấy giảng về đoạn ‘Hỡi những kẻ mệt mỏi và mang gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các người được nghỉ ngơi’ và hai câu sau đoạn đó trong Kinh thánh. Cô không có mặt ở đó, khi ấy cô đi cùng các tiểu thư – nhưng bài giảng của ông ấy khiến tôi thật vui! Và bây giờ tôi vui, tạ ơn Chúa! Bây giờ tôi sẵn lòng giúp đỡ hàng xóm của mình – làm những gì mà một bà già chỉ còn một bên mắt sáng có thể làm, và họ cảm kích lắm, đúng như ông ấy nói. Cô Grey, cô thấy đấy, tôi đang đan một đôi tất – cho Thomas Jackson. Đó là một ông già có tính khí kỳ quặc. Tôi và ông ấy hay xung khắc, chúng tôi khác nhau lắm. Vậy nên tôi nghĩ không gì bằng đan tặng ông ấy một đôi tất ấm, và bây giờ tôi cảm thấy quý ông ấy hơn, ông già tội nghiệp. Đúng như ông Weston đã nói.”

“Cháu rất vui khi thấy bà hạnh phúc, bà Nancy, và thật sáng suốt. Nhưng bây giờ cháu phải đi đây. Cháu phải về làm việc ở Hall rồi”, tôi nói. Chào tạm biệt bà, tôi rời khỏi đó, hứa khi nào có thời gian sẽ lại đến thăm bà mà trong lòng cảm thấy hạnh phúc chẳng kém gì bà.

Lần khác tôi đến đọc Kinh thánh cho một người nông dân nghèo đang bị bệnh lao phổi giai đoạn cuối. Các tiểu thư đã đến thăm ông ấy và hứa sẽ đến đọc Kinh cho ông nghe, nhưng việc đó quá khó chịu đối với họ nên họ nài nỉ tôi đi thay. Tôi đến đó với tinh thần tự nguyện vui vẻ, và tôi cũng vui khi nghe những lời khen về phó mục sư Weston từ cả người ốm và vợ ông. Ông cụ bị bệnh nói với tôi rằng ông cảm nhận được sự an ủi và ích lợi từ những lần ghé thăm của phó mục sư mới, người thường xuyên đến thăm ông và là “một con người khác hẳn” so với ông Hatfield. Ông Hatfield năm thì mười họa mới ghé qua nhà ông, và lần nào đến cũng đòi phải mở cửa để có không khí trong lành cho riêng mình, mà không quan tâm đến người ốm, và thường mở cuốn Kinh thánh đọc nhanh cho xong phần dành cho người ốm, rồi vội vã ra về. Nếu không, ông ta ở lại đó chỉ để nói những lời quở trách gay gắt với bà vợ của người ốm, hoặc có những lời bình luận thiếu suy

nghĩ và vô tâm, chỉ làm tăng thêm hơn là làm giảm bớt nỗi khổ sở của đôi vợ chồng già ấy.

“Trong khi đó”, ông cụ nói, “ông Weston cầu nguyện với tôi theo cách khác, nói chuyện với tôi rất thân tình, và thường đọc Kinh cho tôi nghe, ngồi bên cạnh tôi như một người anh em.”

“Đúng vậy!”, người vợ thốt lên, “và khi ông ấy thấy Jem tội nghiệp run lên vì lạnh và thấy cái lò sưởi tồi tàn của chúng tôi, ông ấy hỏi chúng tôi còn than dự trữ để sưởi không. Tôi nói với ông ấy rằng chúng tôi chỉ có chùng đó và sẽ cố kiếm thêm. Cô biết đấy, tôi không nghĩ ông ấy sẽ giúp chúng tôi đâu. Ấy thế mà ngày hôm sau ông ấy cho người mang tới một bao than. Chúng tôi chưa bao giờ có lửa ấm để sưởi như thế và đó là một điểm phúc trong mùa đông lạnh giá như thế này. Ông ấy tốt như vậy đó, cô Grey. Khi phó mục sư ghé thăm một nhà nghèo có người ốm, ông ấy chú ý xem thứ gì họ cần nhất và nếu nghĩ họ không thể tự kiếm được thứ đó thì ông ấy không bao giờ nói về nó, mà lặng lẽ mang thứ ấy đến cho họ. Không phải ai cũng làm như vậy đâu, thậm chí làm một chút ít những việc như ông ấy làm cũng không. Cô biết đấy, ông ấy không dư dả gì đâu, người ta nói ông ấy chỉ được mục sư trả một mức lương còm thôi.”

Với cảm giác hân hoan khó tả, tôi chợt nhớ phó mục sư thường bị các tiểu thư nhà Murray gọi là một kẻ thô lậu, bởi vì ông đeo đồng hồ bằng bạc, mặc quần áo không sang trọng và tươi sáng như ông Hatfield.

Tôi trở về Lodge mà trong lòng cảm thấy rất vui, thầm tạ ơn Chúa rằng giờ đây tôi đã có điều gì đó để nghĩ đến, một điều gì đó ở trong lòng như một sự an ủi, giải khuây khỏi sự đơn điệu buồn chán, sự cực nhọc, cô đơn của cuộc sống hiện tại mà tôi đang trải nghiệm. Hết tháng này đến tháng khác, hết năm này đến năm khác, trừ những kỳ nghỉ ngắn ngủi ở nhà mình, tôi chẳng bao giờ gặp một người nào mà tôi có thể mở lòng, hoặc có thể nói ra những suy nghĩ của mình một cách thoải mái với hy vọng nhận được sự cảm thông, thậm chí sự

tấu hiệu. Chẳng có ai, ngoài bà Nancy Brown tội nghiệp, người mà tôi có thể có những phút giao tiếp thực sự, người mà khi trò chuyện tôi cảm thấy mình nhẹ lòng hơn, khôn ngoan hơn, hạnh phúc hơn, và là người khiến tôi cảm thấy việc trò chuyện của mình có thể trở nên hữu ích. Những người hằng ngày ở bên tôi là những đứa trẻ khó ưa, dốt nát, là những đứa con gái ngang bướng mà nếu tôi không phải ở cùng, nếu được cô độc lại là một sự giải thoát mà tôi khao khát và là phần thưởng lớn đối với tôi. Bị giới hạn trong những mối quan hệ đó thực sự rất khó chịu, xét về cả ảnh hưởng tức thời lẫn những hậu quả lâu dài. Trong sự giao thiệp với những con người ấy chẳng bao giờ tôi nảy ra được một ý tưởng mới hoặc một ý nghĩ mang tính khích lệ nào: những ý tưởng vừa mới nảy ra trong tôi đều bị nghiền nát một cách tội nghiệp, phải chịu số phận chết yểu hoặc lụi tàn bởi vì chúng không thể thấy ánh sáng.

Chúng ta biết rằng những người thường xuyên giao thiệp với nhau có ảnh hưởng lớn đến tinh thần và thái độ của nhau. Những người có những hành động diễn ra trước mắt chúng ta, có lời nói bay đến tai chúng ta, sẽ dần dần khiến ta hành động và nói năng giống như họ một cách tự nhiên, vô thức, dù ta có muốn hay không. Tôi không dám nói sức mạnh không thể cưỡng lại của sự đồng hóa này sẽ phát triển đến mức nào, nhưng nếu một người văn minh buộc phải sống cả chục năm giữa những người hoang dã cứng đầu thì tôi không dám chắc cuối cùng anh ta sẽ không trở thành một người hoang dã, trừ khi anh ta có sức mạnh để cải thiện họ. Và bởi vì tôi không thể làm cho những người trẻ tuổi mà hằng ngày tôi tiếp xúc trở nên tốt hơn, tôi càng ngày càng sợ rằng họ sẽ làm cho tôi trở nên tồi tệ đi – dần dần sẽ đưa cảm xúc, thói quen, khả năng của tôi xuống mức ngang hàng với họ. Ảnh hưởng đến tôi, nhưng họ lại chẳng truyền cho tôi sự vô tâm và sự vui nhộn của họ.

Dường như tôi cảm thấy trí tuệ của mình đã sa sút, trái tim của mình chai sạn, tâm hồn mình cằn cỗi, và tôi sợ rằng khả năng nhận

thức về đạo đức của tôi sẽ mòn nhụt đi, sự phân biệt đúng sai của tôi không còn rành mạch nữa, và tất cả những khả năng tốt hơn của tôi đều mai một đi dưới sự ảnh hưởng tai hại của lối sống đó. Màn sương mù dày đặc đang vây quanh tôi, che lấp thiên đường phía trước của tôi, và giữa lúc đó Weston xuất hiện như vì sao mai ở phía chân trời, cứu tôi khỏi nỗi sợ bóng tối bao trùm, và tôi vui mừng vì giờ đây tôi có một chủ đề cao hơn mình, chứ không phải thấp hơn mình để suy ngẫm. Tôi vui mừng nhận thấy rằng không phải toàn bộ thế giới đều là những người nhà Bloomfield, Murray, Hatfield, Ashby, v.v và v.v..., và rằng sự ưu tú của con người không chỉ là ước mộng hão huyền. Khi chúng ta biết về một điều tốt nhỏ của một con người, chúng ta dễ dàng, thích hình dung ra thêm nữa. Ngày Chủ nhật giờ đây trở thành một ngày đặc biệt thú vị đối với tôi (tôi gần như hào hứng leo lên cái góc trong cùng của xe ngựa), bởi vì tôi muốn được nghe Weston nói – thích được nhìn thấy anh, mặc dù tôi biết anh không đẹp trai, thậm chí không ưa nhìn, nhưng chắc chắn anh không xấu xí.

Anh có chiều cao chỉ hơn trung bình một chút. Khuôn mặt anh quá vuông vức nên không thể được coi là đẹp, nhưng đối với tôi điều đó nói lên tính cách của anh. Mái tóc màu nâu sẫm của anh không được uốn quăn một cách cầu kỳ như tóc của mục sư Hatfield mà chỉ đơn giản được chải ra hai bên phía trên vầng trán rộng trắng trẻo. Tôi nghĩ đôi lông mày của anh nhô ra quá mức, nhưng từ bên dưới hàng lông mày nâu sẫm đó lấp lánh đôi mắt nâu không quá to, nhưng sâu và rất sáng, toát lên sức mạnh khác thường và đầy biểu cảm. Khuôn miệng của anh cũng nói lên tính cách của anh, khuôn miệng của người đàn ông cương trực, biết suy nghĩ. Và khi anh mỉm cười – à, mà thôi, tôi khoan hãy nói đến nụ cười của anh, bởi vì tôi chưa bao giờ nhìn thấy anh cười. Quả thực, vẻ ngoài của anh nói chung không gây cho tôi ấn tượng về một người đàn ông nhàn nhã, hay một con người như những người tá điền đã miêu tả. Trước đó trong tôi đã hình thành ý kiến về anh, và bất chấp những lời chê bai của tiểu thư Murray, tôi

hoàn toàn tin rằng anh là một người đàn ông có trí thông minh, có đức tin vững chắc, lòng mộ đạo sâu sắc, nhưng hay suy tư và nghiêm nghị. Và khi tôi phát hiện ra rằng, ngoài những phẩm chất tốt khác, anh còn là một con người có lòng nhân từ, hòa nhã, tử tế, một sự phát hiện khiến tôi vui hơn bởi vì tôi không được chuẩn bị để hy vọng về điều đó.

Chương XII

Cơn mưa

Lần tiếp theo tôi đến thăm bà Nancy Brown là vào tuần thứ hai của tháng Ba, bởi vì, mặc dù tôi có nhiều phút rảnh rỗi vào ban ngày, nhưng tôi hiếm khi có được cả một tiếng đồng hồ cho riêng mình khi mà mọi sự đều phụ thuộc vào tính khí thất thường của cô Matilda và chị gái cô, và chẳng có việc gì của chúng tôi được sắp xếp theo lịch cụ thể cả. Dù tôi chọn việc gì, khi không thực sự bận rộn với họ hoặc các mối quan tâm của họ, tôi vẫn luôn phải mặc quần áo chỉnh tề, mang giày sẵn bởi vì khi họ gọi, tôi không có mặt ngay lập tức thì điều đó sẽ được coi là sự xúc phạm nghiêm trọng, không thể biện hộ được: không chỉ các học trò của tôi, mà cả mẹ của họ và bất cứ người hầu nào cũng có thể cao giọng gọi một cách gấp gáp: “Cô phải đến phòng học ngay lập tức, các tiểu thư đang đợi!” Thật kinh hoàng! Các tiểu thư đang đợi gia sư của họ!

Nhưng lần này tôi chắc chắn có được một hoặc hai giờ cho riêng mình bởi vì Matilda đang chuẩn bị cho một chuyến đi cưỡi ngựa kéo dài, còn Rosalie đang trang điểm để đi dự một bữa tiệc tối ở nhà quý bà Ashby, vậy nên tôi tranh thủ thời gian đến thăm bà Nancy. Đến nơi tôi thấy bà đang lo lắng vì cả ngày không thấy con mèo cưng của bà đâu. Tôi an ủi bà bằng những câu chuyện về những con vật nuôi thích đi lang thang. “Tôi sợ những người gác rừng”, bà nói, “đó là tất cả những gì tôi nghĩ đến. Nếu những công tử nhỏ mà ở nhà, thì tôi nghĩ họ đang bắt những con chó giữ con mèo của tôi, dọa nó sợ, như họ đã làm với nhiều con mèo khác.” Mặt bà Nancy đã khá hơn, nhưng vẫn khó có thể được gọi là bình phục. Bà đang cố khâu một chiếc áo để con trai bà mặc vào ngày Chủ nhật, nhưng bà nói rằng bà chỉ có thể khâu một ít một, khâu dần dần mặc dù cậu con trai rất muốn có áo mới. Vậy nên sau khi đọc Kinh thánh cho bà nghe, tôi giúp bà khâu áo bởi vì hôm đó tôi có nhiều thời gian và tôi không cần phải về cho tới khi trời tối. Bà đón nhận thiện ý của tôi với lòng biết ơn. “Vậy là cô sẽ

ở đây với tôi một lúc”, bà nói, “không có con mèo tôi cảm thấy cô đơn, cô ạ.” Nhưng khi tôi kết thúc việc đọc sách và thực hiện được một nửa đường khâu với cái đe rộng bằng đồng của bà Nancy, tôi bối rối khi thấy Weston bước vào với con mèo trong tay. Bây giờ tôi đã thấy anh mỉm cười, và nụ cười của anh thật dễ thương.

“Tôi vừa mới làm giúp bà một việc nhỏ, bà Nancy ạ”, anh lên tiếng, sau đó nhận thấy sự có mặt của tôi, anh hơi cúi người chào. Tôi luôn là kẻ vô hình trước mục sư Hatfield, hoặc bất cứ quý ông nào thuộc tầng lớp của họ. “Tôi mang con mèo về cho bà”, anh tiếp tục nói, “từ tay, hay nói đúng hơn là từ họng súng, của người gác rừng nhà Murray”.

“Chúa ban phước lành cho ông!” Bà cụ già reo lên bằng giọng đầy cảm kích, rơm rớm nước mắt vì mừng khi bà đón con mèo cưng từ tay anh.

“Hãy trông nom nó cẩn thận bà nhé”, anh nói, “và đừng để nó đến gần khu đất có nhiều hang thỏ, bởi vì người gác rừng đã thề sẽ bắn nó nếu anh ta còn nhìn thấy nó lần nữa. Nếu tôi không có mặt kịp thời để ngăn cản, thì anh ta đã bắn nó rồi. Cô Grey, tôi nghĩ rằng trời đang mưa đấy”, anh nói thêm bằng giọng khe khẽ, khi nhận thấy tôi đã xếp đồ khâu sang một bên và chuẩn bị ra về. “Tôi sẽ không làm phiền cô đâu – tôi chỉ nán lại hai phút thôi.”

“Cả hai người nên ở lại đợi trời ngớt mưa đã”, bà Nancy nói, trong khi cời than trong lò sưởi, kê thêm một chiếc ghế nữa, “có đủ chỗ cho tất cả chúng ta kia mà.”

“Cảm ơn bà Nancy, ngồi ở đây cháu có thể nhìn rõ hơn”, tôi đáp và mang đồ khâu đến bên cửa sổ, trong khi bà lấy một cái bàn chải chải lông mèo trên áo khoác của Weston, cẩn thận chải những giọt mưa trên mũ của anh rồi cho con mèo chút thức ăn, vừa làm vừa nói chuyện. Bà cảm ơn người bạn phó mục sư của mình vì những gì anh đã làm cho bà, rồi bà tự hỏi không biết bằng cách nào con mèo tìm ra những cái hang thỏ ấy, và bà than vãn về những hậu quả của sự phát

hiện đó. Anh im lặng nghe bà nói, nở nụ cười hiền hòa, rồi cuối cùng với lời mời nhiệt tình của bà, anh bằng lòng ngồi xuống ghế, nhưng vẫn khăng khăng nói anh không có ý ở lại.

“Tôi còn có chỗ khác cần phải tới”, anh nói, “và tôi thấy” (anh liếc nhìn cuốn sách trên bàn) “đã có người đọc sách cho bà nghe rồi”.

“Đúng vậy, cô Grey tốt bụng đã đọc cho tôi nghe một chương, và bây giờ cô ấy đang giúp tôi khâu áo cho Bill – nhưng tôi e rằng ở chỗ đó cô ấy sẽ bị lạnh. Cô không đến ngồi bên lò sưởi này ư, cô?”

“Không ạ, cảm ơn bà Nancy, cháu ở chỗ này đủ ấm rồi. Mưa tạnh là cháu phải về thôi bà ạ.”

“Ôi, cô! Cô đã nói là cô sẽ ở lại đến tối kia mà!” Bà cụ kêu lên trong khi Weston cầm mũ lên.

“Không, thưa ông”, bà Nancy kêu lên, “xin đừng đi vào lúc này, trong khi trời đang mưa nặng hạt”.

“Không, ông đừng đi, thưa ông Weston”, tôi nói, hy vọng người nghe hiểu rằng tôi hoàn toàn không có ý gì khác.

“Không, chắc chắn không!” Bà Nancy nói. “Có đủ chỗ cho tất cả chúng ta kia mà.”

“Cô Grey”, Weston nói, nửa như đùa vui, như thể anh cảm thấy cần phải thay đổi chủ đề, và không biết có điều gì đặc biệt để nói hay không. “Tôi ước gì cô sẽ giúp tôi dàn hòa với điền chủ Murray, khi cô gặp ông ấy. Khi tôi cứu con mèo của bà Nancy, ông ấy đi ngang qua đó và hoàn toàn không ủng hộ việc làm của tôi. Tôi đã nói rằng tôi nghĩ ông ấy nên tha mạng cho tất cả những con thỏ, chứ không chỉ con mèo này, vì thế ông ấy đã phản ứng rất gay gắt, gay gắt đến mức sử dụng những lời lẽ không được lịch sự cho lắm, và tôi sợ rằng mình đã làm cho một chuyện nhỏ trở thành vấn đề gây căng thẳng.”

“Ôi, ông! Tôi hy vọng giữa ông và ông chủ ấy không xảy ra bất hòa vì con mèo của tôi! Ông ấy nóng tính lắm.”

“Không sao đâu bà Nancy. Tôi thực sự không bận tâm đến chuyện đó. Tôi chẳng nói điều gì vô lễ cả, và tôi nghĩ ông Murray đã

quen sử dụng ngôn từ dữ dội như vậy khi ông ấy nổi nóng.”

“Vâng, thật tiếc.”

“Bây giờ tôi phải đi đây. Tôi phải thăm một gia đình cách đây một dặm và phải tối mịt tôi mới trở về. Vả lại, trời cũng ngớt mưa rồi – chào bà nhé, bà Nancy. Chào cô Grey, chúc cô buổi tối tốt lành!”

“Chào ông Weston, nhưng đừng phụ thuộc vào tôi trong việc làm lành với ông Murray nhé, bởi vì tôi chưa bao giờ gặp ông ấy – ý tôi là tôi chưa bao giờ nói chuyện với ông ấy.”

“Cô không giúp được thì cũng đành chịu thôi”, Weston đáp bằng giọng phảng phất buồn, sau đó, với nụ cười hơi hé trên môi, anh nói thêm, “nhưng đừng bận tâm. Tôi nghĩ rằng vị điền chủ ấy có nhiều điều để xin lỗi hơn tôi”, nói rồi anh bước ra khỏi nhà.

Tôi tiếp tục việc khâu áo cho đến khi không thể nhìn rõ đường khâu, rồi tạm biệt bà Nancy để ra về, cố ngăn bà khỏi phải cảm ơn đi cảm ơn lại bằng cách quả quyết với bà rằng những gì tôi làm cho bà chỉ bằng những gì bà mang lại cho tôi nếu như chúng tôi đặt mình vào hoàn cảnh của nhau. Tôi vội vã trở về Horton Lodge, bước vào phòng học, nhận thấy bàn trà thật bừa bộn, khay trà đầy những vết trà sánh ra ngoài, còn tiểu thư Matilda đang cúi phát điên.

“Cô Grey, cô đã ở đâu vậy? Em đã dùng bữa trà cách đây nửa giờ rồi, phải tự rót trà, phải uống trà một mình! Em ước gì cô về sớm hơn!”

“Tôi đi thăm bà Nancy Brown. Tôi cứ nghĩ cô đi cưỡi ngựa chưa về.”

“Trời mưa như vậy làm sao em cưỡi ngựa được cơ chứ. Cơn mưa như trút nước gây ướt át, gây bực mình – mưa đúng lúc em đang cưỡi ngựa rất hăng, ấy thế mà khi về nhà em chẳng tìm được ai để uống trà cùng và cô biết đấy, em không thể tự rót trà như ý muốn.”

“Tôi quên rằng chiều nay trời mưa”, tôi đáp (thực ra, ý nghĩ cơn mưa khiến nàng tiểu thư phải về nhà không hề nảy ra trong đầu tôi).

“Không, tất nhiên là không rồi. Cô có bị ướt đâu, và cô chẳng bao giờ nghĩ đến người khác.”

Tôi chịu đựng sự trách mắng thô lỗ của cô ta với sự bình tĩnh đáng ngạc nhiên, thậm chí vui vẻ bởi vì tôi cảm thấy rằng mình đã làm được điều tốt cho bà Nancy Brown hơn là gây hại cho bà. Và có lẽ một vài ý nghĩ khác đã giúp tôi giữ được tinh thần, không cảm thấy khó chịu vì tách trà nguội và cái bàn trà khó coi, với vẻ mặt thiếu thiện cảm của cô Matilda. Nhưng chẳng bao lâu sau cô đi ra tàu ngựa, để tôi ở đó tận hưởng sự yên tĩnh dễ chịu khi được ngồi ăn một mình.

Chương XIII

Những bông hoa anh thảo

Cô Murray giờ đây thường đi nhà thờ hai lần một tuần, bởi vì cô thích được ngưỡng mộ đến mức cô không thể chịu đựng được việc bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào để giành được điều đó và cô tin chắc như đinh đóng cột rằng dù xuất hiện ở đâu cô cũng được ngưỡng mộ, và rằng dù Harry Meltham và ông Green có ở đó hay không, chắc chắn sẽ có người nào đó không thể không mê mẩn trước sự quyến rũ của cô, ngoài vị mục sư, người mà với vị trí trang trọng của mình cũng buộc phải chú ý đến cô. Thường thì nếu thời tiết cho phép, hai chị em cô sẽ đi bộ về nhà. Matilda ghét sự chật chội của cái xe ngựa, không thích sự kín đáo của nó, và thích có người đi bộ cùng khiến cho dặm đường đầu tiên từ nhà thờ đến cổng vườn nhà ông Green trở nên vui nhộn: cách đó không xa là lối rẽ vào con đường riêng dẫn tới Horton Lodge, trong khi đường cái quan chạy thẳng tới tận dinh thự của ông Hugh Meltham. Vậy nên họ luôn có cơ hội có Harry Meltham làm bạn đường, cùng hoặc không cùng với tiểu thư Meltham hoặc ông Green, với một hoặc hai người em gái của ông, và bất cứ vị khách bất ưng nào.

Tôi đi bộ cùng với các tiểu thư hay đi xe ngựa cùng với cha mẹ họ, điều đó tùy thuộc vào ý thích thất thường của họ. Nếu họ chọn “cho” tôi đi cùng, thì tôi đi, nếu vì những lý do hiển nhiên họ chọn đi riêng, thì tôi leo lên chỗ của mình trên xe ngựa. Tôi thích đi bộ hơn, nhưng cảm giác ngại bắt ai đó buộc phải chịu đựng sự có mặt của mình ngoài ý muốn khiến tôi luôn ở vào thế bị động trong những dịp như thế, và tôi không bao giờ hỏi lý do của những ý thích chợt nảy ra ở họ. Thực ra, đó là cách tốt nhất – bởi vì, phục tùng và hàm ơn thuộc về phần ứng xử của gia sư, nghĩ đến sự dễ chịu cho bản thân mình là

phần của các học trò. Nhưng khi tôi đi bộ, nửa đầu của chặng đường nhìn chung với tôi chẳng dễ chịu chút nào. Bởi vì không vị tiểu thư hay quý ông nào mà tôi nhắc tới ở trên đếm xỉa đến tôi, và như thế đi bên cạnh họ thật khó chịu, khi phải nghe những gì họ nói, hoặc ước được là một trong bọn họ, trong khi họ chẳng coi tôi là người nghe, và nếu trong khi nói, mắt họ tình cờ nhìn thấy tôi, thì cứ như thể họ đang nhìn vào khoảng trống – như thể họ không nhìn thấy tôi, hoặc vờ như không nhìn thấy. Đi theo sau họ cũng khó chịu không kém, và như vậy chẳng khác nào tôi ý thức được sự thấp kém của mình. Nói thật lòng, tôi coi bản thân mình có giá trị như người có giá trị nhất trong số họ, và muốn họ biết điều đó, để họ không nghĩ rằng tôi coi mình là kẻ hầu người ở biết thân biết phận – mặc dù các tiểu thư có thể chọn để người hầu đi cùng, thậm chí hạ cố nói chuyện với cô ta khi không có người nào làm bầu bạn. Tôi gần như xấu hổ phải thừa nhận điều đó – nhưng thực sự tôi phải cố gắng để coi như hoàn toàn không biết hoặc không chú ý đến sự có mặt của họ, như thể tôi bận suy nghĩ, hoặc mãi ngắm cảnh vật xung quanh, hoặc nếu tôi đi sau họ, thì một con chim, một con côn trùng, hoặc những bông hoa sẽ thu hút sự chú ý của tôi và tôi sẽ mãi ngắm cảnh vật, như thể tôi đang đi dạo một mình, cho đến khi các học trò của tôi tạm biệt những người bạn của họ và rẽ vào con đường mòn vắng vẻ.

Có một lần tôi nhớ như in. Đó là một buổi trưa đẹp trời cuối tháng Ba. Ông Green và mấy cô em gái của ông đã cho xe ngựa về không để tận hưởng ánh mặt trời và không khí êm dịu trong cuộc đi bộ về nhà cùng với các vị khách của ông, một ông thuyền trưởng và một ông đại úy hải quân nào đó (hai người đều phục vụ trong quân đội) và tiểu thư Murray, người, tất nhiên, đã xoay sở để nhập hội với họ. Cái hội ấy rất hợp với Rosalie, nhưng không hợp với tôi chút nào nên tôi đi lùi lại phía sau, bắt đầu ngắm hai hàng cây bên đường và những hàng rào cây xanh đang đâm chồi, cho đến khi nhóm người kia bỏ xa tôi một đoạn, và tôi có thể nghe thấy tiếng hót ngọt ngào của con chim

chiến chiến. Tư tưởng yếm thế trong tôi bắt đầu tan biến trong bầu không khí trong lành, êm dịu và ánh mặt trời ấm áp, nhưng những ý nghĩ hoài nhớ về thời kỳ đầu của tuổi thơ, và những niềm vui đã qua, khao khát một tương lai tươi sáng hơn lại dâng lên trong lòng tôi. Khi ánh mắt tôi lang thang tới một gò đất thoải phủ đầy cỏ non và những khóm cây xanh tươi mơn mớn được vây quanh bởi những hàng rào đầy chồi non, tôi mong bắt gặp một nhành hoa quen thuộc gợi nhớ những thung lũng và những sườn đồi xanh tươi nơi quê nhà: tất nhiên, tìm đâu thấy những bãi đất hoang tràn ngập một màu thạch nam nâu tím. Một sự phát hiện như thế có thể khiến mắt tôi rớm lệ, nhưng quả thực, đó là một trong những niềm vui lớn nhất của tôi lúc đó. Cuối cùng tôi nhìn thấy ở trên cao giữa những rễ cây sồi, ba bông hoa anh thảo tuyệt đẹp, nhô lên từ một góc kín đáo, nhưng chúng mọc ở chỗ cao đến nỗi tôi cố hết sức mà không thể hái được một bông để ngắm và để đem về. Tôi không thể với tới chúng trừ khi tôi trèo lên gò đất, việc mà tôi không dám làm. Thế rồi bỗng nhiên tôi nghe thấy tiếng bước chân ở phía sau, và quay đầu lại, giật mình bởi lời đề nghị, “Cho phép tôi hái chúng giúp cô nhé, cô Grey”, được nói một cách điềm tĩnh, nghiêm túc bởi một giọng nói mà tôi đã quen nghe. Vâng, đó là Weston – còn ai khác nhọc công làm điều đó cho tôi cơ chứ?

Tôi đã cảm ơn anh một cách nồng nhiệt hay điềm tĩnh, tôi không biết nữa, nhưng chắc chắn tôi chỉ diễn tả được một nửa sự biết ơn mà tôi cảm thấy mà thôi. Có lẽ cảm thấy biết ơn là ngớ ngẩn, nhưng dường như với tôi, vào khoảnh khắc đó, cứ như thể đó là một ví dụ đáng nhớ về lòng tốt bẩm sinh của anh: một hành động thể hiện lòng tốt mà tôi không thể không đáp lại, và không bao giờ quên. Ở nơi này tôi hoàn toàn không quen với việc được đối xử một cách lịch sự như thế, và tôi hầu như không được chuẩn bị để mong đợi điều đó từ bất cứ ai trong vòng năm mươi dặm quanh Horton Lodge. Tuy nhiên, cảm giác biết ơn không ngăn cản tôi cảm thấy hơi lúng túng một chút trước sự có mặt của anh. Và tôi vội vã bước theo các học trò của mình bằng

những bước chân gấp gáp hơn trước, mặc dù, có lẽ, nếu Weston hiểu ý và để mặc tôi đi mà không nói thêm một lời nào, thì tôi có lẽ cứ đi như thế trong cả tiếng đồng hồ sau đó, nhưng anh không làm thế. Tôi bước nhanh cũng chỉ bằng anh bước đi một cách bình thường mà thôi.

“Các tiểu thư đã bỏ cô lại một mình”, anh nói.

“Đúng vậy, họ mãi trò chuyện với những người đồng hành thích hợp hơn.”

“Vậy thì cô đừng bận tâm đến việc đuổi kịp họ nữa.”

Tôi bước chậm lại, nhưng ngay sau đó lại cảm thấy tiếc vì đã làm thế. Người bạn đường của tôi im lặng bước đi, còn tôi chẳng có gì trên đời để nói, và tôi e rằng anh cũng vậy. Tuy nhiên, cuối cùng, anh phá vỡ sự im lặng bằng việc lên tiếng hỏi tôi có thích những bông hoa đó không một cách khá bất ngờ có lẽ ngay cả với chính anh.

“Có, tôi rất thích”, tôi đáp, “đặc biệt là những bông hoa dại.”

“Tôi thích những bông hoa dại”, anh nói, “những loài hoa khác tôi không quan tâm lắm bởi vì tôi không có sự gắn bó đặc biệt nào với chúng – trừ một vài loài. Cô thích những loài hoa nào?”

“Hoa anh thảo, hoa chuông, hoa thạch nam.”

“Cô không thích hoa vi-ô-lét?”

“Không, bởi vì như ông nói, tôi không có sự gắn bó đặc biệt nào với chúng, bởi vì giữa những ngọn đồi và những thung lũng quanh nhà tôi không có những bông hoa vi-ô-lét ngọt ngào.”

“Thật là một niềm an ủi lớn đối với cô khi còn có gia đình, cô Grey ạ.” Người bạn đường của tôi nói sau một thoáng im lặng. “Dù gia đình cô ở rất xa, hoặc hiếm khi cô về thăm, thì đó vẫn là nơi cô mong về.”

“Tôi không thể tưởng tượng nổi mình sống mà không có gia đình”, tôi đáp với sự hào hứng mà ngay lập tức khiến tôi hối tiếc bởi vì tôi nghĩ thật ngớ ngẩn khi hào hứng như vậy.

“Đúng vậy”, anh nói và nở nụ cười phảng phất vẻ trầm tư. “Những mối dây ràng buộc chúng ta với cuộc sống bền chắc hơn chúng ta nghĩ, hoặc hơn bất cứ ai không cảm nhận được những mối dây ấy bị giật đứt dỗi như thế nào mà không đứt có thể tưởng tượng được. Một người vẫn có thể sống mà không có gia đình, nhưng trong hoàn cảnh đó có lẽ anh ta là người bất hạnh. Trái tim con người giống như quả bóng cao su: chỉ một chút hơi thổi cũng có thể làm nó phồng lên, nhưng cả một lượng lớn hơi cũng không làm nó nổ được. Nếu chỉ một chút thổi đã làm nó nhiều loạn rồi, thì chẳng cần tất cả các yếu tố cũng đủ để làm nó tan vỡ. Ở bên trong chúng ta có một nguồn năng lượng sống cố hữu có thể tự làm mạnh thêm chính nó bất chấp các tác động từ bên ngoài. Mọi cú đấm làm rung chuyển nó đều có tác dụng làm cho nó mạnh thêm trước những cú đấm trong tương lai, cũng như sự lao động thường xuyên làm dày thêm lớp da tay của chúng ta, làm cơ bắp của chúng ta săn chắc hơn chứ không làm yếu đi. Một ngày lao động cực nhọc làm trầy da tay của một tiểu thư, sẽ chẳng hề hấn gì đối với một người thợ cày quen lao động vất vả.”

“Tôi chỉ nói theo trải nghiệm của cá nhân mình thôi. Tôi đã từng nghĩ như ông – ít nhất, tôi cũng tin rằng gia đình và tình cảm gia đình là những điều duy nhất làm cho cuộc sống này trở nên có thể chịu đựng được, rằng nếu không có những điều đó, thì sự tồn tại của chúng ta trên đời này sẽ trở thành một gánh nặng khó có thể chịu đựng nổi, nhưng giờ đây, ở đây tôi không có gia đình – trừ khi ông gọi căn phòng trọ của tôi ở Horton là gia đình – và đã mười hai tháng nay tôi không được gặp những người thân yêu nhất của mình, tuy nhiên, tôi không chỉ sống, mà còn sống không thiếu hy vọng và niềm an ủi. Mặc dù tôi ý thức được rằng mình hiếm khi có thể bước vào một căn nhà tranh đơn sơ vào cuối ngày, nhìn những người sống trong đó sum vầy trong sự yên bình quanh lò sưởi ấm áp mà không hề có cảm giác ghen tỵ với hạnh phúc gia đình của họ.”

“Ông không thể biết niềm hạnh phúc nào ở trước mặt ông đâu”, tôi nói, “bây giờ ông mới chỉ bắt đầu hành trình của mình thôi.”

“Niềm hạnh phúc lớn nhất”, anh nói, “là niềm hạnh phúc mà tôi đang có – khả năng và ý chí được sử dụng một cách hữu ích.”

Chúng tôi đã đến chỗ có một cái bục trèo nối với con ngõ dẫn tới một ngôi nhà tranh, nơi, tôi cho rằng Weston có mục đích làm cho mình trở nên “hữu ích”, bởi vì anh đã bỏ tôi lại, trèo lên bục và đi vào con ngõ đó bằng những bước chân sỏi dài, vững chắc, khoan thai vốn có của mình, để tôi tiếp tục đi một mình, vừa đi vừa ngẫm nghĩ về những lời anh nói. Tôi nghe nói anh đã mất mẹ vài tháng trước khi anh chuyển tới đây. Khi đó mẹ anh là người gần gũi và thân yêu nhất đối với anh và anh *chưa có gia đình*. Từ đáy lòng tôi cảm thấy thương xót anh: tôi gần như ứa lệ vì cảm thông. Và tôi nghĩ, sự mất mát đó giải thích cho vẻ ưu tư trên gương mặt anh, và khiến anh bị tiểu thư Murray nhân từ và em của cô cho là người có tâm tính ủ ê, rầu rĩ. Tôi nghĩ, “nhưng anh không bất hạnh như tôi bởi vì tôi sống trong sự tù túng này, còn anh đang sống một cuộc sống tích cực, và cả chân trời rộng dành cho sự phấn đấu mở ra trước mắt anh. Anh có thể *kết bạn*, và anh có thể lập gia đình, nếu anh muốn, và chắc chắn, đến một lúc nào đó anh sẽ được hưởng hạnh phúc. Chúa ban cho người cộng sự của Ngài ngôi nhà xứng đáng với sự lựa chọn của anh ta, và làm cho nó trở thành một ngôi nhà hạnh phúc – một gia đình mà anh xứng đáng có! Và sẽ thật hạnh phúc khi –” Nhưng tôi nghĩ gì không quan trọng.

Tôi bắt đầu cuốn sách này với ý định không giấu giếm gì cả. Ai thích thì người ấy có thể cảm thấy những gì tôi chia sẻ có ích trong việc nghiên cứu trái tim đồng loại. Chúng ta có một số ý nghĩ mà tất cả các thiên thần trên thiên đường sẵn sàng quan tâm đến, nhưng những người anh em của chúng ta ở trần gian này thì không – thậm chí cả người tốt nhất trong số họ.

Lúc này những người nhà Green đã đi vào lối rẽ dẫn tới nhà của họ, còn các tiểu thư nhà Murray đã đi xuống con đường mòn, trong khi tôi vội vã đuổi theo họ. Tôi thấy hai tiểu thư đang có một cuộc chuyện trò sôi nổi về những phẩm chất của hai viên sĩ quan trẻ. Tuy nhiên, đang trò chuyện, Rosalie bỏ dở câu nói, reo lên với vẻ khoái trá đầy ranh mãnh:

“Ôi, cô Grey! Cuối cùng cô cũng về rồi hả? Không ngạc nhiên khi cô cứ nấn ná ở đằng sau, và không ngạc nhiên khi cô luôn bênh ông Weston một cách hăng hái khi em xỉ vả ông ấy. A ha! Bây giờ thì em đã hiểu!”

“Thôi đi cô Murray, đừng ngớ ngẩn như thế”, tôi nói, cố gắng cười một cách hiền từ, “cô biết sự ngớ ngẩn như thế không thể gây ấn tượng với tôi mà.”

Nhưng cô vẫn tiếp tục lải nhải nói theo cái cách gây khó chịu đó – em gái cô thỉnh thoảng lại thêm mắm thêm muối vào – đến mức tôi nghĩ cần phải nói điều gì đó để biện hộ cho bản thân.

“Chuyện này thật điên rồ!” Tôi kêu lên. “Nếu ông Weston tình cờ đi cùng với tôi một đoạn đường, và nếu ông ấy nói vài lời xã giao khi chúng tôi tình cờ gặp nhau, thì điều đó đáng chú ý đến mức ấy sao? Tôi cam đoan với cô rằng trước đó tôi chưa từng nói chuyện với ông ấy: trừ một lần.”

“Ở đâu? Ở đâu? Khi nào?” Hai chị em họ đồng thanh hỏi bằng giọng háo hức.

“Ở nhà bà Nancy.”

“A ha! Cô đã gặp ông ta ở đó ư?” Rosalie thốt lên, rồi cười đắc chí. “Á há! Matilda, bây giờ thì chị biết tại sao cô ấy lại thích đến nhà Nancy Brown như vậy! Cô ấy đến đó để tán tỉnh ông Weston.”

“Thật ra, chuyện đó không đáng để tranh cãi đâu – tôi mới chỉ tình cờ gặp ông ấy một lần ở đó, làm sao tôi biết ông ấy cũng đến đó chứ?”

Tôi tức giận trước sự đùa giỡn ngớ ngẩn và sự quy tội gây khó chịu của họ, nhưng cảm giác đó không kéo dài. Sau khi đã cười thỏa thích với trò đùa của mình, họ quay trở lại chủ đề về anh chàng thuyền trưởng và viên đại úy kia. Trong khi họ tranh luận và bình phẩm về hai người đó, sự phẫn nộ trong tôi nhanh chóng nguôi đi. Nguyên nhân của nó nhanh chóng được lãng quên, và tôi quay trở lại với những ý nghĩ vui vẻ hơn. Cứ như vậy chúng tôi đi qua khuôn viên, vào sảnh, và khi bước lên cầu thang để về phòng riêng, tôi chợt nảy ra một ý nghĩ: trái tim tôi tràn ngập một niềm ao ước thiết tha duy nhất. Vào phòng, đóng cửa lại, tôi quỳ xuống cầu nguyện một điều với sự tha thiết: “Người sẽ thực hiện được”, và tôi cố gắng diễn đạt ý nghĩ của mình, “Lạy Đức Chúa Cha, đối với Người, mọi điều đều có thể, thì điều này cũng có thể đối với người.” Điều ước của tôi – lời cầu nguyện của tôi là – cả đàn ông và phụ nữ đều khinh miệt con vì – “Nhưng, Cha sẽ không khinh miệt con!” Tôi cầu nguyện và cảm thấy điều mình vừa mới nghĩ là sự thật. Tôi cảm thấy có một sự bảo vệ, che chở dành cho riêng mình. Có thể tôi đã tự huỷ hoại mình, nhưng ý nghĩ đó khiến tôi tự tin để hỏi xin, cho tôi sức mạnh để hy vọng rằng lời cầu xin của mình không vô vọng. Tôi cắm hai bông hoa anh thảo vào một chiếc ly để trong phòng mình cho tới khi chúng tàn úa, và người hầu ném chúng đi. Tôi ép những cánh hoa của bông anh thảo thứ ba giữa những trang giấy của cuốn Kinh thánh – để giữ làm kỷ niệm.

Chương XIV

Ông mục sư

Hôm sau là một ngày đẹp trời không kém gì ngày trước đó. Ngay sau bữa sáng, cô Matilda học lướt phốt và học kiểu nhảy cóc qua một số bài học và đánh cây dương cầm theo nghĩa đen một cách dữ dội trong khoảng một tiếng đồng hồ trong tâm trạng bực tức đối với cả tôi lẫn cây đàn, bởi vì mẹ cô không cho phép cô nghỉ học để chơi thả phanh ở những chỗ cô thích, trong sân, ngoài chuồng ngựa và những chuồng chó. Chị của cô đã lãng lạng đi tận hưởng một cuộc dạo chơi với một cuốn tiểu thuyết mới đang thịnh hành làm bạn, bỏ tôi ở trong phòng học chật vật hoàn thành bức tranh màu nước mà tôi đã hứa vẽ cho cô, bức tranh mà cô khăng khăng bắt tôi phải vẽ xong trong ngày hôm ấy.

Dưới chân tôi là con chó sục con chưa được huấn luyện. Nó là vật sở hữu của Matilda, nhưng cô ghét động vật, và có ý định bán nó đi, khăng định rằng nó đã bị làm cho hư đốn. Nó thực sự là một đại diện tuyệt vời của giống chó sục, nhưng cô khăng định nó chẳng được tích sự gì, thậm chí không có ý thức để nhận biết chủ của mình.

Sự thực là Matilda mua nó khi nó còn bé xíu, ban đầu khăng khăng không cho ai động vào nó, trừ cô, nhưng chẳng bao lâu sau, trở nên mệt mỏi với việc chăm sóc một con vật còn phải bú mớm mà cô không thể kham nổi nên cô nhượng bộ trước lời cầu khẩn được chăm sóc nó của tôi. Và với sự chăm bẵm cẩn thận từ khi nó còn bé xíu đến khi nó trở thành một con chó nhỡ, dĩ nhiên tôi đã chiếm được cảm tình của nó. Một phần thưởng mà tôi lẽ ra rất quý trọng và coi như một món quà vượt trên cả sự bù đắp cho tất cả những vất vả mà tôi đã trải qua vì nó, nếu như tình cảm biết ơn của con chó tội nghiệp Snap không khiến nó phải chịu quá nhiều lời cay nghiệt và những cú đá, cú đấm đầy hằn học từ chủ của nó, và nếu như bây giờ nó không có nguy cơ bị

vứt bỏ, hoặc bị chuyển sang tay một người chủ lạnh lùng, thô bạo. Nhưng tôi có thể làm gì được chứ? Tôi không thể làm cho con chó ấy ghét mình vì sự đối xử tàn ác, và cô chủ của nó sẽ không làm lành với nó bằng cách đối xử tử tế.

Tôi đang ngồi cặm cụi vẽ phác thảo thì bà Murray xuất hiện, với dáng vẻ vừa oai vệ vừa vội vàng.

“Cô Grey!” Bà nói – “Làm sao cô có thể ngồi vẽ trong một ngày như ngày hôm nay cơ chứ?” (Bà ấy nghĩ tôi ngồi vẽ vì ý thích của riêng tôi). “Tôi không hiểu sao cô không đội mũ lên đầu và đi chơi với các tiểu thư.”

“Tôi nghĩ tiểu thư Murray đang đọc sách, còn tiểu thư Matilda đang chơi với mấy con chó của cô ấy.”

“Nếu cô cố gắng làm cho tiểu thư Matilda cảm thấy vui hơn một chút, thì tôi nghĩ tiểu thư sẽ không phải tìm niềm vui ở chỗ lũ chó, lũ ngựa và mấy người đánh xe nhiều như vậy đâu. Và nếu cô vui vẻ hơn, biết gần gũi trò chuyện với tiểu thư Murray nhiều hơn thì tiểu thư đã không hay đi lang thang trên cánh đồng với một cuốn sách trong tay như thế. Tuy nhiên, tôi không muốn chọc tức cô đâu”, bà nói thêm, khi thấy má tôi đỏ bừng và tay tôi run lên vì tức giận. “Đừng nhạy cảm quá như vậy – tôi không có ý gì khác đâu. Hãy nói cho tôi biết Rosalie đã đi đâu, và tại sao dạo này tiểu thư lại thích đi một mình như vậy?”

“Tiểu thư nói khi có một cuốn sách mới để đọc, cô ấy thích ở một mình.”

“Nhưng tại sao tiểu thư không thể đọc sách ở trong vườn cảnh hoặc trong vườn nhà? – Tại sao tiểu thư lại đi ra cánh đồng và tìm tới những con đường mòn vắng vẻ? Và làm thế nào mà ông Hatfield thường phát hiện ra tiểu thư ở những chỗ đó? Tuần trước Rosalie nói với tôi rằng ông ấy cưỡi ngựa bên cạnh nó trên đường làng Moss, và tôi chắc chắn đó là sự thật bởi vì từ cửa sổ phòng thay đồ, chính tôi đã nhìn thấy ông ta đi rất vội qua cổng vườn cảnh và hướng về phía cánh đồng nơi tiểu thư thường đi qua. Tôi muốn cô đi xem tiểu thư có ở đó

không. Hãy chỉ nhắc nhở tiểu thư một cách nhẹ nhàng rằng đi lang thang một mình như thế trước sự chú ý của bất kỳ ai muốn ve vãn mình như một đứa con gái nhà nghèo không được ai chú ý đến, không có người nhà để mắt tới là việc không thích hợp đối với một tiểu thư cao sang. Và hãy nói với tiểu thư rằng cha của cô ấy sẽ vô cùng tức giận nếu ông ấy biết tiểu thư đối xử với ông Hatfield theo cách thân mật mà tôi e rằng đã xảy ra, và nếu cô – nếu bất cứ người gia sư nào có một nửa sự cảnh giác cần phải có, một nửa sự quan tâm lo lắng của một người mẹ, thì tôi sẽ chẳng phải lo lắng như thế này, và cô sẽ ngay lập tức hiểu sự cần thiết của việc để mắt đến tiểu thư, ở bên tiểu thư – thôi, đi đi, không có thì giờ để lãng phí đâu”, bà kêu lên, thấy tôi đã cất bút và giấy vẽ đi và đứng ở ngưỡng cửa đợi bà kết thúc bài thuyết giảng.

Theo sự chỉ dẫn của bà, tôi tìm thấy tiểu thư Murray trên cánh đồng yêu thích của cô ở ngay bên ngoài vườn cảnh, và thật không may, cô không ở đó một mình. Bởi vì ông Hatfield với dáng người cao, oai nghiêm đang chậm rãi sánh bước bên cô.

Đây là một việc khó giải quyết đối với tôi. Nhiệm vụ của tôi là ngắt cuộc nói chuyện riêng giữa hai người. Nhưng tôi phải làm việc đó bằng cách nào? Ông Hatfield không thể bị lái ra xa bởi một người không quan trọng như tôi, còn nếu tôi đi bên cạnh cô Murray, bắt cô phải chịu đựng sự có mặt của mình thì đó là một việc thô lỗ mà tôi không muốn làm. Tôi cũng chẳng đủ dũng khí cất giọng oang oang khắp cánh đồng để gọi cô về. Vậy nên tôi cứ đi chậm chậm nhưng đều bước về phía họ, quyết định rằng nếu sự hiện diện của tôi không làm kẻ tán gái kia e ngại mà lảng đi chỗ khác thì tôi sẽ tiến đến chỗ họ và nói với cô Murray rằng mẹ cô đang tìm cô.

Cô Murray bước đi trông rất quyến rũ, tha thẩn dưới những cây dẻ ngựa đang trổ búp non, xòa những cành dài phía trên tường. Một tay cô cầm cuốn sách, tay kia cầm một nhánh sim như một món đồ chơi rất dễ thương. Những lọn tóc màu nâu sáng xổ ra từ chiếc mũ nhỏ

trên đầu cô, bay bay trong gió, đôi má mịn màng của cô ửng hồng trong niềm hạnh phúc, đôi mắt xanh biếc cười của cô giờ đây liếc về phía kẻ ngưỡng mộ mình và nhìn xuống nhành sim. Nhưng, Snap, con chó nhỏ chạy trước tôi đã làm gián đoạn màn đối đáp nửa xác xược nửa bông đùa của cô bằng cách ngoạm váy cô và giật cho đến khi ông Hatfield với chiếc ba-toong của mình, can thiệp bằng một cú đánh thật mạnh vào đầu con vật, khiến nó kêu ăng ăng chạy lại chỗ tôi, còn quý ông mộ đạo vừa mới đánh nó được dịp cười khoái chí. Nhưng tôi nghĩ, vừa mới nhìn thấy tôi ở gần đó là ông ta muốn chuồn, và khi tôi cúi xuống để vuốt ve con chó, với sự xót thương được bộc lộ rõ cho thấy tôi phản đối hành động tàn nhẫn của ông ta, tôi nghe thấy ông ta nói: “Khi nào tôi sẽ gặp lại cô nhi, cô Murray?”

“Em nghĩ là ở nhà thờ”, cô đáp, “trừ khi vận may tình cờ khiến ông có việc đi qua đây đúng lúc em đang đi dạo.”

“Tôi luôn sắp xếp để có việc ở khu vực này, nếu tôi biết chắc chắn mình có thể tìm thấy cô ở đâu và khi nào.”

“Nhưng nếu thế thì em không thể báo cho ông biết được bởi vì em hoạt động chẳng theo lịch cụ thể nào cả. Hôm nay em chẳng biết ngày mai mình sẽ làm gì.”

“VẬY thì hãy tặng tôi nhành cây đó để an ủi nào”, ông ta nói, nửa như đùa, nửa sốt sắng, rồi chìa tay ra.

“Không, em sẽ không tặng ông đâu.”

“Nào, hãy tặng tôi đi mà! Nếu em không tặng tôi, tôi sẽ trở thành người đàn ông bất hạnh nhất đấy. Em không thể cư xử tàn nhẫn đến mức từ chối tôi một việc dễ dàng đối với em nhưng lại là phần thưởng tuyệt vời đối với tôi như thế!” Ông ta van vãn nỉ non như thể sự sống của ông ta phụ thuộc vào nhành cây đó.

Lúc ấy tôi đứng cách họ chỉ vài bước chân, sốt ruột đợi ông ta đi khỏi đó.

“VẬY thì đây! Ông hãy cầm lấy nó và đi đi”, Rosalie nói.

Ông ta mừng quýnh nhận món quà, thầm thì điều gì đó khiến má của tiểu thư đỏ bừng, và cô lắc đầu, nhưng bật ra một tiếng cười khe khẽ cho thấy sự khó chịu của cô là hoàn toàn giả tạo, rồi với một lời chào lịch sự, ông ta rút lui.

“Cô đã bao giờ gặp một người đàn ông nào như thế chưa, cô Grey?” Tiểu thư Murray quay sang tôi hỏi. “Em mừng vì cô đã đến! Em cứ nghĩ mình không bao giờ tống cổ ông ta đi được, và em sợ cha em sẽ nhìn thấy ông ta.”

“Ông ấy ở đây với cô lâu rồi ư?”

“Không, không lâu đâu, nhưng ông ta táo tợn vô cùng. Ông ta luôn lảng vảng ở quanh em, giả vờ có việc ở khu này, mà thực ra là để chờ em, và khi thấy em ông ta nhảy bổ tới.”

“Mẹ cô nghĩ rằng cô không được đi ra khỏi vườn cảnh hoặc ra vườn mà không có người nào đủ sáng suốt và nghiêm túc như tôi đi cùng để ngăn những kẻ không mời mà đến. Bà chủ đã nhìn thấy ông Hatfield vội vã đi qua cổng vườn cảnh và bà bảo tôi đến đây để tìm cô, bảo vệ cô, và cũng để cảnh báo—”

“Ôi, mẹ thật là phiền quá! Cứ như em không thể tự trông nom bản thân. Trước đây mẹ đã rầy la em về chuyện ông Hatfield rồi, và em đã nói rằng mẹ có thể tin tưởng em. Em không bao giờ quên địa vị của mình, địa vị dành cho người đàn ông thú vị nhất trên đời này. Em ước gì ngày mai chàng sẽ quỳ xuống cầu xin em hãy làm vợ của chàng, và em có thể cho mẹ em thấy mẹ đã nhầm khi nghĩ rằng em có thể – chao ôi, điều đó cũng làm em bực mình lắm chứ! Cứ nghĩ rằng em có thể ngốc đến mức yêu ai đó ư! Yêu ư? Như thế là không xứng đáng với lòng tự trọng của một người phụ nữ. Yêu! Em ghét cay ghét đắng từ đó! Khi cái từ đó được gán cho giới chúng ta, em nghĩ nó là sự sỉ nhục thực sự. Em có thể chấp nhận một người khá hơn, chứ một kẻ tội nghiệp mà đến bảy trăm năm cũng chưa khấm khá lên được như ông Hatfield, thì không đời nào. Em thích nói chuyện với ông ta, bởi vì ông ta thông minh và hài hước – em ước gì ngài Thomas Ashby có

được một nửa sự thú vị đó. Và lại, em phải có ai đó để tán gẫu chứ, và không ai khác có đầu óc mò đến đây cả. Khi chúng em đi ra ngoài, mẹ sẽ không để bọn em tán gẫu với bất cứ ai trừ ngài Thomas – nếu ngài có mặt. Và nếu ngài không có mặt ở đó, thì em bị quản chặt, vì mẹ sợ ai đó sẽ đi bịa chuyện và nhồi vào đầu ông ấy rằng em đã đính hôn hoặc có thể sẽ đính hôn với người khác. Và hơn thế, em sợ bà mẹ khó tính của ông ấy sẽ nhìn thấy hoặc nghe nói về các cuộc dạo chơi của em rồi kết luận rằng em không phải là người vợ thích hợp dành cho đứa con trai hoàn hảo của bà ấy, cứ như thể con trai bà ấy không phải là con quý tinh quái nhất ở Christendom này, cứ như thể không phải bất cứ phụ nữ đoan trang bình thường nào cũng là cả một thế giới quá tốt đối với ông ta.”

“Thật vậy ư cô Murray? Mẹ của cô biết tất cả những điều đó mà vẫn muốn cô kết hôn với ông ta ư?”

“Chắc chắn mẹ biết và mẹ vẫn muốn thế. Em tin mẹ biết nhiều điều không hay về ông ta hơn em. Mẹ không cho em biết tất cả vì sợ em thất vọng, nhưng mẹ không biết rằng em chẳng quan tâm đến những chuyện ấy mấy đâu. Bởi vì đó không phải là vấn đề quan trọng đối với em. Kết hôn rồi ông ta sẽ trở nên đứng đắn, như mẹ nói: ai cũng biết người đàn ông phóng đảng được cải tạo sẽ trở thành người chồng tốt nhất. Em chỉ ước gì ông ta không xấu xí như vậy – đó là tất cả những gì em nghĩ đến, nhưng ở vùng quê này chẳng có sự lựa chọn nào khác, mà cha thì không cho phép chúng em đi Luân Đôn–”

“Nhưng tôi cứ nghĩ ông Hatfield khá hơn ông Thomas nhiều chứ.”

“Ông ấy khá hơn nhiều, nếu như ông ấy là ông chủ của Ashby Park – chắc chắn vậy. Em nhất định phải có được Ashby Park, bất kể ai cùng sở hữu nó với em.”

“Nhưng ông Hatfield nghĩ cô thích ông ấy. Cô không nghĩ ông ấy sẽ thất vọng một cách cay đắng như thế nào khi biết mình đã lầm ư?”

“Không, thực sự là không! Đó sẽ là sự trừng phạt đích đáng cho sự ngạo mạn của ông ta – cho việc ông ta dám nghĩ rằng em thích ông ta. Không điều gì thú vị đối với em hơn là mở mắt cho ông ta.”

“Vậy thì cô nên làm điều đó càng sớm càng tốt.”

“Không. Em nói cho cô biết, em thích đùa giỡn ông ta hơn. Và lại, ông ta không thực sự nghĩ em thích ông ta đâu. Em quan tâm đến điều đó. Cô không biết em có thể điều khiển chuyện này một cách tài tình như thế nào đâu. Ông ta tưởng bở khi nghĩ mình có thể quyến rũ em, và vì điều đó em sẽ trừng phạt ông ta thật đích đáng.”

“Vậy thì cô hãy làm điều đó càng sớm càng tốt.” Tôi nói.

Nhưng tất cả những lời thúc giục của tôi đều vô ích. Chúng chỉ làm cho cô quan tâm hơn đến việc che đậy những ý muốn và ý nghĩ của mình không cho tôi biết mà thôi. Cô không kể với tôi về ông mục sư nữa, nhưng tôi có thể thấy rằng, đầu óc cô, chứ không phải trái tim cô, vẫn nghĩ về ông ta, và rằng cô muốn gặp ông ta, bởi vì dù theo yêu cầu của mẹ cô, tôi đi cùng cô trong những cuộc dạo chơi, cô vẫn khẳng khẳng đòi đi lang thang trên cánh đồng và những con đường mòn gần đường cái quan nhất, và dù nói chuyện với tôi hay đọc cuốn sách cô cầm trên tay, chốc chốc cô vẫn dừng lại đưa mắt nhìn quanh, ngóng về phía đường cái quan xem có ai đang tới không. Và nếu có một người cưỡi ngựa đi tới, thì qua sự miệt thị lộ liễu của cô nhằm vào người đó, dù anh ta là ai, tôi có thể nói rằng cô ghét anh ta bởi vì đó không phải là Hatfield.

“Chắc chắn”, tôi nghĩ, “cô Murray không dừng dừng với ông ấy như chính cô hay người khác nghĩ đâu, và sự lo lắng của mẹ cô không phải là vô lý như cô khẳng định”.

Ba ngày trôi qua, và vị mục sư không xuất hiện. Buổi trưa ngày thứ tư, khi chúng tôi đang đi dạo trên cánh đồng bên hàng rào của vườn cảnh, mỗi người cầm một cuốn sách (bởi vì tôi luôn mang theo sách để đọc khi cô không cần tôi trò chuyện với cô), cô bỗng kêu lên, làm gián đoạn việc đọc của tôi.

“Ôi, cô Grey! Làm ơn đến thăm Mark Wood đi, và mang cho vợ ông ấy nửa đồng curon hộ em – đáng lẽ em phải đem tiền cho bà ấy từ tuần trước nhưng em quên búng mất. Tiền đây!” Cô nói, ném ví của mình cho tôi và nói nhanh – “Đừng ngại, cứ cầm ví đi. Đáng lẽ em sẽ đi với cô, nhưng em muốn đọc xong tập sách này. Khi nào đọc xong em sẽ đến gặp cô. Đi mau đi – à, đợi đã. Cô ở lại một lúc đọc sách cho ông ấy nghe, được không? Vậy hãy chạy về nhà lấy một cuốn sách hay đi. Như vậy sẽ tốt đấy.”

Tôi thích làm việc đó, nhưng kiểu giục giã và sự đường đột trong cách cô yêu cầu khiến tôi nghi ngờ. Trước khi bước ra khỏi cánh đồng, tôi ngoái lại nhìn và thấy Hatfield đang đi vào cổng vườn cảnh. Bằng cách sai tôi về nhà lấy sách, tiểu thư Murray đã ngăn tôi chạm trán ông ta trên đường cái.

“Đừng bận tâm!” Tôi nghĩ, “chẳng có điều tai hại nào xảy ra đâu. Ông Mark tội nghiệp sẽ vui vì nhận được nửa curon, và được nghe đọc sách, còn nếu ông mục sư không chiếm được trái tim của cô Rosalie thì điều đó cũng làm cho sự kiêu hãnh trong cô ấy giảm đi chút ít. Nếu rút cục họ cưới nhau thì điều đó sẽ cứu tiểu thư khỏi số phận tồi tệ hơn, và họ sẽ là bạn đời đủ tốt của nhau.”

Mark Wood là người nông dân bị mắc bệnh lao phổi mà tôi đã nhắc tới ở chương trước. Ông đang yếu đi rất nhanh. Cô Murray, bằng sự hào phóng của mình, đã mang lại niềm vui cho ông đúng lúc niềm vui trong ông đang héo tàn bởi vì mặc dù nửa curon có thể không có ích cho ông lắm, ông rất vui khi nhận nó vì vợ và các con ông, những người chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành mẹ góa con côi. Sau khi ngồi ở nhà ông một lúc, đọc sách để an ủi ông và người vợ đang buồn rầu lo lắng của ông, tôi rời khỏi nhà họ, nhưng mới đi chưa được năm mươi bước, tôi tình cờ gặp Weston dường như cũng đang trên đường đến đó. Anh chào tôi bằng giọng điềm tĩnh, nghiêm nghị như mọi khi, dừng lại hỏi thăm về người ốm và gia đình ông, và bằng một cử chỉ tự nhiên, không câu nệ, anh cầm lấy cuốn sách mà tôi đang đọc, lật trang và

bình luận vài lời ngắn gọn nhưng rất hữu lý, rồi trả nó cho tôi. Sau đó anh kể cho tôi nghe một chút về một người ốm mà anh vừa mới ghé thăm, nói về bà Nancy Brown, nhận xét về người bạn chó sục của tôi khi chú nhảy cồm quanh chân anh, và cuối cùng nói về thời tiết dễ chịu của ngày hôm đó, rồi bước đi.

Tôi không nhắc lại chi tiết những gì anh nói, bởi vì nó không thú vị đối với độc giả như đối với tôi, chứ không phải bởi vì tôi quên. Không, tôi nhớ như in những lời đó, bởi vì tôi cứ suy ngẫm về chúng trong suốt ngày hôm ấy và nhiều ngày sau đó không biết bao lần, và hồi tưởng lại giọng nói trầm sâu, rõ ràng, và cái nhìn từ đôi mắt nâu, lạnh lợi cùng nụ cười ngời lên niềm vui nhưng quá ngắn ngủi. Tôi sợ rằng sự thú nhận này có vẻ rất ngớ ngẩn, nhưng không hề gì. Tôi đã viết nó ra, và người đọc đâu có quen biết người viết mà lo.

Trong khi tôi bước đi trong niềm hạnh phúc và tràn ngập hứng khởi với vạn vật xung quanh mình, cô Murray vội vã đến gặp tôi. Bước chân linh hoạt, đôi gò má ửng hồng và nụ cười rạng rỡ cho thấy cô cũng đang hạnh phúc. Chạy ào đến chỗ tôi, cô khoác vai tôi, và không kịp thở, cô bắt đầu nói: “Cô Grey, cô là người rất vinh dự đây nhé, bởi vì em đến để kể chuyện này với cô trước khi em nói hở ra một lời nào với bất cứ ai khác.”

“Chuyện gì thế?”

“Một tin quan trọng! Trước hết cô cần biết rằng ngay sau khi cô đi khỏi, ông Hatfield đã đến gặp em. Em sợ cha mẹ sẽ nhìn thấy ông ta, nhưng cô biết em không thể gọi cô quay lại được! – Ôi, em không thể kể với cô toàn bộ cuộc gặp gỡ đó ngay bây giờ, bởi vì em thấy Matilda ở trong vườn cảnh và em phải đi kể với nó đây. Nhưng, Hatfield lần này táo tợn một cách khác thường, đáng khen hết mức và dịu dàng chưa từng thấy – hoặc chí ít đã cố gắng trở nên như vậy – ông ta không thành công lắm đâu, bởi vì đó không phải là bản chất của ông ta. Em sẽ kể với cô tất cả sau nhé.”

“Nhưng cô đã nói gì – tôi quan tâm đến điều đó hơn, cô biết chứ?”

“Em sẽ kể với cô sau. May mà lúc đó tâm trạng em rất vui vẻ, nhưng dù em có đủ dễ thương và dễ tính em cũng chú ý để không tự làm hại mình bằng bất cứ cách nào. Nhưng, gã khôn kiêu ngạo đó hiểu sự dễ thương của em theo cách riêng của gã và dám lợi dụng sự mềm lòng của em – cô đoán được không? Ông đã ngỏ lời với em!”

“Và cô –”

“Em đứng thẳng người một cách kiêu hãnh, với sự lạnh lùng hết mức, thể hiện sự kinh ngạc trước điều đang xảy ra, và hy vọng ông ta không tìm được gì trong thái độ của em để biện hộ cho những hy vọng của ông ta. Cô phải nhìn thấy sự thất vọng của ông ta cô mới hiểu cơ! Mặt ông ta trắng bệch. Em khẳng định với ông ta rằng em quý trọng ông ta và chỉ vậy thôi, nhưng không thể nhận lời yêu ông ta được, và nếu em làm thế cha mẹ em, sẽ không bằng lòng.”

“Nhưng nếu họ bằng lòng, ông ta nói, thì em cũng ưng thuận chứ?”

“Dĩ nhiên là không, ông Hatfield, em đáp, bằng sự quả quyết, dập tắt mọi hy vọng của ông ta ngay tức thì. Nếu cô nhìn thấy ông ta lúc đó, cô sẽ thấy ông ta hổ thẹn đến mức nào – ông ta thất vọng tràn trề! Quả thật, em gần như thấy thương hại ông ta.”

“Tuy nhiên ông ta vẫn cố gắng một lần nữa trong tuyệt vọng. Sau khi im lặng một lát, sau khi ông ta cố lấy lại tinh thần, còn em lấy lại vẻ nghiêm trang – bởi vì khi ông ta ngỏ lời em chỉ muốn cười thật to – ông ta nở nụ cười ma mị và nói: Nhưng hãy nói thật lòng cho tôi biết, nếu tôi giàu có như ngài Hugh Meltham, hoặc có triển vọng như con trai cả của ông ta, thì cô có từ chối tôi không, cô Murray? Hãy lấy danh dự của mình mà nói thật cho tôi biết đi.”

“Dĩ nhiên, em nói, điều đó chẳng thay đổi được gì.”

“Đó là lời nói dối, nhưng ông ta trông vẫn đầy tự tin vào sự hấp dẫn của mình, đến mức em quyết định không để ông ta hy vọng. Ông

ta nhìn thẳng vào em, nhưng em giữ bình tĩnh đến nỗi khiến ông ta nghĩ em nói thật.”

“Vây là mọi chuyện đã kết thúc, tôi nghĩ vậy, ông ta nói, trông như thể chết đứng tại chỗ vì tự ái và thất vọng tột cùng. Nhưng ông ta thất vọng bao nhiêu thì cũng tức giận bấy nhiêu. Ông ta đứng đó chịu đựng, không nói được gì, còn em đứng đó thầm thương hại ông ta, nhưng lại tỏ ra bình tĩnh lạnh lùng và kiêu hãnh đến mức ông ta không thể không phát điên lên, và bằng giọng cay đắng ông ta nói: Tôi thật không ngờ, cô Murray ạ. Tôi có thể nói điều gì đó về thái độ của cô trước đây, và hy vọng cô khuyến khích tôi, nhưng tôi sẽ kiên nhẫn chờ, trong trường hợp –”

“Không có trường hợp nào đâu, ông Hatfield ạ! Em nói, và bây giờ em vẫn còn tức lộn ruột trước sự xấu láo của ông ta.”

“Vây thì làm ơn cho tôi một ân huệ, ông ta đáp, hạ thấp giọng và nói với vẻ khiêm nhường: Xin cô đừng nói cho ai biết chuyện này. Nếu cô giữ im lặng, thì sẽ chẳng có sự khó chịu nào đối với cả hai bên – chẳng có gì, ý tôi muốn nói là, ngoài những gì không thể tránh khỏi bởi vì những tình cảm riêng tư, tôi sẽ cố gắng giữ trong lòng, nếu tôi không thể xóa bỏ chúng – nếu tôi không thể quên nguyên nhân gây ra sự đau khổ này, thì tôi sẽ cố gắng tha thứ. Cô Murray, tôi không nghĩ cô hiểu mình đã làm tôi bị tổn thương sâu sắc đến mức nào. Cô không ý thức được điều đó đâu, nhưng nếu, ngoài sự tổn thương mà cô đã gây ra cho tôi – tôi xin lỗi, dù vô tình hay không, cô cũng đã gây ra sự tổn thương đó rồi – và nếu cô đem chuyện không may này nói với mọi người hoặc nhắc tới nó, thì cô sẽ thấy rằng tôi cũng có thể lên tiếng, và dù cô khinh rẻ tình yêu của tôi, cô không thể dẫm đạp lên –”

“Ông ta ngừng lời, cắn đôi môi nhợt nhạt của mình, trông dữ tợn khiến em phát sợ. Tuy nhiên, lòng kiêu hãnh của em đã giúp em giữ bình tĩnh, và em trả lời một cách khinh bỉ: Tôi không biết vì có gì mà ông cho rằng tôi có thể đem chuyện này kể với bất cứ ai, ông Hatfield, nhưng nếu tôi quyết định làm như vậy thì ông sẽ không thể ngăn cản

tôi bằng những lời đe dọa đầu, và đó chẳng giống cách cư xử của một quý ông chút nào.”

“Xin lỗi, tiểu thư Murray, ông ta nói, tôi yêu em mãnh liệt – tôi vẫn ngưỡng mộ em sâu sắc đến mức tôi không muốn xúc phạm em, nhưng dù tôi chưa từng yêu, và chưa bao giờ có thể yêu một người phụ nữ nào như tôi đã yêu em, thì có một điều chắc chắn rằng tôi chưa bao giờ bị ai đối xử tệ như thế. Ngược lại, từ trước tới nay, tôi luôn nhận được lòng tốt và sự dịu dàng tột bậc cũng như sự nhiệt tình mà Chúa ban cho phụ nữ. (Cô nghĩ xem, kẻ kiêu căng ấy đã thốt ra những lời đó!) Và sự bàng hoàng, tàn nhẫn từ bài học mà hôm nay cô đã dạy tôi, cùng nỗi cay đắng của sự thất vọng ở nơi duy nhất mà hạnh phúc của cuộc đời tôi phụ thuộc vào, có thể lý giải cho bất cứ sự nảy sinh nào của tính cộc cằn và khắc nghiệt. Nếu sự hiện diện của tôi không hợp với cô, cô Murray ạ, ông ta nói (bởi vì em đang nhìn đi chỗ khác để ông ta biết em không quan tâm đến ông ta lắm, vậy nên ông ta nghĩ em phát chán với ông ta) – nếu sự có mặt của tôi gây khó chịu cho cô, cô Murray ạ, thì cô chỉ cần hứa với tôi điều tôi đã yêu cầu, và tôi sẽ rời khỏi đây ngay lập tức để cô được thoải mái. Có nhiều tiểu thư – một số người ở ngay trong giáo xứ này – sẽ vui mừng nhận những gì mà cô vừa mới dẫm đạp lên một cách khinh miệt. Họ sẽ đâm ra ghét cái người có vẻ đẹp yêu kiều vượt trội đã khiến trái tim tôi rời xa họ, khiến cho tôi không thấy được sự hấp dẫn của họ, và chỉ cần tôi nói ra một chút sự thật với một người trong số họ thì điều đó cũng đủ làm dấy lên những lời chỉ trích, chê bai không có lợi cho cô, làm tổn hại nghiêm trọng đến triển vọng kết hôn của cô, và khiến cô mất cơ hội thành công với bất cứ quý ông nào khác mà cô và mẹ của cô định giảng dạy.”

“Ông nói như vậy là có ý gì? Em hỏi, sắp sửa giậm chân vì tức giận.”

“Tôi muốn nói rằng chuyện này từ đầu đến cuối đối với tôi giống như một chuyện yêu đương nhăng nhít, đây là tôi đã nói giảm đi đây –

một chuyện sẽ khiến cô thấy khá phiền phức nếu để thiên hạ đàm tiếu, đặc biệt với sự thêm mắm thêm muối của những người phụ nữ vốn không ưa cô, những người quá vui mừng khi có cơ hội đem nó đi rêu rao, nếu như tôi cho họ cơ hội sử dụng nó. Nhưng tôi hứa với cô, với đức tin của một người đàn ông, rằng tôi sẽ không nói hớ ra một lời nào bất lợi cho cô, miễn là cô –”

“Được, được, tôi sẽ không nhắc đến nó, em nói. Ông có thể tin vào sự im lặng của tôi, nếu điều đó có thể khiến ông được an ủi.”

“Cô hứa nhé?”

“Được, em trả lời, bởi vì em chỉ muốn ông ta biến khỏi đó.”

“Tạm biệt! Ông ta nói bằng giọng đau khổ, và với vẻ thiếu não khi mà sự kiêu hãnh cố đấu tranh để chiến thắng nỗi thất vọng nhưng bất thành, ông ta quay gót bước đi, chắc chắn là muốn về nhà để có thể đóng cửa ở trong phòng mà khóc – nếu như ông ta không bật khóc trước khi về đến nhà.”

“Nhưng cô không giữ lời hứa”, tôi nói, thực sự ghê sợ trước sự xảo trá của cô.

“Ôi dào! Em chỉ nói với cô, chứ có nói với ai đâu. Em biết cô sẽ không để lộ chuyện đâu.”

“Tất nhiên, tôi sẽ không kể với ai, nhưng cô nói cô sẽ đi nói chuyện với em gái cô, và cô ấy sẽ kể cho các em trai cô và kể cho Brown nghe ngay lập tức, nếu như cô không tự kể, và Brown sẽ đem chuyện đi kể khắp vùng này.”

“Không, chị ta sẽ không làm thế đâu. Chúng ta sẽ không kể cho chị ta biết, trừ khi chị ta hứa không kể với bất cứ ai.”

“Nhưng làm sao cô mong chị ta biết giữ lời hứa hơn cô chủ của mình chứ?”

“VẬY thì chúng ta sẽ không để cho chị ta biết chuyện này”, tiểu thư Murray nói bằng giọng cáu bẳn.

“Nhưng cô sẽ nói cho mẹ cô biết, dĩ nhiên rồi”, tôi nói tiếp. “Và bà sẽ kể cho cha cô nghe.”

“Tất nhiên em sẽ kể cho mẹ biết – đó là điều thú vị đối với em. Giờ đây em có thể cho mẹ thấy mẹ đã nhầm khi lo lắng về em.”

“Ôi, thật vậy ư? Tôi ngạc nhiên không biết điều gì khiến cô vui thế.”

“Đúng vậy, em vui đấy vì em đã làm cho ông Hatfield trở nên khiêm nhường một cách ngoạn mục, và một điều nữa – tại sao, cô phải cho phép em chia sẻ niềm kiêu hãnh của phụ nữ chứ. Em không giả vờ rằng mình không có thuộc tính của phụ nữ – và nếu lúc đó cô thấy sự hăm dọa tốt độ của ông Hatfield tội nghiệp khi ông ta thốt ra lời thô lỗ nồng nàn và lời ngỏ đầy xu nịnh ấy, cũng như biết về nỗi đau khổ mà không sự kiêu hãnh nào có thể xóa bỏ được của ông ta thì cô sẽ cho phép em có lý do để vui.”

“Tôi nghĩ ông ấy càng đau khổ thì cô càng có ít lý do để vui.”

“Vớ vẩn!” Tiểu thư Murray kêu lên, lắc đầu vẻ tức tối. “Cô không thể hiểu em, hoặc cô sẽ không hiểu em. Nếu em không có lòng tin vào sự cao thượng của cô, thì em đã nghĩ cô đổ kị với em. Nhưng có lẽ rồi cô sẽ hiểu lý do của sự hài lòng này – nó quan trọng như bất cứ điều gì – em hài lòng với bản thân mình vì sự khôn ngoan, tự chủ, và cứng rắn của em. Em không ngạc nhiên chút nào, không bối rối, không hề lúng túng, và không hề ngốc nghếch. Em chỉ hành động và nói những gì em phải nói và làm, và hoàn toàn làm chủ bản thân. Đó là một người đàn ông, ưa nhìn – Jane và Susan Green gọi ông ta là người đàn ông đẹp trai đầy hấp dẫn và em nghĩ họ là hai trong số các tiểu thư mà ông ta cao ngạo nói rằng sẽ vui mừng nếu có được ông ta. Tuy nhiên, ông ta rõ ràng rất thông minh, hóm hỉnh, và rất thích hợp để bầu bạn – không phải là sự thông minh mà cô vẫn nói đến đâu, mà chỉ là sự thông minh đủ để khiến ông ta trở nên thú vị thôi, và là một người đàn ông không cần phải hổ thẹn ở bất cứ đâu, và sẽ không dễ làm người khác phát chán. Thật lòng mà nói em thích ông ta – thích

hơn Harry Meltham – còn ông ta dĩ nhiên coi em là thần tượng. Mặc dù ông ta đến gặp em khi em chỉ có một mình và không được chuẩn bị, em có đủ khôn ngoan, kiêu hãnh và sức mạnh để từ chối ông ta – và em đã làm thế một cách kiêu hãnh và bình tĩnh. Em có lý do để tự hào về điều đó.”

“Cô cũng tự hào như vậy khi nói với ông ấy rằng nếu ông ấy giàu có như ngài Hugh Meltham thì điều đó cũng chẳng khiến cô thay đổi quyết định và khi cô hứa không nói cho ai biết về nỗi bất hạnh của ông ấy, mà dường như không hề có ý định sẽ giữ lời hứa chứ?”

“Tất nhiên! Em còn có thể làm gì khác chứ? Nếu em giữ lời hứa thì cô đã chẳng được nghe em kể – nhưng cô Grey ạ, em thấy rằng cô không được bình tĩnh cho lắm. Matilda đây rồi. Em sẽ xem mẹ và em gái em nói gì về chuyện đó.”

Cô bỏ mặc tôi ở đó trong cảm giác bị xúc phạm vì thiếu sự cảm thông và vì cô nghĩ tôi đổ kỵ với cô. Tôi không hề đổ kỵ với cô – không một chút nào, tôi tin chắc như vậy. Tôi chỉ cảm thấy tiếc cho cô. Tôi sững sốt, ghê tởm sự kiêu căng, lạnh lùng của cô. Tôi tự hỏi tại sao sắc đẹp lại được ban cho những người sử dụng nó theo cách tồi tệ như vậy, và từ chối một số người sẽ khiến nó trở nên có ích cho bản thân họ và cho người khác.

Nhưng, Chúa biết nhiều nhất, tôi kết luận. Tôi nghĩ trên đời này có một số người đàn ông vô dụng, ích kỷ và lạnh lùng như tiểu thư Murray, và có lẽ những người phụ nữ như cô có thể là sự trừng phạt đối với họ.

Chương XV

Cuộc đi bộ

“Ôi, em yêu! Chị ước gì Hatfield không *hấp tấp* như vậy!” Bốn giờ chiều ngày hôm sau, Rosalie buông ra lời bình luận cùng với một cái ngáp dài kiêu căng khi cô đặt đồ đan len của mình xuống và uể oải nhìn về phía cửa sổ. “Chẳng có gì thôi thúc để ra ngoài bây giờ, và chẳng có gì để mong đợi. Ngày sẽ thật dài và tẻ nhạt khi chẳng có buổi tiệc nào làm mọi người phấn chấn lên. Tuần này và tuần sau đều không có.”

“Thật tiếc rằng chị đã từ chối ông ta”, Matilda nói. “Ông ta sẽ không bao giờ đến nữa đâu, và em ngờ rằng chị thích ông ta. Em cứ hy vọng chị đẹp thì chị chiếm ông ta, và để anh chàng Harry đáng yêu lại cho em.”

“Hừm! Sắc đẹp của chị là sắc đẹp của Thần Vệ Nữ, Matilda ạ, ai thấy cũng ngưỡng mộ, nếu như chị buộc phải bằng lòng với chỉ riêng ông ta. Chị phải thú thật rằng chị tiếc vì để mất Hatfield, nhưng người đàn ông xứng đáng đầu tiên, hoặc nhiều người đàn ông xứng đáng khác, sẽ đến thế chỗ ông ta. Mai là Chủ nhật – chị không biết mai Hatfield trông như thế nào, liệu ông ta có thể chủ trì buổi lễ nhà thờ được hay không. Nhiều khả năng ông ta sẽ giả vờ bị cảm lạnh và để Weston làm thay.”

“Không đâu!” Matilda kêu lên bằng giọng khinh khinh. “Dù có ngốc ông ta cũng không ủy mị đến mức ấy đâu.”

Chị gái cô hơi phật ý, nhưng thực tế chứng minh Matilda đúng. Người đàn ông thất tình vẫn điều hành giáo đoàn như bình thường. Thực ra, Rosalie khẳng định rằng ông ta trông nhợt nhạt và chán nản. Có lẽ thần sắc của ông ta không được tốt, nhưng không đến mức dễ nhận thấy. Tôi không nghe thấy tiếng cười của ông ta vọng ra từ

phòng lễ phục như mọi khi, cũng không nghe thấy giọng nói oang oang đầy hứng khởi của ông ta, mặc dù tôi nghe thấy ông ta cao giọng với người kéo chuông theo cái cách khiến cả giáo đoàn tròn mắt ngạc nhiên, và trong các lần di chuyển từ bục giảng Kinh đến bàn tiệc thánh, ông trông có vẻ trang nghiêm hơn, ít tự tin hoặc bớt hống hách một cách đầy tự mãn như thường thấy – cái cung cách dường như muốn nói, “Tất cả các người đều tôn kính và ngưỡng mộ tôi, tôi biết, nhưng nếu bất cứ ai không tôn kính và ngưỡng mộ tôi, thì tôi coi thường người đó!” Nhưng sự thay đổi đáng chú ý nhất là, ánh mắt của ông ta không một lần hướng về phía dãy ghế có cô Murray, và ông ta không ra khỏi nhà thờ cho tới khi chúng tôi đã rời khỏi đó.

Rõ ràng ông Hatfield đã phải nhận một đòn rất mạnh, nhưng niềm kiêu hãnh của ông đã buộc ông phải huy động toàn bộ nỗ lực để che đậy những ảnh hưởng của nó. Ông đã thất vọng trong niềm hy vọng có được một người vợ không chỉ xinh đẹp và quyến rũ mà còn thuộc một gia đình quyền quý, giàu có. Rõ ràng ông cũng cực kỳ xấu hổ vì bị từ chối, và cảm thấy bị xúc phạm bởi thái độ của tiểu thư Murray. Điều đó đã khiến ông không có được chút an ủi nào để biết cô thất vọng ra sao khi thấy ông có vẻ bị ảnh hưởng rất ít và vẫn có thể kiềm chế không một lần liếc nhìn về phía cô trong cả hai buổi lễ, mặc dù cô khẳng định rằng điều đó cho thấy ông lúc nào cũng nghĩ về cô. Nhưng nếu đôi mắt ông Hatfield tình cờ hướng về phía cô, thì cô quả quyết rằng đó là bởi chúng không thể cưỡng nổi trước sự hấp dẫn. Có lẽ, ở một mức độ nào đó, ông sẽ thích thú nếu ông thấy sự ủ rũ và thất vọng của cô trong suốt tuần ấy vì thiếu nguồn hứng khởi, và biết cô thường xuyên nuối tiếc như thế nào vì đã “kết thúc với ông quá sớm” như một đứa trẻ sau khi đã ăn ngẫu nhiên chiếc bánh ngọt của mình, giờ ngồi đó mút ngón tay, và than thở một cách vô vọng vì thèm thuồng.

Cuối cùng vào một buổi sáng đẹp trời tôi được gọi để đi cùng cô vào làng. Có vẻ cô muốn kiểm vài tấm màn che cửa sổ bằng len

Berlin ở một cửa hàng khá danh tiếng chủ yếu phục vụ các tiểu thư ở các vùng lân cận. Thực ra, tôi tin rằng không có sự vi phạm lòng nhân từ trong việc nghĩ rằng cô đi tới đó với ý tưởng gặp ông mục sư hoặc người nào khác ngưỡng mộ cô bởi vì trên đường đi cô liên tục hỏi “ông Hatfield sẽ làm gì hoặc nói gì, nếu chúng ta gặp ông ấy”, v.v và v.v... Khi chúng tôi đi qua cổng khu vườn cảnh của ông Green, cô nói “không biết liệu ông ấy có nhà không – kẻ đàn độn ngu ngốc ấy” và khi xe ngựa của tiểu thư Maltham đi vượt qua chúng tôi, cô bắn khoăn “không biết ông Harry đang làm gì vào cái ngày đẹp trời này” và bắt đầu buông lời chê bai, xúc phạm anh trai của ông ta vì “ngốc đến nỗi đâm đầu vào cưới vợ và chuyển đến sống ở Luân Đôn”.

“Tại sao”, tôi hỏi, “tôi nghĩ cô cũng muốn đến sống ở Luân Đôn đấy thôi?”

“Đúng, bởi vì ở đây chán ngắt. Nhưng ông ta đi như vậy càng khiến ông ta ngu dốt hơn, và nếu ông ta không kết hôn thì em có thể chấp nhận ông ta thay vì chấp nhận ngài Thomas đáng tởm.”

Sau đó, nhìn thấy dấu chân ngựa trên con đường lầy lội, cô tự hỏi không biết liệu đó có phải là ngựa của một quý ông hay không và cuối cùng kết luận chắc chắn là vậy, bởi vì dấu chân ngựa đó quá nhỏ, không thể là dấu chân của ngựa kéo xe được, và sau đó cô bắn khoăn “không biết người cưới ngựa là ai”, và liệu “chúng ta có gặp ông ta khi ông ta quay về không”, bởi vì cô chắc chắn rằng quý ông đó chỉ vừa mới đi qua khi chúng tôi vào làng. Chỉ nhìn thấy vài người lao động đang đi lại, cô thắc mắc “tại sao những người ngu ngốc đó không thể ở yên trong nhà?”. Cô quả quyết mình không muốn nhìn thấy khuôn mặt xấu xí và những bộ quần áo tồi tàn của họ – đó không phải là những gì khiến cô cất công đến Horton!

Trong lúc đó, thú thật, tôi cũng thầm tự hỏi liệu chúng tôi có gặp hoặc thấy bóng của người ấy không, và khi chúng tôi đi ngang qua nơi tạm trú của anh, tôi thậm chí tự hỏi liệu anh có đang tình cờ ở bên cửa sổ không. Cô Murray đi vào cửa hàng, muốn tôi đứng ở cửa trong khi

cô mua hàng, để nói cho cô biết nếu có ai đi qua. Nhưng lạ Chúa! Chẳng có ai ngoài những người nông dân, và hai tiểu thư Jane và Susan Green đang đi trên con đường độc đạo, có vẻ như đang trở về nhà sau một cuộc đi dạo.

“Những thứ vớ vẩn!” Cô lòu bầu khi bước ra khỏi cửa hàng sau cuộc mặc cả. “Tại sao hai người kia không đi cùng với ông anh trai đàn độn của họ nhỉ? Một kẻ đàn độn còn hơn chẳng có ai.”

Tuy nhiên cô vẫn chào họ với nụ cười vui vẻ, và tỏ ra vui mừng được gặp họ. Hai tiểu thư nhà Green, mỗi người đi sát một bên cô, và cả ba vừa bước đi, vừa tán gẫu, cười vui vẻ. Tôi cảm thấy mình là người thừa, bèn đi tụt lại phía sau để bọn họ trò chuyện với nhau như mọi lần. Tôi chẳng thích thú gì khi đi bên cạnh các tiểu thư nhà Green như một người câm điếc, không thể nói và cũng chẳng được ai trò chuyện với mình.

Nhưng lần này tôi không cô đơn lâu. Tôi cảm thấy rất lạ là khi tôi đang nghĩ về Weston thì anh xuất hiện, và đi tới bắt chuyện với tôi. Nhưng về sau, nhớ lại chuyện đó, tôi nghĩ chẳng có gì lạ, trừ việc anh nói chuyện với tôi bởi vì vào một buổi sáng như thế rất gần chỗ anh ở, anh xuất hiện cũng là điều tự nhiên, còn tôi thì vẫn nghĩ về anh kể từ khi chúng tôi bắt đầu cuộc đi bộ này.

“Cô Grey, cô lại đi một mình nữa rồi”, anh nói.

“Vâng.”

“Các tiểu thư đó là người như thế nào – các tiểu thư nhà Green ấy?”

“Tôi thực sự không biết.”

“Thật lạ – khi mà cô sống rất gần nhà họ và thường xuyên gặp họ!”

“Tôi cho rằng họ là những cô gái tốt bụng, vui vẻ, nhưng tôi tưởng ông phải biết họ rõ hơn tôi chứ, bởi vì tôi chưa bao giờ nói chuyện với họ.”

“Thật ư? Họ không cho tôi ấn tượng họ là những người thật khó gần đâu.”

“Có thể họ không như vậy với những người thuộc tầng lớp của họ, nhưng họ coi mình là những người thuộc về một thế giới khác so với tôi!”

Weston không bình luận gì, nhưng sau khi im lặng một lát, anh nói: “Có phải vì những chuyện này mà cô nghĩ mình không thể sống mà không có gia đình chẳng?”

“Không hẳn. Thực tế là tôi có thể sống một cách khá hài lòng mà không có người thân ở bên cạnh, và bởi vì những người thân duy nhất tôi có, và có thể có, đều ở quê nhà, cách xa tôi, nếu – họ không còn nữa – thì tôi sẽ không nói tôi không thể sống nổi – nhưng tôi không muốn sống trong một thế giới lạnh lẽo như thế này.”

“Nhưng tại sao cô lại nói những người thân duy nhất mà cô có thể có đều ở quê nhà? Cô khó gần đến mức không thể kết bạn ư?”

“Không, nhưng tôi chưa bao giờ kết bạn với ai ở đây, và ở vị trí hiện tại của mình, khả năng đó không xảy ra, thậm chí khả năng hình thành một mối quan hệ quen biết thông thường cũng không. Có lẽ một phần là lỗi ở tôi, nhưng tôi hy vọng không phải lỗi hoàn toàn ở tôi cả.”

“Lỗi một phần do xã hội, một phần vì những người xung quanh cô, và một phần ở bản thân cô, bởi vì nhiều cô gái ở vị trí của cô sẽ làm cho bản thân mình được chú ý và được tính đến. Nhưng các học trò của cô nên là bầu bạn của cô ở một mức độ nào đó mới phải. Họ không ít tuổi hơn cô nhiều đâu.”

“Ồ, vâng, đôi khi ở bên họ cũng tốt đấy, nhưng tôi không thể gọi họ là bạn được, họ cũng không nghĩ và không gọi tôi là bạn đâu – họ có những người bạn thích hợp theo gu của họ.”

“Có lẽ đối với họ cô quá chín chắn. Cô làm cách nào để khỏi buồn khi ở một mình – cô thường đọc sách phải không?”

“Đọc sách là việc tôi ưa thích, khi tôi có thời gian rảnh rỗi và có sách để đọc.”

Từ việc đề cập đến sách nói chung, anh chuyển sang nói tới những cuốn sách cụ thể, rồi đến một số chủ đề khác, trò chuyện trong khoảng nửa tiếng đồng hồ mà không đưa ra nhiều ý kiến của cá nhân anh. Anh rõ ràng không có xu hướng thể hiện ý nghĩ và sở thích của riêng mình mà chỉ muốn khám phá những điều đó ở tôi. Anh không có sự khéo léo hay nghệ thuật trong việc khai thác suy nghĩ hoặc ý kiến của tôi thông qua những tuyên bố của cá nhân anh cũng như trong cách chuyển chủ đề, nhưng sự hòa nhã, sự thẳng thắn, chân thật của anh không gây cho tôi cảm giác khó chịu.

“Tại sao anh lại quan tâm đến các khả năng trí tuệ và đạo đức của tôi. Tôi nghĩ hoặc cảm thấy như thế nào có quan trọng với anh không?” Tôi tự hỏi. Và trái tim tôi đập rộn khi tự trả lời câu hỏi đó.

Nhưng Jane và Susan Green sắp về tới nhà họ. Khi họ đứng ở cổng của khu vườn cảnh, cố thuyết phục tiểu thư Murray vào nhà họ chơi, tôi ước gì Weston đi khuất, bởi tôi sợ tiểu thư Murray có thể sẽ nhìn thấy anh khi cô quay đầu lại, nhưng thật không may, việc của anh, việc đi thăm ông Mark Wood tội nghiệp đã khiến anh đi cùng đường với chúng tôi cho đến gần hết cuộc hành trình. Tuy nhiên, khi anh thấy Rosalie chia tay các bạn của cô và tôi sắp sửa đến chỗ cô, anh vội bước lên phía trước. Khi anh nhắc mũ lên chào cô một cách lịch sự, tôi thật ngạc nhiên khi thấy, thay vì đáp lại bằng động tác cúi chào cứng nhắc, cô dành cho anh nụ cười dễ thương nhất và bước đi bên cạnh anh, bắt đầu nói chuyện với anh một cách vui vẻ và niềm nở đến mức không thể tưởng tượng nổi, và cứ như vậy, ba chúng tôi cùng rảo bước.

Sau một khoảng im lặng ngắn ngủi của cuộc trò chuyện, Weston đưa ra một lời bình luận hướng đến tôi, khi anh nhắc đến những gì chúng tôi đã nói tới lúc trước, nhưng trước khi tôi có thể trả lời, cô Murray đáp lại lời bình luận đó và kéo anh trở lại cuộc trò chuyện với cô. Anh đáp lời và từ đó cho tới khi kết thúc cuộc chuyện trò, cô chiếm anh cho riêng mình. Có lẽ một phần vì sự ngốc nghếch của tôi,

vì tôi không khéo léo và không cương quyết. Tôi cảm thấy mình đã sai. Tôi run lên khi nhận thức được điều đó, và tôi nghe tiểu thư Murray trò chuyện một cách thoải mái, nhìn nụ cười rạng rỡ của cô khi cô nhìn anh hết lần này đến lần khác mà trong lòng không khỏi ghen tỵ bởi vì giờ đây cô đang bước lên phía trước một chút, với mục đích (theo tôi) để bản thân mình được ngắm nhìn, cũng như được lắng nghe. Nếu câu chuyện của cô nhẹ nhàng và tầm phào, thì dĩ nhiên nó tạo cảm giác vui vẻ và cô không để lỡ bất cứ điều gì, bất cứ từ thích hợp nào để diễn đạt nó. Giờ đây trong thái độ của cô không hề gợn chút xấu hổ và khiếm nhã như khi cô đi dạo với Hatfield, mà chỉ có sự hiền hòa, vui vẻ, mà tôi nghĩ chắc chắn gây thú vị đối với một người đàn ông như Weston.

Khi anh đi khỏi, cô bắt đầu cười phá lên, và lẩm bẩm một mình: “Mình đã nghĩ là mình làm được điều đó mà!”

“Điều gì cơ?” Tôi hỏi.

“Trùng phạ gã đàn ông đó.”

“Cô muốn nói gì cơ?”

“Em muốn nói rằng ông ta sẽ về nhà và mơ tưởng đến em. Em đã bắn xuyên tim ông ta rồi!”

“Làm sao cô biết chứ?”

“Qua nhiều bằng chứng không thể lầm lẫn được, đặc biệt là cái nhìn mà ông ta dành cho em khi tạm biệt. Đó không phải là một cái nhìn trơ trên đầu – em miễn cho ông ta điều đó – đó là một cái nhìn thể hiện sự ngưỡng mộ đầy dịu dàng và tôn kính. A ha! Ông ta không ngu ngốc như em đã nghĩ đâu.”

Tôi không đáp lại lời cô, bởi vì trái tim tôi lúc đó dường như đã nhảy bật lên họng, hoặc gần như thế và tôi không thể tin nổi mình đã thốt ra câu này: “Xin Chúa hãy ngăn chặn việc này!” Tôi thầm kêu lên – “vì anh ấy, chứ không phải vì con!”

Trong khi chúng tôi đi trong vườn cảnh, tiểu thư Murray đưa ra vài lời bình luận nhạt nhẽo mà tôi chỉ có thể trả lời một cách cụt ngủn

dù tôi ngại để lộ cảm xúc của mình. Cô định hành hạ tôi hay chỉ nói vui vậy thôi, tôi không biết – và không quan tâm nhiều. Nhưng tôi nghĩ đến Weston, một người hiền lành, tội nghiệp và ông mục sư giàu có với cả nghìn con chiên, và tôi e mình không biết liệu điều gì sẽ đến với anh, không tùy thuộc vào những hy vọng tươi sáng của tôi.

Tôi mừng vì chúng tôi đã về đến nhà, và tôi lại được ở một mình trong phòng riêng. Điều đầu tiên tôi muốn là ngồi như chìm trong chiếc ghế bên giường ngủ, và nằm ngả đầu trên gối, muốn tìm kiếm sự giải tỏa trong một trận khóc nức nở. Tôi muốn khóc vô cùng! Nhưng, chao ôi, tôi phải kiềm chế và nuốt những cảm xúc ấy vào trong. Có tiếng chuông – tiếng chuông đáng ghét báo rằng tôi phải đến phòng học để dùng bữa và tôi phải đi xuống đó với vẻ mặt bình thản, phải mỉm cười hoặc tươi cười và nói những lời ngớ ngẩn – vâng, và phải ăn, nếu có thể, cứ như thể mọi chuyện vẫn ổn, như thể tôi vừa mới trở về từ một cuộc dạo chơi thú vị.

Chương XVI

Sự thay thế

Sáng Chủ nhật sau đó là ngày u ám nhất của tháng Tư – một ngày trời đầy mây đen, và những cơn mưa nặng hạt. Không người nào trong gia đình Murray có ý định đi lễ nhà thờ vào buổi trưa, trừ Rosalie. Cô thích đi nhà thờ như thường lệ, vậy nên cô gọi xe ngựa, và tôi đi cùng cô, không hề miễn cưỡng, tất nhiên, bởi vì ở nhà thờ tôi có thể ngắm nhìn một khuôn mặt khiến tôi vui hơn cả khuôn mặt đẹp nhất Chúa đã tạo ra mà không sợ bị khinh miệt hoặc quở trách. Tôi có thể nghe một giọng nói hấp dẫn đối với đôi tai của tôi hơn cả loại âm nhạc ngọt ngào nhất mà không bị quấy rầy. Dường như tôi có thể đồng cảm với một tâm hồn mà tôi cảm thấy quan tâm sâu sắc và chia sẻ những ý nghĩ trong sáng nhất, những khát vọng thánh thiện nhất của nó mà không làm giảm đi niềm hạnh phúc lớn lao, ngoại trừ những lời trách thầm của lương tâm mình, lời trách rằng tôi đang lừa dối bản thân, chế nhạo Chúa bằng việc để trái tim nghiêng về một người hơn là về Đấng Sáng Tạo.

Đôi khi, những ý nghĩ như vậy cũng khiến tôi đủ khổ sở, nhưng đôi khi tôi có thể làm cho chúng lắng xuống với ý nghĩ rằng, không phải tôi yêu người đàn ông đó mà yêu thiện tâm của người đó. “Bất cứ điều gì trong sáng, bất cứ thứ gì đáng yêu, bất cứ điều gì chân thành và tích cực thì hãy cứ nghĩ đến.” Chúng ta tôn thờ Chúa trong những công việc của Ngài, và trong số những người tôi biết ở đây, không một ai thể hiện ánh sáng tinh thần của Ngài như anh, người đầy tớ trung thành của Ngài.

Tiểu thư Murray rời khỏi nhà thờ ngay sau khi buổi lễ kết thúc. Chúng tôi phải đứng ở cổng có mái che, bởi vì lúc đó trời đang mưa và xe ngựa chưa đến. Tôi ngạc nhiên khi cô vội vã bước ra cổng nhà

thờ bởi vì chẳng có tiểu thư Meltham hay tiểu thư Green ở đó, nhưng rồi tôi sớm phát hiện ra rằng cô vội vã ra đó như thế là để bắt chuyện với Weston khi anh từ trong nhà thờ đi ra. Thường thì chào hai chúng tôi xong anh bước tiếp, nhưng lần này cô đã ngăn anh lại, đầu tiên là bằng mấy lời bình luận về thời tiết khó chịu, sau đó là bằng việc hỏi anh có thể đến thăm đứa cháu gái của bà gác cổng vườn cảnh hay không, bởi vì bé gái đó đang bị sốt và muốn gặp anh. Anh hứa sẽ làm việc đó.

“VẬY MẤY GIỜ ÔNG CÓ THỂ TỚI, ÔNG WESTON? Bà ấy muốn biết chính xác khi nào ông tới để đón tiếp – ông biết đấy, những người nghèo phải lo dọn dẹp nhà cửa khi có những người lịch sự đến chơi.”

Đó là sự tính toán tuyệt vời của tiểu thư Murray nông nổi. Weston nói cho cô biết thời điểm mà anh sẽ cố gắng có mặt ở đó. Xe ngựa tới, và người hầu xuất hiện với một chiếc ô mở sẵn để đón tiểu thư Murray đi qua sân nhà thờ. Tôi sắp sửa rảo bước theo cô thì Weston cũng bật ô, mời tôi cùng che ô với anh đi ra xe bởi vì trời đang mưa nặng hạt.

“KHÔNG, CẢM ƠN ÔNG, TÔI KHÔNG NGẠI MƯA ĐẬU”, TÔI NÓI. Mỗi khi bị bất ngờ, trí khôn của tôi thường biến mất.

“TÔI NGHĨ CÔ KHÔNG THÍCH THẾ, ĐÚNG KHÔNG? – Một chiếc ô sẽ chẳng gây hại gì cho cô đâu”, anh nói và nở nụ cười cho thấy anh không hề phật ý, điều mà một người đàn ông nóng tính, thiếu sâu sắc thường thể hiện khi một lời đề nghị giúp đỡ như thế bị từ chối. Tôi không thể khước từ sự quyết đoán của anh, vì vậy tôi đi cùng anh ra xe ngựa. Anh thậm chí đưa tay cho tôi vịn để lên xe, một cử chỉ lịch thiệp không cần thiết nhưng tôi cũng chấp nhận nó, vì sợ anh phật ý. Anh liếc nhìn tôi, một nụ cười nở trên môi anh lúc chúng tôi chia tay – một nụ cười ngẩn ngui, nhưng tôi đã đọc, hoặc nghĩ là mình đã đọc được ý nghĩa của nụ cười khiến một ngọn lửa của niềm hy vọng chưa từng có bùng sáng trong trái tim tôi.

“Nếu cô đợi thêm một chút nữa em sẽ bảo người hầu quay lại đón cô, cô Grey ạ – cô không cần phải che ô của ông Weston đâu”, Rosalie nói trong khi vẻ khó chịu như một đám mây bao phủ khuôn mặt xinh xắn của cô.

“Tôi có thể ra xe mà không cần ô, nhưng ông Weston mời tôi sử dụng ô của ông ấy và tôi không thể từ chối mà không làm ông ấy phật ý”, tôi đáp, mỉm cười một cách điềm tĩnh bởi vì niềm hạnh phúc trong tim khiến tôi vui và những lời nói như vậy không thể làm tổn thương tôi.

Xe ngựa bắt đầu chuyển bánh. Cô Murray rướn người nhìn ra ngoài cửa sổ khi chúng tôi đi qua chỗ Weston. Anh đang rảo bước về nhà trên con đường đắp cao và không quay đầu lại.

“Đồ đần!” Tiểu thư Murray bực tức kêu lên, ngả người ra lưng ghế. “Ông không biết ông đã để lỡ điều gì khi không nhìn về hướng này đâu!”

“Ông ấy đã để lỡ điều gì cơ?”

“Động tác cúi chào của em, điều mà chắc chắn sẽ đưa ông ta lên tận mây xanh!”

Tôi không đáp. Tôi nhận thấy cô không được vui, còn tôi thì cảm thấy hài lòng không phải vì tiểu thư đang bực mình, mà vì cô cho rằng cô có lý do để bực mình. Điều đó khiến tôi nghĩ rằng niềm hy vọng của tôi không hoàn toàn chỉ là kết quả của sự tưởng tượng và niềm ao ước hão huyền của bản thân.

“Em muốn chấp nhận Weston thay vì Hatfield”, người bạn đồng hành của tôi nói sau khi im lặng một lát để tìm lại tâm trạng vui vẻ. “Tiệc khiêu vũ ở Ashby Park sẽ diễn ra vào thứ Ba, cô biết đấy, và mẹ nghĩ rằng có thể khi đó ngài Thomas sẽ ngỏ lời cầu hôn em. Những chuyện như thế thường được thực hiện một cách kín đáo ở trong phòng khiêu vũ, khi các quý ông dễ dính bẫy nhất, còn các tiểu thư thì trở nên quyến rũ nhất. Nhưng nếu chẳng bao lâu nữa em sẽ kết hôn thì em phải tận dụng tối đa khoảng thời gian hiện tại. Em dám chắc rằng

Hatfield không phải là người đàn ông duy nhất sẵn sàng đặt trái tim mình dưới chân em và cầu khẩn em chấp nhận món quà chẳng đáng gì trong tuyệt vọng.”

“Nếu cô muốn nói rằng ông Weston sẽ là nạn nhân tiếp theo của cô”, tôi nói bằng giọng không lộ vẻ quan tâm thái quá, “thì cô sẽ phải thương lượng với bản thân rằng cô sẽ thấy thật khó để rút lui khi ông ấy yêu cầu cô đáp ứng những kỳ vọng mà cô đã làm nảy sinh ở ông ấy.”

“Em không nghĩ ông ta sẽ cầu hôn em, và em cũng chẳng muốn điều đó. Cầu hôn em á! Như thế quá ngạo mạn! Nhưng em có ý định cho ông ta thấy sức mạnh của em. Thực ra Weston đã cảm nhận được sức mạnh của em rồi đấy, nhưng ông ta cũng sẽ thừa nhận nó, và nếu có những hy vọng hảo huyền thì ông ta cũng sẽ giữ cho riêng mình thôi, và kết quả của những hy vọng hảo huyền đó sẽ giúp em giải trí – trong một thời gian.”

“Ôi! Cầu mong sao một người tốt bụng sẽ chuyển những lời này đến tai anh ấy”, tôi thầm kêu lên trong lòng. Tôi phần nộ đến mức không thể mạo hiểm đáp lại lời bình luận của cô, và trong ngày hôm đó không ai nhắc đến Weston nữa. Nhưng hôm sau, ngay sau bữa sáng, cô Murray đến phòng học, nơi em gái cô đang phải học bài và nói: “Matilda, khoảng mười một giờ chị muốn em đi dạo cùng chị.”

“Em không thể, Rosalie! Em phải lo việc đặt bộ dây và yên cương mới và nói chuyện với người bắt chuột về mấy con chó của hã. Cô Grey phải đi với chị chứ.”

“Không, chị muốn em đi với chị”, Rosalie nói và gọi em gái mình đến bên cửa sổ thì thầm điều gì đó vào tai cô khiến cô em sau đó đồng ý.

Tôi nhớ rằng mười một giờ là giờ mà Weston nói sẽ đến nhà của bà gác cổng vườn cảnh, và tôi đã thấy được toàn bộ thủ đoạn của tiểu thư nhà Murray. Sau đó, vào bữa ăn chính, tôi được chiêu đãi cả một câu chuyện nhôi nhai xung quanh việc ông Weston đã bắt kịp họ như

thế nào khi họ đang đi dạo trên đường, họ đã có một cuộc đi dạo kéo dài và đã nói chuyện với ông ấy ra sao, họ thực sự đã thấy con người đó là một người bạn đường thích hợp như thế nào, ông ấy chắc hẳn đã vui trước sự có mặt của họ cũng như sự chiếu cố của họ, vân vân và vân vân.

Chương XVII

Sự thú nhận

Tôi phải thú nhận rằng chưa bao giờ tôi chú ý đến việc ăn mặc của mình như thời gian này. Không phải là tôi nói quá lên – bởi vì từ trước đến giờ tôi không quan tâm đến việc này lắm, nhưng bây giờ, với tôi việc dành hai phút để ngắm mình trong gương không phải là điều bất thường, mặc dù tôi chưa bao giờ tìm được sự an ủi từ một việc như thế. Tôi chẳng phát hiện ra vẻ đẹp nào từ những đường nét rõ rệt, trên đôi má trũng nhợt nhạt, và mái tóc nâu sẫm chẳng có gì nổi bật của mình. Có thể có sự thông minh toát lên từ vàng trán, sự biểu cảm trong đôi mắt màu ghi đậm, nhưng những điều đó có nghĩa gì chứ? – cặp lông mày thấp kiểu Hy Lạp, đôi mắt to đen láy không gợn chút ủy mị có lẽ sẽ được coi là dễ ưa hơn. Thật ngốc khi con người ta cứ ước ao mình có được sắc đẹp. Những người có suy nghĩ chẳng bao giờ khát khao sắc đẹp cho bản thân, và cũng chẳng quan tâm nhiều đến vẻ đẹp bề ngoài của người khác. Nếu trí tuệ của con người được không ngừng trau dồi, và trái tim luôn giàu lòng nhân ái, thì không ai quan tâm đến vẻ bề ngoài. Những người thấy trong thời thơ ấu của tôi đã nói như vậy, và giờ đây chúng tôi cũng nói với các học trò của mình như thế. Đó là sự khẳng định sáng suốt và đúng đắn, nhưng liệu chúng có được trải nghiệm thực tế chứng minh không?

Tất cả chúng ta về bản chất đều có khuynh hướng yêu những gì khiến chúng ta cảm thấy vui vẻ, dễ chịu. Còn gì khiến chúng ta dễ chịu hơn một khuôn mặt đẹp – khi chúng ta biết người sở hữu khuôn mặt đó vô hại? Một bé gái yêu chú chim cảnh của nó – tại sao? Bởi vì nó là vật sống và có tình cảm, bởi vì nó yếu ớt và vô hại ư? Một con cóc cũng là sinh vật sống và biết cảm nhận, và nó cũng yếu đuối, vô hại như thế nhưng dù không làm tổn thương một con cóc, đứa bé gái

vẫn không thể yêu nó như yêu chú chim có vẻ ngoài xinh xinh, có bộ lông mềm mượt, có đôi mắt sáng biết nói. Nếu một phụ nữ vừa có sắc đẹp vừa có lòng nhân hậu, thì cô được hầu hết mọi người ngợi khen bởi cả hai tố chất đó, đặc biệt về hình thức. Nếu, trái lại, nếu một người phụ nữ không đẹp người cũng chẳng đẹp nết, thì vẻ bề ngoài của cô thường bị chê bai chẳng khác gì tội lớn nhất bởi vì đối với hầu hết mọi người, nó khiến người ta khó chịu nhất. Trong khi đó, nếu cô ta không xinh đẹp nhưng tốt bụng, có cách sống kín đáo và đời sống ẩn dật, thì không ai biết được điểm tốt của cô ta, trừ những người trực tiếp giao thiệp với cô ta. Những người khác, trái lại, có thể có thành kiến về trí tuệ, tâm tính của cô ta, nếu những điều đó biện hộ cho bản thân họ về sự khó ưa của họ đối với cô ta, và ngược lại, với sắc đẹp như thiên thần che giấu một trái tim ác độc, hoặc sự quyến rũ có tính lừa lọc, một người phụ nữ sẽ che đậy được những khiếm khuyết và nhược điểm không thể dung thứ được. Những người có sắc đẹp, cần cảm thấy biết ơn vì điều đó, và sử dụng nó một cách tốt nhất, như bất cứ tài năng nào khác. Những người không có sắc đẹp nên an ủi bản thân và làm những gì tốt nhất có thể mà không cần sắc đẹp. Dĩ nhiên, bất cứ thứ gì đã là quà của Chúa thì nó hiện diện trên đời này không phải để bị khinh rẻ, dù có những thứ được đánh giá cao quá mức. Những người cảm thấy mình có khả năng yêu và những người có trái tim nói với họ rằng họ đáng được yêu trở lại có thể cảm nhận được điều này. Tuy nhiên thiếu điều này hoặc một điều tương chừng vặt vãnh như thế, họ thường bị cản trở trong việc trao và nhận niềm hạnh phúc mà họ dường như được tạo ra để cảm nhận và để cho có thể con đom đóm bé nhỏ khinh thường năng lượng ánh sáng mà nếu không có nó thì con ruồi biết bay khắp nơi sẽ vượt trội hơn nó hàng nghìn lần và chẳng bao giờ chịu dừng lại bên cạnh nó: nó có thể nghe thấy tiếng vù vù từ đôi cánh của con ruồi ở xung quanh mình; nó có thể tìm kiếm con ruồi trong vô vọng, nó khao khát được phát hiện, nhưng không có sức mạnh để tuyên bố về sự hiện diện của mình, không có tiếng nói để

gọi con ruồi, không có cánh để bay theo con ruồi. Con ruồi có thể tìm người bạn khác, và con đom đóm sẽ phải sống và chết trong cô đơn.

Bây giờ chúng ta hãy quay trở lại với tiểu thư Murray. Cô theo mẹ đến dự tiệc khiêu vũ vào ngày thứ Ba, tất nhiên mặc rất lộng lẫy, và vui mừng vì sự quyến rũ của mình cũng như những viễn cảnh mở ra trước mắt. Vì Ashby Park cách Horton Lodge gần mười dặm, nên họ phải khởi hành khá sớm, còn tôi định dành buổi tối của mình cho bà Nancy Brown, người mà khá lâu rồi tôi không gặp. Tuy nhiên người học trò của tôi lo tôi sẽ dùng thời gian ở đó hoặc ở chỗ nào khác ngoài phòng học nên đã giao cho tôi một bản nhạc để chép khiến tôi bận cho tới gần giờ đi ngủ. Khoảng mười một giờ sáng hôm sau, ngay khi tiểu thư Murray bước chân ra khỏi phòng riêng, cô đến báo cho tôi biết tin mới. Ngài Thomas đã cầu hôn cô tại buổi khiêu vũ: một sự kiện mang lại danh tiếng cho sự khôn ngoan sắc sảo của mẹ cô, nếu không phải là cho khả năng trù tính của cô. Tôi tin rằng cô đã lên kế hoạch từ trước, và đã đoán được khả năng thành công. Lời cầu hôn đã được chấp nhận, tất nhiên, và chú rể tương lai ngày hôm đó sẽ đến để bàn các việc cần thiết với ông Murray.

Rosalie vui với ý nghĩ mình sắp trở thành bà chủ của Ashby Park. Cô hãnh diện với viễn cảnh của lễ cưới và sự huy hoàng lộng lẫy của nó, về tuần trăng mật ở nước ngoài, và những cuộc vui đình đám tiếp theo đó mà cô nghĩ sẽ tận hưởng ở Luân Đôn và những nơi khác. Hiện tại cô có vẻ khá hài lòng với ông Thomas, bởi vì mới đây cô đã gặp ông, khiêu vũ với ông và được nghe những lời phỉnh nịnh của ông. Nhưng, cuối cùng, cô dường như chùn lại trước ý nghĩ sẽ sớm về sống chung một nhà với ông. Cô ước lễ cưới sẽ được lùi lại vài tháng, và tôi cũng ước như vậy. Thật đáng sợ khi vội vàng trong cuộc hôn nhân mang điềm xấu này và không cho kẻ bất hạnh thời gian để suy nghĩ, suy luận về các bước không thể thay đổi được mà người đó sắp phải thực hiện. Tôi không tham vọng mình có được “sự quan tâm và lo lắng đầy cảnh giác” của một người mẹ, nhưng tôi sững sốt và hoảng sợ

trước sự nhần tâm của bà Murray, hoặc sự thiếu suy nghĩ về điều gì thực sự tốt cho con gái mình của bà, và bằng những lời cảnh báo và sự thúc giục chẳng được ai đếm xỉa tới của mình, tôi cố gắng một cách tuyệt vọng chống lại cái xấu. Tiểu thư Murray chỉ cười trước những gì tôi nói, và tôi sớm phát hiện ra rằng sự chần chừ chưa muốn cưới ngay của cô chủ yếu nảy sinh từ khao khát tạo ra những cuộc phiêu lưu lãng mạn mà cô có thể có đối với những quý ông trẻ tuổi trong số những người quen của cô, trước khi cô không còn khả năng và tư cách thực hiện những trò láu cá như vậy nữa. Vì vậy, trước khi tiết lộ với tôi việc đính hôn, cô đã buộc tôi phải hứa sẽ không nói cho ai biết chuyện đó. Và khi tôi hiểu lý do của cô, khi tôi để ý thấy cô chăm chú hơn bao giờ hết vào việc làm đóm, tôi không tiếc cho cô nữa. “Cứ làm như cô thích đi”, tôi nghĩ, “cô đáng phải nhận hậu quả. Ngài Thomas có thể không quá tệ để kết đôi với cô đâu, và chẳng bao lâu nữa cô sẽ không còn khả năng lừa dối hay làm tổn thương người khác nữa”.

Đám cưới được ấn định vào ngày đầu tiên của tháng Sáu, chỉ hơn sáu tuần sau buổi tiệc khiêu vũ quan trọng kia, nhưng với sự lão luyện và sự nỗ lực đầy cương quyết của Rosalie, trong thời gian ngắn ngủi đó nhiều việc đã được thực hiện, nhất là trong khoảng thời gian ông Thomas đi Luân Đôn. Nghe nói ông ta tới đó để giải quyết công việc với luật sư và chuẩn bị cho lễ cưới. Ông cố gắng bù đắp cho sự vắng mặt của mình bằng những bức thư tình được gửi đều đặn, nhưng những bức thư đó không thu hút sự chú ý của những người hàng xóm, và không cho họ biết về mối quan hệ giữa ông ta với tiểu thư Murray như những cuộc viếng thăm trực tiếp, và sự kiêu căng, khó tính của mẹ ông, quý bà Ashby, đã ngăn cản bà lan truyền tin về đám cưới, trong khi tình trạng sức khỏe bất ổn của bà không cho phép bà đến thăm con dâu tương lai, vậy nên chuyện hai người đính hôn vẫn được giữ kín.

Rosalie thỉnh thoảng cho tôi xem những bức thư tình của chồng sắp cưới, để thuyết phục tôi rằng ông ta sẽ trở thành một người người

chồng tốt, tận tâm. Cô cũng cho tôi xem những bức thư của một người khác, ông Green kém may mắn, người không có đủ can đảm, hoặc, như cô diễn tả, không có đủ “chí khí” để biện hộ cho bản thân, nhưng sẽ phật lòng khi bị từ chối. Ông Green sẽ viết đi viết lại, viết tái viết hồi. Ông sẽ không làm như vậy nếu như ông thấy vẻ nhăn nhó khó chịu mà thần tượng xinh đẹp của ông thể hiện trước những lời van vỉ và những tình cảm mà ông bộc lộ trong những lá thư, và nghe thấy tiếng cười khinh miệt của cô, cùng những tên gọi khinh bỉ mà cô đặt cho ông vì sự “bám dai”.

“Tại sao cô không nói cho ông ấy biết cô đã đính hôn?” Tôi hỏi.

“Em không muốn nói cho ông ta biết điều đó”, cô đáp. “Nếu ông ta biết, thì các em gái của ông ta và mọi người sẽ biết, và thế thì coi như... Của em chấm hết! Và lại, nếu em nói cho ông ta biết, thì ông ta sẽ nghĩ việc đính hôn của em là trở ngại duy nhất và rằng em sẽ chấp nhận ông ta nếu em được tự do, mà em thì không thể chịu nổi bất cứ người đàn ông nào nghĩ như vậy, ít nhất là ông ta. Ngoài ra, em không quan tâm đến những bức thư của ông ta”, cô nói thêm bằng giọng khinh miệt, “ông ta muốn viết bao nhiêu thư tùy thích, và khi em gặp ông Green, trông ông ta như một gã khờ khiến em buồn cười”. Trong khi đó, ông Meltham trẻ trung thường xuyên đến thăm nhà tiểu thư Murray hoặc đi ngang qua đây, và bị Matilda nguyền rủa, chê bôi hết lời, trong khi chị gái của cô chú ý đến ông ta hơn bình thường. Cô cố quyến rũ ông Hatfield một lần nữa, nhưng không thành công, cô đáp trả thái độ kiêu căng của ông ta bằng sự khinh miệt cao ngất, và nói về ông ta bằng sự khinh rẻ, ghê tởm như trước kia cô đã chế nhạo chức mục sư của ông ta. Nhưng, trong khi đó cô không hề để lỡ cơ hội tiếp cận Weston, dù chỉ một phút. Cô chớp lấy mọi cơ hội gặp anh, dùng mọi chiêu trò để quyến rũ anh, và theo đuổi anh với sự kiên trì như thể cô thực sự yêu anh chứ không yêu bất cứ ai khác, như thế niềm hạnh phúc của đời cô phụ thuộc vào việc khơi gợi sự đáp lại tình cảm từ phía anh. Kiểu hành xử đó hoàn toàn vượt ngoài sức hiểu của tôi. Nếu

tôi thấy nó được miêu tả trong một cuốn tiểu thuyết, thì tôi sẽ nghĩ nó thật quái đản. Nếu tôi nghe người khác miêu tả nó, thì tôi sẽ tưởng rằng đó là một sự nhầm lẫn hoặc sự cường điệu, nhưng khi tôi tận mắt chứng kiến nó, và chịu đựng nó, tôi chỉ có thể kết luận rằng sự hờm mình quá quắt đó, giống như chứng say rượu, làm chai cứng trái tim, nô dịch hóa các khả năng, và làm hư hại các cảm xúc; rằng những con chó không phải là những sinh vật duy nhất nhìn hau háu những gì chúng không thể nhai ngấu nghiến, và thù hận trước miếng ăn nhỏ nhất của đồng loại đang chết đói.

Giờ đây tiểu thư Murray trở nên cực kỳ tốt đối với những người nông dân nghèo. Các mối quen biết giữa cô và họ được mở rộng hơn, những chuyến thăm của cô tới chỗ ở tồi tàn của họ trở nên thường xuyên hơn bao giờ hết. Nhờ thế cô được những người dân nghèo khen là một tiểu thư trẻ tuổi có lòng nhân đức và thường chiếu cố đến những kẻ bần cùng, và những lời tán tụng của họ chắc chắn được nói đi nói lại với Weston, người mà cô có dịp gặp gỡ hằng ngày, không ở nhà này thì ở nhà khác, hoặc trong khi cô đi dạo. Qua các cuộc chuyện trò của những người nông dân, cô cũng nắm được anh có thể đến những chỗ nào, vào khoảng thời gian nào, để làm lễ rửa tội cho một đứa trẻ hoặc thăm một người già, một người ốm, một người đang có chuyện buồn hoặc đang hấp hối. Và từ những gì nghe được, cô lập kế hoạch của mình một cách tài tình. Trong những cuộc dạo chơi, cô thỉnh thoảng đi với em gái – người mà bằng cách nào đó, cô đã thuyết phục được hoặc đã hối lộ để tham gia kế hoạch của cô – thỉnh thoảng đi một mình, và không bao giờ đi cùng tôi, nhất quyết tước của tôi niềm vui được gặp Weston, hoặc được nghe giọng nói của anh thậm chí khi anh nói chuyện với người khác, điều mà vừa là niềm vui lớn, nhưng cũng gây tổn thương và đau khổ cho tôi. Tôi thậm chí không thể gặp anh ở nhà thờ bởi tiểu thư Murray, vì một lý do tầm thường nào đó đã chiếm cái góc trong băng ghế của gia đình ở nhà thờ mà tôi

thường ngồi kể từ khi tôi đến, và tôi phải ngồi quay lưng lại bục giảng Kinh trừ khi tôi có đủ ngạo mạn để ngồi vào giữa ông bà Murray.

Bây giờ tôi cũng không đi bộ về nhà cùng với các học sinh của mình nữa. Họ nói mẹ của họ nghĩ rằng để thiên hạ nhìn thấy ba người của gia đình họ đi bộ từ nhà thờ về thì sẽ không hay, và nếu cứ thế như vậy thì chỉ có hai người đi xe ngựa về. Bởi vì họ rất thích đi bộ trong thời tiết đẹp, tôi vinh dự được đi xe ngựa với các phụ huynh. “Vả lại”, họ nói, “cô không thể đi bộ nhanh như chúng em được đâu. Cô biết cô luôn đi tụt lại phía sau mà”. Tôi biết đó chỉ là cái cớ, nhưng tôi không phản đối, và biết rõ những động cơ ở đằng sau, tôi không bao giờ tranh cãi về những quyết định đó. Trong sáu tuần đáng nhớ ấy, vào buổi trưa, tôi không đi nhà thờ lần nào. Nếu tôi bị cảm lạnh hoặc khó ở thì nhân chuyện đó tôi ở nhà, và thường họ sẽ bảo rằng ngày hôm đó họ cũng không đi nhà thờ, rồi giả vờ thay đổi quyết định, đi đến đó mà không nói với tôi. Có lần khi về nhà, họ chiêu đãi tôi bằng cách thuật lại một cách sôi nổi cuộc trò chuyện giữa họ và Weston. “Và ông ấy hỏi có phải cô bị ốm không, cô Grey ạ”, Matilda nói, “nhưng chúng em nói với ông ấy rằng cô hoàn toàn khỏe mạnh, chỉ là cô không muốn đi nhà thờ thôi – vậy nên ông ấy sẽ nghĩ cô đang đổ đốn.”

Cơ hội cho các cuộc gặp gỡ vào các ngày thường cũng được ngăn chặn một cách cẩn thận. Sợ rằng tôi sẽ đi thăm bà Nancy Brown tội nghiệp hoặc bất cứ người nào khác, tiểu thư Murray chủ động giao cho tôi đủ việc làm để tôi không còn thì giờ rảnh rỗi. Luôn có một bức vẽ để hoàn thành, một bản nhạc cần phải chép, hoặc việc gì đó đủ để khiến tôi không còn khả năng cho phép mình làm bất cứ việc gì ngoài việc đi loanh quanh trong sân một lát.

Một buổi sáng, sau khi đã tìm kiếm và mai phục Weston, chị em họ hớn hờ trở về kể cho tôi nghe chuyện của họ. “Ông ấy lại hỏi về cô đấy”, Matilda nói, bất chấp sự ra hiệu im lặng của chị cô. “Ông ấy thắc mắc tại sao cô không bao giờ đi cùng chúng em và nghĩ chắc hẳn cô không được khỏe nên ít khi ra ngoài.”

“Ông ấy có nói như vậy đâu, Matilda – em chỉ nói vợ vẫn thôi!”

“Rosalie, chị nói dối! Đúng là ông ấy hỏi như vậy, chị biết mà. Và chị đã nói – không, Rosalie – đừng chết tiệt! Em sẽ không nói dối như vậy đâu! Cô Grey, Rosalie đã nói với ông ấy rằng cô hoàn toàn khỏe mạnh, nhưng cô luôn bận đọc sách đến nỗi không hứng thú với bất cứ điều gì khác.”

“Anh ấy chắc hẳn đã nghĩ mình là loại người gì!” Tôi nghĩ.

“Thế còn”, tôi hỏi, “bà Nancy có hỏi về tôi không?”

“Có, và chúng em đã nói với bà ấy rằng cô thích đọc sách và vẽ đến mức cô không thể làm gì khác.”

“Mặc dù sự thật không phải như vậy. Nếu các cô nói với bà ấy rằng tôi quá bận đến nỗi không thể đến thăm bà được thì điều đó gần sự thật hơn.”

“Em không nghĩ vậy”, tiểu thư Murray nói, bỗng nhiên trở nên nóng nảy, “Em chắc chắn rằng bây giờ cô có thừa thời gian cho riêng mình, khi cô chẳng phải dạy chúng em mấy”.

Tranh luận với những con người không biết suy nghĩ, được nuông chiều như vậy chỉ vô ích mà thôi, nên tôi cố gắng giữ sự bình thản. Bây giờ tôi đã quen giữ im lặng khi những điều khó chịu đối với đôi tai mình được thốt ra. Và bây giờ tôi cũng đã quen mang một vẻ mặt tươi cười bình thản khi trong lòng cảm thấy cay đắng. Chỉ những người từng trải nghiệm những chuyện đó mới có thể hiểu được những cảm giác của tôi lúc ấy, khi tôi ngồi với vẻ mặt dửng dưng như không có chuyện gì xảy ra, lắng nghe họ thuật lại những cuộc gặp gỡ, những cuộc chuyện trò với Weston mà họ dường như tìm được cảm giác thích thú trong việc miêu tả cho tôi nghe, và nghe những lời khẳng định về anh, về tính cách của người đàn ông ấy, và tôi biết rằng những gì họ kể, nếu không phải là bịa đặt hoàn toàn để làm giảm uy tín của anh và để tự nâng họ lên, đặc biệt là tiểu thư Murray, thì cũng là sự cường điệu hoặc xuyên tạc, điều mà tôi vô cùng muốn phủ nhận, hoặc ít nhất thể hiện sự nghi ngờ, nhưng không dám. Tôi sợ rằng, trong khi

thể hiện sự hoài nghi của mình, tôi cũng bộc lộ sự quan tâm. Những điều khác tôi đã nghe được, cảm nhận được và lo sợ quả thực là sự thật, nhưng tôi vẫn phải giấu nỗi lo âu liên quan đến anh, cảm giác phần nộ đối với họ, đằng sau vẻ bề ngoài dửng dưng. Có những chi tiết của câu chuyện hé mở về những gì họ đã nói và đã làm mà tôi muốn biết thêm nhưng tôi không dám hỏi. Khoảng thời gian mệt mỏi, khó khăn đó trôi đi như thế. Tôi thậm chí không thể tự an ủi mình bằng cách nói, “chẳng bao lâu nữa cô ấy sẽ kết hôn, và khi đó có lẽ sẽ có hy vọng”.

Chẳng bao lâu sau khi tiểu thư Murray kết hôn, kỳ nghỉ của tôi đến, và chẳng bao lâu sau khi tôi quay trở lại làm việc, Weston đi khỏi đó bởi vì tôi nghe nói anh và ông mục sư có chuyện bất đồng (tất nhiên lỗi là do mục sư) và anh sẽ chuyển đi nơi khác.

Không – ngoài niềm hy vọng của tôi nơi Chúa, niềm an ủi duy nhất của tôi được tìm thấy trong ý nghĩ rằng, mặc dù anh không biết điều này, tôi xứng đáng với tình yêu của anh hơn Rosalie Murray, hấp dẫn và duyên dáng chẳng kém gì cô ấy, bởi vì tôi có thể đánh giá đúng sự ưu tú của anh, điều mà cô ấy không thể. Vì hạnh phúc của anh, tôi sẵn sàng hy sinh cuộc đời mình. Tiểu thư Murray thì ngược lại, sẽ hủy hoại hạnh phúc của anh để tạm thời thỏa mãn thói kiêu căng của bản thân cô. “Giá mà anh ấy biết được sự khác biệt đó!” Tôi thầm thở than. “Nhưng không! Mình sẽ không có cơ hội để anh hiểu được tình cảm của mình. Nếu anh nhìn thấu sự giả dối, không xứng đáng, và sự phù phiếm vô cảm của cô ấy, thì anh sẽ an toàn, và mình cũng sẽ – gần như hạnh phúc, cho dù mình không bao giờ được gặp lại anh nữa.”

Tôi e rằng cho đến lúc này độc giả có thể đã chán ghét sự yếu đuối và khờ dại của tôi trước anh. Tôi chưa bao giờ để lộ sự yếu đuối, dại khờ đó, thậm chí trước chị gái và mẹ của tôi. Tôi là một kẻ giả vờ cương quyết – ít nhất trong trường hợp này. Những lời cầu nguyện,

những giọt nước mắt, những điều ước, những nỗi sợ hãi, những lời thở than của tôi đều chỉ có tôi và Chúa Trời chứng kiến mà thôi.

Khi chúng ta bị nỗi đau khổ và lo âu giày vò, hoặc phải kìm nén những cảm xúc mạnh mẽ mà chúng ta buộc phải giữ cho riêng mình trong một thời gian dài vì không tìm được sự cảm thông từ bất cứ ai, chúng ta thường tìm sự an ủi trong thơ ca – và thường tìm thấy – dù trong cảm xúc dạt dào của người khác hợp với hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, hoặc trong những nỗ lực diễn đạt ý nghĩ và tình cảm của chính bản thân ta bằng giọng điệu kém du dương và ngẫu nhiên hơn, nhưng thích hợp hơn, và vì vậy sâu sắc hơn, giàu sự cảm thông hơn, dễ chịu hơn, giàu sức mạnh khuấy động và làm vơi nhẹ những trái tim dồn nén tình cảm hơn. Từ trước đến nay, ở Wellwood và ở đây, khi phải chịu đựng nỗi nhớ nhà, tôi đã đôi ba lần tìm sự giải tỏa từ nguồn an ủi bí mật này, và bây giờ tôi lại tìm đến nó, với niềm khát khao mãnh liệt hơn bao giờ hết, bởi vì hiện giờ tôi dường như cần nó hơn. Tôi vẫn giữ gìn những di sản của sự đau khổ và trải nghiệm trong quá khứ như những cái cột đánh dấu những sự kiện đặc biệt trong khi tôi đi qua thung lũng cuộc đời. Những dấu chân giờ đây đã bị xóa sạch, bộ mặt của xứ sở này có thể đã thay đổi nhưng những cái cột ấy vẫn đứng đó, nhắc tôi nhớ mọi sự đã xảy ra như thế nào. Biết đâu đấy, độc giả sẽ tò mò muốn biết những cảm xúc dạt dào đó, vậy nên tôi sẽ cho các bạn xem một ví dụ ngắn. Đó có thể là những dòng ủy mị, nhạt nhẽo, nhưng cũng có thể là cảm xúc dạt dào của nỗi đau đối với những ai từng trải qua hoàn cảnh tương tự.

*Ôi, họ đã cướp đi niềm hy vọng
mà tâm hồn tôi nâng niu
Họ không cho tôi đến với giọng nói
mà tâm hồn tôi hạnh phúc khi nghe thấy*

Họ không để tôi nhìn thấy gương mặt

*mà tôi hạnh phúc khi ngắm nhìn
Và họ đã cướp đi của tôi tất cả những nụ cười
cùng tất cả tình yêu của người*

*Hãy để họ lấy đi tất cả những gì có thể
Nhưng kho báu vẫn thuộc về tôi
Một trái tim biết yêu để nghĩ về người
Và biết cảm nhận giá trị người hiện có.*

Đúng vậy, suy cho cùng họ không thể cướp đi của tôi điều đó. Tôi có thể nghĩ về anh hằng ngày, hằng đêm, và tôi có thể cảm nhận được rằng anh đáng được nghĩ đến. Không một ai hiểu anh như tôi. Không một ai có thể đánh giá đúng giá trị của anh như tôi. Không một ai có thể yêu anh như tôi – có thể, nếu tôi có thể, nhưng có điều không ổn ở đây. Tôi việc gì phải nghĩ nhiều đến một người không bao giờ nghĩ đến tôi? Đó là sự ngốc nghếch ư? Đó là sai lầm ư? Nếu tôi cảm thấy hạnh phúc khi nghĩ đến anh như vậy, và nếu tôi giữ những ý nghĩ đó cho riêng mình, và không làm phiền đến ai, thì điều đó có hại gì chứ? Tôi tự hỏi. Và sự suy luận ấy ngăn cản tôi thực hiện bất cứ nỗ lực nào để từ bỏ sự kìm nén.

Nhưng nếu những ý nghĩ đó mang đến niềm vui, thì đó là niềm vui trong lo âu, buồn sầu, chẳng khác sự đau khổ bao nhiêu. Đó là sự nuông chiều mà một người khôn ngoan và giàu trải nghiệm hơn chắc chắn sẽ từ chối không đáp ứng bản thân mình. Nhưng làm sao tôi có thể cưỡng nổi việc lặn ngẫm một cảnh tượng tươi sáng, làm sao tôi có thể bắt ép con mắt mình chỉ nhìn vào những gì ảm đạm, ì trệ, hiu quạnh ở xung quanh, vào con đường hoang vắng, vô vọng, u buồn ở phía trước. Cứ buồn bã và chán nản như vậy quả thật không nên. Đáng lẽ tôi phải coi Chúa Trời là bạn của mình, và phải coi việc thực hiện ý Chúa là niềm vui, là công việc của đời mình, nhưng đức tin trong tôi thì yếu, mà tình cảm lại quá mạnh.

Trong quãng thời gian khó khăn ấy tôi còn có hai chuyện buồn khác. Chuyện thứ nhất có lẽ là chuyện vật, nhưng đã khiến tôi khóc rất nhiều: chú chó nhỏ Snap, người bạn có trái tim ấm áp, đôi mắt sáng, và vẻ ngoài hoang dã của tôi, sinh vật duy nhất mà tôi có ở đó để yêu tôi, đã bị người ta mang cho một người bắt chuột trong làng, một người đàn ông khét tiếng vì đối xử tàn bạo với đàn chó của ông ta. Chuyện buồn thứ hai khá nghiêm trọng: những bức thư tôi nhận được từ gia đình ngầm báo cho tôi biết sức khỏe của cha tôi đang xấu đi. Không nỗi sợ hãi mang tính điềm báo nào được bộc lộ qua những bức thư đó, nhưng tôi trở nên lo sợ, hay buồn nản, không thể ngăn được nỗi lo sợ rằng một tai ương khủng khiếp nào đó đang đợi chúng tôi. Tôi dường như nhìn thấy những đám mây đen đang tụ lại quanh những ngọn đồi ở quê nhà, và nghe thấy tiếng ầm ì giận dữ của một cơn giông tố sắp xảy ra, tàn phá trái tim chúng tôi.

Chương XVIII

Niềm vui và nỗi đau

Cuối cùng, ngày 1 tháng Sáu đã đến, và Rosalie Murray trở thành bà Ashby. Trong trang phục cô dâu, cô đẹp rạng ngời hơn bao giờ hết. Trở về từ nhà thờ sau lễ cưới, cô chạy như bay lên phòng học, mặt đỏ ửng vì phấn khích và cười phá lên, nửa vui mừng, nửa tuyệt vọng.

“Cô Grey, bây giờ em đã trở thành bà Ashby!” Cô reo lên. “Xong rồi, số phận của em đã an bài. Bây giờ em không có đường lùi nữa. Em đến nhận lời chúc mừng của cô và tạm biệt cô, sau đó em sẽ bay đi Paris, Rome, Naples, Thụy Sĩ, Luân Đôn – Ôi! Em sẽ được ngắm nhìn bao nhiêu thứ và được nghe bao nhiêu điều trước khi em quay trở lại đây. Nhưng đừng quên em nhé. Em sẽ không quên cô đâu, dù em là một đứa con gái bướng bỉnh. Hãy lại đây nào, cô không chúc mừng em sao?”

“Tôi không thể chúc mừng cô”, tôi đáp, “cho tới khi tôi biết sự thay đổi này có thực sự tốt hơn cho cô không, nhưng thực lòng tôi hy vọng nó sẽ tốt hơn, mà thôi, tôi chúc cô thật sự hạnh phúc, chúc cô những điều tốt đẹp nhất.”

“Tạm biệt cô, xe đang đợi em, họ đang gọi em.”

Cô dành cho tôi một cái hôn vội vàng, rồi quay gót bước đi, nhưng bỗng nhiên, cô quay lại, ôm tôi theo cái cách thật tình cảm mà tôi cứ nghĩ vượt ngoài khả năng của cô rồi rời khỏi phòng với đôi mắt ngấn lệ. Cô gái tội nghiệp! Lúc đó tôi thực sự yêu mến cô, và từ đáy lòng tôi tha thứ cho cô với tất cả những tổn thương mà cô đã gây cho tôi – và cho người khác. Tôi tin rằng cô hầu như không ý thức được mình đã làm tổn thương người khác như thế nào, và tôi cầu Chúa tha thứ cho cô.

Trong khoảng thời gian còn lại của cái ngày trọng đại buồn bã đó, tôi được để mặc tự xoay sở lấy. Được tự do, tôi cầm một cuốn sách đi lang thang trong vài giờ, nghĩ nhiều hơn đọc, bởi vì tôi có nhiều điều để nghĩ. Cuối chiều tôi sử dụng sự tự do của mình để đi thăm người bạn già Nancy, để xin lỗi bà vì lâu lắm không ghé thăm bà (sự vắng mặt đó dường như tàn nhẫn) bằng cách nói cho bà biết tôi bận đến mức nào, và để trò chuyện, đọc sách hoặc giúp bà làm việc gì đó, bất cứ việc gì, và tất nhiên để báo với bà tin quan trọng của ngày hôm ấy, và có lẽ cũng để có được chút thông tin liên quan đến việc Weston ra đi mà người ta đang bàn tán. Nhưng về chuyện đó bà Nancy hoàn toàn không biết gì, và tôi cũng như bà, hy vọng nó không có thật. Bà rất vui khi gặp tôi, và thật mừng, mắt của bà giờ đây đã ổn đến mức bà gần như không phải phụ thuộc vào sự giúp đỡ của tôi nữa. Bà rất quan tâm đến đám cưới của tiểu thư Murray, nhưng trong khi tôi kể với bà những chi tiết vui vẻ của lễ cưới, về sự sang trọng của tiệc cưới, sự lộng lẫy của cô dâu, bà liên tục thở dài và lắc đầu, ước những điều tốt đẹp sẽ đến. Dường như bà cũng giống tôi, linh cảm thấy nhiều buồn hơn vui trong cuộc hôn nhân đó. Tôi ngồi nói chuyện với bà một lúc lâu – nhưng không thấy có ai đến.

Tôi sẽ thú nhận rằng thỉnh thoảng tôi nhìn ra cửa với niềm ước ao pha lẫn ngóng trông một điều rằng, cánh cửa sẽ bật mở và Weston sẽ bước vào như trước đây chẳng? Khi trở về, đi qua những con đường mòn và những cánh đồng, tôi thường dừng lại nhìn xung quanh, đi chậm hơn mức cần thiết – vì, mặc dù trong một buổi chiều đẹp trời, mát mẻ – cuối cùng tôi cảm thấy nổi trống vắng và thất vọng dâng lên trong lòng khi về đến nhà mà không gặp, thậm chí không nhìn thấy bóng ai từ xa, trừ vài người nông dân đi làm đồng về chẳng?

Thế rồi ngày Chủ nhật đã tới. Vào ngày đó tôi sẽ gặp anh. Vì bây giờ cô Murray đi lấy chồng rồi, tôi có thể chiếm cái góc trước kia tôi thường ngồi trên xe ngựa. Tôi sẽ nhìn thấy anh, và qua vẻ mặt, giọng nói, thái độ của anh, tôi có thể đánh giá việc cô Murray lấy chồng có

khiến anh khổ sở nhiều hay không. Thật hạnh phúc, tôi không hề thấy có gì thay đổi nơi anh: vẻ ngoài của anh vẫn thế, vẫn như hai tháng trước – giọng nói, vẻ mặt, thái độ, tất cả mọi thứ ở anh không thay đổi. Vẫn đôi mắt sáng đầy nhiệt huyết ấy, sự chân thành dễ hiểu trong cách anh diễn thuyết, vẫn sự rõ ràng đầy thuyết phục trong phong cách của anh, vẫn sự giản dị đầy nhiệt tình trong những gì anh nói và làm tự nó gây ấn tượng cho trái tim, chứ không phải cho đôi mắt và đôi tai của người nghe.

Tôi đi bộ về nhà với tiểu thư Matilda, nhưng anh không đi cùng chúng tôi. Matilda giờ đây buồn vì đã mất một nguồn giải trí, và muốn có người làm bầu bạn: các em trai của cô đi học ở trường, chị gái cô đã đi lấy chồng, cô còn quá nhỏ để được xã hội thượng lưu chấp nhận. Noi gương Rosalie, ở một mức độ nào đó cô đang bắt đầu hình thành những sở thích – ít nhất là sở thích chọn người làm bầu bạn là đàn ông thuộc những tầng lớp nhất định. Vào quãng thời gian buồn tẻ này của năm – không có hoạt động săn bắn – bởi vì, dù cô không thể tham gia hoạt động săn bắn, cô cũng thích theo dõi cha mình và người gác rừng đi săn cùng đàn chó và thích nói chuyện với họ về những loài chim mà họ đã bắn được sau mỗi chuyến đi săn. Giờ đây cô cũng không được phép tìm sự an ủi trong việc chơi với người đánh xe, những người hầu, những con ngựa, những con chó săn thỏ, và những con chó săn chỉ điểm bởi vì, sau khi mẹ cô đã đẩy được cô con gái cả của mình đi lấy chồng một cách khá mãn nguyện bất chấp những bất lợi của đời sống thôn quê, niềm kiêu hãnh trong trái tim bà đã bắt đầu dồn sang cô con gái thứ. Bà thực sự lo lắng trước sự dữ dội, thô kệch trong cách cư xử của cô, nghĩ rằng đã đến lúc thực hiện một cuộc sửa đổi, và bị kích thích bởi nhu cầu sử dụng quyền lực, bà cấm cô không được bén mảng tới nhà kho, chuồng ngựa, chuồng chó, nhà của người đánh xe. Tất nhiên, không phải lúc nào cô cũng nghe lời mẹ. Một khi cô bị kích động, tâm tính của cô không hiền hòa như cô đòi hỏi gia sư của mình phải thế, và ý muốn của cô không bị cản trở bởi thiếu sự trừng phạt.

Sau nhiều cuộc tranh cãi giữa hai mẹ con họ, nhiều cơn bùng nổ dữ dội mà chỉ chứng kiến thôi tôi đã cảm thấy xấu hổ, trong đó quyền lực của người cha thường được phát huy để củng cố sự cấm đoán bị xem thường của người mẹ bằng những câu chữ thề và những lời đe dọa – bởi vì dù ông có thể hiểu rằng “dù con bé được sinh ra là một đứa trẻ ngoan, nó không có cung cách của một tiểu thư” – Matilda cuối cùng cũng hiểu ra rằng cách dễ dàng nhất cho cô là không xuất hiện ở những “vùng cấm”, trừ khi, cô lén lút đến những chỗ đó nhân lúc bà mẹ không để mắt tới.

Trong tất cả những chuyện đó, các bạn chớ có tưởng rằng tôi tránh được vô số lời khiển trách, sỉ nhục với đầy đủ nọc độc của sự bóng gió. Cái kiểu nói bóng gió ấy gây tổn thương sâu sắc hơn cả sự mắng nhiếc công khai bởi vì nó không cho phép tôi tự vệ một cách chính đáng. Tôi thường xuyên được bảo phải làm cho cô Matilda vui bằng những chuyện khác, và phải nhắc nhở cô nhớ những lời dạy dỗ của mẹ cô và những điều bà cấm cô không được làm. Tôi cố gắng hết sức mình để làm việc đó, nhưng cô chẳng thể vui được với những điều trái ý cô, mâu thuẫn với sở thích của cô, và mặc dù tôi đã đi xa hơn cả việc nhắc nhở đơn thuần, những lời phản đối ôn hòa mà tôi có thể sử dụng hoàn toàn chẳng có tác dụng gì.

“Cô Grey! Thật kỳ cục hết sức. Tôi nghĩ rằng nếu cô không có tâm để làm điều ấy, thì đó cũng là việc cô buộc phải làm – tôi ngạc nhiên vì cô không thể chiếm được lòng tin của tiểu thư, không thể làm vừa lòng tiểu thư như Robert hoặc Joseph có thể làm!”

“Họ có thể nói một cách thú vị nhất về những điều mà cô ấy quan tâm nhất”, tôi đáp.

“Tuy nhiên, đó là sự thú nhận kỳ cục từ gia sư của tiểu thư! Ai giúp tiểu thư hình thành khiếu thẩm mỹ, nếu không phải là gia sư của tiểu thư? Tôi biết các gia sư coi bản thân họ và danh tiếng về sự thanh lịch và khuôn phép trong cách suy nghĩ và ứng xử của các tiểu thư mà họ kèm cặp là một, đến mức họ sẽ đỏ mặt vì xấu hổ khi nói một lời

không hay về các học trò của mình và phải nghe một lời trách cứ nhẹ nhất về học trò còn tệ hơn phải nghe sự chỉ trích nhằm vào chính họ – và tôi nghĩ điều đó là lẽ thường.”

“Thật vậy sao, thưa bà?”

“Tất nhiên, phong thái thanh lịch và sự giỏi giang của một tiểu thư là kết quả của sự dạy dỗ từ gia sư của cô ta hơn là của chính bản thân cô ta, cũng như của thế giới bên ngoài. Nếu người gia sư muốn thành công trong nghề thì cô ta phải dành toàn bộ năng lượng và khả năng cho công việc: mọi ý tưởng và tham vọng của cô ta sẽ được huy động để đạt được mục tiêu đó. Khi chúng ta muốn đánh giá sự xuất sắc của một gia sư, đương nhiên chúng ta chỉ cần nhìn các tiểu thư mà cô ta tự nhận là đã kèm cặp là có thể đánh giá được. Một gia sư có óc sáng suốt biết điều này: cô ta biết rằng, trong khi mình ít được mọi người biết đến, các phẩm chất của học trò mà mình dạy dỗ sẽ cho mọi người thấy tất cả, và trừ khi cô ta không nhìn thấy bản thân mình được phản ánh trong sự văn minh, hiểu biết của các học trò, cô ta không cần hy vọng về sự thành công. Cô Grey, cô thấy đấy, nghề này cũng giống như bất cứ nghề nào khác: ai muốn thành công thì người ấy phải dành cả sức lực và tâm hồn của mình cho mục tiêu đó, và nếu họ bắt đầu đầu hàng trước sự lười biếng và tự nuông chiều bản thân thì họ sẽ bị những đối thủ cạnh tranh khôn ngoan hơn bỏ xa. Không có gì nhiều để lựa chọn giữa một người làm hư hỏng các học trò của mình bằng sự lơ là, và một người làm hư hỏng họ bằng chính tấm gương của mình. Mong cô thứ lỗi cho tôi vì những lời khuyên này. Cô biết đấy, chúng chỉ tốt cho cô mà thôi. Nhiều quý bà sẽ nói nặng lời hơn thế này nhiều, và nhiều người chẳng thèm nói gì, mà lẳng lặng tìm kiếm một người thay thế. Tất nhiên đó là cách dễ nhất, nhưng tôi biết với một người có hoàn cảnh như cô thì việc làm ở đây quá tốt. Và tôi không muốn chia tay cô, bởi vì tôi chắc chắn rằng cô sẽ làm tốt công việc của mình nếu cô suy nghĩ về những điều tôi vừa nói và cố gắng hơn nữa. Tôi tin

rằng cô sẽ sớm biết ứng xử khéo léo và chỉ riêng điều đó sẽ khiến cô tạo được ảnh hưởng tốt đối với tinh thần của học trò.”

Tôi sắp sửa đưa ra ý kiến của mình về sự ảo tưởng của bà ấy, nhưng ngay sau khi kết thúc bài thuyết giảng đó, bà bỏ đi. Bà đã nói những gì bà muốn, và không định nán lại nghe tôi đáp lời. Việc của tôi là nghe chứ không phải là nói.

Tuy nhiên, như tôi đã nói, Matilda cuối cùng cũng phải đầu hàng trước quyền lực của mẹ cô (tiếc là trước đó quyền lực ấy đã không được áp dụng) và vì thế mọi nguồn vui của cô gần như bị tước đi, chẳng có gì ngoài những cuộc đi dạo kéo dài với người gia sư, và đi thăm những căn nhà của tá điền trong lãnh địa của cha cô để giết thời gian bằng việc nói chuyện phiếm với những ông bà già sống ở đó. Trong một cuộc đi dạo như thế, tôi tình cờ gặp Weston. Đó là điều tôi mong ước trong một thời gian dài, nhưng bây giờ, giây phút này, tôi ước, anh hoặc tôi không còn ở đó nữa. Tôi cảm thấy tim mình đập mạnh đến nỗi tôi sợ để lộ cảm xúc ra ngoài, nhưng tôi nghĩ anh hầu như không liếc nhìn tôi, còn tôi đã mau chóng bình tĩnh lại. Sau một lời chào đơn giản đối với cả hai, anh hỏi Matilda rằng gần đây có nhận được tin của chị gái cô không.

“Có”, Matilda nói. “Trong lá thư gần đây nhất chị ấy kể chị ấy đang ở Paris, rất khỏe và rất hạnh phúc.”

Cô nhấn giọng khi nói mấy từ cuối cùng, vừa nói vừa liếc nhìn anh bằng cái nhìn xác láo, quỷ quyết. Anh dường như không để ý, nhưng anh đáp, cũng bằng cách nhấn giọng từ “hạnh phúc” và nói rất nghiêm túc:

“Tôi hy vọng cô ấy sẽ tiếp tục hạnh phúc như thế.”

“Ông nghĩ cô ấy có thể hạnh phúc lâu dài không?” Tôi cả gan hỏi, bởi vì Matilda đã bắt đầu đuổi theo con chó của cô trong khi nó chạy về phía một con thỏ con.

“Tôi không thể trả lời có hay không”, anh đáp. “Ông Thomas có lẽ tốt hơn tôi nghĩ, nhưng từ những gì tôi nhìn và nghe thấy, dường

như thật đáng tiếc khi một người trẻ trung và vui tươi như vậy lại có điểm nổi bật nhất là sự bông bột, nếu đó không phải nhược điểm duy nhất của cô ấy. Và chắc chắn đó không phải là khiếm khuyết nhỏ, bởi vì nó cho thấy người sở hữu khiếm khuyết đó có khả năng nhẹ dạ với bất cứ ai, và gọi nhiều sự căm dỗ – nhưng dường như thật tiếc khi cô ấy bị ném cho một người đàn ông như vậy. Tôi cho rằng đó là theo mong muốn của bà mẹ, đúng không nhỉ?”

“Đúng vậy, và cũng là ý muốn của cô ấy, bởi vì cô ấy luôn bật cười trước bất cứ cố gắng nào của tôi nhằm khuyên can cô ấy không đi theo hướng đó.”

“Cô đã cố gắng can ngăn cô ấy ư? Vậy thì ít nhất cô sẽ hài lòng khi biết rằng cô không có lỗi gì trong chuyện ấy, nếu như có bất cứ điều gì không hay xảy ra. Còn đối với bà Murray, tôi không biết bà ấy có thể biện hộ cho cách hành xử của mình như thế nào, nếu như tôi đủ thân với bà ấy, tôi sẽ hỏi bà ấy điều đó.”

“Chuyện đó có vẻ kỳ cục, nhưng một số người có suy nghĩ rằng tầng lớp và sự giàu có là điều tốt nhất, và nếu họ có thể đảm bảo rằng con của họ có được những thứ ấy, thì coi như họ đã làm tròn bổn phận.”

“Đúng vậy, nhưng sẽ không kỳ cục khi chính người trải nghiệm, người trong cuộc, lại có suy nghĩ sai lầm như vậy, đúng không?”

Matilda giờ đây đã hỗn hển quay lại với con thỏ rừng đã bị cắn chết trên tay.

“Cô định cứu hay định giết chết con thỏ đó, cô Murray?” Weston hỏi, dường như khó hiểu trước vẻ hờ hững của cô gái.

“Tôi đã giả vờ muốn cứu nó”, cô đáp một cách thật thà, “bởi vì đã hết mùa săn thỏ rồi, nhưng tôi thích thấy nó chạy quanh quần ở đây hơn. Tuy nhiên, cô và ông có thể thấy tôi không thể ngăn được chuyện này. Con Prince đã quyết định tóm con thỏ này, và nó tộp lưng con thỏ, giết chết nó trong nháy mắt! Đó chẳng phải là một cuộc đi săn đẳng cấp hay sao?”

“Vâng! Đăng cấp cho một tiêu thư săn một con thỏ con.”

Giọng nói của anh đượm sự châm biếm mà chẳng phải tiêu thư Murray không thể hiểu được. Cô nhún vai, quay ngoắt sang tôi, “hừm” một tiếng và hỏi tôi có thấy chuyện đó thú vị không. Tôi đáp rằng tôi chẳng thấy có gì thú vị trong việc giết con thỏ con ấy.

“Cô không thấy rằng nó cũng giống như một con thỏ già sao? Cô không nghe thấy tiếng nó kêu sao?”

“Tôi mừng là mình đã không nghe thấy.”

“Nó kêu như một đứa trẻ con.”

“Con vật tội nghiệp! Cô sẽ làm gì với nó?”

“Đi nào – em sẽ vớt nó ở ngôi nhà đầu tiên chúng ta tới. Em không muốn mang nó về nhà, em sợ cha sẽ mắng em vì đã để cho con chó giết nó.”

Lúc này Weston đã đi khỏi đó, và chúng tôi cũng đi theo đường của mình, nhưng sau khi để con thỏ ấy lại cho một người nông dân và nhận một ít bánh và rượu làm từ quả lý chua, chúng tôi lại gặp anh đang đi lo công việc trở về. Anh cầm trong tay một nắm hoa chuông rất đẹp và tặng nó cho tôi cùng với nụ cười trên môi. Mặc dù hai tháng qua anh hầu như không gặp tôi, anh vẫn không quên hoa chuông là một trong những loài hoa tôi thích. Đó là một hành động giản dị của lòng tốt mà không kèm theo lời khen tặng hay cử chỉ lịch lãm đáng chú ý hoặc cái nhìn có thể được phân tích thành sự “tôn thờ và ái mộ” nào (như Rosalie Murray đã phân tích), nhưng tôi vẫn cảm thấy xúc động khó tả khi lời nói bình thường của mình được anh nhớ lâu đến thế. Và cũng thật đặc biệt đối với tôi khi anh nhớ chính xác quãng thời gian tôi không xuất hiện.

“Cô Grey, tôi nghe nói”, anh nói, “rằng cô là một con mọt sách, vậy nên cô hoàn toàn đắm chìm vào những cuốn sách đến mức cô bỏ lỡ những thú vui khác.”

“Đúng! Đúng thế đấy!” Matilda nói to.

“Không, ông Weston. Đừng tin. Đó là sự nói xấu sau lưng. Các tiểu thư thích có sự khẳng định của riêng họ, và ông phải cẩn thận khi nghe họ nói.”

“Tôi hy vọng sự khẳng định đó là vô căn cứ.”

“Tại sao? Ông đặc biệt phản đối việc phụ nữ theo đuổi tri thức ư?”

“Không, nhưng tôi không ủng hộ bất cứ ai chỉ biết chú ý đầu vào việc đọc và học, đến mức không quan tâm đến mọi thứ khác. Ngoại trừ trong những trường hợp đặc biệt, còn lại tôi coi việc chỉ biết đến sách vở là lãng phí thời gian và làm tổn hại cả tinh thần lẫn thể xác.”

“Tôi chẳng có thời gian dành cho những thứ xa xỉ đó.”

Chúng tôi lại chào tạm biệt nhau.

Có gì đáng nhớ trong chuyện này nhỉ? Tại sao tôi lại ghi nhớ nó? Bởi vì, nó đủ quan trọng để mang đến cho tôi một buổi tối vui vẻ, một đêm với những giấc mơ thú vị, và một buổi sáng với niềm hy vọng tươi sáng. Niềm vui ngây thơ, những giấc mơ ngốc nghếch, niềm hy vọng hào huyền, các bạn sẽ nói như vậy, còn tôi, tôi sẽ không dám chối bỏ những điều ấy. Nỗi hoài nghi thường nổi lên trong đầu tôi, nhưng những ước ao của chúng ta như bắc trong bật lửa (để bắt lửa), viên đá lửa và thép tạo ra những ánh lửa biến mất ngay lập tức, trừ khi chúng có cơ hội rơi xuống cái bắc của những ước ao, khi đó chúng cháy ngay tức thì và ngọn lửa của hy vọng sẽ sáng rực lên trong khoảnh khắc.

Nhưng chao ôi! Buổi sáng hôm đó, ngọn lửa hy vọng bập bùng trong tôi đã bị dập tắt bởi một bức thư của mẹ tôi, bức thư nói rằng cha tôi đang ốm nặng, rằng ông rất ít có cơ hội qua khỏi. Gần đến kỳ nghỉ của mình, tôi run lên bởi sợ không kịp về gặp cha lần cuối. Hai ngày sau, tôi nhận được thư của chị Mary cho biết cha tôi đang nguy kịch và dường như ngày kết thúc cuộc đời ông đang đến. Ngay lập tức tôi xin được nghỉ trước kỳ hạn để về nhà. Bà Murray nhìn tôi trừng trừng, ngạc nhiên trước sự kiên quyết trong cách tôi xin nghỉ sớm,

trong khi bà nghĩ không việc gì tôi phải vội. Nhưng cuối cùng bà cũng cho tôi nghỉ trước thời hạn, nói rằng không cần phải lo cuống lên như thế – có thể đó chỉ là sự báo trước không chính xác mà thôi, và nếu không phải thế, nếu chuyện xấu nhất xảy ra thì điều đó cũng hợp với lẽ tự nhiên thôi. Con người ta ai mà chẳng phải chết, và tôi không nên coi mình là người duy nhất trên đời này phải chịu nỗi đau khổ đó, rồi bà kết luận rằng tôi phải được đưa đến O- bằng xe ngựa bốn bánh. “Cô Grey ạ, thay vì than phiền, cô nên cảm thấy biết ơn vì những đặc ân mà cô được hưởng. Có nhiều mục sư đáng thương qua đời khiến gia đình suy sụp, nhưng cô, cô có những người bạn có ảnh hưởng sẵn lòng duy trì sự bảo trợ của họ và cho cô thấy mọi sự quan tâm, chiếu cố của họ dành cho cô.”

Tôi cảm ơn bà vì sự “quan tâm” mà bà dành cho tôi, rồi lao về phòng chuẩn bị hành lý để lên đường ngay lập tức. Tôi đội mũ, quàng khăn, và vợ vội vài bộ quần áo nhét vào rương rồi lên đường. Nhưng tôi đáng lẽ chẳng phải vội như thế bởi vì tất cả những người khác đều nhẫn nại, và tôi vẫn phải đợi một lúc xe ngựa mới tới. Cuối cùng xe cũng tới trước cửa và tôi khởi hành ngay lập tức. Đó quả thực là một chuyến trở về vô cùng vất vả! Một chuyến trở về nhà thật buồn thảm! Nó hoàn toàn khác với những chuyến trở về trước đó! Đã quá muộn để bắt chuyến tàu cuối cùng, vì thế tôi phải thuê một chiếc xe ngựa chở mình qua quãng đường mười dặm, sau đó lại phải thuê một chiếc xe khác để vượt những ngọn đồi gập ghềnh.

Mười giờ rưỡi đêm tôi về tới nhà. Mọi người chưa ngủ.

Mẹ và chị tôi đón tôi ở hành lang – buồn – im lặng – nhợt nhạt! Tôi quá sốc và sợ đến nỗi không thể mở miệng để hỏi cái tin mà từ lâu tôi sợ phải đối diện.

“Agnes!” Mẹ tôi nói, cố kìm nỗi xúc động.

“Ôi, Agnes!” Chị Mary bật khóc.

“Cha ra sao rồi ạ?” Tôi hỏi, há hốc miệng chờ câu trả lời.

“Cha mất rồi!”

Đó là câu trả lời mà tôi đã đoán trước được, nhưng lúc ấy tôi vẫn cảm thấy bàng hoàng vô cùng.

Chương XIX

Bức thư

Cha tôi đã được an táng, còn chúng tôi, với vẻ mặt buồn bã và bộ đồ tang u ám ngồi thẫn thờ trước cái bàn bày bữa sáng đạm bạc, suy nghĩ về các kế hoạch cho cuộc sống tương lai. Người mẹ có tinh thần mạnh mẽ của tôi thậm chí không ngã gục trước biến cố đau buồn này. Dù bị va đập mạnh, tinh thần của mẹ không suy sụp. Mong muốn của chị Mary là, tôi sẽ quay trở lại Horton Lodge, còn mẹ sẽ đến sống với vợ chồng chị ở nhà xứ nơi anh chị đang sống. Chị khẳng định rằng chồng chị mong muốn đón mẹ về ở với họ chẳng kém gì chị, và rằng sự sắp xếp như thế đem lại thuận lợi cho tất cả chúng tôi bởi vì hiểu biết và kinh nghiệm của mẹ sẽ là vô giá đối với họ, và vợ chồng chị sẽ làm tất cả những gì có thể để mẹ được an vui. Nhưng không sự lập luận hay sự khẩn nài nào có thể thuyết phục được mẹ. Mẹ tôi kiên quyết không đi. Không phải mẹ hoài nghi về mong muốn và ý định của con gái mình, mà mẹ khẳng định rằng, chừng nào Chúa còn ban cho mẹ sức khỏe và nghị lực thì chừng đó mẹ sẽ sử dụng nó để tự kiếm sống, không để ai phải nuôi dưỡng, cho dù sự phụ thuộc của mẹ có gây cảm giác là gánh nặng cho người khác hay không. Nếu mẹ có thể sống như một người ở trọ trong một nhà xứ, thì mẹ sẽ chọn nơi đó làm nơi sinh sống từ lâu, trước tất cả những người khác, nhưng nếu không quá quẩn bách, thì mẹ sẽ không bao giờ đến sống dưới mái nhà đó, trừ những dịp mẹ đến chơi, trừ khi bệnh tật hoặc tai ương bắt buộc mẹ cần phải có sự giúp đỡ, hoặc cho tới khi tình trạng già yếu khiến mẹ mất khả năng tự lo cho bản thân mình.

“Không, Mary”, mẹ nói, “nếu Richardson và con có chút của để dành, thì các con phải giữ cho gia đình của các con, còn Agnes và mẹ sẽ tự lo được cho bản thân. Nhờ có những đứa con gái để dạy dỗ, bấy

lâu nay mẹ không quên những khả năng của mình. Nếu Chúa phù hộ, mẹ sẽ kiềm chế để không than vãn về số phận một cách vô ích”, mẹ nói, trong khi những giọt nước mắt lăn xuống má bất chấp nỗ lực kiềm chế của mẹ, nhưng rồi mẹ lau nước mắt, lắc đầu và nói tiếp: “Mẹ sẽ cố gắng, và sẽ tìm một căn nhà nhỏ ở một khu rộng rãi, đông dân cư nhưng trong lành và sẽ nhận vài tiểu thư để dạy học – nếu có thể. Các gia đình quen biết với cha các con và những người bạn cũ của ông ấy có thể sẽ gửi con họ tới học, hoặc chắc chắn sẽ ủng hộ chúng ta. Con nghĩ thế nào về việc này, Agnes? Con có sẵn sàng bỏ việc làm hiện tại của con để thử làm việc mẹ vừa nói không?”

“Con sẵn sàng, mẹ ạ, và số tiền con đã dành dụm được đủ để mua sắm đồ đạc cho ngôi nhà. Con sẽ rút tiền từ nhà băng về.”

“Khi nào cần hãy rút. Chúng ta phải tìm nhà và chuẩn bị những thứ cần thiết hơn trước đã.”

Chị Mary đề nghị cho chúng tôi mượn khoản tiền nhỏ mà chị đang có, nhưng mẹ từ chối, nói rằng chúng tôi phải bắt đầu bằng một kế hoạch tiết kiệm chi tiêu và mẹ hy vọng rằng toàn bộ hoặc một phần khoản tiền mà tôi có, cộng với số tiền chúng tôi thu được từ việc bán đồ đạc ở nhà cũ, cùng một chút tiền cha tôi đã để riêng cho mẹ từ khi trả xong nợ, sẽ đủ để chúng tôi chi tiêu cho tới Giáng sinh. Từ giờ cho đến lúc đó, mẹ hy vọng, từ sự hợp lực lao động, chúng tôi sẽ tích lũy được một chút. Cuối cùng chúng tôi thống nhất sẽ làm như vậy, và sẽ bắt tay ngay vào việc chuẩn bị, và trong khi mẹ lo những việc quan trọng đó, tôi sẽ trở lại Horton Lodge khi kết thúc kỳ nghỉ kéo dài bốn tuần và thông báo cho chủ nhà biết tôi sẽ không làm việc ở đó nữa khi trường tư thục của chúng tôi sẵn sàng đi vào hoạt động.

Vào buổi sáng mà tôi đã nói tới, sau khi cha tôi qua đời được nửa tháng, khi chúng tôi đang bàn về việc mở trường tư, mẹ nhận được một bức thư khiến vẻ mặt mẹ đượm buồn – sau đó tái xanh vì lo lắng và buồn rầu. “Thư của ông ngoại các con!”, mẹ lẩm bẩm, vội xé phong bì. Nhiều năm rồi mẹ không nhận được thư của gia đình. Bản khoản

không biết thư viết gì, tôi ngồi quan sát vẻ mặt mẹ trong khi mẹ đọc thư, và không khỏi ngạc nhiên khi thấy mẹ cắn môi, nhíu mày như thể đang tức giận. Đọc xong bức thư, bằng cử chỉ trái ngược với nâng niu, mẹ quăng bức thư lên bàn, nở nụ cười khinh miệt và nói: “Ông ngoại các con thật tốt khi viết thư cho mẹ. Ông viết rằng ông tin chắc từ lâu mẹ đã hối hận vì cuộc hôn nhân bất hạnh của mình và nếu mẹ thừa nhận điều đó, và nhận rằng mẹ đã sai khi không nghe theo lời khuyên của ông, và rằng vì thế mẹ đã phải trả giá, thì ông sẽ nhận mẹ trở lại gia đình quý tộc của ông – và mẹ sẽ lại trở thành con gái một nhà quý tộc sau một thời gian dài bị đánh mất danh phận và các con sẽ trở thành những người thừa kế của ông. Agnes, dọn những thứ ở trên bàn đi, và lấy bàn viết ra đây cho mẹ: Mẹ muốn chính mình hồi âm bức thư này. Nhưng trước hết, khi mẹ tước mất của cả hai con cơ hội thừa kế gia sản đó, mẹ muốn để các con biết mẹ muốn nói gì. Mẹ sẽ nói rằng ông ngoại của các con đã lầm khi cho rằng mẹ hối hận vì đã sinh ra các con (niềm tự hào của cuộc đời mẹ và có thể là niềm an ủi lúc tuổi già của mẹ), hay nói cách khác, ba mươi năm qua của mẹ đã trôi đi bên những người thân yêu nhất, tốt nhất – rằng nếu khó khăn, cực khổ của chúng ta lớn gấp ba lần những gì chúng ta đã phải đối mặt, thì mẹ vẫn vui lòng được chia sẻ nó với cha của các con và làm tất cả những gì có thể để giảm bớt nó: những đau đớn vì bệnh tật mà cha các con đã chịu đựng trong mười năm trời, mẹ không hề hối tiếc đã luôn bên cha các con, nỗ lực hết sức để làm vợ nhẹ nó. Nếu cha các con cưới một người vợ giàu có hơn mẹ, thì những rủi ro và thử thách có thể vẫn sẽ đến với ông ấy, trong khi mẹ đủ kiêu hãnh để nghĩ rằng không người phụ nữ nào khác có thể động viên ông vượt qua những điều không may đó một cách hữu ích như mẹ: không phải mẹ vượt trội so với họ, mà bởi mẹ được sinh ra dành cho cha các con, và ông ấy sinh ra để dành cho mẹ. Mẹ không thể tiếc những giờ, những ngày, những tháng năm hạnh phúc mà cha mẹ ở bên nhau, không thể sống thiếu nhau cũng như không hối tiếc vì mẹ có được đặc quyền làm y tá riêng của cha con khi ông ốm đau, an ủi ông khi ông buồn bã.”

“Có đúng không các con? Hay mẹ sẽ nói rằng tất cả chúng ta đều rất tiếc vì những gì đã xảy ra trong ba mươi năm qua, còn các con gái của mẹ ước gì mình chưa từng được sinh ra trên đời này. Và vì các con của mẹ đã trải qua những khó khăn, thử thách đó nên các con sẽ biết ơn vì bất cứ món tiền nhỏ nào mà ông ngoại của các con đủ tốt để ban cho các con?”

Tất nhiên cả hai chị em tôi đều hoan nghênh quyết định của mẹ. Chị Mary dọn đồ ăn sáng khỏi bàn, còn tôi mang bàn viết đến cho mẹ, và bức thư nhanh chóng được viết rồi gửi đi. Từ hôm đó chúng tôi không nhận được tin gì của ông ngoại nữa, cho tới khi một tờ báo đăng tin ông tôi qua đời – tất cả tài sản của ông, tất nhiên, được để lại cho những người anh chị em họ giàu có của chúng tôi.

Chương XX

Cuộc chia tay

Chúng tôi thuê một căn nhà ở A-, một thị xã ven biển để mở trường tư, và đã bắt đầu có vài gia đình hứa sẽ gửi con họ đến học tại trường. Tôi quay trở lại Horton Lodge vào khoảng giữa tháng Sáu, để việc thuê nhà, chiêu sinh, bán đồ đạc ở nơi ở cũ và trang bị cho nơi ở mới cho mẹ lo liệu.

Chúng ta thường cảm thấy tội nghiệp cho những người nghèo bởi vì họ không có thì giờ rảnh rỗi để than khóc người thân qua đời, và vì miếng cơm manh áo, họ buộc phải lao động để vượt qua những nỗi đau khủng khiếp nhất, nhưng chẳng phải sự bận rộn là giải pháp tốt nhất để vượt qua nỗi đau buồn quá lớn – liệu thuốc đáng tin cậy nhất cho sự tuyệt vọng sao? Có thể đó là một cách an ủi cực nhọc. Có lẽ thật khó bị quấy rầy bởi những mối lo của cuộc sống khi chúng ta không có hứng thú cho những niềm vui của nó; thật khó có động lực để làm việc khi trái tim sắp tan vỡ, và tinh thần đau khổ khẩn nài sự nghỉ ngơi chỉ để khóc thầm. Nhưng sự lao động chẳng tốt hơn sự nghỉ ngơi mà chúng ta thèm muốn ư? Và chẳng phải những nỗi lo âu đời thường ít gây tổn thương hơn nỗi đau buồn quá lớn đang đè nặng lên chúng ta hay sao? Và lại, chúng ta sống trên đời này, không thể không có những nỗi lo âu, sự cực nhọc mà không có niềm hy vọng – về việc hoàn thành những việc chẳng thú vị gì của mình, đạt được một mục tiêu cần thiết nào đó hoặc niềm hy vọng thoát khỏi nỗi buồn phiền lớn hơn. Dù sao chẳng nữa, tôi mừng vì mẹ mình cũng có vô khối việc phù hợp với khả năng và sự năng động của mẹ để làm. Những người lảng giềng tốt bụng của chúng tôi than rằng mẹ mà được sống trong cảnh giàu sang, phú quý thì sẽ chẳng buồn phiền gì hết, nhưng tôi tin rằng mẹ mình sẽ khổ sở gấp ba nếu mẹ sống trong sự sung túc với sự

tự do bị thu hẹp trong một căn nhà, với cảnh hạnh phúc thuở đầu đời và nỗi buồn lúc tuổi già, sống mà không có những mối lo cơm áo gạo tiền không cho mẹ chìm đắm vào sự ủ ê triền miên và thở than không ngừng vì mất người thân.

Tôi sẽ không kể lan man về những tình cảm tôi dành cho ngôi nhà xứ thân thuộc, khu vườn quen thuộc, nhà thờ nhỏ của ngôi làng nơi chúng tôi đã sống – nơi đã trở nên quá đỗi thân thương với tôi, bởi vì cha tôi, trong ba mươi năm, đã giảng đạo và cầu nguyện trong ngôi nhà đó, và giờ đây đã yên nghỉ phía dưới những phiến đá của nó – và những ngọn đồi trọc đã đứng đó bao năm, đẹp trong sự hiu quạnh, hoang sơ, với những thung lũng hẹp xen giữa những ngọn đồi mỉm cười trong rừng cây xanh và dòng sông lấp lánh – ngôi nhà nơi tôi sinh ra, toàn bộ cảnh vật mà tôi gắn bó thuở đầu đời, nơi bắt đầu những tình cảm yêu mến còn mãi trong suốt cuộc đời tôi. Quả thực, tôi đang quay trở lại Horton Lodge, nơi, giữa nhiều điều tồi tệ, vẫn tồn tại một nguồn vui, nhưng đó là nguồn vui pha lẫn nỗi buồn vô kể, và tôi sẽ chỉ ở lại đó sáu tuần. Trong khoảng thời gian quý giá đó, ngày lại ngày trôi qua, tôi không gặp anh. Sau khi tôi trở lại đó, trong suốt hai tuần lễ tôi không gặp anh, trừ lúc ở nhà thờ. Khoảng thời gian đó đối với tôi dường như dài vô tận, và vì tôi thường ra ngoài với cô học trò thích dạo chơi của mình, tất nhiên, niềm hy vọng dâng lên trong tôi, và nỗi thất vọng cũng từ đó sinh ra. Và rồi tôi tự nhủ: “Đây là bằng chứng thuyết phục – nếu mi có ý thức hoặc vô thức hiểu được chuyện đó – thì mi phải hiểu rằng anh ấy không quan tâm đến mi đâu. Nếu anh ấy chỉ nghĩ đến mi bằng một nửa mi nghĩ về anh ấy thôi, thì anh ấy sẽ tìm cách đến gặp mi nhiều lần trước khi mi rời khỏi đây. Từ tình cảm của chính mi, mi phải hiểu điều đó. Bởi vậy, hãy chấm dứt chuyện vớ vẩn này. Mi không có cơ sở nào để hy vọng đâu. Hãy loại bỏ ngay lập tức khỏi tâm trí mi những ý nghĩ gây khổ sở và những ao ước hảo huyền, ngốc nghếch này, và quay trở lại với bốn phận của mi,

sống cuộc đời buồn tẻ trống rỗng đang ở phía trước mi. Mi phải biết rằng niềm hạnh phúc ấy không dành cho mi đâu, đừng mơ!”

Nhưng cuối cùng tôi đã gặp anh. Chúng tôi bất chợt gặp nhau khi tôi đang đi tắt qua cánh đồng để trở về sau chuyến thăm bà Nancy Brown, chuyến thăm mà tôi tranh thủ thực hiện trong khi Matilda Murray bận cưỡi con ngựa cái vô địch của cô. Chắc hẳn anh đã biết tin về mất mát to lớn của tôi. Anh không bày tỏ sự cảm thông, không nói lời an ủi, nhưng những lời đầu tiên anh nói là, “Mẹ của cô có khỏe không?” Không phải ngẫu nhiên anh hỏi như vậy, bởi vì tôi chưa bao giờ nói với anh rằng tôi còn mẹ: Chắc hẳn anh biết tin buồn của gia đình tôi qua những người khác. Ngoài ra, có sự cảm thông tế nhị, cảm động, thậm chí sâu sắc và sự ân cần chân thành trong giọng nói và cách hỏi của anh. Tôi cảm ơn anh một cách lịch sự, và nói với anh rằng mẹ tôi ổn. “Mẹ cô sẽ làm gì?” Anh hỏi tiếp. Nhiều người có thể cho đó là một câu hỏi không thích hợp, và sẽ đưa ra câu trả lời có tính lảng tránh, nhưng một ý nghĩ như vậy chưa bao giờ xâm nhập được vào đầu tôi, và tôi đáp bằng cách tóm tắt ngắn gọn các kế hoạch và dự định cho tương lai của mẹ tôi.

“Vậy là chẳng bao lâu nữa cô sẽ rời khỏi đây ư?”

“Vâng, một tháng nữa tôi sẽ rời khỏi đây.”

Anh im lặng một phút, dường như để suy nghĩ. Sau đó khi anh lên tiếng, tôi hy vọng anh sẽ bày tỏ sự quan tâm trước việc tôi sẽ rời khỏi đó, nhưng anh chỉ nói, “Tôi có nên nghĩ cô vui lòng rời khỏi đây chẳng?”

“Vâng – vì một số chuyện”, tôi đáp.

“Chỉ vì một số chuyện – tôi không biết điều gì sẽ khiến cô nuối tiếc khi cô đi khỏi đây?”

Tôi không thoải mái với câu hỏi này, bởi vì nó làm tôi bối rối. Tôi chỉ có một lý do để tiếc nuối. Và đó là một bí mật sâu kín mà anh không có quyền hỏi.

“Tại sao chứ”, tôi nói – “tại sao ông lại cho rằng tôi không thích nơi này?”

“Chính cô đã nói với tôi như vậy”, anh đáp quả quyết. “Ít nhất cô đã nói rằng cô không thể sống một cách vui vẻ và hài lòng mà không có một người bạn, và rằng ở đây cô chẳng có một người bạn nào, không có khả năng kết bạn – ngoài ra, tôi biết cô *chắc chắn* không thích nơi này.”

“Nhưng nếu ông nhớ một cách chính xác, thì tôi đã nói, hoặc muốn nói rằng, tôi không thể sống một cách vui vẻ và hài lòng mà không có một người bạn ở trên đời này. Tôi không quá đáng đến mức luôn đòi hỏi bên mình phải có một người bạn. Tôi nghĩ tôi có thể hạnh phúc trong một ngôi nhà đầy kẻ thù, nếu –” nhưng không. Tôi phải bỏ lửng câu đó – tôi ngừng lời, rồi vội vã nói thêm: “Ngoài ra, chúng ta không thể rời khỏi một nơi mà chúng ta đã sống trong hai hoặc ba năm mà không hề có chút nuối tiếc nào.”

“Cô sẽ tiếc vì phải chia tay với tiểu thư Murray, người học trò và là người bầu bạn duy nhất của cô chứ?”

“Tôi không dám nói rằng tôi sẽ nuối tiếc. Khi tôi chia tay chị của cô ấy, việc đó không phải không khiến tôi buồn.”

“Tôi có thể hình dung được điều đó.”

“Cô Matilda khá tốt – tốt hơn ở một khía cạnh.”

“Khía cạnh nào cơ?”

“Cô ấy trung thực.”

“Còn chị cô ấy thì không ư?”

“Tôi sẽ không nói chị của cô ấy không trung thực, nhưng thành thực mà nói, tôi thấy cô ấy hơi giả tạo.”

“Giả tạo ư? – Tôi thấy cô ấy nhẹ dạ và hão huyền – và bây giờ”, anh nói thêm sau khi ngừng lời một lát, “tôi có thể tin rằng cô ấy cũng giả tạo, nhưng có lẽ thật quá đáng khi khoác lên mình sự đơn giản thái quá và sự cởi mở thiếu thận trọng. Vâng”, anh nói tiếp, vẻ trầm ngâm,

“điều đó giải thích cho vài điều nhỏ nhỏ mà trước đây đã khiến tôi cảm thấy khó hiểu”.

Sau đó anh lái câu chuyện sang những chủ đề chung. Anh không bỏ tôi lại một mình cho tới khi chúng tôi đi gần đến cổng vườn cảnh. Rõ ràng anh đã đi thêm một đoạn đường nữa để đồng hành cùng tôi, bởi vì giờ đây anh quay trở lại đường cũ và khuất dạng trong đường làng Moss, con đường nhỏ mà chúng tôi thỉnh thoảng đã đi qua. Chắc hẳn tôi không hối tiếc vì cuộc gặp gỡ này. Nếu nỗi buồn đã chiếm một chỗ nào đó trong tim tôi, thì đó là nỗi buồn vì cuối cùng anh cũng quay gót bước đi – anh không bước bên cạnh tôi nữa, và khoảng thời gian trao đổi ý nghĩ thú vị và ngăn ngui đã kết thúc. Anh không hề thốt ra một lời yêu thương, không cho thấy một dấu hiệu nào của sự âu yếm hay tình cảm, nhưng tôi vẫn cảm thấy hạnh phúc vô cùng. Được gần anh, được nghe anh nói, và cảm nhận rằng anh nghĩ tôi là người xứng đáng để trò chuyện – có khả năng hiểu và trân trọng cuộc nói chuyện – là đủ.

“Đúng vậy, Edward Weston, em thực sự có thể hạnh phúc trong một ngôi nhà đầy kẻ thù, nếu em có dù chỉ một người bạn yêu thương em chân thành và sâu sắc, và nếu người bạn đó là anh – mặc dù chúng ta có thể ở cách xa nhau – hiếm khi biết được tin tức của nhau, và càng hiếm khi gặp mặt nhau – dù những khó khăn, gian khổ, và những phiền toái có thể bủa vây em, thì – chỉ cần có một người như thế cũng quá hạnh phúc để em mơ tới! Nhưng ai mà biết được”, tôi nhủ thầm, khi tôi bước đi trong vườn cảnh – “ai mà biết được tháng ngày sẽ mang đến điều gì? Mình đã sống trên đời này gần hai mươi ba năm rồi, và mình đã chịu đựng nhiều khó khăn, buồn khổ, và cũng đã được nếm chút ít niềm vui. Chẳng lẽ cả cuộc đời mình sẽ tăm tối ư? Chẳng lẽ không có khả năng Chúa nghe thấy những lời nguyện cầu của mình, xua tan những đám mây u ám, và ban cho mình những tia nắng rực rỡ ư? Chẳng lẽ Người từ chối, không ban cho mình những niềm hạnh phúc vốn được ban một cách hào phóng cho những người khác, những

người chẳng bao giờ cầu xin hoặc tỏ lòng biết ơn khi nhận được chúng ư? Chẳng lẽ mình vẫn không được phép hy vọng và tin tưởng sao? Mình đã hy vọng và tin tưởng trong một thời gian, nhưng chao ôi, chao ôi, thời gian cứ trôi đi: hết tuần này đến tuần khác trôi qua, và ngoài một cái liếc nhìn từ xa và hai cuộc gặp gỡ ngắn ngủi – trong đó hầu như không có điều gì được nói ra – trong khi mình đang đi dạo với cô Matilda, mình chẳng nhìn thấy anh ấy: trừ lúc ở nhà thờ.

Cuối cùng ngày Chủ nhật đã tới, và đó là lần đi lễ nhà thờ cuối cùng của tôi ở đó. Tôi cứ chực ứa lệ trong khi nghe bài giảng đạo của anh – bài giảng đạo cuối cùng tôi nghe từ anh: bài giảng đạo hay nhất tôi từng nghe từ bất cứ ai, tôi chắc chắn như vậy. Bài giảng đạo kết thúc – giáo đoàn ra về, và tôi buộc phải ra về như mọi người. Tôi đã nhìn thấy anh, đã được nghe giọng nói của anh, có lẽ là lần cuối. Trong sân nhà thờ, Matilda vớ được hai tiểu thư nhà Green. Họ có nhiều câu hỏi về chị của cô, và tôi không biết ngoài ra còn điều gì họ quan tâm. Tôi chỉ ước họ kết thúc cuộc chuyện trò để chúng tôi có thể mau chóng trở về Horton Lodge. Tôi muốn ở một mình trong phòng riêng, hoặc ở nơi khuất nẻo nào đó để tôi có thể buông trôi theo những cảm xúc – để khóc cho cuộc từ biệt, và khóc than cho những hy vọng hão huyền và những ảo tưởng vô ích. Chỉ lần này thôi, sau đó tôi sẽ già từ giấc mơ vô ích để từ đó, chỉ sự tỉnh táo, cứng rắn, và hiện thực buồn chiếm cứ đầu óc tôi. Nhưng trong khi lòng tôi quả quyết như vậy, một giọng nói vang lên bên tai tôi – “Tôi đoán rằng tuần này cô sẽ đi, đúng không cô Grey?” “Vâng”, tôi đáp. Tôi quá bất ngờ, và trong trạng thái cuống cuồng, tôi có thể đã nói ra những gì tôi nghĩ, ơn Chúa, tôi đã không làm thế.

“Tôi muốn chào tạm biệt – có lẽ tôi sẽ không thể gặp cô trước khi cô đi.”

“Tạm biệt ông Weston”, tôi nói. Tôi không hiểu làm thế nào tôi có thể nói một cách bình tĩnh đến thế! Tôi chìa tay về phía anh. Anh giữ bàn tay tôi trong tay anh vài giây.

“Có thể chúng ta sẽ còn gặp lại nhau”, anh nói. “Vậy theo cô chúng ta có gặp lại nhau nữa hay không?”

“Vâng, tôi sẽ rất vui được gặp lại ông.”

Tôi không thể nói gì hơn. Anh khẽ xiết tay tôi, rồi quay gót bước đi. Tôi lại cảm thấy hạnh phúc – mặc dù tôi muốn bật khóc hơn bao giờ hết. Nếu tôi buộc phải nói gì vào lúc đó, thì chắc chắn tôi sẽ bật khóc nức nở và không thể ngăn được những giọt nước mắt tuôn trào. Tôi bước đi bên cạnh cô Murray, quay mặt nhìn đi chỗ khác, không để ý đến những lời bình luận, cho tới khi cô la lên rằng tôi bị điếc hoặc ngớ ngẩn, rồi sau đó (khi tôi lấy lại bình tĩnh), như người choàng tỉnh sau những phút lơ đãng, tôi giật mình ngược mắt lên nhìn và hỏi cô ấy vừa mới nói gì.

Chương XXI

Ngôi trường

Tôi rời khỏi Horton Lodge và cùng mẹ chuyển đến một nơi ở mới ở A-. Tôi thấy sức khỏe của mẹ tốt, tinh thần của mẹ sẵn sàng đối mặt với mọi sự, thậm chí vui vẻ, mặc dù cách cư xử của mẹ điềm tĩnh và dịu dàng. Chúng tôi chỉ có ba học sinh nội trú và sáu học sinh học ban ngày để bắt đầu trường học của mình, nhưng bằng sự quan tâm và cần cù, chúng tôi hy vọng chẳng bao lâu nữa sẽ tăng được số học sinh lên gấp đôi.

Tôi bắt đầu bằng việc huy động năng lượng của bản thân để dồn cho các việc cần phải làm của cuộc sống mới. Tôi gọi đó là cuộc sống mới bởi vì thực ra có sự khác biệt đáng kể giữa làm việc với mẹ tôi trong ngôi trường của riêng chúng tôi và làm việc như một người được thuê mướn giữa những người lạ, bị khinh miệt, chà đạp bởi cả người già lẫn con trẻ, và trong những tuần đầu tiên tôi không hề cảm thấy hạnh phúc. “Có thể chúng ta sẽ còn gặp lại nhau”, và “VẬY theo cô chúng ta có gặp lại nhau nữa hay không?” – những lời nói đó cứ vang lên bên tai tôi và lưu trú trong tim tôi: chúng là niềm an ủi và sự khích lệ thâm lặng, bí mật của tôi. “Mình sẽ gặp lại anh ấy. – Anh ấy sẽ đến. Anh ấy sẽ viết thư cho mình.” Thực ra, không lời hứa hẹn nào là quá tươi sáng và quá phi lý đối với Hy Vọng đang thì thầm bên tai tôi. Tôi không tin một nửa những gì Hy Vọng sẽ tới với tôi: tôi giả vờ cười trước những lời thì thầm ấy, nhưng tôi cả tin hơn tôi nghĩ, nếu không, tại sao tim tôi lại đập rộn khi nghe tiếng gõ cửa và thấy chị giúp việc ra mở cửa, đến nói với mẹ tôi rằng có một quý ông muốn gặp bà? Tại sao trong suốt thời gian còn lại của ngày hôm đó tôi buồn, bởi vì đó chỉ là một thầy giáo dạy nhạc tới xin việc ở trường của chúng tôi? Điều gì khiến tôi ngừng thở trong tích tắc, khi người đưa thư mang hai

bức thư tới, và mẹ tôi nói, “Agnes, thư của con này” rồi ném một lá thư cho tôi? Điều gì làm máu nóng dồn lên mặt tôi khi tôi nhận thấy đó là thư của một người đàn ông? Và tại sao – ôi! Tại sao cái cảm giác thất vọng, ớn lạnh lại dâng lên trong tôi, khi tôi xé bì thư và phát hiện ra đó là thư của chị Mary và vì lý do nào đó, chồng chị là người gửi thư giúp chị?

Chao ôi, tại sao tôi lại có cái cảm giác đó, tại sao tôi cảm thấy thất vọng khi nhận được thư từ người chị gái duy nhất của mình bởi vì đó không phải là thư được viết bởi một người đưng? Chị Mary thân yêu của tôi! Chị đã viết cho tôi thật ân cần – và đáng lẽ tôi phải vui khi nhận được thư chị mới đúng chứ! – Tôi không đáng được đọc bức thư đó! Và trong sự phẫn nộ đối với bản thân mình, tôi đáng lẽ phải đặt bức thư sang một bên cho tới khi tinh thần khá hơn, xứng đáng với vinh dự và đặc quyền được đọc nó, nhưng lúc đó mẹ tôi ngó vào, muốn biết thư của chị tôi nói gì, vậy nên tôi đọc và đưa thư cho mẹ, rồi đi vào phòng học với các học trò. Trong khi cho học trò tập viết và làm tính – giữa những lúc chỉnh sửa các lỗi sai, nhắc nhở học sinh tập trung làm bài tập, tôi nhủ thầm, bản thân mình phải tập trung vào công việc một cách nghiêm túc hơn. “Mi thật ngốc nghếch”, lý trí của tôi nói với trái tim, “làm sao mi dám mơ anh ấy sẽ viết thư cho mi chứ? Cơ sở nào khiến mi ôm một niềm hy vọng hảo huyền như vậy – cũng như hy vọng anh ấy sẽ đến gặp mi, hoặc lo lắng cho mi – hoặc thậm chí nghĩ về mi?” “Dựa vào đâu mà mi ôm hy vọng hảo huyền đó?” – và khi tôi chất vấn bản thân, Hy Vọng lại đặt ra trước mắt tôi những lời anh đã nói mà tôi luôn giữ trong tâm trí như báu vật. “Có gì ẩn chứa trong những lời nói đó chứ? Ai lại đi treo hy vọng lên cái cành mỏng manh như thế chứ? Có gì trong những lời nói mà những người quen nhau đều có thể nói với nhau như chuyện thường đó chứ? Tất nhiên, mi và anh ấy có thể gặp lại nhau. Anh ấy có thể đã nói như vậy nếu mi sắp sửa đi New Zealand, nhưng như thế không có nghĩa là anh có ý định gặp lại mi – ai cũng có thể đặt ra những câu hỏi đó, và mi sẽ

trả lời như thế nào? Chỉ đơn giản bằng một câu trả lời chung chung, ngớ ngẩn, như câu trả lời mi sẽ đưa ra trước ông chủ Murray, hoặc với bất cứ ai khác đã đối xử với mi lịch sự đến mức không chịu nổi.” “Nhưng, vậy thì”, Hy Vọng khẳng khẳng nói, “vậy thì còn giọng nói và thái độ của anh ấy khi anh nói những lời đó”. “Ôi chao! Thật vớ vẩn! Lúc nào anh ấy chẳng nói một cách ấn tượng như thế. Và lại, lúc đó có tiểu thư Matilda Murray và các tiểu thư nhà Green ở đằng trước, và có những người khác đi ngang qua, vậy nên anh ấy buộc phải đứng sát bên cạnh mi, nói rất nhỏ thôi, trừ khi anh ấy muốn tất cả mọi người nghe thấy những điều mình nói, những điều mà – mặc dù chẳng có gì đặc biệt – tất nhiên, anh ấy không muốn tất cả mọi người nghe thấy.” Trên hết, cái xiết tay vừa nhẹ nhàng vừa mạnh mẽ của anh dường như muốn nói “hãy tin cậy ở tôi” và nhiều điều khác nữa – khiến mi mê mẩn – có thể lặp lại với bất cứ ai. “Thật nực cười – quá ngu xuẩn – mi chắc chắn sẽ phải xấu hổ vì sự tưởng tượng vô căn cứ của mình. Nếu mi nhìn lại hình thức chẳng có gì hấp dẫn, sự kín đáo khó gây thiện cảm, sự thiếu tự tin ngớ ngẩn của mi – những điều chắc chắn khiến mi mang cái vẻ lạnh lùng, đần độn, vụng về, và có lẽ cũng bản tính: nếu mi tính đến những điểm bất lợi đó của bản thân ngay từ đầu, thì mi đã chẳng ập ủ những ý nghĩ quá tự tin ấy, thì bây giờ mi đã cầu nguyện sự ăn năn, hối lỗi!”

Tôi không thể nói rằng tôi hoàn toàn tuân theo những mệnh lệnh của lý trí, nhưng theo thời gian, những lập luận ấy càng ngày càng trở nên có ảnh hưởng đối với tôi, trong khi tôi không gặp và cũng chẳng nhận được tín hiệu gì từ Weston. Và rồi cuối cùng, tôi từ bỏ hy vọng, bởi vì trái tim tôi thừa nhận rằng, có hy vọng cũng vô ích. Tuy nhiên, tôi vẫn nghĩ về anh. Tôi nâng niu hình ảnh của anh trong tâm trí, trân quý từng lời nói, cái nhìn, từng cử chỉ của anh mà trí nhớ của tôi có thể lưu giữ được, và suy ngẫm về sự xuất sắc, những nét tính cách của anh mà thực tế tôi đã thấy, đã nghe, hoặc đã hình dung ra.

“Agnes, mẹ nghĩ không khí biến và sự thay đổi môi trường sống chẳng giúp ích gì được cho con. Chưa bao giờ mẹ thấy con trông thiếu sinh lực như thế này. Chắc là do con ngồi quá nhiều và quá lo lắng về các lớp học. Con phải học để biết cách thư giãn và sống vui vẻ, hoạt bát hơn. Con phải tập thể dục bất cứ khi nào có thể. Hãy cứ để những việc gây mệt mỏi đó mẹ lo. Chúng chỉ khiến mẹ có cơ hội rèn thêm lòng kiên nhẫn và chỉ thử thách tính khí của mẹ một chút thôi.”

Mẹ tôi nói như vậy vào một buổi sáng khi chúng tôi ngồi làm việc trong kỳ nghỉ lễ Phục sinh. Tôi khẳng định với mẹ rằng tôi không hề chịu áp lực từ công việc, rằng tôi khỏe, hoặc nếu có gì đó không ổn ở tôi thì nó sẽ sớm chấm dứt khi những tháng mùa xuân đầy thử thách trôi qua: khi mùa hè đến tôi sẽ khỏe mạnh và tươi vui như mẹ muốn. Nói như vậy, nhưng thực lòng, lời nhận xét của mẹ khiến tôi giật mình. Tôi biết sức khỏe của mình đang giảm sút, tôi ăn không ngon miệng, càng ngày càng trở nên bơ phờ, chán nản. Quả thực, nếu anh chẳng bao giờ quan tâm đến tôi, và tôi không bao giờ gặp lại anh nữa – nếu tôi không được phép chăm sóc cho hạnh phúc của anh – không được nếm những niềm vui của tình yêu, không được trao và nhận hạnh phúc – thì cuộc sống chắc chắn sẽ là gánh nặng đối với tôi, và nếu Đức Chúa Trời gọi tôi đi, tôi sẽ vui mừng được an nghỉ. Nhưng tôi không đành lòng chết đi và bỏ lại người mẹ thân yêu của tôi trên đời này. Đứa con gái ích kỷ, vô tích sự, trong khoảnh khắc đã quên mẹ mình! Chẳng phải niềm hạnh phúc của mẹ phần lớn phụ thuộc vào tôi sao? – Và còn lợi ích của những học trò nhỏ nữa? Chẳng lẽ tôi lại chùn bước trước công việc mà Chúa giao cho tôi sao, bởi vì nó không hợp với sở thích của tôi ư? Chẳng lẽ Ngài không phải là đấng biết rõ nhất tôi nên làm gì và tôi phải lao động ở lĩnh vực nào sao? Chẳng lẽ tôi bỏ dở công việc của Ngài và mong được an nghỉ ư? “Không, với sự che chở, giúp rập của Đức Chúa Trời, mình sẽ đứng dậy mạnh mẽ, toàn tâm toàn ý tập trung cho nhiệm vụ được giao phó. Nếu hạnh phúc trên đời này không dành cho mình, thì mình sẽ nỗ lực đóng góp cho

hạnh phúc của những người xung quanh, và phần thưởng dành cho mình sẽ đến ở kiếp sau.” Tôi tự nhủ như vậy, và kể từ lúc đó tôi chỉ cho phép mình thỉnh thoảng nghĩ đến Edward Weston – hoặc ít nhất thỉnh thoảng dừng lại để nghĩ đến anh một chút – trong những dịp hiếm hoi, và dù có phải vì mùa hè đang đến gần hay vì kết quả của sự quyết tâm tích cực đó, hay do sự xoa dịu của thời gian, hoặc vì tất cả những lý do ấy, tinh tâm trở lại, và cùng với sự ổn định tinh thần, thể chất của tôi cũng dần hồi phục.

Vào đầu tháng Sáu, tôi nhận được một bức thư từ phu nhân Ashby, người đã từng là tiểu thư Murray. Trước đó cô đã viết thư cho tôi vài lần từ những nơi khác nhau trong các chuyến du lịch sau lễ cưới, luôn luôn trong tâm trạng tốt, và luôn tỏ ra rằng cô đang rất hạnh phúc. Lần nào tôi cũng ngạc nhiên vì trong hạnh phúc và ở những nơi khác nhau, cô đã không quên tôi. Thế rồi, băng đi một thời gian tôi không nhận được tin tức gì của cô. Dường như cô đã quên tôi, bởi suốt bảy tháng tôi không nhận được thư của cô. Tất nhiên, tôi không buồn đến mức trái tim tan vỡ vì điều đó, mặc dù tôi thường tự hỏi không biết cô hiện giờ ra sao, và khi, cuối cùng bất ngờ thư của cô đến, tôi không khỏi vui mừng. Thư đề ngày tháng ở Ashby Park, nơi cô đến sống, sau khi đã chia thời gian của mình giữa các lục địa và các thành phố. Trong thư nhiều lần cô xin lỗi vì đã lâu không viết cho tôi, khẳng định với tôi rằng cô không quên tôi, và thường có ý định viết cho tôi, nhưng luôn luôn có chuyện ngăn trở cô làm điều đó. Cô thú nhận rằng cô đang sống một cuộc đời uổng phí, và rằng có thể tôi sẽ nghĩ cô thật tồi tệ, thật nông nổi, song, thực ra cô đã suy nghĩ rất nhiều và cô rất muốn gặp tôi. “Em đã ở đây được vài ngày rồi”, cô viết. “Em không có một người bạn nào hết, và có lẽ cuộc sống ở đây rất buồn tẻ. Cô biết đấy, em chưa bao giờ thích sống với chồng em như đôi chim cu gáy trong cùng một tổ chim, cho dù ông ta là quý ông thú vị nhất chẳng nữa. Vậy nên hãy rủ lòng thương và đến thăm em đi. Em đoán rằng kỳ nghỉ giữa hè của cô sẽ bắt đầu vào tháng Sáu, giống như

những người khác, vậy nên cô không thể nói rằng lúc đó cô không có thời gian. Cô phải đến và cô sẽ đến nhé – thực sự, nếu cô không đến em sẽ chết. Em muốn cô đến thăm em như một người bạn, và ở lại với em lâu lâu. Ở đây em chẳng có ai làm bầu bạn, như em đã kể với cô rồi đấy, ngoài ngài Thomas và bà già Ashby, nhưng cô đừng bận tâm đến họ – tiếp xúc với họ cô sẽ khó chịu đôi chút. Em có phòng riêng cho cô, bất cứ khi nào cô muốn nghỉ ngơi đều được, và em có rất nhiều sách để đọc khi những người xung quanh em không đủ thú vị. Em quên không biết cô có thích trẻ con không. Nếu cô thích, thì cô có thể ngắm con của em – đứa bé xinh đẹp nhất thế giới, chắc chắn đấy, và em muốn nói thêm rằng em không bận bịu với việc chăm sóc nó đâu – em đã quyết định sẽ không để mình bận bịu với việc đó. Thật không may, nó là con gái, và ngài Thomas không bao giờ tha thứ cho em, nhưng, tuy nhiên, nếu cô đến, em hứa cô sẽ trở thành gia sư của nó ngay khi nó biết nói, và cô sẽ hưởng nó tới con đường mà nó nên đi, khiến nó trở thành một người phụ nữ giỏi hơn mẹ của nó. Và cô cũng sẽ được ngắm con chó xù của em, một con chó nhỏ được nhập khẩu từ Paris, có thể làm người ta thích mê, và hai bức tranh đắt giá của Ý – em quên không nhớ tác giả của chúng tên là gì. Chắc chắn cô sẽ có thể phát hiện ra những nét đẹp phi thường trong những bức tranh ấy, và cô sẽ chỉ cho em thấy, bởi em chỉ nghe lời người ta kháo nhau mà thích những bức tranh ấy thôi. Ngoài ra còn có nhiều món đồ quý hiếm mà em đã mua ở Rome và ở những nơi khác. Cuối cùng, cô sẽ được ngắm ngôi nhà mới của em – một ngôi nhà nguy nga và khu vườn cảnh bao quanh mà em từng ao ước, thèm muốn có được. Chao ôi! Sự háo hức mong chờ vượt trên cả niềm vui sở hữu! Tình cảm trong sáng đấy cô ạ! Em đảm bảo với cô em sẽ trở thành một mệnh phụ già trang nghiêm: xin cô hãy đến, dù chỉ để chứng kiến sự thay đổi tuyệt vời. Hãy hồi âm thư này nhé, và nói cho em biết ngày nào cô bắt đầu được nghỉ. Hãy nói với em cô sẽ đến ngay ngày hôm sau nhé, và sẽ ở lại với em cho đến tận cuối kỳ nghỉ nhé.

Thân mến

Rosalie Ashby.”

Tôi đưa cho mẹ xem bức thư kỳ cục đó, và hỏi ý kiến mẹ xem tôi nên làm gì. Mẹ khuyên tôi nên đi, vậy nên tôi quyết định đi – đủ sẵn sàng để gặp phu nhân Ashby, thăm đứa con nhỏ của cô, và làm bất cứ điều gì có ích cho cô, bằng sự an ủi hoặc sự khuyên nhủ, bởi vì tôi nghĩ rằng chắc chắn cô đang buồn, nếu không cô đã không nài nỉ tôi như vậy – nhưng tôi có cảm giác rằng chấp nhận lời mời của cô, tôi đã hy sinh nhiều cho cô, và đã cưỡng ép tình cảm của mình theo nhiều cách, thay vì vui mừng với vinh dự đặc biệt mà phu nhân của một tòng nam tước dành cho tôi, khi cô mời tôi đến thăm cô với tư cách một người bạn. Tuy nhiên, tôi quyết định rằng chuyến thăm của tôi sẽ chỉ kéo dài vài ngày. Và tôi không phủ nhận rằng tôi tìm thấy niềm an ủi từ thực tế Ashby Park cách Horton không xa, và tôi có thể sẽ gặp Weston, hoặc ít nhất biết được chút thông tin về anh.

Ashby Park dĩ nhiên là một nơi rất đẹp. Dinh thự nhìn từ bên ngoài rất đồ sộ, còn ở bên trong rộng thênh thang, sang trọng và thanh lịch. Khu vườn cảnh rộng lớn, thoáng đãng và tươi đẹp chủ yếu nhờ những cây cổ thụ đứng sừng sững, và những đàn hươu nai đông đúc, hồ nước rộng, và những khu rừng nguyên sinh ở phía bên kia vườn. Vì khu đất vườn không gồ ghề mà chỉ có vài chỗ hơi nhô lên như gợn sóng khiến cảnh vật càng thêm hấp dẫn. Đây là nơi Rosalie Murray ao ước được sở hữu, hoặc đồng sở hữu với bất cứ điều kiện nào – với bất cứ cái giá nào mà cô phải trả để trở thành bà chủ, và chấp nhận bất cứ ai là bạn đời của mình miễn sao người đó có vinh dự và diễm phúc sở hữu nó! Giờ đây tôi không nữa chỉ trích cô.

Cô đón tôi rất nồng nhiệt, và mặc dù tôi là con gái của một mục sư nghèo, chỉ là một gia sư, cô vẫn đón tôi với sự vui mừng thật sự. Điều khiến tôi ngạc nhiên là, cô đã cố gắng bằng nhiều cách để khiến chuyến thăm của tôi trở nên dễ chịu. Tôi có thể thấy rằng cô nghĩ tôi sẽ bị choáng ngợp với cảnh đẹp mê mẩn quanh cô, và tôi phải thú

nhận rằng tôi cảm thấy khá phiền bởi những cố gắng của cô nhằm khẳng định điều đó và để tôi khỏi bị choáng ngợp bởi vẻ đẹp hùng vĩ, không quá sợ trước ý nghĩ sẽ gặp chồng và mẹ chồng của cô, hoặc quá xấu hổ về vẻ bề ngoài của tôi. Tôi không hề xấu hổ về điều đó, bởi vì, mặc dù tôi ăn mặc đơn giản, tôi đã chú ý để bản thân không trở nên tiêu tụy, và tôi khá xinh trong sự thoải mái tự nhiên, nếu bà chủ nhà không cố gắng làm tôi thoải mái một cách phô lộ, còn với cảnh đẹp ở xung quanh cô, không thứ gì tôi nhìn thấy có thể làm tôi choáng váng hoặc tác động đến tôi bằng nửa vẻ ngoài đã thay đổi của chính cô. Không rõ ảnh hưởng của sự phung phí về trang phục và phụ kiện, hoặc một điều tồi tệ nào khác, hay khoảng thời gian hơn mười hai tháng đã gây ra sự sa sút về vóc dáng, sự kém tươi trẻ của làn da, sự chậm chạp trong vận động, sự kém sôi nổi ở tinh thần của cô nhiều bằng sự tác động mà nhiều năm mới có thể gây ra.

Tôi muốn biết liệu có phải cô không được hạnh phúc chăng, nhưng tôi cảm thấy mình không có trách nhiệm để hỏi điều đó. Tôi có thể cố gắng giành được sự tin cậy của cô, nhưng nếu cô chọn giấu không cho tôi biết những nỗi lo âu, muộn phiền liên quan đến đời sống hôn nhân của mình thì việc tôi hỏi những câu hỏi đó chỉ gây khó chịu cho cô mà thôi. Vậy nên, lúc đầu tôi chỉ hỏi cô vài câu chung chung về sức khỏe, hạnh phúc, và nói vài lời khen ngợi về vẻ đẹp của vườn cảnh, về đứa con gái mà lẽ ra phải là con trai của cô: một đứa trẻ sơ sinh bé xíu, yếu ớt mới được bảy hoặc tám tuần tuổi, sinh linh dường như không được mẹ đẻ của nó dành cho sự quan tâm hoặc tình cảm đặc biệt nào, mặc dù tôi rất mong cô thể hiện điều đó.

Một lát sau khi tôi đến, cô sai người hầu gái dẫn tôi tới một căn phòng nơi tôi có mọi thứ tôi muốn. Đó là một căn phòng không hào nhoáng nhưng đầy đủ tiện nghi. Khi tôi đi tới đó – sau khi đã trút bỏ bộ đồ đi đường và rửa ráy trong khi suy nghĩ về những cảm xúc của bà chủ nhà – đích thân cô dẫn tôi tới phòng dành riêng cho tôi khi tôi chọn ở một mình, hoặc khi cô bận tiếp khách, hoặc buộc phải ở bên

cạnh mẹ chồng, hoặc, như cô nói, khi tôi bị cản trở không được giao du. Đó là một phòng khách nhỏ xíu, yên tĩnh, và tôi không hề cảm thấy buồn khi được dành cho một chỗ ẩn dật như thế.

“Lúc nào đó”, cô nói, “em sẽ dẫn cô đến thư viện. Em chưa bao giờ nghiên cứu các giá sách trong thư viện, nhưng em dám nói rằng nó chứa đầy những cuốn sách trí tuệ, và cô có thể tới tìm hiểu chúng bất cứ khi nào cô muốn. Bây giờ cô sẽ dùng trà – chỉ lát nữa thôi là tới bữa tối, nhưng em nghĩ, vì cô quen ăn bữa chính lúc một giờ, nên có lẽ giờ này cô muốn dùng một tách trà hơn, và cô sẽ ăn bữa chính khi chúng em ăn trưa. Cô biết đấy, cô có thể dùng trà ngay trong phòng này, và như vậy cô khỏi phải dùng bữa chính với bà già Ashby và ngài Thomas. Dùng bữa với họ sẽ khiến cô khá lúng túng – thực ra, không lúng túng nhưng khá – cô biết em muốn nói gì rồi đấy. Em nghĩ cô sẽ không thích đâu – đặc biệt khi nhà này có các quý bà và các quý ông đến dùng bữa.”

“Tất nhiên”, tôi nói, “tôi muốn dùng bữa như cô nói, và nếu cô không phản đối, tôi thích dùng bữa ngay tại phòng này.”

“Tại sao vậy?”

“Bởi vì tôi nghĩ điều đó sẽ dễ chịu hơn cho bà Ashby và ngài Thomas.”

“Không phải như vậy đâu.”

“Dù sao như vậy cũng thoải mái hơn cho tôi.”

Cô phản đối một cách yếu ớt, và tôi có thể nhận thấy rằng lời đề nghị của tôi khiến cô nhẹ nhõm.

“Nào, hãy đến thăm phòng khách đi”, cô nói. “Có chuông báo giờ thay đồ để xuống ăn cơm tối rồi đấy, nhưng em sẽ không xuống ngay đâu. Mặc diện mà làm gì khi chẳng có ai ngắm nhìn mình, và em muốn nói chuyện với cô một chút.”

Phòng khách dĩ nhiên là một phòng lớn, được trang trí nội thất rất trang nhã, nhưng tôi nhận thấy khi chúng tôi bước vào, bà chủ trẻ của nó liếc nhìn tôi như thể muốn biết tôi bị những gì bày ra trước mắt

mình gây ấn tượng mạnh đến mức nào, còn tôi kiên định duy trì sự dửng dưng sắt đá, như thể tôi chẳng nhìn thấy gì đặc biệt. Nhưng thái độ đó chỉ kéo dài trong thoáng chốc, ngay lập tức lương tâm thì thâm với tôi: “Tại sao mi lại gây thất vọng cho cô ấy để giữ sự kiêu hãnh của mi? Không – mi nên hy sinh sự kiêu hãnh của bản thân để tặng cho cô ấy chút cảm giác hài lòng ngây thơ.” Và tôi nhìn quanh, nói với cô rằng đó là một căn phòng tuyệt vời, được bài trí thật đẹp. Cô không nói nhiều, nhưng tôi có thể thấy cô vui vì lời nhận xét ấy.

Cô chỉ cho tôi con chó xù giống Pháp mũm mĩm nằm cuộn tròn trên tấm thảm lụa, và hai bức họa của Ý, nhưng không cho tôi có thời gian để ngắm kỹ chúng, nói rằng việc đó để sau, rồi sốt sắng khoe với tôi chiếc đồng hồ đeo tay nạm ngọc mà cô đã mua ở Geneva. Sau đó cô dẫn tôi đi quanh căn phòng, chỉ cho tôi xem những món đồ cổ mà cô đã mang từ Ý về: một chiếc đồng hồ nhỏ trông thật tao nhã, một vài bức tượng bán thân, mấy bức tượng nhỏ xinh xinh, vài bình hoa, tất cả đều được tạo từ đá cẩm thạch. Cô nói về những thứ đó một cách hào hứng, và mỉm cười thích thú trước những lời nhận xét có tính khen ngợi của tôi. Tuy nhiên, nụ cười của cô sớm tắt, nhường chỗ cho tiếng thở dài buồn bã, như thể cô chợt nghĩ đến những gì mà những thứ lòe loẹt đó không thể có để đóng góp cho hạnh phúc của một trái tim, và sự thiếu khả năng đáp ứng những nhu cầu không bao giờ thỏa mãn của nó.

Sau đó cô nằm dài trên chiếc trường kỷ, ra hiệu cho tôi ngồi xuống chiếc ghế tựa rộng kê ở phía đối diện – nhưng không phải trước lò sưởi, mà trước một ô cửa sổ lớn, bởi vì khi đó là mùa hè: một buổi chiều tối ấm áp và dịu êm vào nửa cuối tháng Sáu. Tôi ngồi đó một lát trong im lặng, tận hưởng không khí trong lành, yên tĩnh, và cảnh đẹp của vườn cảnh trải ra trước mắt mình với hoa lá tràn ngập sức sống tắm trong ánh nắng vàng, được làm nổi bật bởi những cái bóng dài của một ngày đang dần kết thúc. Nhưng tôi phải tận dụng khoảng ngừng nghỉ này. Tôi có những câu hỏi và như phần tái bút của một cô nương,

điều quan trọng nhất cuối cùng đã đến. Vậy nên tôi bắt đầu hỏi thăm về ông bà Murray, tiểu thư Matilda và các công tử.

Cô nói cho tôi biết rằng cha cô bị bệnh gút, chứng bệnh khiến ông rất hay nổi cáu, và ông sẽ không từ bỏ những loại rượu mà ông đã chọn cũng như các bữa chính và bữa ăn nhẹ, đã cãi nhau với bác sĩ bởi vì ông ta dám nói rằng không có thuốc nào có thể chữa bệnh cho ông được nếu như ông cứ sống buông thả như vậy, còn mẹ cô và những người khác vẫn khỏe. Matilda vẫn hoang dã và hấp tấp như trước, nhưng cô đã có một gia sư hợp thời và cô đã tiến bộ đáng kể trong cung cách, và sẽ sớm được giới thiệu với thế giới. Hai công tử, John và Charles (hiện đang ở nhà nghỉ hè) đều “là những thằng bé khỏe mạnh, tinh nghịch, ngỗ ngược, chẳng biết sợ là gì.”

“Vậy còn những người khác thì sao?” Tôi hỏi – “gia đình nhà Green chẳng hạn?”

“A, ông Green buồn lắm, cô biết đấy”, cô vừa cười uể oải vừa nói, “ông ấy chưa vượt qua được nỗi thất vọng, và em cho rằng ông ấy sẽ chẳng bao giờ vượt qua được. Số phận bắt ông ấy sống độc thân đến già, còn các cô em gái thì đang cố gắng hết sức để lấy chồng.”

“Thế còn nhà Meltham thì sao?”

“Ồ, họ vẫn bình thường, nhưng em biết rất ít về bất cứ người nào thuộc nhà ấy – trừ Harry”, cô nói, hơi bối rối một chút rồi lại mỉm cười. “Em gặp ông ta nhiều lần khi ông ta ở Luân Đôn, bởi vì ngay khi nghe tin chúng em sang bên đó, ông ta giả vờ đi thăm anh trai và bám theo em như một cái bóng ở bất cứ nơi nào em đến. Cô không cần phải sừng sốt như vậy đâu, cô Grey ạ. Em cam đoan với cô rằng em rất kín đáo, nhưng cô biết đấy, người ta cứ ngưỡng mộ mình thì biết làm sao được! Gã đàn ông tội nghiệp! Ông ta không phải là người duy nhất tôn thờ em, mặc dù ông ta chắc chắn là người đáng chú ý nhất, và em nghĩ, là người nhiệt tình nhất trong số những người theo đuổi em. Và kẻ đáng ghét ấy – e hèm – ngài Thomas rất bực mình với ông ta – hoặc vì sự tiêu xài hoang phí của em, hoặc vì chuyện gì đó – em

không biết chính xác là chuyện gì – vội đưa em về nước, thế là em phải sống cuộc đời ẩn dật.”

Cô căn môi, chau mày đầy vẻ hần học trước cái nơi đẹp đẽ mà cô đã từng ao ước được gọi là của mình.

“Thế còn ông Hatfield”, tôi hỏi, “ông ấy thế nào rồi?”

Nghe tôi nhắc đến cái tên đó, cô lập tức hào hứng trở lại, và trả lời bằng giọng vui vẻ: “À! Ông ấy được đánh mối cho một cô gái già và chẳng bao lâu sau đã cưới cô ta. Ông ta đặt vẻ đẹp tàn phai của cô gái già đó và cái ví nặng trĩu của cô ta lên bàn cân, hy vọng tìm thấy trong vàng bạc niềm an ủi mà tình yêu đã từ chối không cho ông ta – ha ha!”

“VẬY là tôi đã biết tình hình của tất cả mọi người rồi – trừ ông Weston. Ông ấy thế nào?”

“Em không biết. Ông ấy đã rời khỏi Horton.”

“Ông ấy đi lâu chưa? Ông ấy đi đâu?”

“Em không biết gì về Weston”, cô đáp và ngáp dài – “ngoài việc ông ta đã đi khỏi đây khoảng một tháng trước – em không hỏi ông ta đi đâu” (Tôi đã có thể hỏi anh ấy rời khỏi đây để kiếm sống hay đơn giản để làm phó mục sư ở một chỗ khác, nhưng tôi nghĩ tốt nhất không nên hỏi); “và người dân ở đây nháo nhác trước việc ông ấy ra đi”, cô nói tiếp, “làm Hatfield bực mình lắm, bởi vì Hatfield không ưa Weston vì phó mục sư có quá nhiều ảnh hưởng đối với người dân ở đây, và bởi vì Weston không dễ điều khiển và không dễ sai khiến – và vì một số tội không thể bỏ qua, em không biết là những tội gì. Nhưng bây giờ em phải đi thay đồ đây. Chuông reo lần nữa rồi đấy, và nếu em xuống ăn tối với bộ dạng này thì em sẽ phải nghe bài ca không dứt của bà già Ashby. Thật kỳ cục là em không thể làm bà chủ trong ngôi nhà của mình! Cô cứ việc rung chuông nhé, em sẽ sai người hầu của em mang trà lên cho cô. Chỉ nghĩ đến bà già quá quắt đó em đã –”

“Ai cơ – người hầu của cô ư?”

“Không – mẹ chồng của em – và sai lầm đáng tiếc của em! Thay vì để bà ta biến đi nơi khác, như bà ta đề nghị khi em cưới, em lại đủ ngốc nghếch để bảo bà ta cứ sống ở đây, và cai quản các việc ở nhà này giúp em, bởi vì, ban đầu, em hy vọng phần lớn thời gian trong năm chúng em sẽ sống ở thành phố, ở ngôi nhà khác. Còn trẻ và thiếu kinh nghiệm, em sợ có một lô người hầu phải cai quản, và sợ phải quyết định các món ăn cho các bữa ăn hằng ngày, sợ phải tổ chức tiệc tùng, và em nghĩ với kinh nghiệm của mình, bà ta sẽ hỗ trợ em. Em đâu ngờ bà ta lại lộ rõ mình là một kẻ cướp ngôi, một bạo chúa, một cơn ác mộng, một tên gián điệp, và là mọi thứ đáng ghét khác. Em ước gì bà ta chết quách đi!”

Sau đó cô ra lệnh cho người hầu nam, đã đứng im như khúc gỗ ở trước cửa từ nửa phút trước, đã nghe lỏm được những lời cuối cùng cô nói, và tất nhiên có những nhận xét riêng của anh ta về họ, dù vẻ mặt anh ta biểu lộ sự nghiêm trang, vô cảm không thay đổi. Khi tôi nhắc cô rằng người gác cửa có thể nghe thấy những gì cô nói, cô đáp, “Chẳng sao! Em chẳng bao giờ quan tâm kẻ hầu người ở nghĩ gì. Họ chỉ như những cái máy thôi. Chủ của họ có nói gì hay làm gì cũng chẳng sao. Họ không dám đưa lời đâu. Và nếu họ có suy nghĩ gì, thì cũng chẳng ai thèm quan tâm đâu. Còn gì là thoải mái nếu chúng ta cứ phải giữ mồm giữ miệng vì kẻ hầu người ở!”

Nói rồi cô chạy vội vào phòng vệ sinh, để mặc tôi quay trở lại phòng bên cho kịp giờ uống trà. Sau đó tôi ngồi ngẫm nghĩ về quá khứ và tình trạng hiện tại của phu nhân Ashby cũng như chút thông tin tôi đã thu lượm được về Weston, và cơ hội gặp lại anh hoặc biết thêm tin tức của anh trong suốt cuộc sống lặng lẽ của mình. Từ nay về sau dường như không có sự thay đổi nào giữa những ngày mưa và những ngày đầy mây xám xịt. Tuy nhiên, cuối cùng, tôi bắt đầu chán những ý nghĩ của mình và ước giá mà tôi biết cái thư viện bà chủ trẻ đã nói tới ở đâu để tìm đến đó, ở trong đó, chẳng làm gì cả, cho tới giờ đi ngủ.

Vì tôi không đủ giàu có để sở hữu một chiếc đồng hồ đeo tay, tôi không biết mấy tiếng đồng hồ đã trôi qua, ngoài việc dựa vào những cái bóng đổ dài từ ô cửa sổ phản chiếu một phần quang cảnh bên ngoài gồm một góc vườn cảnh, một lùm cây có những cành cao bị chiếm bởi một đàn quạ ồn ào đông vô kể, và một bức tường cao có cánh cổng gỗ lớn, chắc hẳn dẫn tới chuồng ngựa, bởi có một con đường rộng dành cho xe ngựa từ cổng vào. Chẳng bao lâu sau, bóng của bức tường đã trùm lên toàn bộ khuôn viên rộng đến hết tầm mắt, buộc ánh hoàng hôn vàng ruộm phải lùi từng phân, và cuối cùng phải trú trên những ngọn cây. Chẳng bao lâu sau, ngay cả những ngọn cây cũng bị bỏ lại trong những cái bóng – bóng của những ngọn đồi, hoặc trong bóng của chính Trái Đất, và trong sự đồng cảm của những cư dân bận rộn giữa những lùm cây. Tôi không khỏi chạnh lòng khi thấy nơi cư trú của những con quạ, mới đó còn tắm trong ánh nắng vàng rực rỡ, giờ đây đã nhuộm một màu âm đạm của thế giới u tối, và thế giới ở trong lòng tôi cũng vậy. Vừa mới đây thôi, những con chim bay phía trên tổ vẫn có thể nhận được ánh hoàng hôn rực rỡ chiếu xuống đôi cánh của chúng, chiếu tới bộ lông tối màu của chúng, nhưng rồi cuối cùng ánh sáng đó cũng rời bỏ chúng. Bóng tối lên đến. Những con quạ trở nên im lặng hơn. Tôi cảm thấy mệt mỏi và muốn lên đường về nhà vào ngày mai. Cuối cùng trời cũng tối hẳn và tôi đang định rung chuông gọi người hầu mang một ngọn nến đến phòng mình, và muốn đi ngủ, thì bà chủ nhà xuất hiện, xin lỗi đi xin lỗi lại vì đã bỏ tôi một mình quá lâu, rồi đổ lỗi tất cả chỉ tại “bà già xấu tính”, người mà cô gọi là mẹ chồng.

“Nếu em không ngồi với bà ta ở phòng khách trong khi ngài Thomas uống rượu”, cô nói, “thì bà ta sẽ không bao giờ tha thứ cho em. Nếu em rời khỏi phòng lúc ông ta đến – như em đã làm một hoặc hai lần – thì đó sẽ là một tội lỗi không thể tha thứ đối với Thomas yêu quý của bà ta. Bà ta chưa bao giờ tỏ ra bất kính như thế với chồng mình, và bà ta nghĩ những người vợ thời nay không bao giờ nghĩ đến

điều đó, nhưng bây giờ mọi chuyện khác với thời của bà ta – như thế nếu em ở lại trong phòng thì có nhiều việc hay ho để làm, trong khi ngài Thomas chẳng làm gì ngoài việc càu nhàu và trách mắng khi ông ta ở trong tâm trạng không vui, nói những điều vợ vẫn đáng ghê tởm khi ông ta vui, và nằm ngủ trên ghế xô pha khi ông ta quá buồn chán, và bây giờ ông ta thường xuyên ngủ như thế, khi chẳng có gì để làm ngoài việc say rượu bí tỉ.”

“Nhưng cô không thể cố gắng thu hút tâm trí của ông ta bằng việc gì đó tốt hơn, và thuyết phục ông ta bỏ những thói quen xấu ấy ư? Tôi chắc chắn rằng cô có khả năng thuyết phục, và có khả năng làm cho một người đàn ông cảm thấy vui, những khả năng mà nhiều tiểu thư muốn sở hữu.”

“Vậy cô nghĩ em sẽ cố gắng hết mình vì sự vui vẻ của ông ta á! Còn lâu! Đó không phải là quan niệm về một người vợ của em. Theo em, chồng phải làm cho vợ vui chứ làm gì có chuyện vợ phải làm cho chồng vui. Và nếu người chồng không hài lòng với vợ mình như cô ta vốn thế – và không cảm thấy biết ơn vì có được cô ta – thì ông ta không xứng đáng với vợ mình, vậy thôi. Và em cam đoan với cô rằng em sẽ không bận bịu với việc đó đâu. Em đã phải chịu đựng con người vốn có của ông ta rồi, và con người đó không hề cố gắng sửa đổi. Em xin lỗi đã để cô ở một mình quá lâu, cô Grey ạ. Cô đã giết thời gian bằng cách nào?”

“Chủ yếu bằng cách ngắm đàn quạ.”

“Trời ạ, chắc hẳn cô phải buồn chán lắm! Em phải dẫn cô đi thăm thư viện mới được, và cô phải rung chuông gọi bất cứ thứ gì cô muốn, như cô đang ở trong khách sạn để bản thân được thoải mái chứ. Em có những lý do ích kỷ vì muốn làm cho cô vui, bởi vì em muốn cô ở lại đây với em, và em không đâu hàng trước lời đe dọa khủng khiếp sẽ bỏ trốn trong một hoặc hai ngày tới của cô đâu.”

“Đừng vì tôi mà vắng mặt ở phòng khách lâu hơn nữa, bởi hiện tại tôi đã mệt và muốn đi ngủ rồi.”

Chương XXII

Vườn cảnh

Sáng hôm sau tôi xuống nhà lúc gần tám giờ, bởi vì tôi biết giờ nhờ tiếng chuông đồng hồ từ xa vọng lại. Không có dấu hiệu gì của bữa sáng. Tôi đợi khoảng một tiếng đồng hồ mới tới giờ ăn sáng, và tôi vẫn mong được đến thư viện. Sau khi bữa ăn kết thúc, tôi lại đợi khoảng một tiếng rưỡi nữa trong sự bồn chồn và bứt rứt, không biết phải làm gì. Cuối cùng phu nhân Ashby đến chào tôi. Cô thông báo với tôi rằng cô vừa mới ăn sáng xong, và đang muốn rủ tôi cùng đi dạo trong vườn cảnh. Cô hỏi tôi dậy lâu chưa, và khi nhận được câu trả lời của tôi, cô nói rằng cô rất lấy làm tiếc, rồi lại hứa dẫn tôi đến thư viện. Tôi gợi ý rằng tốt nhất cô nên thực hiện lời hứa ngay tức khắc, và như thế cô sẽ không phải gặp phiền phức với việc nhớ hay quên nó. Cô đồng ý, với điều kiện tôi sẽ không nghĩ tới việc đọc sách, hoặc không bận tâm tới những cuốn sách vào lúc này, bởi vì cô muốn dẫn tôi đi thăm các khu vườn, muốn đi dạo trong vườn cảnh cùng tôi, trước khi trời trở nên quá nóng. Thực ra, lúc đó trời đã bắt đầu nóng rồi. Tất nhiên tôi tán thành, vậy là chúng tôi đi dạo.

Khi chúng tôi đang đi dạo trong vườn cảnh, vừa đi vừa nói về những gì người bạn đồng hành của tôi đã nhìn thấy và nghe thấy trong chuyến du lịch của cô, một người đàn ông cưỡi ngựa về phía chúng tôi. Khi đến gần, ông ta quay mặt về phía chúng tôi, nhìn tôi trừng trừng, và tôi có thể thấy rõ ông ta trông như thế nào. Đó là một người đàn ông cao, gầy, trông như người nghiện thuốc phiện với đôi vai hơi khom, khuôn mặt tái xanh có những vết sạm đen, và đôi mắt vẫn đỏ. Về ngoài gầy gò, thiếu sức sống của ông ta được nhấn bởi cái miệng hơi nhếch lên trông thật nham hiểm và đôi mắt đờ đẫn vô hồn.

“Em ghê tởm ông ta!” Phu nhân Ashby thì thầm qua kẽ răng, khi người đàn ông đó chậm chậm cười ngửa qua chỗ chúng tôi.

“Ai thế?” Tôi hỏi, không muốn nghĩ rằng cô đang nói về chồng mình.

“Ngài Thomas Ashby đấy”, cô đáp bằng giọng khe khẽ, đượm buồn.

“Cô ghê tởm ông ấy ư, cô Murray?” Tôi hỏi, và quá sửng sốt khi gọi tên thời con gái của cô.

“Đúng vậy, cô Grey ạ, và em cũng khinh thường ông ta. Nếu cô biết về ông ta, cô sẽ không trách em vì điều đó đâu.”

“Nhưng trước khi cưới cô biết ông ấy là người như thế nào rồi mà.”

“Không, chỉ là em nghĩ vậy thôi. Thực ra khi đó em mới chỉ biết một nửa con người ông ta thôi. Em biết cô đã cảnh báo em, và em ước gì khi đó em lắng nghe cô, nhưng bây giờ đã quá muộn để hối tiếc. Và lại, mẹ em chắc chắn biết rõ ông ta hơn chúng ta, ấy thế mà mẹ chẳng bao giờ nói gì để can ngăn em. Khi đó em nghĩ ông ta mê em, và sẽ chiều chuộng em, sẽ để em sống theo cách em muốn. Ông ta chỉ giả vờ làm vậy lúc đầu thôi, còn bây giờ ông ta không hề quan tâm đến em. Nhưng em sẽ không bận tâm về điều đó. Ông ta có thể làm gì tùy thích, miễn sao em được tự do giải trí và được ở Luân Đôn, hoặc có vài người bạn ở đây, nhưng ông ta cứ làm như ông ta muốn, và bắt em phải làm tù nhân, làm nô lệ. Thấy em có thể vui vẻ mà không cần ông ta, và thấy người khác hiểu giá trị của em hơn mình, con người độc ác ích kỷ đó lập tức buộc tội em tiêu xài hoang phí và hay làm đóm, sỉ nhục Harry Meltham, người mà cái ngữ như ông ta chẳng xứng để lau giày cho. Sau đó ông ta bắt em phải về nước sống như một nữ tu, vì sợ rằng em sẽ làm ông ta mất mặt và sợ tổn kém, cứ như thể chẳng phải bản thân ông ta với cuốn sổ chơi cá cược, cái bàn đánh bài, và đám gái rẻ tiền rồi tiểu thư này, quý bà nọ còn xấu xa và tồi tệ hơn gấp mười lần. Cả những chai rượu vang của ông ta, những ly brandy pha nước lã

nữ! Chao ôi! Em sẽ đánh đổi cả mười kiếp để trở lại làm tiểu thư Murray như trước! Em quá buồn khi cuộc sống, sức khỏe, sắc đẹp bị phí hoài như thế này vì kẻ cục súc đó!” Cô kêu lên, rồi bật khóc trong cay đắng.

Tất nhiên tôi cảm thấy tiếc cho cô vô cùng vì sự ảo tưởng của cô về hạnh phúc và sự thiếu quan tâm đến bốn phận, cũng như vì người bạn đời xấu tính mà số phận đã sắp đặt cho cô. Tôi nói tất cả những gì có thể để an ủi cô, và đưa ra vài lời khuyên mà tôi nghĩ cần thiết nhất đối với cô: Tôi khuyên cô, trước hết, bằng cách dùng lý lẽ một cách nhẹ nhàng, bằng lòng tốt, và sự thuyết phục, hãy cố gắng giúp chồng mình cải thiện. Sau đó, cô đã làm hết sức rồi mà ông ta vẫn không sửa đổi thì hãy cố gắng tách ra khỏi ông ta – cố gắng bảo vệ bản thân mình, và cố gắng phiến lòng về ông ta ít nhất có thể. Tôi cố vũ cô tìm kiếm sự an ủi trong bốn phận của cô trước Chúa, đặt niềm tin của mình nơi Chúa, và tìm sự khuây khỏa trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng đứa con gái nhỏ: quả quyết với cô rằng bằng cách đó cô sẽ được đền đáp xứng đáng qua việc chứng kiến sự phát triển về sức khỏe, trí tuệ của đứa trẻ và nhận được tình yêu thực sự của nó dành cho cô.

“Nhưng em không thể hy sinh tất cả cho một đứa trẻ được”, cô nói. “Nó có thể chết – điều mà không phải không thể xảy ra.”

“Nhưng, với sự quan tâm, chăm sóc, nhiều đứa trẻ yếu ớt đã trở thành những người đàn ông và những người phụ nữ khỏe mạnh.”

“Nhưng nó cũng có thể trở thành người giống như cha nó, kẻ mà em sẽ căm ghét.”

“Không có chuyện đó đâu. Nó là một đứa bé gái, và nó giống mẹ lắm.”

“Dù sao em cũng thích nó hơn nếu nó là con trai – cha nó sẽ chẳng để lại cho nó chút tài sản thừa kế nào mà ông ta có thể phung phí. Em có thể có niềm vui gì khi chứng kiến một đứa con gái lớn lên làm lu mờ em, tận hưởng những thú vui mà em đã bị tước mất chứ?”

Nhưng cứ cho là em có thể rộng lượng đến mức tìm niềm vui trong việc nuôi dưỡng nó, thì nó cũng chỉ là một đứa trẻ mà thôi. Và em không thể đặt tất cả niềm hy vọng của em vào một đứa trẻ được. Như thế chỉ hơn việc hy sinh cho một con chó một chút thôi. Và vì tất cả trí khôn và lòng tốt mà cô đã cố gắng truyền cho em – tất cả những gì cô nói đều đúng, em dám nói như vậy, và nếu em già hơn em bây giờ hai mươi tuổi, thì em có thể tạo ra thành quả bằng cách đó, nhưng con người phải cảm thấy thích thú, phải được tận hưởng sự vui vẻ khi còn trẻ chứ. Và nếu người khác không để cho ta sống – tại sao, họ phải ghét những người sống theo cách đó nhỉ!”

“Cách tốt nhất để cảm thấy thích thú, vui vẻ là làm những điều đúng đắn và không thù ghét bất cứ ai. Tận cùng của tôn giáo không phải là để dạy chúng ta chết như thế nào mà dạy chúng ta sống, và cô càng sáng suốt và sống tử tế sớm bao nhiêu thì hạnh phúc của cô càng được đảm bảo bấy nhiêu. Phu nhân Ashby, tôi có một lời khuyên nữa dành cho cô, đó là cô không nên coi mẹ chồng như kẻ thù. Đừng cản trở khả năng trở thành một người bạn của bà ấy, đừng nhìn bà ấy với sự ngờ vực đầy đố kỵ. Tôi chưa gặp bà ấy nhưng tôi đã nghe cả điều hay lẫn điều không hay về bà ấy, và tôi nghĩ rằng, dù lạnh lùng và kiêu căng trong thái độ, thậm chí khăng khăng trong cách đưa ra những yêu cầu, bà có cảm tình rõ ràng dành cho những ai có thể đạt được những yêu cầu đó và dù gắn bó với con trai mình một cách mù quáng, bà không phải là không có những nguyên tắc tốt hoặc không có khả năng nghe lý lẽ. Nếu cô chiếm được cảm tình của bà và thể hiện thái độ cởi mở, thân thiện – thậm chí tâm sự với bà những điều bất bình – những điều bất bình thật sự, bởi cô có quyền phàn nàn về những điều đó – thì tôi tin chắc rằng qua thời gian bà ấy sẽ trở thành người bạn trung thành của cô, một nguồn an ủi, hỗ trợ cô, thay vì là cơn ác mộng như cô miêu tả.” Nhưng tôi e rằng lời khuyên của mình không mấy hiệu quả đối với người phụ nữ trẻ bất hạnh đó, và khi nhận thấy mình chẳng giúp ích cho cô được bao nhiêu, việc ở lại Ashby Park của tôi

trở nên khó chịu gấp đôi. Tuy nhiên, ngày hôm ấy và ngày hôm sau tôi vẫn phải ở lại đó bởi vì tôi đã trót hứa sẽ ở lại. Cường lại mọi lời khẩn nài và đủ kiểu thuyết phục để tôi kéo dài chuyến thăm, tôi khẳng định rời khỏi đó vào sáng ngày hôm sau: quả quyết rằng mẹ tôi sẽ cô đơn nếu không có tôi, và rằng bà đang sốt ruột mong tôi trở về. Dầu vậy, tôi tạm biệt phu nhân Ashby tội nghiệp, bỏ lại cô trong ngôi nhà sang trọng ấy mà lòng nặng trĩu. Không có chuyện cô bám lấy niềm an ủi từ sự hiện diện của tôi như một bằng chứng bổ sung cho sự bất hạnh của cô, cũng chẳng có bằng chứng cho thấy cô thiết tha muốn làm bầu bạn với một người có sở thích và suy nghĩ hầu như không tương đồng với sở thích và suy nghĩ của cô – người mà cô hoàn toàn quên trong những giờ phút vui vẻ, người mà nếu cứ tiếp tục ở đó thì sẽ là nỗi phiền toái hơn là niềm vui.

Chương XXIII

Cồn cát

Trường học của chúng tôi không nằm ở trung tâm thành phố: nó ở A – từ phía tây bắc có một dãy những ngôi nhà trông khá lớn nằm ở một bên con đường rộng với những khoảnh vườn nhỏ ở trước cửa, với những bức rèm che cửa sổ kiểu Vơ-ni, và những dãy bậc dốc dần dần tới mỗi cánh cửa ra vào có núm bằng đồng được chạm trổ. Mẹ con tôi sống ở một trong những ngôi nhà rộng nhất ở đây, có các tiểu thư và các học trò lựa chọn đến học tại trường tư thục của chúng tôi làm bạn.

Nhà chúng tôi ở cách biển một đoạn xa, và được ngăn cách với biển bởi những con phố và những ngôi nhà như mê cung. Nhưng biển là niềm yêu thích của tôi, và tôi thường sẵn lòng đi xuyên qua thành phố để được hưởng cảm giác dễ chịu khi đi dạo trên bờ biển, khi thì đi cùng các học trò, khi thì đi với mẹ tôi trong những ngày nghỉ. Đi dạo trên bờ biển đối với tôi lần nào, và vào mùa nào cũng thú vị, nhưng đặc biệt vào những lúc có gió nhẹ, và vào buổi sáng mùa hè trong lành.

Vào buổi sáng ngày thứ ba sau khi từ Ashby Park trở về – mặt trời chiếu sáng lấp lánh qua bức rèm, tôi nghĩ sẽ thật thú vị khi đi xuyên qua thành phố yên tĩnh và dạo chơi trên bãi cát trong khi một nửa thế giới vẫn còn đang ở trên giường ngủ. Tôi nhanh chóng hình thành quyết định và thực hiện nó không chần chừ. Tất nhiên, tôi sẽ không làm phiền mẹ, vậy nên tôi rón rén đi xuống cầu thang, và khẽ mở cửa. Tôi mặc quần áo và ra ngoài, khi chuông nhà thờ điểm sáu giờ kém mười lăm. Tôi cảm nhận không khí trong lành, đầy sức sống từ các con phố tôi đi qua, và khi tôi ra khỏi thành phố, khi chân tôi chạm lên bãi cát, mặt tôi hướng về phía biển sáng, rộng mênh mông, không từ ngữ nào có thể tả được hiệu ứng của bầu trời xanh sâu thẳm

và biển trong xanh, ánh nắng mặt trời buổi sớm sáng lung linh trên những vách đá hình bán nguyệt hiểm trở được bao quanh bởi những ngọn đồi hình mâm xôi, và trên những bãi cát rộng, phẳng như lụa, trên những tảng đá thấp nhô ra biển với tấm khăn choàng bằng tảo và rêu trông giống như những hòn đảo lấm tấm cỏ mọc và trên những con sóng lấp lánh. Sự tinh khiết không thể tả nổi – và sự trong lành của không khí buổi sớm mai! Thời tiết vừa đủ nóng để nâng cao giá trị của những làn gió nhẹ, và vừa đủ gió để khiến cả mặt biển xôn xao, khiến cho những con sóng vỗ bờ, tung bọt lấp lánh, như thể đang phấn khích trong niềm hân hoan. Bãi biển yên tĩnh, chỉ có một mình tôi ở đó. Những bước chân của tôi là những bước chân đầu tiên in trên cát mịn: chưa có một bàn chân nào dẫm trên cát kể từ khi đợt sóng thủy triều trong đêm đã xóa sạch những dấu vết rõ nhất của ngày hôm trước, khiến bãi biển mịn và phẳng lì, trừ những nơi nước rút bỏ lại những vũng nước và những vệt nước chạy nho nhỏ trên cát. Khoan khoái, vui vẻ, tràn đầy sinh khí, tôi bước đi dọc bãi biển, quên đi mọi mối bận tâm, cảm thấy như thể đôi chân mình có cánh và có thể đi ít nhất bốn mươi dặm trên cát mịn mà không thấy mệt, trải nghiệm cảm giác vui sướng vô ngần mà đã lâu lắm rồi kể từ những ngày thơ ấu tôi mới lại được trải nghiệm. Tuy nhiên, khoảng sáu rưỡi, những người giữ ngựa bắt đầu cưỡi ngựa của chủ đi hóng gió – người đầu tiên, rồi một người nữa xuất hiện, cho đến khi có hơn một chục con ngựa và năm hoặc sáu người dắt ngựa. Nhưng điều đó không gây phiền cho tôi, bởi vì họ không xuống đến chỗ những tảng đá nằm sát mép nước mà tôi đang bước tới. Khi tôi tới chỗ những tảng đá đó, bước qua lớp tảo biển ẩm ướt và trơn (có khả năng bị trượt vào một trong vô số những vũng nước biển ở giữa những tảng đá) để tới một doi cát nhỏ đầy rêu phủ với những con sóng vỗ xung quanh, tôi nhìn lại phía sau để xem ai đang khuấy động bầu không khí yên tĩnh của buổi sáng. Tôi thấy ngoài những người giữ ngựa đưa những con ngựa đi hóng gió trên bãi biển còn có một người đàn ông đang đi dạo cùng với một con chó nhỏ lông đen chạy phía trước, và một xe chở nước đang ra khỏi thành phố

để lấy nước cho những nhà tắm. Một vài phút nữa, những cái máy ở các phòng tắm sẽ bắt đầu hoạt động và những người đàn ông lớn tuổi, những phụ nữ nghiêm trang là tín đồ của giáo phái Quây-cơ sẽ thực hiện cuộc đi dạo cho ngày tốt lành của họ theo thói quen. Dù thích ngắm cảnh ấy, tôi không thể đợi để ngắm, bởi vì mặt trời và biển làm tôi chói mắt khi nhìn về hướng đó, đến nỗi tôi chỉ dám liếc về hướng đó một lần. Sau đó tôi quay đầu lại, tận hưởng cảnh đẹp và tiếng sóng vỗ ì oạp vào doi cát mà tôi đang đứng – không có một lực lớn nào, những con sóng bị đám tảo biển và đá ngầm bên dưới làm vỡ, nếu không chỉ trong nháy mắt tôi đã ướt sũng vì nước bắn tóe lên. Nhưng thủy triều đang lên. Nước biển đang dâng lên. Những cái vịnh và những hồ nước đang được làm đầy. Những eo biển mỗi lúc một mở rộng. Đã đến lúc tôi phải tìm một chỗ an toàn hơn, vậy nên tôi bước và nhảy, loạng choạng trở lại bãi cát phẳng và rộng, quyết định tiếp tục cuộc đi dạo tới những vách đá rồi trở về.

Bỗng nhiên tôi nghe thấy tiếng khịt khịt ở đằng sau, và thấy một con chó chạy tới nhảy cồm cồm quanh chân mình. Đó là chú chó Snap của tôi – chú chó xù lông đen! Khi tôi gọi tên nó, nó nhảy lên ngang mặt tôi, và bật ra tiếng kêu mừng rỡ. Mừng chẳng kém gì nó, tôi ôm choàng lấy nó trong vòng tay và hôn tới tấp. Nhưng làm thế nào nó đến đây được? Nó không thể rơi từ trên trời xuống được, và không thể đi một mình suốt chặng đường dài từ nơi đó đến đây. Nó chắc hẳn đã đi cùng chủ mới của nó, một người chuyên săn chuột, hoặc ai đó đã nhận nuôi nó. Kiểm chế sự âu yếm thái quá, và cố làm cho Snap bớt phấn khích, tôi nhìn quanh, và thấy – Weston!

“Chú chó của cô nhớ cô lắm, cô Grey ạ”, anh nói, bắt tay tôi bằng bàn tay ấm áp của anh khi tôi chìa tay ra mà không biết mình làm vậy để làm gì. “Cô dậy sớm thật.”

“Tôi không thường dậy sớm như thế này đâu”, tôi đáp bằng giọng bình tĩnh đến nỗi chính tôi cũng ngạc nhiên, trong khi nghĩ đến toàn bộ sự trùng hợp ngẫu nhiên này.

“Cô định đi dạo đến tận đâu?”

“Tôi đang nghĩ sẽ quay về – chắc cũng sắp đến lúc tôi phải về rồi.”

Anh nhìn đồng hồ – một chiếc đồng hồ vàng – và nói với tôi rằng đã bảy giờ năm phút.

“Nhưng, chắc chắn, cô đã đi dạo đủ lâu rồi”, anh vừa nói vừa nhìn về phía thành phố, nơi mà giờ đây tôi đang bước nhón nhả tới, còn anh đang đi bên tôi.

“Cô sống ở phố nào?” Anh hỏi. “Tôi chưa thể tìm ra.”

Chưa thể tìm ra ư? Anh đã cố tìm ư? Tôi nói cho anh biết chỗ chúng tôi ở. Anh hỏi công việc của chúng tôi có tiến triển tốt không, và tôi nói trường của chúng tôi đang hoạt động rất tốt – rằng từ sau kỳ nghỉ Giáng sinh chúng tôi đã có thêm một lượng học sinh đáng kể, và hy vọng rằng đến cuối năm số học sinh sẽ tăng lên.

“Cô chắc chắn là một cô giáo có năng lực”, anh nhận xét.

“Không, đó là mẹ tôi”, tôi đáp, “mẹ tôi lo liệu mọi việc rất tốt, rất năng động, tháo vát và tốt bụng”.

“Tôi muốn làm quen với mẹ của cô. Lúc nào đó cô sẽ giới thiệu tôi với bà được chứ?”

“Vâng, tôi sẵn sàng.”

“Và cô sẽ cho phép tôi có được đặc quyền của một người bạn cũ, thỉnh thoảng đến thăm mẹ cô và cô chứ?”

“Vâng, nếu – tôi nghĩ là được.”

Đó là một câu trả lời rất ngốc nghếch, nhưng sự thật là, tôi cho rằng tôi không có quyền mời bất cứ ai đến nhà mẹ tôi mà không được bà cho phép. Và nếu tôi đã nói, “vâng, nếu mẹ tôi không phản đối”, thì có vẻ như tôi hiểu câu hỏi của anh hơn cả mong đợi. Nghĩ rằng mẹ tôi sẽ không phản đối, tôi nói thêm, “Tôi nghĩ là được”, nhưng tất nhiên đáng lẽ tôi nên nói điều gì đó hợp lý và lịch sự hơn, nếu lúc đó tôi sáng suốt. Chúng tôi im lặng bước đi. Tuy nhiên, chỉ một lát sau, tôi

cảm thấy nhẹ nhõm bởi Weston bắt đầu bình luận về buổi sáng đẹp trời, về vẻ đẹp của vịnh, và về những lợi thế mà A- có so với nhiều nơi nghỉ dưỡng khác.

“Cô không hỏi điều gì đã đưa tôi tới A- sao?”, anh nói. “Chắc cô không nghĩ tôi đủ giàu để tới đây nghỉ dưỡng.”

“Tôi nghe nói ông đã rời khỏi Horton.”

“Khi đó cô không biết rằng tôi sống ở F-, đúng không?”

F- là một ngôi làng cách A- khoảng hai dặm.

“Không”, tôi nói. “Thậm chí ở đây, chúng tôi cũng sống ẩn dật đến mức tin tức hiếm khi đến với chúng tôi qua bất cứ nguồn thông tin nào, ngoại trừ tờ Gazette. Nhưng tôi hy vọng ông thích giáo xứ mới của mình và cho phép tôi được chúc mừng ông vì sự thành công này, được chứ?”

“Tôi hy vọng mình sẽ thích giáo xứ đó hơn trong một hoặc hai năm tới, khi tôi thực hiện được những đổi mới mà tôi đã ấp ủ trong tim – hoặc ít nhất, tiến một số bước tới một kết quả mong muốn. Nhưng bây giờ cô có thể chúc mừng tôi, bởi vì tôi thấy rất dễ chịu khi tự mình lập ra một giáo xứ, mà không có ai can thiệp, ngáng trở các kế hoạch của tôi hoặc bẻ gãy những nỗ lực của tôi. Ngoài ra, tôi có một ngôi nhà khá lớn ở một khu dân cư khá thú vị, và ba trăm bảng mỗi năm. Thực tế, tôi không có gì phải phàn nàn ngoài sự cô đơn, và chẳng ao ước gì ngoài một người làm bầu bạn.”

Anh nhìn tôi khi anh nói câu cuối cùng. Và ánh nhìn từ đôi mắt đen của anh khiến mặt tôi nóng bừng. Thể hiện sự ngưỡng ngùng, lúng túng vào lúc này để rồi chứng hững là điều không thể chịu đựng nổi. Bởi vậy, tôi cố gắng cứu chữa thảm họa, từ bỏ mọi sự ửng vào cá nhân mình của câu nói anh vừa thốt ra bằng cách đáp vội rằng, nếu anh đợi cho tới khi anh được nhiều người trong vùng biết tới, từ những người dân ở F- và vùng lân cận, cũng như những người đến từ A-, thì anh sẽ có nhiều cơ hội thỏa mãn ao ước của mình – nếu anh cần nhiều nguồn

để lựa chọn. Tôi không nghĩ đến sự khen ngợi ẩn chứa trong sự khẳng định đó, cho tới khi câu trả lời của anh khiến tôi biết về nó.

“Tôi không tự tin đến mức tin điều đó”, anh nói, “dù cô nói điều đó với tôi, nhưng nếu thực tế quả đúng như vậy, thì tôi muốn tìm một người làm bầu bạn suốt cuộc đời, và có lẽ tôi chẳng thể tìm được người nào hợp với tôi trong số những phụ nữ mà cô nói tới.”

“Nếu ông đòi hỏi sự hoàn hảo, thì ông sẽ không bao giờ tìm được đâu.”

“Tôi không đòi hỏi sự hoàn hảo – tôi không có quyền đòi hỏi cái đó, bởi vì bản thân tôi còn lâu mới có thể được coi là hoàn hảo.”

Cuộc chuyện trò bị một chiếc xe chở nước làm gián đoạn, bởi vì giờ đây chúng tôi đã tới chỗ có nhiều người trên bãi biển, và trong khoảng tám hoặc mười phút, giữa những chiếc xe kéo, những con ngựa, những con lừa và những con người có rất ít khoảng trống cho cuộc trò chuyện, cho tới khi chúng tôi quay lưng lại phía biển, bắt đầu bước lên con đường dốc dẫn vào thành phố. Đến đây, người bạn đường của tôi chìa cánh tay của anh ra và tôi không từ chối, mặc dù không phải tôi có ý định sử dụng nó như một điểm tựa để vịn vào.

“Tôi nghĩ, cô không thường đi dạo trên bãi biển”, anh nói, “bởi vì tôi đã đi dạo ở đó nhiều lần rồi, cả buổi sáng lẫn buổi chiều, kể từ khi tôi chuyển đến đây, nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy cô cho tới hôm nay. Một vài lần tôi cũng có đi vào thành phố tôi đã tìm trường của cô – nhưng tôi không nghĩ nó ở đường-. Và tôi đã đi hỏi một hai lần, nhưng đều không nhận được thông tin tôi cần.”

Khi chúng tôi lên tới đỉnh của con dốc, tôi sắp sửa rút tay về, nhưng tôi cảm thấy khuỷu tay anh khẽ khếp lại như muốn nói anh không muốn như vậy, vì thế tôi lại thôi. Tôi nhận thấy rằng để đi cùng tôi, anh đã không đi theo đường của anh, mặc dù còn một đoạn đường dài ở phía trước anh, và sợ rằng anh có thể cảm thấy bất tiện vì sự lịch sự, tôi lên tiếng – “Tôi sợ rằng tôi đã khiến ông đi cách xa khỏi đường

về chỗ ông rồi, ông Weston – tôi tin rằng đường về F- nằm ở hướng khác kia.”

“Tôi sẽ chia tay cô ở cuối con phố tiếp theo”, anh nói.

“Vậy khi nào ông sẽ đến thăm mẹ tôi?”

“Ngày mai – theo ý Chúa.”

Đi đến cuối con phố tiếp theo là tôi đã về đến gần nhà. Anh dừng lại ở đó, chào tạm biệt tôi, và gọi Snap trong khi nó dường như không biết nên theo chủ cũ hay chủ mới, nhưng rồi cuối cùng nó chạy vụt đi theo tiếng gọi của chủ mới.

“Tôi sẽ không trả lại nó cho cô đâu, cô Grey ạ”, Weston vừa mỉm cười vừa nói, “bởi vì tôi thích chú chó này”.

“Ồ, tôi không muốn giữ nó lại đâu”, tôi đáp, “bây giờ nó đã có người chủ tốt rồi. Tôi hoàn toàn hài lòng”.

“Vậy cô tin tôi là một người tốt, đúng không?”

Người đàn ông và chú chó bước đi, còn tôi rảo bước về nhà, trong lòng tràn ngập biết ơn vì Chúa đã ban cho tôi thật nhiều niềm phúc, và nguyện cầu một lần nữa những hy vọng của tôi sẽ không vỡ vụn.

Chương XXIV

Phần kết

“Này Agnes, lần sau con không được đi dạo lâu như thế trước khi ăn sáng”, mẹ tôi nói, nhìn tôi uống thêm một tách cà phê mà không ăn gì – lấy cớ là do trời nóng và do tôi mệt sau một cuộc đi bộ dài. Tôi rõ ràng cảm thấy như thể phát sốt và cũng mệt.

“Con luôn làm các việc một cách thái quá. Nếu sáng nào con cũng đi bộ một quãng ngắn và duy trì việc đó thường xuyên thì như vậy sẽ tốt cho con hơn.”

“Vâng, con sẽ làm như vậy.”

“Như thế này còn tệ hơn cả nằm trên giường hoặc chúi đầu vào những cuốn sách. Con có thể bị sốt đấy.”

“Con sẽ không làm như vậy nữa đâu ạ.”

Tôi vắt óc suy nghĩ xem sẽ nói với mẹ tôi về Weston như thế nào, bởi vì mẹ cần phải biết ngày mai anh sẽ đến. Tuy nhiên, tôi đợi cho đến khi bữa sáng được dọn đi, và khi tôi bình tĩnh hơn. Sau đó, khi tôi ngồi xuống chuẩn bị vẽ tranh, tôi bắt đầu nói: “Mẹ, hôm nay con đã gặp một người bạn cũ ở bãi biển.”

“Một người bạn cũ! Ai vậy?”

“Thực ra là hai người bạn cũ. Một là con chó nhỏ”, và sau đó tôi nhắc để mẹ nhớ ra Snap, chú chó mà tôi đã kể cho mẹ nghe tiểu sử, và kể cho mẹ nghe sự xuất hiện bất ngờ của nó, “và người bạn nữa”, tôi nói tiếp, “là ông Weston, phó mục sư của Horton.”

“Ông Weston ư! Mẹ không biết ông ấy.”

“Đúng vậy mẹ ạ. Con tin rằng con đã nhắc đến ông ấy một vài lần, nhưng mẹ không nhớ.”

“Mẹ đã nghe con nói về ông Hatfield.”

“Ông Hatfield là mục sư, còn ông Weston là phó mục sư, mẹ ạ. Con đã từng nhắc đến ông ấy vài lần và con đã nói rằng ông ấy trái ngược với ông Hatfield và là một giáo sĩ có năng lực hơn. Sáng nay ông ấy đi dạo trên bãi biển cùng với chú chó – con nghĩ ông ấy đã mua nó từ người bắt chuột. Cả ông ấy và con chó đều nhận ra con và con đã trò chuyện với ông ấy một chút. Dĩ nhiên ông ấy hỏi về trường của chúng ta và con đã nói đôi chút về mẹ, và sự quản lý giỏi của mẹ. Ông ấy nói muốn làm quen với mẹ, và hỏi liệu con có thể giới thiệu ông ấy với mẹ được không, nếu như ông ấy ghé thăm chúng ta vào ngày mai. Vậy nên con nói được. Con nói như vậy có được không mẹ?”

“Tất nhiên. Ông ấy là người như thế nào?”

“Là một người đàn ông đáng trân trọng mẹ ạ, nhưng ngày mai gặp ông ấy mẹ sẽ biết. Ông ấy có một giáo xứ mới ở F- và vì ông ấy mới ở đó vài tuần, con nghĩ ông ấy chưa có bạn, và muốn có các mối giao thiệp.”

Ngày mai đã đến. Tôi bồn chồn và hồi hộp từ sáng đến trưa – thời điểm anh xuất hiện! Giới thiệu anh với mẹ tôi xong, tôi mang đồ theo tới bên cửa sổ, ngồi xuống và đợi kết quả của cuộc hỏi đáp. Mẹ tôi và anh cực kỳ tâm đầu ý hợp – tôi thật hài lòng vì tôi cứ lo không biết mẹ nghĩ về anh như thế nào. Lần ấy anh không ở chơi lâu, nhưng khi anh đứng dậy để ra về, mẹ tôi nói mẹ sẽ rất vui được gặp lại anh bất cứ khi nào anh thấy tiện ghé qua chỗ chúng tôi, và khi anh đi khỏi, tôi thật mừng khi mẹ nói: “Ôi! Mẹ nghĩ ông ấy là một người đàn ông biết điều đấy. Nhưng tại sao con lại ngồi yên ở đó thế Agnes”, mẹ nói, “và con hầu như chẳng nói năng gì là sao?”

“Bởi vì mẹ nói hay mà, mẹ, con nghĩ mẹ không cần sự hỗ trợ nào từ con. Vả lại, ông ấy là khách của mẹ, chứ có phải của con đâu.”

Sau lần đó anh thường xuyên đến thăm chúng tôi – mỗi tuần vài lần. Hầu như lần nào đến anh cũng chủ yếu chuyện trò với mẹ tôi, và không ngạc nhiên, bởi vì bà có duyên nói chuyện. Tôi gần như phát

ghen với cách trò chuyện trôi chảy và thoải mái của mẹ, và sự thông minh được chứng tỏ qua tất cả những gì mẹ nói – nhưng tôi thì không, bởi vì, mặc dù đôi khi vì anh mà tôi cảm thấy tiếc cho sự yếu kém của bản thân, tôi cảm thấy thật vui khi ngồi nghe hai người tôi yêu và kính trọng hơn bất cứ ai trên đời này, đàm đạo với nhau thật thân tình, thật thông minh, thật thoải mái. Không phải tôi luôn im lặng, cũng chẳng phải lúc nào tôi cũng bị lãng quên, ở đó, bên cạnh hai người đó, tôi được chú ý nhiều như tôi mong muốn. Không thiếu những lời ân cần, những cái nhìn ấm áp, không thiếu sự chú ý kín đáo, tế nhị và tinh tế mà ngôn từ không thể nắm bắt được, và vì thế không thể diễn tả nổi – chỉ có thể được cảm nhận một cách sâu sắc bằng trái tim.

Nghi thức (sự khách sáo) nhanh chóng bị rũ bỏ giữa chúng tôi. Weston trở thành vị khách được mong đợi, lần nào cũng được hoan nghênh, và không bao giờ làm xáo trộn các hoạt động của gia đình chúng tôi. Anh thậm chí gọi tôi là “Agnes”, cái tên mà thoát tiên được gọi bằng giọng rụt rè, sau đó được xác định không gây ra bất cứ cảm giác khó chịu nào, anh dường như thích dùng nó hơn cái tên “Cô Grey”, và tôi cũng thích được gọi như vậy. Nếu anh không đến, thì những ngày đó buồn tẻ và u ám biết nhường nào! Tất nhiên, chưa đến nỗi khổ sở, bởi vì tôi vẫn nhớ lần đến thăm gần nhất của anh và hy vọng lần tới sẽ làm tôi vui trở lại. Nhưng nếu hai hoặc ba ngày trôi qua mà không thấy bóng dáng anh, thì tôi cảm thấy rất bồn chồn lo lắng – thật ngớ ngẩn và vô lý bởi vì, dĩ nhiên anh có việc của anh và công việc ở giáo xứ phải lo liệu. Tôi sợ những kỳ nghỉ kết thúc, khi công việc của tôi cũng sẽ bắt đầu, và thỉnh thoảng tôi không thể gặp anh, thỉnh thoảng – khi mẹ tôi ở trong phòng học – tôi buộc phải ngồi một mình với anh: một tình huống mà tôi không mong muốn xảy ra ở trong nhà, mặc dù gặp anh ở ngoài cửa, hoặc đi dạo bên anh, khiến tôi không hề cảm thấy bất tiện chút nào.

Thế rồi, một buổi chiều muộn, vào tuần cuối cùng của kỳ nghỉ, anh đến – khá bất ngờ, bởi vì mưa nặng hạt và sấm chớp lúc ban trưa

hầu như đã phá tan mọi hy vọng được gặp anh ngày hôm đó của tôi, nhưng cơn giông đã đi qua, và mặt trời lại chiếu sáng rực rỡ.

“Một buổi chiều thật đẹp, bà Grey ạ!” Anh vừa nói vừa bước vào nhà. “Agnes, tôi muốn rủ cô cùng đi dạo đến – (anh nói một địa danh thuộc bờ biển – một ngọn đồi gần một vách đá nhô ra biển mà từ trên đỉnh người ta có thể ngắm cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp). Mưa đã làm sạch bụi, và làm cho không khí trở nên trong lành, thoáng đãng, tới đó ngắm cảnh sẽ tuyệt lắm đấy. Cô sẽ đi chứ?”

“Mẹ, con có thể đi không ạ?”

“Dĩ nhiên là được.”

Tôi đi thay đồ và vài phút sau tôi xuống nhà. Mặc dù, dĩ nhiên, nếu đó đơn thuần là một chuyến đi ra ngoài để mua sắm thì tôi đỡ bận tâm hơn về chuyện váy áo. Cơn mưa giông đã làm cho thời tiết trở nên dễ chịu, và buổi chiều rất đẹp. Weston mời tôi khoác tay anh. Trong khi chúng tôi đi qua những con phố đông người, anh nói rất ít, nhưng bước nhanh, với vẻ nghiêm trang và dường như đang bận suy nghĩ. Tôi không biết anh có chuyện gì, sợ rằng anh đang bận tâm về một chuyện gì đó không vui và sự phỏng đoán mơ hồ, suy nghĩ không biết chuyện đó là chuyện gì khiến tôi lo lắng, và làm cho tôi trở nên trang nghiêm, im lặng. Nhưng những ý nghĩ đó tan biến khi chúng tôi ra đến vùng ngoại ô yên tĩnh bởi vì ngay khi đến đó, chúng tôi thấy một nhà thờ cổ kính, ngọn đồi mà anh đã nhắc tới với màu xanh sâu thẳm ở phía bên kia đồi, và tôi thấy người bạn đồng hành của mình trở nên vui vẻ.

“Tôi e rằng tôi đã bước quá nhanh làm cô mệt, Agnes”, anh nói. “Vì tôi muốn nhanh chóng ra khỏi thành phố, tôi đã quên không nghĩ đến sự thoải mái của cô, nhưng bây giờ chúng ta có thể đi chậm như cô muốn. Nhìn những đám mây sáng ở phía tây kia, tôi biết sẽ có một buổi hoàng hôn tuyệt đẹp, và cứ bước nhấn nha chúng ta vẫn sẽ đến đó kịp ngắm hoàng hôn trên biển.”

Khi leo lên đồi chúng tôi lại rơi vào im lặng, và như mọi lần, anh là người phá vỡ sự im lặng đó.

“Nhà tôi vắng vẻ lắm, cô Grey ạ”, anh mỉm cười và nói, “và bây giờ tôi đã quen biết tất cả các cô gái trong giáo xứ của mình, và một số phụ nữ trong thành phố này. Tôi cũng đã gặp hoặc nghe kể về nhiều người khác, nhưng không ai thích hợp để làm người bạn đời của tôi. Thực ra trên đời này chỉ có duy nhất một người. Và người đó là em. Tôi muốn biết quyết định của em?”

“Ông không đùa đấy chứ?”

“Tôi nói thật lòng đấy! Em nghĩ tôi có thể đùa về một chuyện như vậy ư?”

Anh đặt tay lên bàn tay đang khoác cánh tay anh của tôi. Chắc hẳn anh cảm nhận được tay tôi đang run – nhưng giờ đây đó không phải là điều quan trọng.

“Tôi hy vọng mình không quá hấp tấp”, anh nói, bằng giọng nghiêm túc. “Em chắc hẳn đã biết rằng tính tôi không hay tăng bốc hay nói những lời đường mật vô nghĩa, thậm chí tôi không nói ra sự ngưỡng mộ mà tôi cảm thấy, và em biết đấy, một lời hoặc một cái nhìn của tôi có ý nghĩa hơn cả những câu nói đường mật hoặc những tuyên bố nồng nhiệt của hầu hết những người đàn ông khác.”

Tôi đáp lí nhí rằng tôi không muốn rời xa mẹ, và không muốn làm bất cứ điều gì mà không có sự chấp thuận của bà.

“Trong khi em đội mũ, tôi đã thừa chuyện với bà Grey”, anh nói. “Bà nói nếu em ưng thuận thì bà cũng sẽ đồng ý, và tôi đã nói với bà rằng tôi rất vui nếu bà đến sống cùng chúng ta – bởi vì tôi chắc chắn em thích như vậy hơn. Nhưng bà từ chối, nói rằng bây giờ bà vẫn đủ khả năng thuê một người trợ lý, và sẽ tiếp tục duy trì hoạt động của trường học cho đến chừng nào bà còn có thể chi trả để tự lo cho mình trong một căn nhà tiện lợi, và trong khi đó, bà sẽ đến ở với chúng ta và chị gái của em vào các kỳ nghỉ, và bà hoàn toàn hài lòng nếu các con

bà hạnh phúc. Vậy nên tôi bác bỏ lời từ chối của em vì bà. Em có người khác rồi phải không?”

“Không – em không có ai khác.”

“Vậy em có yêu tôi không?” Anh nói và xiết chặt tay tôi.

“Có.”

Đến đây tôi xin tạm dừng. Cuốn nhật ký của tôi, cuốn nhật ký mà tôi đã sử dụng để biên soạn những trang sách này quả thực có kể thêm một chút nữa về cuộc đời tôi. Tôi sẽ tiếp tục ghi lại câu chuyện cuộc đời mình trong nhiều năm nữa, nhưng tôi vui mừng viết thêm ở đây rằng, tôi sẽ không bao giờ quên buổi chiều mùa hè tuyệt vời đó, và luôn nhớ vẻ đẹp tuyệt vời của ngọn đồi dốc, mòm đá nơi chúng tôi đứng bên nhau, ngắm ánh hoàng hôn rực rỡ trên mặt nước xôn xao ở bên dưới – với trái tim tràn ngập lòng biết ơn đối với Đấng Tối Cao, với hạnh phúc và tình yêu – ngập tràn đến mức không nói nên lời.

Vài tuần sau, khi mẹ tôi tuyển được một người trợ lý, tôi trở thành vợ của Edward Weston, và từ đó trở đi tôi không bao giờ tìm thấy bất kỳ một lý do nào để hối tiếc về cuộc hôn nhân của chúng tôi. Chúng tôi đã gặp những khó khăn, thách thức, và biết rằng chắc chắn mình sẽ còn gặp không ít những khó khăn, thách thức nữa, nhưng chúng tôi cùng nhau đối mặt và vượt qua những khó khăn, thách thức đó, cố gắng làm cho bản thân và làm cho nhau trở nên mạnh mẽ để không phải chịu cảnh tan vỡ – điều đau đớn nhất đối với những người sống sót. Chúng tôi luôn tâm niệm rằng hết kiếp này chúng ta còn có thiên đường huy hoàng ở trên cao, nơi chúng tôi có thể sẽ gặp lại nhau. Chúng tôi cố gắng hết mình sống để làm rạng danh Chúa, người đã rải biết bao niềm phúc trên con đường chúng tôi đi.

Edward, với sự nỗ lực đầy nhiệt tình đã tạo ra những đôi mới đáng ngạc nhiên trong giáo xứ của anh, và anh được các giáo dân yêu mến, kính trọng – như anh xứng đáng được như vậy. Dù anh mang tội lỗi gì (là con người không ai không có lỗi lầm), tôi đổ bất cứ ai trách

tội anh với tư cách là một mục sư, một người chồng, hay một người cha.

Các con của chúng tôi, Edward, Agnes, và bé Mary, đều phát triển tốt. Việc giáo dục các con hiện tại do chính tôi đảm đương, và chúng sẽ không muốn điều gì tốt đẹp hơn là sự quan tâm mà người mẹ dành cho chúng. Thu nhập khiêm tốn của chúng tôi đủ cho các nhu cầu trong cuộc sống, và bằng cách thực hành tiết kiệm mà chúng tôi học được trong những giai đoạn khó khăn, và nhờ chưa bao giờ cố học đòi cách sống của những người hàng xóm giàu có hơn, chúng tôi không chỉ sống một cách thoải mái và hài lòng với bản thân mình mà mỗi năm còn có thể dành dụm chút ít cho tương lai của các con, và một chút để giúp đỡ những người gặp khó khăn.

Tôi nghĩ tôi kể câu chuyện của mình như vậy là đủ rồi.

THE END

MỤC LỤC

1. [Chương I Nhà xứ](#)
2. [Chương II Những bài học đầu tiên trong nghề gia sư](#)
3. [Chương III Những bài học bổ sung](#)
4. [Chương IV Người bà](#)
5. [Chương V Ông cậu](#)
6. [Chương VI Trở về nhà xứ](#)
7. [Chương VII Horton Lodge](#)
8. [Chương VIII Bước ra thế giới](#)
9. [Chương IX Tiệc khiêu vũ](#)
10. [Chương X Nhà thờ](#)
11. [Chương XI Nhà của tá điền](#)
12. [Chương XII Cơn mưa](#)
13. [Chương XIII Những bông hoa anh thảo](#)
14. [Chương XIV Ông mục sư](#)
15. [Chương XV Cuộc đi bộ](#)
16. [Chương XVI Sự thay thế](#)
17. [Chương XVII Sự thú nhận](#)
18. [Chương XVIII Niềm vui và nỗi đau](#)
19. [Chương XIX Bức thư](#)
20. [Chương XX Cuộc chia tay](#)
21. [Chương XXI Ngôi trường](#)
22. [Chương XXII Vườn cảnh](#)
23. [Chương XXIII Cồn cát](#)
24. [Chương XXIV Phần kết](#)

Table of Contents

- [Chương I Nhà xứ](#)
- [Chương II Những bài học đầu tiên trong nghề gia sư](#)
- [Chương III Những bài học bổ sung](#)
- [Chương IV Người bà](#)
- [Chương V Ông cậu](#)
- [Chương VI Trở về nhà xứ](#)
- [Chương VII Horton Lodge](#)
- [Chương VIII Bước ra thế giới](#)
- [Chương IX Tiệc khiêu vũ](#)
- [Chương X Nhà thờ](#)
- [Chương XI Nhà của tá điền](#)
- [Chương XII Cơn mưa](#)
- [Chương XIII Những bông hoa anh thảo](#)
- [Chương XIV Ông mục sư](#)
- [Chương XV Cuộc đi bộ](#)
- [Chương XVI Sự thay thế](#)
- [Chương XVII Sự thú nhận](#)
- [Chương XVIII Niềm vui và nỗi đau](#)
- [Chương XIX Bức thư](#)
- [Chương XX Cuộc chia tay](#)
- [Chương XXI Ngôi trường](#)
- [Chương XXII Vườn cảnh](#)
- [Chương XXIII Cồn cát](#)
- [Chương XXIV Phần kết](#)